

WITH GOOD REASON

AN INTRODUCTION TO
INFORMAL FALLACIES

SIXTH EDITION

S. Morris Engel



Table of Contents

Bản Chất và Phạm Vi của Lo-gic

1. Lý Luận vừa là Một Môn Khoa Học và Môn Nghệ Thuật
2. Lo-gic là Nghiên Cứu về Tranh Luận
3. Tranh Luận và Không-Tranh-Luận
4. Loại Bỏ Sự Đồng Dãi
5. Những Bộ Phần Khuyết Thiếu
6. Làm Nổi Bật những Thành Phần Khả Nghi
7. Đánh Giá các Tranh Luận: Đúng, Giá Trị và Hợp Lý
8. Những Tranh Luận Suy Diễn và Quy Nạp
9. Lý Luận và Giáo Dục
10. Tóm Tắt

Chương 2

Phương Tiện Truyền Đạt của Ngôn Ngữ

1. Ngôn Ngữ và Tư Duy
2. Dấu Hiệu và Biểu Tượng
3. Từ ngữ và Vật Chất
4. Sự Hữu Dụng của Ngôn Ngữ
5. Sự Tối Nghĩa và Mơ Hồ
6. Những Tranh Luận về Từ Ngữ
7. Định Nghĩa
8. Nghệ Thuật Nói Chuyện Trực Tiếp
9. Tóm Tắt

Phần II

Chương 3

Những Nguy Biện do Sự Tối Nghĩa

1. Lỗi Nói Lập Lờ
2. Câu Nói Nước Đoi
3. Dấu Trọng Âm
4. Phép Tu Từ
5. Sự Phận Hóa và Kết Cấu
6. Tóm Tắt

Chương 4

Bỏ Qua Những Yếu Tố Cơ Bản

1. Khái Quát Hoá
2. Gôm Đũa Cả Năm
3. Lý Luận Rẽ Đoi
4. Tránh Sự Thật
5. Lập Lại Vấn Đề
5. Ngôn Ngữ Cường Điều hay Thành Kiến
6. Phức Tạp Hóa Vấn Đề
7. Biên Hộ Đặc Biệt
8. Bóp Méo Sự Thật
8. Tương Đồng Giả Tạo
9. Sai Nguyên Nhân
10. Lý Luận Rập Khuôn
11. Luận Điểm Không Phù Hợp
12. Tóm Tắt

Chương 5

Nguy Biện Tính Xác Đáng

1. Công Kích Cá Nhân

Với Lý Luận Giỏi -- Giới Thiệu Những Nguy Biện Thông Thường

Morris S. Engel



Engel, Morris S. *With Good Reason -- An Introduction to Informal Fallacies*. 5th edition. New York: St. Martin's Press, 1994.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :

<https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tác Giả

Engel, Morris S. *With Good Reason -- An Introduction to Informal Fallacies*. 5th ed. New York: St. Martin's Press, 1994.

Morris S. Engel. *Với Lý Luận Giỏi -- Giới Thiệu Những Nguy Biện Thông Thường*. x/b 5th. New York: St. Martin's Press, 1994.

S. Morris Engel (Tiến Sĩ Khoa Học, Đại Học Toronto) là một giáo sư triết học tại Đại Học York ở Toronto, Ontario. Trước đó, ông dạy tại trường Đại Học Miền Nam California (University of Southern California). Những tác phẩm của ông bao gồm *Nghiên Cứu Triết Học (The Study of Philosophy)*, 31e (1990) và *Cái Bẫy của Ngôn Ngữ (The Language Trap)*, (1984 và 1994), bên cạnh những cuốn sách học thuật như học thuyết của Wittgenstein về sự chuyên chế của ngôn ngữ (1971). Những mối quan tâm về học thuật của giáo sư Engel là ngôn ngữ của lo-gic và triết học. Tuy nhiên, ông cũng nổi tiếng với nhiều tác phẩm về Tiếng Đức Cổ (Yiddish). Những tác phẩm của ông gồm *Dybbuk (Lên Đồng)* (1974-1979), *Lễ Ban Phước Hashem (Kiddish Hashem)* (1977), v.v....

Phiên Dịch: Tô Yến Nhi, Võ Hồng Long, Vũ Thắng và Lê Nga Điều Hành: Nguyễn Lưu Trọng Quyền. Phiên bản nhất này, chúng tôi dịch lại cuốn sách của Giáo Sư Morris S. Engel.

Trong những phiên bản sau, chúng tôi sẽ sưu tầm những sai lầm trong các bài tham luận trên báo chí Việt Nam trong và ngoài nước. Trong thời gian sưu tầm, những ví dụ sẽ được đăng tại Phở Rùm của trang www.kinhhtehoc.com. Kính mong độc giả quan tâm và ủng hộ, vào trang mạng trên đóng góp các ví dụ tiếng việt thực tế hơn.

Phần I

Chương 1

Bản Chất và Phạm Vi của Lo-gic

Bất kỳ ai đọc quyển sách này đều đã quen thuộc với việc tranh cãi dường như không bao giờ có hồi kết về trí tuệ và các luận điệu của chúng ta, cái việc mà đã là một đặc tính nổi bật của cuộc sống trong suốt những năm cuối thế kỷ 20. Thông qua từng các phương tiện truyền thông đại chúng, chúng ta đã bị dội bom với những lập luận về mua cái này hay cái kia, tin đồn giả này hay đồn giả khác, làm điều này hay làm điều khác. Những thông điệp có tính thuyết phục xuất phát từ bạn bè, gia đình và chính phủ, thậm chí từ những người lạ mà ta chỉ thảo luận trong chốc lát.

Chúng ta thường lấy những điều “phi lo-gic” (vô lý) để nỗ lực thuyết phục chúng ta, nhưng chúng ta có thể phát hiện rằng rất khó khăn để chống lại nỗ lực đó bởi vì chúng ta không chắc là tại sao tính lo-gic của những tranh luận là không có hoặc nó sai ở điểm nào. Thật là không may mắn khi mà trong cuộc tranh luận, người nào nói dài nhất, to nhất thường được xem là kẻ “chiến thắng”, thậm chí ông hay bà ta tranh cãi chẳng hay ho gì cả. Đó là bởi vì không có ai đáp lại trong cuộc tranh luận và nếu không có ai chỉ ra rằng những lập luận là yếu hay không thích hợp, thì chúng ta sẽ đi đến suy nghĩ: người tranh luận có thể đúng và hơn nữa chẳng có ai có thể chỉ ra rằng nó sai và tương tự như vậy. Đó là lý do tại sao chúng ta chán ngán trong việc tranh cãi về một điều nếu nó không thể nghi ngờ hay tranh cãi. Chúng ta cùng những người khác có thể bị ảnh hưởng, một cách tinh vi hay thậm chí nặng nề bởi nó, có thể trong thực tế sẽ xóa dần đi những bất đồng quan điểm ban đầu với nó, và cũng có thể phát hiện ra rằng rất khó khăn để từ chối tranh luận của người khác hoặc thậm chí kêu gọi hành động xuất phát từ nó. Tất cả có thể dẫn chúng ta đến cảm giác là chúng ta không có sự lựa chọn nhưng vẫn phải nói và phải làm những việc mà chúng ta với lương tri không chọn hoặc không tin tưởng.

Bằng cách nào chúng ta biết rằng chúng ta nên mua cái gì, tin cái gì và làm những việc khẩn cấp? Những lý do đó là gì, và chúng thuyết phục đến mức nào? Tại sao chúng tồn tại, nếu không thì tại sao chúng bắt buộc chúng ta? Và làm thế nào chúng ta có thể chắc chắn hơn rằng những phân tích cá nhân về các vấn đề có liên quan đến chúng ta là có lý như chúng ta đã thực hiện? Một mục đích của nghiên cứu lo-gic là đạt được các công cụ mà với chúng có thể phân biệt một lập luận đúng với một lập luận sai. Theo đó, lo-gic có thể được xem là một trong những nghiên cứu mạnh mẽ nhất chúng ta có thể tiến hành, đặc biệt là trong thời đại như chúng ta đang sống, thời mà có quá nhiều yêu sách và phản đối các yêu sách.

1. Lý Luận vừa là Một Môn Khoa Học và Môn Nghệ Thuật

Có phải lý luận học là một môn khoa học (như thiên văn học hay di truyền học), hoặc là một môn nghệ thuật thực hành (như thể dục hay nấu ăn) không? Có phải mục tiêu của nó là mô tả sự tự nhiên và cấu trúc tự duy đúng, theo cách của một môn khoa học chính xác? Hoặc là nó dạy chúng ta làm thế nào để lý luận đúng như là chúng ta có thể hướng dẫn ai đó chơi kèn?

Nói ngắn gọn là có phải mục tiêu cơ bản của nó là giúp chúng ta hiểu lập luận rõ ràng là gì và dạy chúng ta làm thế nào để lập luận đúng đắn?

Một tình huống có thể được nêu ra để nhìn nhận lý luận học bằng một trong những cách này. Một số người cho rằng lý luận học ngoài là một môn khoa học, nó khám phá, hệ thống, và thiết lập các nguyên tắc để lập luận đúng. Họ thậm chí còn gợi ý là giảng dạy cách lập luận có lo-gic là vô ý nghĩa, giống như là chúng ta chẳng cần đợi những nhà tâm lý học dạy chúng ta ăn.

Hoặc là chúng ta biết làm thế nào để lập luận hoặc chúng ta không biết. Nếu chúng ta có đầy đủ mọi năng lực, chúng ta chẳng cần những hướng dẫn. Nếu chúng ta không có nó thì những hướng dẫn cũng chẳng giúp được gì.

Những người khác lại cho rằng giá trị cơ bản của lo-gic là nâng cao sức mạnh của những lập luận và tăng cường khả năng của chúng ta để đánh giá sự đúng đắn của những lập luận và sửa chữa những điểm yếu. Với những lợi ích này, lo-gic phải được coi là một môn nghệ thuật cũng như là một môn khoa học không chỉ để thông tin cho tư duy mà còn huấn luyện nó. Một vài người định nghĩa lo-gic là một nghệ thuật tự do, những nghiên cứu của nó cung cấp hiểu biết tốt hơn về sự tự nhiên và giúp chúng ta thoát khỏi những suy nghĩ và hành động ngu dốt. Trong quyển sách này, chúng ta sẽ theo đuổi việc thực hành trên góc độ coi đó vừa là một nghệ thuật vừa là một môn thực hành và quan trọng không kém là tiến hành những nghiên cứu mang tính lý thuyết của nó. Thực tế là có vài người sẽ phản nản là việc nghiên cứu mang tính thực hành của nó với những phân tích về thành kiến, thiên vị, và sự cố chấp thậm chí là quan trọng hơn việc nghiên cứu mang tính lý thuyết. Lịch sử là một cuốn danh mục về những sự kiện mà một cuộc tranh luận tồi tệ đã thuyết phục cả nhiều đám người hành động một cách xấu xa, thậm chí là tàn bạo. Rất nhiều sự tàn bạo cực điểm trong Thế Chiến II đều là bằng chứng chúng ta cần nói lên rằng với bản chất tự nhiên chúng ta dễ bị thuyết phục để thù ghét và giết người. Tất nhiên là có nhiều nhân tố đã đóng góp vào tình hình mà sự huỷ diệt có thể xảy ra nhưng nó không thể đơn giản là đặc điểm nổi bật để cố tình lập luận sai trái. Nhưng việc lập luận tồi tệ chắc chắn đã thúc đẩy rất nhiều hành động cá nhân mà đã công nhận tính hợp lý cho nó. Và tương tự thế bạo lực và thù hận tiếp tục chi phối xã hội chúng ta. Do đó việc nghiên cứu logic đúng đắn là cách thức để chúng ta có thể cố gắng hết sức để giảm bớt những hành vi như thế trong chính chúng ta và bảo vệ chúng ta khỏi nó.

Nhà trào phúng Jonathan Swift ở thế kỷ 18 đã xuất bản một tiểu luận có tựa đề “*Một Lời Đề Nghị Khiêm Tốn*” trong đó ông đã kín đáo gợi ý rằng tập tục ăn thịt đồng loại là một điều hết sức hợp lý, là một giải pháp mang tính thực tế cho vấn đề quá tải dân số trong nghèo đói. Trong những gì xuất hiện là một lý luận đẹp để có tính thuyết phục “một điều lo-gic chặt chẽ sẽ dẫn đến tranh cãi khủng khiếp từ những giả thiết đáng kinh ngạc vì thế giả thiết đơn giản rằng người đọc tán thành trước khi anh ta biết anh ta tán thành cái gì.” (*Norton Anthology of English Literature*, Quyển 1, dòng 3, trang 209). Điều mà Swift thực sự muốn làm là bằng cách đơn giản nào chúng ta có thể bị dẫn tới những suy nghĩ và quan điểm khiếp sợ -- không dám nói lên hành động nào cả -- bởi một người tranh luận biết cách làm thế nào giả tạo được sự hợp lý. Đó là lý do tại sao chúng ta nên biết cảm nhận sự hợp lý bằng bản thân chúng ta nhờ vậy chúng ta có thể phân biệt những thứ giả tạo tinh vi với những thứ thật.

2. Lo-gic là Nghiên Cứu về Tranh Luận

Lo-gic là nghiên cứu về tranh luận. Với cách dùng theo nghĩa này, từ này không có nghĩa là cãi nhau (như khi chúng ta “vướng mắc vào một vụ cãi lộn”) mà là một phần của lập luận theo đó một hay nhiều mệnh đề được đưa ra để hỗ trợ cho các mệnh đề khác. Mệnh đề được hỗ trợ là kết luận của tranh luận. Những lập luận được đưa ra để hỗ trợ kết luận được gọi là tiền đề. Chúng ta có thể nói rằng “Có cái này (kết luận) bởi vì có cái kia (tiền đề)” hoặc “Đây là cái này (tiền đề) vì thế có cái kia (kết luận)”. Tiền đề nói chung được đưa ra trước bằng những từ ngữ như là *bởi vì, do, từ khi, trên cơ sở này, tương tự, giống như là*. Mặt khác, kết luận thường được đưa ra bằng những từ ngữ như *vì lý do đó, từ lúc này, kết quả là, nó phải theo là, theo cách đó, vì vậy, chúng ta có thể suy ra rằng, và chúng ta có thể kết luận rằng*.

Vì thế, bước đầu tiên để tiến tới thông hiểu về tranh luận là học phân biệt tiền đề và kết luận. Để làm điều này, hãy tìm những từ chỉ dẫn, như chúng đã được nêu ra, và liệt kê. Trong những tranh luận mà những từ chỉ dẫn chỉ như thế bị thiếu, hãy cố gắng tìm kết luận bằng cách xem đâu là chủ đề của tranh luận: điều mà tranh luận đang cố gắng thiết lập. Đó sẽ là kết luận của nó; phần có lại là những ý nền tảng để hỗ trợ hoặc là tiền đề.

Phân biệt kết luận với tiền đề trong hai lập luận dưới đây khá đơn giản. Trong trường hợp thứ nhất, một trong những mệnh đề của nó được đưa ra bằng từ “*bởi vì*” (nó cho chúng ta

biết cái gì theo sau là tiền đề và phần còn lại chắc chắn là kết luận của nó). Trong trường hợp thứ hai, một trong những mệnh đề của nó được giới thiệu bởi từ “*vì lý do này*” (nó cho chúng ta biết cái gì theo sau là một kết luận và phần còn lại đương nhiên là tiền đề của nó):

a. Jones sẽ không học tập tốt trong khoá học này bởi vì anh ấy có ít thời gian để tập trung vào công việc trường lớp và hầu như không tham gia vào lớp học nào.

b. Cô ta xung khắc với hầu hết mọi người trong văn phòng, vì lý do này mà dường như cô ta sẽ không được nâng đỡ để phát triển.

Tuy nhiên, trong hai ví dụ dưới đây lại không có những từ chỉ dẫn bổ ích:

c. Chẳng có con cáo nào ở vùng này. Cả ngày, chúng tôi chẳng nhìn thấy con nào.

d. Tất cả những người Đảng bảo thủ phản đối việc xây dựng nhà công cộng. Thượng nghị sĩ Smith phản đối việc này, ông ta nhất định phải là một người Đảng bảo thủ.

Để phân biệt tiền đề với kết luận của nó trong những trường hợp loại này phải tự đặt ra các câu hỏi như: cái gì đang được tranh cãi và người ta đang cố gắng thuyết phục chúng ta cái gì? Hoặc trong trường hợp tình huống (c), điều được tranh cãi không phải là “cả ngày chúng tôi không nhìn thấy con cáo nào” -- bởi vì người khác đã chắc chắn biết điều này và chẳng qua là nhắc lại nó mà thôi -- nhưng quan trọng hơn là với sự thật đã biết đó, chắc chắn là *không có con cáo nào trong khu vực này*. Đây chính là kết luận của tranh luận.

Tương tự như với ví dụ (d), điều được tranh luận không phải là “tất cả người Đảng Bảo thủ phản đối việc xây dựng nhà công cộng” -- đối với tranh luận này, những giả thiết là những mệnh đề về thực tế được chia xẻ -- và quan trọng là với những thực tế đó, *Smith là một người của Đảng Bảo thủ*. Việc tìm ra kết luận của một tranh luận không được chỉ dẫn rõ ràng như trên không phải luôn luôn dễ dàng và chắc chắn. Sự giúp đỡ tốt nhất của chúng ta là chú tâm cẩn thận vào nội dung và lối diễn đạt của tranh luận và chỉ dẫn của những lập luận.

- Một tranh luận là một phần của việc lập luận mà trong đấy một hay nhiều mệnh đề được đưa ra để hỗ trợ cho các mệnh đề khác.

- Một mệnh đề được hỗ trợ được gọi là kết luận của tranh luận; những lập luận được đưa ra để hỗ trợ được gọi là các tiền đề.

- Những từ chỉ dẫn như là từ đó, bởi vì, vì thông thường đưa ra những tiền đề; những từ do đó, vì vậy, và kết quả là nói chung là đưa ra những kết luận.

- Trong những tranh luận thiếu những từ chỉ dẫn như vậy, hãy cố gắng tìm ra kết luận bằng cách xác định chính xác quan điểm mà tranh luận đang cố gắng thiết lập. Đó sẽ là kết luận, phần còn lại chính là nền tảng hỗ trợ hay là các tiền đề.

3. Tranh Luận và Không-Tranh-Luận

Như chúng ta đã thấy, một tranh luận là một phần của việc lập luận mà trong đó một hay nhiều mệnh đề được đưa ra để hỗ trợ các mệnh đề khác. Nếu như một điều được viết đưa ra một tuyên bố nhưng không đưa ra những lý do để chúng ta tin tưởng nó, thì nó không phải là một tranh luận. Tương tự, một thông điệp mà không làm người ta thừa nhận thì cũng không phải một tranh luận. Vì thế những câu hỏi không phải là tranh luận, tương tự như thế đối với một tuyên bố, phản nản, tán thành hoặc xin lỗi.

Một lần nữa, những thông điệp như vậy không phải là tranh luận, chúng không có những cố gắng để thuyết phục chúng ta. Ví dụ, “Có kế hoạch nào để đưa ‘*the Little Rascals*’ lên không trung lại không?” chỉ là một câu hỏi mà không phải là một tranh luận. Nó yêu cầu các

thông tin, mà không tán thành tuyên bố nào.

Cũng tương tự cho các ví dụ dưới đây:

a) Tôi không định xem nữa các chương trình TV với những pha cười. Lại có thể có những người cười khi một ai đóng cửa. Tôi sẽ cười khi tôi muốn cười. Tôi nghĩ là họ nên để các pha cười ở chương trình tin buổi tối khi những dự báo viên thời tiết đang trên không trung.

b) Tôi tiêu \$125 để tham dự một buổi lên đồng và người dẫn đã xuất hiện với áo jacket da, quần jeans, và áo T-shirt quảng cáo cho một cửa hàng bán guitar ở California. Tôi đã xem xét về sự trải nghiệm tôi ở Philadelphia. Ông ấy chắc chắn là thầy số tốt nhất mà tôi gặp trong sáu mươi năm của cuộc đời nhưng bạn có thể thấy thấy cách tiếp cận mang chất Kung-Fu của ông ấy đối với thế giới tâm linh.

c) Sự thoả mãn chân thành nhất trong cuộc đời đến khi thực hiện và rũ bỏ được trách nhiệm, đối mặt và giải quyết được các vấn đề, đối mặt với thực tế và là một người độc lập. Ví dụ (a) là một cách diễn đạt về sự khinh miệt và tởm lợm, (b) là một lời phản nản, và (c) chắc chắn là một quan điểm tất cả không có những nỗ lực nào để thuyết phục chúng ta. Vì thế, không một cái nào trong chúng là tranh luận. Điều này không có nghĩa là những thông điệp này là những ý kiến tồi; chúng chỉ đơn thuần không phải là những tranh luận mà thôi. Chúng chứa đầy tính quy củ và thường có những chức năng cần thiết. Khó khăn hơn nữa là những trường hợp mà ở đó những lập luận được đưa ra thực sự nhưng chỉ nhằm để phân định hơn là để bào chữa.

Mặc dù bề ngoài giống như các tranh luận, các thông điệp như thế thường chẳng hơn gì một bộ sưu tập các mệnh đề, cái này mở rộng trên cái kia. Ví dụ, chúng ta hãy xem xét câu cách ngôn nổi tiếng của Francis Bacon: d) Người mà chìm đắm trong chuyện vợ con chắc chắn bị cầm tù bởi thời vận cũng như danh tiết hay rắc rối, vì họ là vật cản đến với sự nghiệp lớn.

Hơn cả việc đưa ra những lý do giải thích, theo quan điểm của Bacon, phụ nữ và con trẻ ngăn trở con đường của người đàn ông (bị cầm tù bởi thời vận), ông chỉ đơn giản là giải thích cho bản thân bằng cách mở rộng và nhắc lại quan điểm. Vì thế nó không phải là một tranh luận. Nhưng nhiều tình huống không phải luôn luôn cắt nghĩa đơn giản được, người ta thường sẽ gặp các ví dụ mà giải thích và nhận xét thường trộn vào nhau.

e) Ở Hollywood, danh tiết của một cô gái còn kém quan trọng hơn cả kiểu đầu của cô ta. Bạn sẽ bị phán xét thông qua cách bạn trông ra sao, chứ không phải là bạn là cái gì. Hollywood là nơi mà họ sẽ trả bạn cả ngàn dollar vì một cái hôn, và năm mươi cent cho tâm hồn của bạn. Tôi biết, bởi vì tôi đã thường xuyên từ chối lời đề nghị thứ nhất và giữ lại năm mươi cent. (Marilyn Monroe, Câu chuyện của tôi)

Mặc dù đoạn trích này chứa đầy những lập luận và dường như là một nỗ lực để rút ra kết luận rằng ở Hollywood “đức hạnh của một cô gái còn thấp hơn kiểu đầu của cô ta” và là “nơi mà người ta sẽ trả bạn cả ngàn dollar cho một cái hôn, và năm mươi cent cho tâm hồn của bạn,” mặc dù thế ý định chủ yếu và chi phối của nó không phải là thuyết phục người đọc về tất cả điểm này -- như thể anh hay cô ta chưa biết về nó -- mà là cho phép Monroe chia sẻ với người đọc một cách nhìn nhận chung, có lẽ còn đưa được ý tưởng đó đi xa hơn.

Và có lẽ đó là cách khác mà chúng ta dựa vào để phân biệt một đoạn văn mà mục đích chủ yếu là để giải thích hơn là để thuyết phục: một sự giải thích đưa ra một vài thứ mà đã được coi là sự thật và cố gắng làm sáng tỏ hơn; một tranh luận lại đưa ra một vài điều nói chúng ta không được biết đến và đồng ý và cố gắng thiết lập nó là đúng.

Một lời giải thích, cái mà chỉ để nói, bắt đầu bằng một mệnh đề chắc chắn là đúng và cố gắng hoàn chỉnh những gì tác giả ngụ ý một cách chính xác, để khẳng định. Còn một tranh luận cố gắng thiết lập rằng mệnh đề nếu trong câu hỏi là đúng bằng cách đưa ra những lập luận cho nó.

Mục đích của một tranh luận là bắt chúng ta đồng ý với người nói hay người viết về cái gì đó.

Không phải tất cả những gì viết hay giao tiếp là tranh luận. Có rất nhiều thứ đơn giản không phải là tranh luận, chúng ta không cần mong đợi những điều này phải được trình bày một cách rất lo-gic.

Nếu một đoạn văn rất khó để phân loại, hãy cố gắng quyết định: cái gì là mục tiêu chi phối

hay chủ đạo của nó? để xả hơi, để khảo sát, hoặc yêu cầu, thông tin, để giải thích, để thuyết phục?

4. Loại Bỏ Sự Dông Dài

Tranh luận theo diễn đạt phổ biến thường bị vướng víu bởi những lần lặp lại, dông dài, và không minh bạch. Để nhìn thấy rõ hơn những tranh luận như thế là gì cần thiết phải làm sạch những thứ mục ruỗng khỏi nó. Thành thạo điều này cũng dính tới việc lờ đi những lời giới thiệu khá dài dòng giống như ví dụ dưới đây chỉ dẫn cổ điển về việc bán hàng của Og Mandino "*Người Bán Hàng Vĩ Đại Nhất Thế Giới*"

a) Ngày hôm nay, tôi sẽ làm chủ cảm xúc của mình. Thủy triều lên, và thủy triều xuống. Mùa đông đi và mùa hè đến. Cái nóng giảm đi và lạnh tăng dần. Mặt trời mọc, và mặt trời lại lặn. Trăng tròn rồi lại khuyết. Con chim bay lên rồi lại hạ xuống. Hoa nở rồi hoa tàn. Hạt giống được reo rắc và rồi mùa màng được thu hoạch. Tất cả tự nhiên là một vòng tuần hoàn các trạng thái và tôi cũng là một phần của tự nhiên. Và do thế, giống như thủy triều, tâm trạng của tôi sẽ hưng phấn và tâm trạng sẽ ảm đạm. Ngày hôm nay, tôi sẽ làm chủ cảm xúc của mình.

Những gì tranh luận này thừa nhận được chứa trong từ câu thứ hai đến câu cuối cùng của nó. "Tất cả tự nhiên là một vòng tuần hoàn các trạng thái và tôi cũng là một phần của tự nhiên. Và do thế tâm trạng của tôi sẽ hưng phấn và tâm trạng của tôi sẽ ảm đạm" Với mục đích để đánh giá có lo-gic, tất cả những gì được đưa ra trước không ăn nhập, tuy nhiên lại rất hay và có thể suy tưởng ra từ nó.

Những gì lời giới thiệu đề cập đến mà kết luận cũng đề cập như thế thì có thể không cần thiết phải nhắc lại những gì đã được công bố đầy đủ. Ví dụ trên là một điển hình của những nhắc lại không cần thiết. Có phải ba câu cuối của đoạn văn nói lên được điều gì mà chúng chưa được nhắc đến ở phía trước không?

b) Điều quan trọng là bạn phải nghiên cứu cả quyển sách này với sự cẩn thận. Cơ quan bảo hiểm liên bang nơi phụ trách các kỳ thi về bảo hiểm luôn thực hiện trách nhiệm của họ một cách nghiêm túc để bảo vệ cộng đồng khỏi những người không đủ trình độ. Vì lý do đó, các kỳ thi về bảo hiểm cuộc sống không thể dễ dàng đổ qua. Những người phụ trách trong tương lai đã nghiên cứu một cách hời hợt thường ngạc nhiên khi biết rằng họ đã thi trượt. May mắn là, những người phụ trách trong tương lai đó những người mà đã đủ trình độ đã tiến hành nghiên cứu với sự quyết tâm cao hơn và đã thi đỗ trong các dịp vớt. Khi mà cuộc thi không được coi là dễ dàng, chúng cũng không bị coi là khó một cách vô lý. Mục đích của kỳ thi là kiểm tra kiến thức của bạn về một loại thông tin có trong sách. Nếu mà bạn đã nghiên cứu thông suốt thì bạn sẽ có cơ hội để đỗ. Tuy nhiên thường thì một ví dụ dài dòng một cách giản đơn và cần phải rút gọn triệt để trước khi cấu trúc của nó có thể xem xét một cách rõ ràng như là ví dụ về hút thuốc lá đã được nêu ra ở trên. Trước khi những tranh luận kiểu này có thể có thể được đánh giá xác đáng, chúng cần phải được viết lại càng trong sáng càng tốt và những tiền đề và kết luận được sắp xếp theo trật tự lo-gic.

Sửa lại hai tranh luận được nêu ra trong những câu dài lê thê, chúng ta phát hiện ra rằng chúng cơ bản đề cập đến những điều sau:

a) Tất cả tự nhiên là một vòng tuần hoàn các trạng thái; tôi là một phần của tự nhiên; do vậy tôi cũng phải chấp nhận sự thật là tôi cũng phụ thuộc vào sự dao động của tâm trạng.

b) Những kỳ thi về bảo hiểm không dễ dàng vượt qua nếu không có sự chuẩn bị kỹ càng. Vì thế, để chính bản thân bạn chuẩn bị chúng đúng mực, hãy mua và đọc quyển sách này cẩn thận.

Trong việc loại bỏ những rườm rà khỏi các tranh luận, chúng ta sẽ phải loại bỏ một vài thứ thờ thần, bóng bẩy của nguyên bản. Đây là một sự hy sinh, tuy nhiên chúng ta cần phải làm để đạt được sự trong sáng của lo-gic. Những tranh luận mà có tính lặp lại với rất nhiều từ, hoặc chứa các mệnh đề không ăn nhập nói chung thường thất bại trong việc đưa ra những ý nghĩa chủ đạo. Để đạt được một tranh luận thực sự, những sự rườm rà cần phải bị loại bỏ.

Nói chung, những cụm từ hay mệnh đề không cần thiết thường được chứa trong phần giới thiệu hay kết luận. Thông thường, những từ vô nghĩa cần phải loại bỏ hoàn toàn, và tranh luận sẽ được cấu trúc lại để có một trật tự lo-gic.

5. Những Bộ Phận Khuyết Thiếu

Như chúng ta thấy, cấu trúc cơ bản của một tranh luận thường bị che dấu bởi sự rườm rà, chúng ta cần phải loại bỏ những thứ đó, vì thế những tiền đề và kết luận có thể xuất hiện rõ hơn trước chúng ta. Nhưng cấu trúc của một tranh luận cũng có thể bị che khuất bởi chúng ta (như là hậu quả của việc định hướng sai và lầm lẫn) bởi vì nó quá rời rạc và có bộ phận bị bỏ quên. Những tranh luận như thế này có thể gây nhầm lẫn hơn như chúng vẫn thường thể bởi vì chúng ta không nhận biết các giả thiết quan trọng được chúng thuyết lập và chúng dựa vào đó để tồn tại. Những giả thuyết này cần phải được đào lên nếu như biến đi, hoặc phải làm rõ ràng nếu như không được diễn đạt. Mỗi lần chúng được làm rõ ràng, sẽ dễ dàng hơn để làm sáng tỏ vai trò của các bộ phận bị bỏ quên này (những giả thuyết) trong lập luận và để đo mức độ mà tranh luận phụ thuộc vào nó. Sẽ dễ dàng hơn để tìm ra những bộ phận khuyết thiếu của một tranh luận nếu chúng ta theo dõi, trong nhiều cuộc tranh luận, những luận điểm hỗ trợ được đưa ra chứa đựng mệnh đề của một nguyên lý cơ bản và được đưa ra như là bằng chứng cho kết luận và viện dẫn của một tình huống. Sau đó, kết luận suy diễn ra rằng những gì đúng với nguyên lý cơ bản thì cũng đúng với tình huống của câu hỏi. Sau đây là một ví dụ cổ điển:

a) Tất cả đàn ông đều phải chết. Socrates là một người đàn ông (tình huống).

Socrates sẽ phải chết (kết luận)

Trong tình huống trên, ví dụ là của Aristote (Số 27) và của Samuel Johnson (Số 28) rất phù hợp với kiểu mẫu này. Bằng cách rút gọn và đặt chúng đúng dạng lo-gic, những gì bạn thu được sẽ giống như dưới đây:

b) Hạnh phúc là có những gì bạn cần. Một trong những thứ bạn cần là bạn bè. Vì thế, để có hạnh phúc, bạn cần có bạn bè.

c) Thi ca là một nghệ thuật có thể bắt chước. Thơ ca siêu hình học không thể bắt chước. Vì vậy thơ ca siêu hình học không phải là thi ca.

Vì thế, những cuộc tranh luận siêu hình học theo loại này có thể thiếu hoặc là mệnh đề của nguyên lý chung (trong lo-gic, được gọi là tiền đề), hoặc là sự tham khảo đầy đủ cho tình huống của câu hỏi (tiền đề phụ), hoặc là sự suy diễn (kết luận). Có một vài ví dụ như sau:

d) Đây là những thức ăn tự nhiên và vì thế tốt cho bạn. Phần được loại bỏ ở đây là tiền đề chính: tất cả những thức ăn tự nhiên sẽ tốt cho bạn. (*Chỉ dẫn bộ phận bị bỏ quên*): *Tất cả những thức ăn tự nhiên tốt cho bạn.* Đây là những thức ăn tự nhiên. Những thức ăn này tốt cho bạn.

e) Bạn sẽ là một cô giáo tuyệt vời. Như bạn biết, những người thích trẻ em luôn luôn làm được điều này. Ở đây, phần được lược bỏ là tiền đề phụ: bạn rất thích trẻ em. Tất cả những ai thích trẻ em đều là những cô giáo tốt. *Bạn thích trẻ con.* Bạn sẽ là cô mẫu giáo tuyệt vời.

f) “Yon Cassius có một cái nhìn đói khát và thèm thuồng; những người đàn ông như vậy rất nguy hiểm” Ở đây, phần bị lược bỏ là kết luận: Cassius là nguy hiểm. Tất cả những ai có cái nhìn đói khát và thèm thuồng là nguy hiểm. Cassius có cái nhìn như vậy. *Cassius là nguy hiểm.*

Không phải tất cả những loại bỏ như vậy là tự nhiên, hoặc là được thực hiện để đạt được sự bóng bẩy văn chương hoặc văn tắt. Thông thường những gì được loại bỏ đều có tính gây nghi vấn cao và thường được loại bỏ rất có ý đồ:

g) Đây chắc chắn là một quyển sách hay; nó được Câu Lạc Bộ Những Quyển Sách Bán Chạy nhất hàng tháng chọn.

Những gì còn lại không được tuyên bố ở đây là tiền đề chính: tất cả những quyển sách

được Câu Lạc Bộ chọn là những quyển sách hay. Vì lý do dễ hiểu đó, tuyên bố một cách rõ ràng là thu hút sự chú ý và nó sẽ trở thành những thách thức của các câu hỏi. Cũng tương tự đúng như thế cho hai ví dụ dưới đây:

h) Tất cả chất còn đều rút ngắn cuộc sống, vì thế Jim sẽ không sống lâu.

i) Kẻ hèn nhát luôn đáng khinh miệt, và đây rõ ràng là một trường hợp của sự hèn nhát.

Mặc dù trong những trường hợp ngắn như vậy, những bộ phận khuyết thiếu thường dễ dàng làm tư duy chuyển đột ngột hoạt động, nó vẫn là một lợi điểm, trong suy nghĩ của người tranh luận, không xác định chúng rõ ràng, do đó làm thế một lần nữa là thu hút sự chú ý và thách thức những phản đối.

Càng khó để cắt nghĩa, và càng xa những thói thông thường, những ví dụ càng dài và càng rắc rối. Thỉnh thoảng, chúng có những cơ hội lớn hơn để tạo ra ảnh hưởng, dẫn dụ và vì lý do này một nỗ lực lớn hơn phải làm để ẩn đi những giả thuyết mà tranh luận đứng trên đấy. Bởi vì những tranh luận thường phức tạp hơn về mặt động từ nên dễ dàng để mất dấu những bộ phận khuyết thiếu. Sau đây là một quảng cáo về băng với những dòng đơn sơ:

j) Hầu hết mọi người đều cảm thấy cô đơn vào lúc nào đó và do nhiều thứ đây là một trạng thái song hành bất biến. Từ những đứa trẻ mới cảm thấy nó không có bạn cho đến những người già cảm thấy thừa thãi trong tâm trạng trống vắng lạnh lẽo. Những đứa trẻ mới lớn thường cảm thấy chúng chẳng là ai và những đứa mới trưởng thành cảm thấy không có bạn bè gì cả. Đoạn ghi lại nổi bật này không chỉ là những tin tức đáng quan tâm mà còn chứa đựng cách tiếp cận chủ động để giải quyết sự trống rỗng này.

Diễn đạt lại đoạn tranh luận này, chúng ta phát hiện ra rằng nó khẳng định những điều sau:

Mọi người đều phải chịu đựng sự cô đơn.

Đoạn ghi này là một phương thuốc cho sự cô đơn.

Đoạn ghi này sẽ khuây khoả sự cô đơn của bạn.

Điều mà chúng ta bây giờ có thể nhìn thấy là kết luận đã bị bỏ qua. Diễn đạt nó một cách trong sáng có thể đẩy lên câu hỏi trong tâm trí người khác. Thậm chí nếu sự thật là đoạn ghi này đã giúp những người khác, liệu nó có thể giúp tôi không?

Tất nhiên là không phải tất cả những lược bỏ loại này có thể gây ra ngờ vực. Thường thì một người sẽ loại bỏ một bộ phận bởi vì nó quá là rõ ràng để diễn đạt rõ ràng. Thỉnh thoảng người ta cũng loại bỏ một bộ phận bởi vì các lý do xúc động, và thỉnh thoảng cũng bởi vì người ta mong muốn được chăm sóc và quan tâm. Trong ví dụ về gia cầm, chúng ta được thông tin là để kích thích tăng trưởng và tăng cường đề kháng, bây giờ gia cầm được nuôi ăn và chăm sóc với các liều lượng thuốc lớn chứa nhiều những hoá chất nguy hiểm. Kết luận rút ra là, cần phải khôn ngoan hơn để phát hiện nguy hiểm thường được đề cập đơn giản do những cách chăn nuôi mới và kinh doanh mới đối với chúng ta. Nó đã không được tuyên bố minh bạch.

Nếu như đây là tất cả những gì, thì những do dự đó có thể được bảo vệ khỏi những quan điểm khoa học hoặc những quy định của pháp luật. Tuy nhiên về lo-gic, chúng ta nên luôn luôn làm rõ quan điểm để biết được cái gì đang được khẳng định và chúng ta đang được yêu cầu tán thành cái gì.

Một vài tranh luận rất khó để đánh giá bởi vì chúng thiếu một hay nhiều những nhân tố cần thiết để làm thành một tranh luận chắc chắn.

Chúng ta phải phân tích những tranh luận đó cẩn thận để quyết định những giả thuyết nào chúng ẩn đi, những nhân tố nào khuyết thiếu: tiền đề chính, tiền đề phụ hoặc kết luận.

Thỉnh thoảng những bộ phận của một tranh luận có thể được lược bỏ bởi những nguyên nhân hợp lệ. Nhưng chúng ta phải làm rõ và đánh giá trong các tình huống để quyết định sức mạnh tổng thể của một tranh luận.

Tìm kiếm những bộ phận khuyết thiếu theo phương pháp tam đoạn luận.

Những bộ phận khuyết thiếu rất có thể được tìm thấy dễ dàng bằng cách nhận biết rằng

rất nhiều tranh luận của chúng ta đều theo dạng tam đoạn luận cổ điển của Aristotle, đây là một ví dụ về nó:

[phần giữa] [phần chính]

Tất cả đàn ông đều phải chết

----- [phần giữa]

Socrates là đàn ông.

[ý phụ] ---- [ý chính]

Socrates phải chết.

Những tranh luận như thế chứa ba hoặc duy nhất ba bộ phận chính hoặc thuật ngữ.

Trong ví dụ trên, đó là Socrates, cái chết tất yếu, và đàn ông. Chủ đề của kết luận của một tranh luận như thế được gọi là thuật ngữ phụ, khẳng định logic của kết luận được gọi là thuật ngữ chính, và thuật ngữ còn lại, cái mà xuất hiện trong mỗi tiền đề của tranh luận nhưng không trong kết luận được gọi là thuật ngữ chuyển tiếp. (Chú ý rằng từ “xác nhận” trong văn cảnh này được dùng khác với khi chúng ta dùng để thảo luận về ngữ pháp). Tranh luận chỉ ra rằng làm thế nào mà từ chủ ngữ (Socrates) và từ xác nhận mang tính logic (phải chết) lại liên kết với nhau thông qua cách thức mà mỗi từ liên kết với từ trung gian (đàn ông). Dù chỉ biết chút ít về phương pháp tam đoạn luận cổ điển, chúng ta có thể tìm ra những phần khuyết thiếu của chúng khá đơn giản. Ví dụ, trong tranh luận “Đây là những thức ăn tự nhiên, vì thế chúng tốt cho bạn” có thể thiết lập theo phương pháp tam đoạn luận như sau:

..... [phần giữa]

Những thức ăn này là thức ăn tự nhiên.

[ý phụ].....[ý chính]

Những thức ăn này tốt cho bạn.

Sáng tỏ ngay lập tức phần khuyết thiếu phải là cái gì: một tiền đề chứa đựng thuật ngữ chính và thuật ngữ trung gian. Phần khuyết thiếu là: tất cả những thức ăn tự nhiên (từ trung gian) là tốt cho bạn (phần chính).

6. Làm Nổi Bật những Thành Phần Khả Nghi

Trong hoàn cảnh của tranh luận, một thành phần bị nghi ngờ nếu nó được nêu ra để chuyển tải nhiều điều hơn khả năng của nó. Những thành phần như thế thường khơi gợi những nghi ngờ của chúng ta, nhưng lại có xu hướng để lại cho chúng ta những mắt mát để làm thế nào đáp trả. Chúng ta sẽ kiểm tra chúng một cách rất chi tiết trong phần 2. Tuy nhiên, bởi vì những thành phần đáng nghi lại có mặt khắp nơi và thường gây những ảnh hưởng mạnh mẽ đến chúng ta, nên điều rất quan trọng là chúng ta biết rõ về chúng một cách sớm ngay từ những điểm đầu tiên trong công việc của chúng ta về việc tranh luận.

Để quyết định một tranh luận có chứa những thành phần đáng nghi hay không, chúng ta cần hỏi những câu hỏi như: từ ngữ của tranh luận này có sáng sủa để chúng ta biết chắc chắn những gì bản thân anh ta hay cô ta cam kết? Có phải những sự thật được trình bày để hỗ trợ hiệu quả của kết luận như là một hỗ trợ? Chúng có thích đáng không? Chúng ta có chấp nhận chúng là đúng không? Cụ thể hơn, những minh họa có thích hợp không? Chúng có ý nghĩa không? Và ở mức độ nào? Những vấn đề đáng được xây dựng hơn là đơn giản quẳng vào sọt rác của những thứ phát ngán?

Ví dụ hãy đề cập đến lá thư gửi cho biên tập cho buổi nhậm chức Tổng Thống:

“ Để đáp lại những lá thư phản đối việc trình bày phô trương và sử dụng tiền nong sai mục đích quá đáng để thực hiện lễ nhậm chức của Tổng Thống, tôi muốn nhắc nhở những người phản đối rằng từ những thời điểm không thể ghi nhớ, quân chúng sùng bái đã chào mừng những người lãnh đạo chính quyền hết sức trang trọng. Vậy thì tại sao Tổng Thống của liên bang lại nên tổ chức buổi lễ của ông ở văn phòng trong trang phục đáng vứt đi và bụi bặm? Về trang lễ và nghi lễ và sự thể hiện của quần áo lộng lẫy, trang sức, đồ lông thú và những thứ rực rỡ khác đã đi vào lịch sử như là một phần không thể thiếu của những lễ đăng quang, không chỉ ở Quốc Gia Hoa Kỳ mà còn ở hầu hết những nơi của thế giới tự do.”

Điều mà người viết thất bại là khi sự thực là Tổng Thống và những người lãnh đạo của “thế giới tự do” là lãnh đạo của chính quyền, có một điều khác biệt thiết yếu giữa Tổng

Thống của Hoa Kỳ và các lãnh đạo của các quốc gia khác. Khi văn phòng của Tổng Thống được thành lập, cuộc cách mạng của người Mỹ là nỗi đau đầu của nhà vua; họ đã không có dự định thành lập một thể chế quân chủ với chức vị Tổng Thống thay thế vua. Không giống như các chế độ quân chủ, Tổng Thống được lựa chọn bằng bỏ phiếu của quần chúng và bị coi là người đầy tớ của nhân dân. Vì thế sẽ không có chuyện dùng làm lễ nhậm chức của Tổng Thống rên rang và hậu hỷ như được tổ chức cho các lãnh đạo chính quyền khác. Bài báo sau cũng có tính nghi vấn tương tự, nhưng vì những lý do khác:

“Trước nhất ông Thompson, ông nghĩ ông là thằng quái nào? Ai cho ông cái quyền tối cao trong cuộc sống ở cái trường đại học này? Phải chính ông, cũng giống như bất cứ ai, đã cho mình cái quyền làm theo ý mình, nhưng những lời bình phẩm vô giáo dục và ngu ngốc của ông đáng được giới hạn Bởi Ban Điều Tra Quốc Gia. Sự tấn công vô nghĩa của ông vào hệ thống người Hy Lạp của trường đại học có một tiếng tăm hiếm có là việc trẻ con nhất, lố bịch nhất, đây còn là không đề cập đến phản ngu xuẩn thực sự của văn phong ở những trang này đã được in rất lâu. Thái độ trẻ con của ông không chỉ xúc phạm đến mọi thành viên của Row mà còn toàn thể cái trường đại học này. Mặc dù cái đầu óc trẻ con của ông từ chối thừa nhận nó, trường đại học này trong thực tế rất tự hào về cộng đồng của người Hy Lạp ở đây thậm chí cả với những nhược điểm của nó.”

Hơn là kể cho chúng ta quan điểm của ông Thompson là gì và chúng sai ở đâu, người viết đã lao vào cuộc tấn công cá nhân, đơn giản bằng cách xỏ ra cơn thịnh nộ và khinh miệt của anh ta. Bằng cách gọi những quan sát của đối thủ là “không có giáo dục”, “ngu ngốc,” “vô nghĩa”, “lố bịch,” v..., chẳng kể cho chúng ta điều gì về lời bình phẩm kia cả, và cùng chẳng vì sao mà người viết cho là chúng không có giá trị.

Chúng ta chẳng cần phải là bậc thầy trong nghệ thuật lập luận cũng biết rằng sự đứng đắn của chúng ta trong tranh luận. Vì thế, chúng ta không nên chần chừ trong việc yêu cầu bằng chứng khi một phần trình bày hay giải thích dường như quá bừa bãi hoặc đáng ngờ. Ví dụ, hãy xem xét phần tranh luận của người được uỷ quyền bảo vệ trong tình huống lạm dụng trẻ em ở trường McMartin được báo cáo dưới đây:

Một nhân chứng mười tuổi trong vụ quấy rối ở trường trung học cơ sở McMartin đã bình tĩnh nhớ lại ngày thứ ba đến ba lần kể từ khi cậu bị cho là thủ phạm giết một con ngựa một tuần trước đó khi cậu và những bạn trẻ khác bị buộc phải chứng kiến.

Trong ngày thi, cả ngày thứ bốn của kỳ thi chuyển, cậu bé nói, trong một cuộc dạo chơi cánh đồng ở gần một trang trại không xác định, người bảo vệ Raymond Buckey, 26 tuổi, đã xé đôi một con ngựa con bằng một con dao dài 2 foot, anh ta dùng nó như một cái rìu.

“Anh ta chặt nó ra” cậu bé kể với người được uỷ quyền Bradley Brunnon, người đại diện cho người sáng lập Virginia McMartin, 77 tuổi.

“Thậm chí là ra từng mảnh, đúng không?” Brunon hỏi.

“Phải” cậu bé trả lời.

Brunon cho in ra những chi tiết.

Khi được hỏi Buckey đã đâm bao nhiêu nhát vào con ngựa sau khi nó ngã, đứa trẻ trả lời “Cháu không đếm”.

Khi được hỏi Buckey vấy đầy máu sau khi giết con ngựa, nó trả lời “cháu không biết, cháu không nhìn Ray, cháu nhìn con ngựa”.

Bên nguyên đã phản đối tác dụng những câu hỏi chi tiết của người được uỷ quyền bảo vệ, kêu gọi chất vấn sự không ăn khớp, nhắc đi nhắc lại và đáng tranh luận.

Tuy nhiên, người được uỷ quyền bảo vệ đấu tranh cho rằng những câu hỏi như thế là cần thiết để chỉ ra rằng đứa trẻ hoặc là đang kể chuyện hoặc là có một ký ức mơ hồ, và họ chỉ rằng đứa trẻ thường xuyên trả lời là “cháu không nhớ” hoặc là “cháu không biết”.

“Nếu nó thực sự đã nhìn thấy sự kiện hãi hùng đó, nó sẽ phải nhớ chi tiết của nó”, Brunon

nói với quan toà trong một trong những cuộc tranh luận của ngày thứ ba về các câu hỏi. Rõ ràng, trong quan điểm của người được uỷ quyền Brunon, lời khai của đứa trẻ sẽ bị nghi ngờ không tùy thuộc vào việc nếu đứa trẻ có thể nhớ một cách chi tiết hay không (mà chắc chắn là nó sẽ nhớ hoặc không nhớ): nếu đứa trẻ nhớ các chi tiết, đặc biệt là không có mớim chước đó, thì Brunon sẽ phản đối là đứa trẻ đang bịa (hoặc là được mớim bởi bố mẹ nó hay bên bên nguyên), còn nếu đứa trẻ không nhớ, Brunon sẽ phê bình là đứa trẻ đã có một ký ức mơ hồ, điều này sẽ làm cho bản cung khai của đứa trẻ có chút gì nghi vấn. Đặc biệt là điều đáng nghi vấn là cách bảo vệ của Bruno rằng nếu “đứa trẻ đã nhìn thấy sự việc khủng khiếp đó, nó sẽ phải nhớ các chi tiết”. Đó là việc Bruno tin tưởng rằng có cái gì khủng khiếp như việc xẻ đôi một con ngựa đã gây sốc đối với đứa trẻ đến nỗi mà mọi chi tiết của vụ mổ thịt, ăn sâu một cách mạnh mẽ vào tâm trí của đứa bé mãi mãi. Nhưng điều đó có thể không luôn luôn đúng. Có nhiều trường hợp đối với người ta, đặc biệt là trẻ con, kìm nén những ký ức về các sự kiện quá khủng khiếp với họ để có thể nghĩ lại. Cũng có thể là trong những khoảng thời gian nhất định, đứa trẻ sẽ nhớ các sự kiện cơ bản nhưng không được chi tiết. Nó có thể không tham sự vào tất cả các chi tiết của vụ xẻ thịt và không thể hồi tưởng lại chúng sau đó. Vì thế các kết luận của Brunon không được đảm bảo.

7. Đánh Giá các Tranh Luận: Đúng, Giá Trị và Hợp Lý

Thỉnh thoảng, người ta được nghe là, “nó có thể lo-gic đấy nhưng không đúng,” hoặc là “tất cả những gì đúng không phải luôn luôn lo-gic.” Cả hai cách nhìn này đều đúng, tất nhiên chúng không có nghĩa là lo-gic là không liên quan đến sự thật. Thực tế, logic định nghĩa sự thật một cách nghiêm ngặt và nó tách biệt với hai khái niệm khác là hợp lý và giá trị, thỉnh thoảng nó cũng lẫn lộn với chúng trong bản gốc. Ba khái niệm này cùng nhau tạo ra một cơ sở để đánh giá bất kỳ tranh luận nào.

Aristotle, người đã thiết lập khoa học của lo-gic trong thế kỷ thứ tư trước công nguyên, là người đầu tiên phát hiện ra sự khác biệt giữa sự thật và tính hợp lý. Có lẽ đây là cống hiến quan trọng của ông đối với lĩnh vực này.

Tính chất giá trị đề cập đến tính đúng đắn mà kết luận rút ra từ những tiền đề của nó -- liệu những kết luận có phụ thuộc vào chúng hay không. Mặt khác, sự thật lại đề cập liệu những tiền đề và kết luận đó có phù hợp với thực tế không. Vì thế, có thể trong lý luận, bắt đầu với những tiền đề đúng đắn nhưng lại đạt được những kết luận sai (bởi vì chúng ta đã lập luận tời với những tiền đề đó) hoặc là lập luận đúng, có giá trị nhưng lại không đạt được kết luận thực tế nào (bởi vì những tiền đề của chúng ta là sai). Tính hợp lý đạt được khi những tiền đề của một tranh luận là đúng và những kết luận của nó được tạo ra có giá trị từ chúng. Còn nếu không, tranh luận là không hợp lý. Đúng đắn và sai lầm, hợp lý và không hợp lý, có thể kết hợp xuất hiện rất nhiều trong những tranh luận, tạo ra bốn khả năng sau đây:

1. Chúng ta có thể có thực tế đúng (những tiền đề của chúng ta là đúng), và chúng ta có thể sử dụng chúng đúng cách (những suy diễn của chúng ta có giá trị). Trong một tình huống như thế, không chỉ có tranh luận của chúng ta là hợp lý mà kết luận cũng đúng. Toàn bộ tranh luận sẽ có cơ sở và hợp lý.

a) Tất cả đàn ông đều sẽ chết.

Socrates là một người đàn ông.

Vì thế, Socrates sẽ chết.

2. Chúng ta có thể có thực tế đúng đắn (những tiền đề của chúng ta là đúng đắn), nhưng chúng ta có thể sử dụng chúng không thích đáng (lý lẽ thiếu giá trị). Trong trường hợp này, kết luận của chúng ta sẽ không hữu hiệu và toàn bộ tranh luận là không đúng.

b) Tất cả mèo đều là động vật.

Tất cả lợn đều là động vật.

Vì thế tất cả lợn đều là mèo.

Trong một số trường hợp, kết luận của những tranh luận có thể ngẫu nhiên đúng, như trong trường hợp sau:

c) Tất cả mèo đều là động vật.

Tất cả hổ đều là đều là động vật.

Vì thế tất cả hổ đều là mèo.

Trong những trường hợp như thế này, chúng ta không thể xác định sự thật của kết luận từ tranh luận. Kết luận có thể đúng nhưng không phải là đúng trên cơ sở bảo vệ của tranh luận này.

3. Chúng ta có thể có thực tế sai (một hay nhiều tiền đề của chúng ta là sai), nhưng chúng ta có thể sử dụng chúng thích đáng (lập luận có giá trị). Trong trường hợp này, lý luận có giá trị nhưng kết luận không hợp lý.

d) Tất cả những siêu sao điện ảnh đều sống ở Hollywood.

Robert Redford là một siêu sao điện ảnh.

Vì thế Robert Redford sống ở Hollywood.

Ở đây, tuyên bố thứ nhất sai rõ ràng, mặc dù lập luận có giá trị và kết luận có theo những tiền đề. Như trường hợp 2 ở trên, kết luận có thể đúng nhưng chúng ta không thể xác định tính đúng đắn của nó trong hoàn cảnh của tranh luận đó. Nó có thể đúng mặc dù tiền đề thứ nhất là sai, nói cách khác, nó có thể sai mặc dù lập luận đúng. Để đạt được kết luận mà chúng ta có thể cho là đúng, sẽ không đủ nếu chỉ lập luận đúng, chúng ta phải làm điều đó từ những tiền đề đúng đắn.

4. Cuối cùng, có tình huống mà một hoặc nhiều tiền đề của chúng ta là sai và chúng ta cũng sử dụng chúng không đúng cách (lập luận thiếu giá trị). Trong trường hợp như thế, tranh luận vừa không hợp lý và kết luận không đúng.

e) Tôi thích khoá học này.

Tất cả các kỳ thi chung kết đều dễ.

Vì thế, tôi sẽ nhận được thứ hạng cao trong khoá học.

Bốn dạng của tranh luận:

Tiền Đề	+	Lý Luận	=	Kết Luận
Đúng		Giá Trị		Hợp Lý
Đúng		Thiếu Giá Trị		Không hợp lý
Sai		Giá Trị		Không hợp lý
Sai		Thiếu Giá Trị		Không hợp lý

Đúng đắn và sai lầm là mô tả thuộc tính của bản thân các mệnh đề.

Giá trị và thiếu giá trị đề cập đến việc lập luận và được xác định độc lập với tính đúng hoặc sai lầm của các tiền đề hoặc kết luận của tranh luận.

Nếu lý luận có giá trị, một cuộc tranh luận có các tiền đề đúng, thì tranh luận đó chắc chắn có cơ sở, lý luận hợp lý. Nếu không, nó chắc chắn không có cơ sở. Vì thế, tất cả các cuộc tranh luận có cơ sở phải có tính hợp lý, nhưng những lý luận có giá trị vẫn có thể là có kết luận hợp lý hoặc là vô lý.

Một kết luận đạt được bằng các lập luận sai hoặc không giá trị có thể ngẫu nhiên đúng. Điều này không bắt buộc chúng ta phải chấp nhận -- nó vẫn không có tính hợp lý.

Từ khi chúng ta xác định chỉ có một dạng tranh luận là có kết luận chắc chắn đúng, bạn đọc sẽ băn khoăn tại sao chúng ta lại nên quan tâm đến những tranh luận mà tiền đề của chúng sai. Cho dù là tốt hơn hay xấu hơn, thỉnh thoảng chúng ta ở những tình huống mà chúng ta không biết tiền đề của chúng ta đúng hay không. Vì có thể suy diễn có giá trị, kết quả đạt được từ những tiền đề nếu đúng cho phép chúng ta đánh giá liệu chúng có đúng hay không. Tuy nhiên, bằng suy diễn hợp lý, chúng ta có thể rút ra kết luận mà chúng ta biết là sai, sau đó chúng ta có thể chắc chắn ít nhất là một trong những tiền đề của chúng ta là sai, bởi vì một kết luận sai không thể được suy diễn hợp lý từ những tiền đề đúng. Một ví dụ thú vị từ lịch sử khoa học liên quan đến thuyết ánh sáng. Lúc đầu, thuyết này cho rằng những phần tử ánh sáng phải đi trên đường thẳng xuyên qua không gian trống. Nhưng cuối cùng người ta nhận ra rằng nếu thuyết này là đúng thì các phần tử ánh sáng di chuyển qua một lỗ tròn trong một vùng mà ánh sáng không thể đi qua sẽ tạo ra một vòng ánh sáng trên một nền sau vùng đó. Tuy nhiên trong một thí nghiệm sau đó sử dụng một lỗ rất nhỏ, hình ảnh được tạo ra trên nền không phải là một vòng tròn ánh sáng, mà gồm những vòng sáng và các vòng tối đồng tâm xen kẽ nhau. Thí nghiệm đã chỉ ra rằng ánh sáng không di chuyển

theo những đường thẳng mà là theo hình sóng. Thuyết ánh sáng đi thẳng đã bị thay thế bởi thuyết sóng ánh sáng. Do đó, ta biết rằng một điều gì đó được tạo ra từ một điều khác thậm chí là điều này sai thì nó vẫn có thể có ích lợi to lớn. Theo nghĩa này nếu bạn không hài lòng với một kết luận dường như là được suy ra một cách hợp lý từ một tiền đề, có thể là do bạn không hoàn toàn đồng ý với tiền đề mà kết luận được suy diễn đúng đắn từ đó. Do đó, vấn đề phức tạp có thể nằm ở tiền đề.

Nói một cách khác, khi chúng ta không biết tiền đề là đúng hay sai, chúng ta xem xét cách lý luận; lý luận có giá trị hay không? Trong các lý luận có giá trị và nếu tiền đề đúng, thì kết luận là hợp lý.

Tiền Đề	+	Lý Luận	=	Kết Luận
Đúng	+	Giá Trị	=	Hợp
Sai	+	Giá Trị	=	Không hợp lý

Ví dụ, hãy xem xét tranh luận sau:
f) Nạo thai là sự huỷ bỏ bào thai, và sự huỷ bỏ một bào thai là lấy đi sự sống của một con người. Do đó, nếu lấy đi sự sống của một con người là là tội ác thì nạo thai cũng vậy.
Cái gì là tiền đề của của tranh luận này? Cái gì là kết luận?
Kết luận có được ra hợp lý từ những tiền đề không? Làm thế nào bạn có thể phản đối tranh luận này? (TQ hiệu đính: bạn có chấp nhận rằng bào thai là sự sống chưa, và ai là người định ra cái điều *bào thai là sự sống*? Nói cách khác, tiền đề “bào thai là sự sống” có đúng hay không?).

Mẫu những tranh luận được suy diễn có cơ sở thường rất ích. Vì vậy nếu chúng ta lập luận hợp lý từ những tiền đề đúng đắn, chúng ta cần thiết phải đạt được một kết luận đúng mà chúng ta có thể kiểm tra tính đúng đắn của nó trực tiếp hoặc không.

8. Những Tranh Luận Suy Diễn và Quy Nạp

Chúng ta đã phân biệt giữa tranh luận và không phải là tranh luận, tách biệt những tiền đề với kết luận, loại bỏ những rườm rà, cung cấp những bộ phận khuyết thiếu, và làm nổi bật những yếu tố phân tích nghi vấn sau đó, điều để lại cho chúng ta hai câu hỏi quan trọng và cần thiết của một tranh luận: những tiền đề có đúng không, kết luận có thật sự bám sát chúng không?

Đối với câu hỏi thứ nhất, chúng ta muốn biết liệu những sự thật được tuyên bố trong tranh luận có thật sự đúng hay không. Hoặc liệu chúng có thể hiện sai hoặc bóp méo không? Liệu chúng có thành kiến không? Liệu có thể chúng gây ấn tượng sai như đã tuyên bố? Sau tất cả, những tiền đề có phải là nền tảng của tranh luận, nếu nó không đáng tin cậy hoặc yếu, tranh luận mà được xây dựng trên chúng có thể không tốt. Tuy nhiên, có cách khác để một tranh luận có thể đi đến chỗ sai: khi mối quan hệ giữa tiền đề và kết luận trong tình trạng mà những tiền đề thất bại trong việc hỗ trợ kết luận của câu hỏi.

Một tiền đề có thể hỗ trợ kết luận đầy đủ (fully), hoặc bán phần (partially), hoặc chẳng có gì như được chỉ ra dưới đây:

Dạng đầy đủ: Tất cả đàn ông đều sẽ chết. Socrates là đàn ông. Socrates sẽ chết.

Dạng bán phần: Hầu hết những người Scandinavi đều có tóc vàng. Em họ tôi Christine là dân Scandinavi. Cô ấy cũng tóc vàng.

Hoặc dạng không có gì: “Hãy chắc chắn đánh răng với kem Colgate. Walt Frazier sẽ không nghĩ tới việc đánh răng với loại nào khác.”

Chúng ta hãy xem xét những tranh luận hấp dẫn thuộc dạng ba trong phần hai. Ở đây, chúng ta xem xét hai dạng đầu tiên: dạng thứ nhất được gọi là **suy diễn**, dạng thứ hai là **quy nạp**. Tranh luận mang tính suy diễn là tranh luận mà trong đó *kết luận được tạo ra nhất thiết phải là kết quả tất yếu của các tiền đề*. Mặt khác, những tranh luận mang tính quy nạp

là những ý tưởng mà trong đó *kết luận được tạo ra có thể chỉ là một kết quả tất yếu của những tiền đề*.

Hai ví dụ sẽ giúp minh họa sự khác biệt giữa gọi ý nhất thiết và có thể:

a. Suy diễn.

Tất cả những hạt đậu trong cái túi kia là đen.

Tất cả những hạt này là từ cái túi đó.

Do đó, tất cả các hạt đậu này đều đen.

b. Quy nạp.

Tất cả các hạt đậu này đều từ cái túi đó.

Tất cả các hạt đậu này đều đen.

Do đó, tất cả các hạt đậu trong túi đó đen.

Trong hai tranh luận này, chỉ có trường hợp thứ nhất (tranh luận a) có kết luận chắc chắn là kết quả tất yếu của những tiền đề -- tất cả những hạt đậu trong cái túi đó là đen, tôi không thể tìm ra màu khác. Kết luận của tranh luận (b) chỉ là kết quả ở một mức độ có thể của những tiền đề -- có thể có vài hạt đậu trong túi đó không phải là đen, nhưng tôi không định lấy chúng.

Một sự khác biệt giữa những tranh luận có tính suy diễn và quy nạp, mà nó sẽ được quan sát, là những tiền đề của *tranh luận suy diễn* chứa tất cả các thông tin cần thiết để đạt được kết luận nhất thiết và kết quả tất yếu. Kết luận không đề cập đến cái gì ngoài những tiền đề. Mặt khác, trong kết luận của *tranh luận quy nạp*, chúng ta phải liếc nhìn dựa vào thông tin được chứa đựng trong những tiền đề. Vì thế, kết luận của chúng ta có thể không bao giờ là chắc chắn, mặc dù khả năng nó đúng là cao.

Đó là bởi vì những tranh luận mang tính suy diễn chắc chắn thành công hoặc thất bại để chứng minh kết luận của chúng để chúng ta có thể nói rằng chúng là hợp lý hay không hợp lý; mặt khác, những tranh luận quy nạp được nhận xét là tốt hay xấu, mạnh hay yếu.

Một ví dụ cổ điển của tranh luận quy nạp làm nổi bật vấn đề về tính chắc chắn.

c) Mặt trời mọc lên hằng ngày kể từ khi thời gian được ghi nhớ. Vì thế, mặt trời sẽ mọc vào sáng mai.

Chúng ta cảm nhận chắc chắn rằng ngày mai mặt trời sẽ mọc, nhưng phát biểu một cách lo-gic thì mối quan hệ giữa kết luận (ngày mai) với những tiền đề (hôm qua) của nó chỉ là *có thể* chứ không chắc chắn. (Như nhà lo-gic học nổi tiếng Bertrand Russell đã một lần nêu ra trong tác phẩm "*Những Vấn Đề Của Triết Học*", "người đàn ông mà cho gà ăn hàng ngày cả đời anh ta thì cuối cùng cũng vẫn cổ nó mà thôi"). Trong những tranh luận quy nạp, chúng ta khẳng định rằng trong kết luận, sự thật bản thân nó không được nêu ra trong những tiền đề. Ví dụ, trong tranh luận (c) ở trên, những tiền đề chỉ chắc chắn cho quá khứ, chúng không chắc chắn cho cái gì sẽ xảy ra trong tương lai. Do đó, những tiền đề không bác bỏ khả năng kết luận là sai, từ lúc chúng tạo ra kết luận mà tính đúng đắn của kết luận có thể dựa trên cơ sở của những tiền đề hoặc không. Bản chất của tranh luận quy nạp là đưa chúng ta ra ngoài những gì đã được khẳng định trong những tiền đề vì thế chúng ta chỉ thấy được những gì mà tiền đề ám chỉ cho những sự kiện khác. Lập luận suy diễn thì đối lập như thế một cách chắc chắn. Ở đây, chúng ta không cố gắng đi ra ngoài những tiền đề nhưng hiểu sâu sắc cụ thể hơn những gì chúng nêu ra. Trong ví dụ sau, mọi điều được đề cập trong kết luận chỉ được tạo ra một cách chắc chắn từ những thông tin được chuyển tải trong những tiền đề.

d) Nếu có 50,001 người sống trong một thị trấn và nếu không một ai có nhiều hơn 50,000 sợi tóc trên đầu và không có ai trọc lóc. Thì có ít nhất hai người trong thị trấn có cùng số tóc trên đầu.

Ví dụ này minh họa cho tính chất chính xác của những suy diễn có thể. Trong khi những tranh luận quy nạp mở rộng nội dung của những tiền đề bằng cách hy sinh tính nhất thiết, thì những tranh luận suy diễn đạt được tính nhất thiết bằng cách hy sinh việc mở rộng nội dung. Hầu hết những tranh luận mà ta bắt gặp hằng ngày là loại quy nạp, và đó là những gì chúng ta sẽ đương đầu nhiều nhất trong quyển sách này.

• Một tranh luận suy diễn cố gắng chỉ ra rằng kết luận phải là kết quả tất yếu của những tiền đề; một tranh luận quy nạp có thể chỉ là kết quả của những tiền đề.

- Do đó, những tiền đề của một tranh luận suy diễn phải đưa ra tất cả những dữ liệu hoặc thông tin cần thiết để tạo ra kết luận trong câu hỏi. Những tiền đề của một tranh luận quy nạp chỉ cần chứa đủ thông tin để tạo ra kết luận tương đối -- kết luận này đi ra ngoài những gì được đưa ra một cách chắc chắn trong những tiền đề.
- Vì thế, những tranh luận quy nạp có thể chứa đựng một lượng thông tin lớn, nhưng chúng lại từ bỏ việc chứng minh những kết luận là chắc chắn đúng.

• Những tranh luận suy diễn thường hợp lý hoặc không hợp lý; những tranh luận quy nạp lại thường mạnh hay yếu.

9. Lý Luận và Giáo Dục

Như chúng ta đã nói, nghiên cứu lo-gic giúp chúng ta giải thoát khỏi những suy nghĩ và hành động ngớ ngẩn. Một trong những điều quan trọng khác mà chúng dạy ta là chứng minh một thứ gì đó một cách chắc chắn. Như chúng ta đã thấy, nghiên cứu lo-gic -- đặc biệt là nghiên cứu tính hợp lý -- dạy chúng ta rất nhiều thứ. Vì thế, ví dụ, chúng ta có thể biết chắc chắn rằng tất cả ngôi nhà trên phố đường số 10 lúc nhúc chuột cống chỉ nếu khi chúng ta đã kiểm tra tất cả và phát hiện ra chuột trong mọi ngôi nhà. Chỉ bằng những điều kiện này, chúng ta mới có thể biết điều này chắc chắn đúng. Đây là một suy nghĩ nghiêm túc, từ lúc tất cả xu hướng của chúng ta là tin tưởng điều ngược lại mà chúng ta có thể tạo ra những kết luận chắc chắn trên cơ sở những bằng chứng có vẻ là "vừa đủ" hoặc những bằng chứng đại diện. Hãy nói rằng một hoặc nhiều hơn những điều dưới đây là đúng: chúng ta đã đến phố số 10 mọi ngày thứ hai trong hai tháng và luôn luôn hoặc thường xuyên nhìn thấy chuột cống trên vỉa hè ở đó; chúng ta đã vào tám trong số mười nhà ở phố số 10 và nhìn thấy chuột cống trong tất cả tám ngôi nhà đó; ai đó mà chúng ta tuyệt đối tin tưởng, đảm bảo với chúng ta rằng tất cả những ngôi nhà đó lúc nhúc chuột; chúng ta vừa đọc một bản kiểm tra của chính phủ tuyên bố là phố số 10 bị tàn phá bởi một lượng cực lớn chuột cống; và bản tin lúc mười một giờ vừa truyền đi sự phơi bày của vấn đề và trình chiếu những đoạn phim chuột cống nhúc có biển báo của phố số 10. Mỗi một điều hỗ trợ này chứng tỏ rằng có thể mọi ngôi nhà trên phố đều có chuột, nhưng không một điều hỗ trợ nào lại loại bỏ được *khả năng* một số ngôi nhà không có chuột.

Vì vậy, chúng ta sẽ có xu hướng kết luận là chúng ta biết rằng mọi ngôi nhà ở phố số 10 đều lúc nhúc chuột. Để giữ những xu hướng có tính cách kiểm tra là một trong những lợi ích của nghiên cứu lo-gic. Như chúng ta có thể nói, đây cũng là một trong những lợi ích lớn của giáo dục lo-gic. Vì vậy có thể xác định khi nào thì thích hợp và công bằng để nói một điều gì đó như là chúng ta biết ($1+1=2$), và khi nào thì thích hợp để nói một điều gì đó như là chúng ta suy nghĩ (đồ ăn chứa nhiều chất béo thường ngày sẽ gây ra ung thư), và cuối cùng, khi nào chỉ thích hợp để nói rằng điều chúng ta tin (Thượng Đế tồn tại -- God exists) -đấy chính là điểm nổi bật của một người có giáo dục. (TQ hiệu đính: sự thật, ý kiến và niềm tin là ba chuyện khác nhau. Người có học và có giáo dục là người biết phân biệt ba trường hợp trên, và áp dụng mỗi trường hợp tùy lúc).

10. Tóm Tắt

Chương này đã khám phá một loại của những quy tắc lo-gic và một vài bộ phận cấu thành của nó là gì. Như chúng ta đã thấy, mặc dù nó là những quy tắc mang tính lý thuyết, lo-gic cũng là một lĩnh vực thực hành của nghiên cứu, nó đưa ra những lợi ích to lớn trong việc cư xử hàng ngày.

Chúng ta đã chú ý rằng lo-gic là nghiên cứu về tranh luận và mọi tranh luận chứa hai thành phần cơ bản: những tiền đề và kết luận. Chúng ta cũng đã thấy đây là điểm phân biệt tranh luận và phi tranh luận. Tuy nhiên, không phải tất cả những tranh luận đều thể hiện kết cấu này một cách đơn giản. Như diễn đạt phổ biến, những tranh luận bị vướng víu bởi rất nhiều sự rườm rà và không ăn nhập và thường dựa trên những phần biễn đi hoặc có các giả thiết không được diễn đạt. Chúng ta đã học rằng làm thế nào để nhận ra và loại bỏ những phần rườm rà như vậy, làm thế nào phơi bày những bộ phận nghi ngờ và làm sao để nhận biết những giả thiết bị ẩn đi và không được đề cập.

Triển khai những nghiên cứu về tranh luận chúng ta đã nhìn rõ hơn một tranh luận có ba đặc tính cơ bản để đánh giá nó như thế nào. Điều đầu tiên trong chúng là tính đúng đắn hoặc sai lầm của những tiền đề. Thứ hai là tính giá trị hoặc vô giá trị việc lập luận từ những tiền đề. Và đặc tính thứ ba là tính hợp lý, điều mà tồn tại khi những tiền đề là đúng và việc lập luận là có giá trị, hoặc không có cơ sở khi thiếu tính đúng đắn hoặc lập luận có giá trị.

Sau đó, chúng ta đã thấy làm thế nào trong những tranh luận suy diễn hợp lý, những tiền đề chứa đựng tất cả các thông tin cần thiết cho kết luận; còn trong những tranh luận quy nạp, kết luận đi ra ngoài những dữ liệu được chứa đựng trong những tiền đề. Vì thế, thậm chí trong những tranh luận quy nạp tốt nhất, kết luận chỉ mang tính tương đối; trong khi kết luận trong một tranh luận suy diễn hợp lý, nhất thiết phải là kết quả tất yếu.

Một trong những bài học quan trọng chúng ta đã học ở đây là một điều (kết luận) có thể thực sự là kết quả tất yếu của một điều khác (một tiền đề) mà kết luận đó không nhất thiết phải đúng. Kết luận có đúng hay không, phụ thuộc vào bản thân tiền đề có đúng không. Nói ngắn gọn, một kết luận có thể là kết quả tất yếu của một tiền đề nhưng vẫn sai. Cuối cùng, chúng ta đã chú ý rằng một vài lợi ích đến với chúng ta từ việc nghiên cứu logic và được giáo dục thật sự có nghĩa là gì.

Chương 2

Phương Tiện Truyền Đạt của Ngôn Ngữ

The Medium of Language

Một yếu tố quan trọng trong bất kỳ một lý luận nào đã được đề cập ngắn gọn trong Chương 1. Yếu tố đó là ngôn ngữ hiện hữu mà giả thuyết và kết luận được nêu rõ. Bởi vì những từ ngữ được sử dụng trong lý lẽ mang tính cốt yếu, nó sẽ có lợi cho việc nghiên cứu những nét đặc trưng nào đó của ngôn ngữ mà có thể giúp đỡ hoặc gây trở ngại cho những ý nghĩ rõ ràng. Chúng ta sẽ khảo sát mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy, và sẽ minh họa một vài sự nhầm lẫn mà kết quả từ việc sử dụng ngôn ngữ không chính xác. Chúng ta cũng sẽ thấy rằng tất cả ngôn ngữ là tượng trưng và cách sử dụng ngôn ngữ mấu chốt giữa nhiều cuộc tranh luận.

Khi chúng ta đối diện với một lý luận, chúng ta cần biết nó có rõ ràng hay không. Chúng ta phải đồng ý với ý nghĩa của tất cả các từ ngữ và cách diễn đạt của nó, từng cái một trong sự phối hợp. Nếu chúng ta không hiểu ý nghĩa của những lời trình bày trong lý luận đó, chúng ta có thể tiếp nhận những kết quả sai lệch, hoặc thậm chí vẫn không bị thuyết phục bởi những gì đó được coi như một trường hợp hoàn toàn đúng đắn và hợp lý.

Ngôn ngữ là một phương tiện giao tiếp bằng lời nói, vì thế việc nghiên cứu lý luận (study of lo-gic) có liên quan tới chính nó với những cấu trúc và chức năng của ngôn ngữ. Trong chương này chúng ta sẽ nghiên cứu các phương tiện truyền đạt của ngôn ngữ và tìm hiểu tại sao một số lý luận thành công trong việc chuyển tải ý nghĩa đến chúng ta trong khi một số khác lại không.

1. Ngôn Ngữ và Tư Duy

Francis Bacon, một triết gia đã hết sức thẳng thắn đưa ra sự rõ ràng trong quan sát và tư duy, một lần đã nhận xét người ta "tưởng tượng rằng những ý nghĩ của họ có sự điều khiển của ngôn ngữ, nhưng hay xảy ra trường hợp ngôn ngữ sinh ra những quy tắc lên trên ý nghĩ của họ." Nhận xét của Bacon hữu dụng trong việc nhắc nhở chúng ta rằng ngôn ngữ không chỉ có thể cản trở sự truyền đạt tư duy của chúng ta và ngay cả chính bản thân nó. Do cách thức tự nhiên, từng bước một mà chúng ta thu được ngôn ngữ, rất ít khi chúng ta ngừng quan sát rằng nó là một công cụ và cũng giống như tất cả các công cụ khác, giá trị của nó phụ thuộc vào kỹ năng của người sử dụng.

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy là một câu hỏi lâu đời. Trong quá khứ, có hai quan điểm bao quát: một là nắm được vấn đề ngôn ngữ chỉ đơn thuần là *phương tiện truyền bá* hoặc chỉ là vỏ bọc bên ngoài của tư duy; hai là xác nhận dòng *ngôn ngữ và tư duy là một*,

tư duy chỉ là lời nói không có âm thanh.

Gần đây hơn, nghiên cứu hướng về xác nhận quan điểm ngôn ngữ và tư duy được liên kết chặt chẽ, ngôn ngữ không chỉ là âm thanh mà là sự kết hợp giữa âm thanh và tri giác mà các yếu tố đều phụ thuộc vào nhau. Những học thuyết hiện đại nắm được rằng những từ ngữ không có tư duy không thể phân biệt với những âm thanh khác được biết đến trong tự nhiên. Những học thuyết xác nhận như thế, tuy nhiên, mặc dù chúng ta có thể có "những suy nghĩ mơ hồ" hay những ý tưởng chúng ta không thể ghép thành lời, chúng ta không thể có suy nghĩ "rõ ràng" nếu như không thể diễn tả nó bằng ngôn ngữ.

Người đem lại cho chúng ta kiến thức về trạng thái ngôn ngữ này là nhà ngôn ngữ học người Mỹ Benjamin Lee Whorf, có ghi chép:

"Khi những nhà ngôn ngữ học có thể nghiên cứu, một cách cẩn trọng và khoa học, một số lượng lớn các ngôn ngữ của các dạng khác xa nhau, nền tảng của sự liên quan giữa chúng được mở rộng; họ đã trải qua một sự gián đoạn của một hiện tượng nắm giữ được cái tổng quát cho đến nay, và một ý nghĩa mới trồn vện nảy sinh trong phạm vi hiểu biết của họ. Người ta phát hiện ra rằng nền tảng hệ thống ngôn ngữ học (trong từ ngữ, văn phạm khác) của mỗi ngôn ngữ không chỉ là một công cụ sao chép để diễn đạt những ý kiến, nhưng đúng hơn là một bộ máy tạo ra ý nghĩ... Chúng ta phân tích trạng thái tự nhiên, tổ chức thành những khái niệm, ghép lại những ý nghĩa như chúng ta làm, bởi vì chúng ta tham gia vào một cuộc tranh luận để tổ chức nó theo cách thức này -- một sự thỏa thuận nắm được toàn bộ lời nói của mình và được hệ thống hóa trong những khuôn mẫu của ngôn ngữ." (*Ngôn Ngữ, Tư Duy và Thực Tế*, biên tập John B. Carroll. M.I.T, Cambridge Ấn bản. 1964, trang 212-214).

Theo quan điểm này, trên thực tế tư duy được tạo thành bởi ngôn ngữ mà nó được sắp xếp. Có nhiều ví dụ hỗ trợ cho giả thuyết này. Người Zulu có những từ ngữ như "con bò trắng (white cow)" và "con bò đỏ (red cow)" nhưng lại không có từ "con bò (cow)". Thiếu từ ngữ, thiếu đi cả ý nghĩa.

Tương tự, những thổ dân ở miền trung Brazil không có những từ có nghĩa như "cây cọ" (palm)" hay "con vẹt" (parrot), mặc dù họ có một con số lớn các tên gọi cụ thể khác thay thế cho "cây cọ" và "con vẹt". Vì vậy, họ cũng không thể đáp ứng những mức độ cao hơn của sự trừu tượng hóa này. Từ những điểm ngôn ngữ khác nhau như thế, chúng ta thiết lập những giả định về những phương thức khác nhau của tư duy. Tuy nhiên, điều đó là quan trọng để cố gắng tránh việc xem trọng những khả năng phán đoán trong tất cả những sự so sánh như thế. Đôi khi chúng ta thừa nhận rằng ngôn ngữ của những người nguyên thủy thì thô sơ giống như chúng ta cho rằng cuộc sống của họ cũng vậy. Nhưng giả thuyết này cũng không đúng. Tất cả các ngôn ngữ, thậm chí hầu hết cả những bộ lạc ban sơ đó, hoàn toàn cổ xưa, tất cả đều phức tạp. Một số ngôn ngữ của họ là một hình thức rất cao của sự tinh tế và tạo ra giá trị của ngôn ngữ học, để kết hợp chặt chẽ, để phát triển ngôn ngữ của chính mình. Những cấu trúc câu chắc chắn của người Zulu hay miền trung Brazil cho phép họ tránh được những kẻ hở mà một ngôn ngữ bao hàm những sự trừu tượng nhiều hơn có thể phát sinh đối với người sử dụng.

Quan điểm khác thiết thực hơn về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy là của nhà báo và tiểu thuyết gia người Anh George Orwell. Trong bài tiểu luận nổi tiếng "Chính Trị Và Ngôn Ngữ Tiếng Anh" ("*Politics and the English Language*"), Orwell biện luận rằng sự hiện hữu rõ ràng của những tư duy về những thực tế chính trị của thời đại chúng ta thì rất khó khăn bởi vì ngôn ngữ của chúng ta bị sửa đổi sai lạc bởi lối nói hoa mỹ của những chính khách, để che đậy những chính sách tàn bạo và không thể biện hộ của họ, phải sử dụng đến lối nói trại và thuật ngữ một cách cân đối.

"Bây giờ rõ ràng rằng biến cách của một ngôn ngữ cơ bản nhất phải có những nguyên nhân thuộc về chính trị và kinh tế: điều đó không liên quan tới ảnh hưởng xấu của bản thân tác giả. Nhưng một ảnh hưởng có thể trở thành một nguyên nhân, củng cố cho nguyên nhân chính và nảy sinh ảnh hưởng giống như thế ở một hình thái nổi bật, và tương tự thế một cách không hạn định. Một người có thể uống rượu bởi vì họ cảm thấy mình thất bại, và sau đó thất bại càng nhiều bởi vì họ uống rượu. Điều đó khá giống những gì đang diễn ra trong ngôn ngữ tiếng Anh. Nó trở nên xấu đi và sai lệch bởi chúng ta suy nghĩ thiển cận, nhưng

tính luận thuộm trong ngôn ngữ làm cho chúng ta dễ có những suy nghĩ như thế.” (Trích *Những Bài Tiểu Luận Chọn Lọc*. New York, 1953) .

Nhưng Orwell tiếp tục biện luận, chúng ta không nên cam chịu tình thế của mình.

“Điểm đặc biệt là quá trình mang tính thuận nghịch. Tiếng Anh hiện đại, đặc biệt là viết tiếng Anh, đầy những thói quen xấu mà được lan truyền bởi tính mô phỏng và có thể tránh được nếu như họ có vấn đề cần thiết. Nếu họ thoát khỏi những thói quen này, họ có thể suy nghĩ rõ ràng hơn, và việc suy nghĩ rõ ràng là một bước quan trọng trước tiên đối với cải cách chính trị: để đánh bật lại tiếng Anh có hại không phải là phù phiếm và cũng không phải là mối quan tâm riêng biệt của những tác giả chuyên nghiệp.” (xem trên)

Nhận xét của Orwell giúp chúng ta thấy rằng sự tự giác về ngôn ngữ chúng ta nói và cách ta nói không chỉ là một mối quan tâm đáng kể của những nhà nghiên cứu làm ra về mô phạm và các giáo viên đào tạo kiểu cách. Như vậy, hay ít hơn nữa cũng là mối quan tâm sống còn của mọi người.

- Ngôn ngữ chỉ đạt hiệu quả khi người sử dụng nó một cách khéo léo.

- Tư duy của chúng ta có thể được tượng hình rõ bằng ngôn ngữ khi chúng được sắp xếp. Không có từ ngữ, vì thế ý tưởng cũng không được tạo thành.

- Chúng ta có thể mở rộng điểm này để tranh luận nếu chúng ta sử dụng ngôn ngữ tệ và không khéo léo thì ý tưởng của chúng ta không độc đáo và tinh tế. Do đó, một số lý luận để có ý tưởng hay, chúng ta phải lưu ý đến sử dụng ngôn ngữ tốt.

2. Dấu Hiệu và Biểu Tượng

Trong những nét đặc trưng góp phần vào thể mạnh của ngôn ngữ như một công cụ để truyền đạt thông tin là đặc tính tượng trưng, sử dụng những từ ngữ để thay thế cho một điều gì đó vượt xa hơn so với ý nghĩa thực của chúng. Để đánh giá đúng đặc tính này của ngôn ngữ, chúng ta cần nghiên cứu dấu hiệu và biểu tượng, và phân biệt chúng.

Một dấu hiệu là bất cứ những gì chúng ta sử dụng để ám chỉ -- hay nhắc đến như một dấu hiệu -- một điều gì đó. Ví dụ về "những dấu hiệu trong cuộc sống", hay chúng ta nói khói là một dấu hiệu của sự cháy. Trong những trường hợp như thế, những dấu hiệu đáng lưu ý là những dấu hiệu tự nhiên. Với một dấu hiệu tự nhiên chúng ta muốn nói rằng sự liên kết giữa dấu hiệu và điều nó hàm ý thực sự tồn tại trong tự nhiên. Vì thế sự liên kết là tự nhiên bởi nó không phải thuộc về khả năng của chúng ta. Chúng ta phát hiện ra những dấu hiệu như thế, chúng ta không tự tạo ra chúng. Chúng là những thành phần hay những tín hiệu của những sự việc mà chúng biểu hiện, như khói là một dấu hiệu của sự cháy, không phải vì nó miêu tả về lửa mà vì nó là một phần của quá trình cháy.

Ngược lại, một biểu tượng được tạo thành để thay thế một điều gì đó. Vì thế, những biểu tượng quy ước, không tự nhiên như, chúng là sản phẩm có nhận thức của tư duy con người và không có liên kết tự nhiên với những gì chúng miêu tả. Do đó, nếu trạm khí tượng kéo lên một lá cờ chỉ có một màu đỏ cảnh báo với công chúng về một trận bão sắp tới, biểu tượng này chỉ có hiệu quả nếu những người quan sát hiểu được ý nghĩa của nó. Bởi vì tất cả các biểu tượng được nhân tạo, không thuộc tự nhiên, đó là chúng ta, những đối tượng mà bất cứ các dòng ý nghĩa nào truyền tải. Điều này đúng với những biểu tượng phi ngôn ngữ như dấu thập, cờ, và đèn đỏ. Nó cũng đúng với những biểu tượng ngôn ngữ biểu lộ như từ tượng thanh, nó bao hàm những âm thanh gợi lên ý nghĩa của chúng, như những âm thanh tiếng vo voz, tiếng huýt gió, tiếng sóng vỗ, và tiếng gừ gừ. Nói một cách cơ bản nó đúng với tất cả những từ ngữ trong ngôn ngữ của chúng ta. Ví dụ, từ "tháng" không có nghĩa gì cả trừ khi chúng ta đã học qua rằng nó tượng trưng cho một quãng thời gian.

Nếu không có một hệ thống biểu tượng bất kỳ, mô phỏng, truyền đạt thông tin có thể trở nên giới hạn. Hầu hết các hiện tượng không có những âm thanh và âm thanh tiêu biểu mà giọng con người có thể mô phỏng một cách dễ dàng. Điều này giải thích tại sao số từ tượng thanh trong bất cứ ngôn ngữ nào đều rất ít. Một nguyên nhân khác giải thích tại sao một ngôn ngữ tạo nên một tổng thể đơn độc của những từ tượng thanh sẽ không lồi cuồn chúng ta nhiều như thế có một phần chính yếu rộng lớn của những ý tưởng đó không thể được miêu tả theo cách này bởi vì chúng không phát ra âm thanh.

Điều này đúng với hầu hết những từ ngữ trong ngôn ngữ của chúng ta thay thế cho sự trừu tượng, như từ "tháng". Ngôn ngữ nối tiếp trong việc phân loại những khái niệm trừu tượng như thế bằng cách sử dụng những biểu tượng bất kỳ, không tượng trưng. Vì thế, ngôn ngữ được dùng làm biểu tượng về mặt cơ bản.

3. Từ ngữ và Vật chất

Sự tương phản giữa dấu hiệu và biểu tượng làm cho nó rõ ràng như thế, từ tất cả những chức năng của từ ngữ như các biểu tượng, không có sự liên kết tự nhiên nào được thiết lập giữa chúng và những vật chất chúng biểu hiện. Bây giờ người ta tin rằng có một dạng thích hợp được kế thừa giữa từ ngữ và sự việc chúng miêu tả được phổ biến một cách kỳ lạ. Một trong những cuộc đối thoại của Plato, Cratylus, tìm hiểu căn cứ câu hỏi này. Một phát ngôn viên nhận xét, "tôi nghĩ những bản miêu tả có thật của những vấn đề này là ở đây, theo triết thuyết của Socrates, rằng có một sức mạnh nào đó lớn hơn con người đã đặt tên cho các sự vật, chúng chắc hẳn phải đúng" (Cratylus 438).

Sự tín ngưỡng giống như thế trong nguồn gốc miễn cưỡng của người cổ xưa khi nói cho người lạ nghe tên tuổi của mình vì sợ rằng sự hiểu biết sẽ cho người khác sức mạnh của họ. Khuynh hướng nhận ra các từ ngữ với vật chất là hiển nhiên trong nhiều bài luyện tập ma thuật của những bộ lạc nguyên thủy và sự tín ngưỡng của một số tôn giáo. Con người đã sớm sử dụng những thể thức ma thuật trong hầu hết các khía cạnh của cuộc sống: để bảo đảm thành công trong việc săn bắt, làm mưa, ngăn chặn sự thiệt hại, loại trừ những câu thần chú xấu xa và nguyên rủa kẻ thù của họ.

Trong các nghi thức tôn giáo người ta tin tưởng sự lập lại những từ ngữ nào đó có thể điều trị những chứng bệnh trong linh hồn và thể xác con người, tránh cái xấu xa, và đảm bảo sự cứu rỗi linh hồn. Chúng ta cũng tìm thấy ở một vài tôn giáo tín ngưỡng rằng những lời nói chắc chắn đó rất linh nghiệm và thiêng liêng mà chúng sẽ không bao giờ bị phá vỡ. Trong số tên gọi của Thượng Đế những người Do Thái cổ xưa (ngày nay là những người Do Thái chính thống), Yahweh hay Jehovah, đã "không thể đặt tên" (unnamable) và cách phát âm cũng bị cấm trong cả cách nói và kinh cầu nguyện. Thượng Đế được nhắc đến một cách diễn tả quanh co là Adonai, có nghĩa "Chúa tể". Trong thần thoại Hy Lạp có từ Hades (Âm ty), vì vua của thế giới bên dưới, được gọi là Diêm Vương ("người ban tặng sự phồn vinh") trong đối thoại thông thường để ngăn chặn cách phát âm đáng sợ là Hades (Âm ty). Lời rằng dạy rằng con người không nên "gọi tên của Chúa vô cớ" hình như nguồn gốc của luật pháp Hoa Kỳ chống lại những lời báng bổ, vẫn còn là một tệ nạn ở nhiều nơi.

Nguyên nhân hình thành những tên gọi phát sinh trong kinh Cựu Ước:

"Ở trên mặt đất vị Chúa tể đã tạo ra súc vật trên cánh đồng và chim chóc trên bầu trời. Và đem chúng đến cho Adam thấy, bất cứ những gì Adam gọi mỗi sinh vật sống, đó là tên của chúng. Adam đã đặt tên cho tất cả gia súc, chim chóc và cho mọi súc vật trên cánh đồng." (Genesis 2: 19-20)

Mark Twain đã viết thêm tiếp theo cho câu chuyện kinh thánh này, mà ông ta đã dựa vào sự tín ngưỡng rằng một tên gọi có một mối quan hệ cố hữu với vật được gọi tên. Theo Twain, khi Adam không thể nghĩ ra tên gọi cho một trong những con vật, anh ta đã khẩn khoản yêu cầu Eve giúp đỡ "Anh sẽ đặt tên gì cho con vật này nhỉ?", Eve trả lời: "Cứ gọi nó là con ngựa." "Tại sao lại gọi là con ngựa?" Eve nói: "À, nó trong giống như một con ngựa, phải không?"

Sai sót của việc nhận ra những tên gọi với những vật là nguyên do của nhiều sự hài hước. Vô số những đứa bé con mở to mắt hỏi cha mẹ của chúng "Khi con sinh ra, làm sao cha mẹ biết con là Charlie và không phải là một đứa con trai khác?"

Người ta cố gắng hiệu chỉnh xu hướng cho rằng theo tự nhiên những tên gọi đó "thuộc về" những vật chúng miêu tả, người theo chủ nghĩa duy lý người Anh, Thomas Hobbes cảnh báo, trong một câu cách ngôn nổi tiếng hiện nay, "Từ ngữ là công cụ tính toán của người khôn ngoan, họ sử dụng nhưng không nhận thức; nhưng chúng (từ ngữ) cũng là những đồng tiền ngu xuẩn". (*Words are wise men's counters, they do but reckon by them; but they are the money of fools. (Leviathan, phần I, chương 4)*). Abraham Lincoln cố gắng tạo ra những điểm giống nhau khi ông hỏi một khán giả, "Nếu tôi gọi cái đuôi con ngựa là một cái chân, thì con ngựa sẽ có bao nhiêu chân tất cả?" Họ trả lời "5". Lincoln nói "Không, việc gọi

cái đuôi con ngựa là cái chân không làm cho chúng thành một cái chân."

Chúng ta sẽ mỉm cười với những câu chuyện như thế, nhưng sau một thời gian những tên gọi chúng ta sử dụng để nhận dạng vật thể được liên kết trong tâm trí chúng ta với những vật thể của chúng mà thỉnh thoảng chúng ta lại dễ quên trong giây lát, ví dụ, một con heo không được đặt tên vì nó là con vật dơ bẩn. Hay chúng ta nói, "Nói đến ma quỷ thì hán sẽ xuất hiện". Trong những trường hợp như thế, giả định sai (thứ nhất, TQ hiệu đính) rằng dấu hiệu tương đồng với vật cất, dặt ta đến một giả định sai thứ hai - bằng cách này hay cách khác ngôn ngữ chúng ta sử dụng ảnh hưởng đến sự vật, sự việc chúng ta đề cập đến.

Nhà ngôn ngữ và ý nghĩa học (semanticist) lỗi lạc S. I. Hayakawa, một đoạn trong quyển sách *"Ngôn Ngữ Trong Tư Duy và Hành Động"* của ông đã cho đầu đề thích đáng *"Thế Giới Không Phải Là Vật Chất"*, có trích dẫn một vài ví dụ đầy kịch tính của sự nhầm lẫn phổ biến này:

"Người ta nhớ đến một diễn viên, đóng vai kẻ hung ác trong một đoàn kịch sân khấu lưu động, đến giây phút thật căng thẳng trong vở kịch, đã bị bắn bởi một cao bồi trong khán giả. Nhưng sự hỗn loạn như thế này dường như không giam giữ những người đi xem hát chất phát. Trong thời gian gần đây, Paul Muni, sau khi đóng một phần vai của Clarence Darrow trong *Người Kế Thừa Hời Thở*, được mời đến đọc diễn văn tại Luật Sư Đoàn Hoa Kỳ; Ralph Bellamy, sau khi thủ vai Franklin D. Roosevelt trong *Bình Minh ở Campobello*, được một số trường đại học mời đến nói chuyện về Roosevelt." (Phiên bản thứ 4, New York: Harcourt Brace Jovanovich 1978, trang 25-26)

Chúng ta thiên về những lỗi nêu ra như đã minh họa một cách quá đáng đến Nổi Hội Đồng Thương Mại Liên Bang (Federal Trade Commission) phải gia tăng kiểm soát cách các nhà sản xuất quảng cáo sản phẩm của họ. Những điều lệ ngăn cấm như dán nhãn hiệu "hàng nhập" trong khi thực ra các chần mền đó là hàng nội địa (khi chần mền được dán nhãn với cái tên nước ngoài như "Khandah" hay "Calcutta", để gây ấn tượng như thể chúng là chần mền phương Đông trong khi thực ra là hàng nội địa). Thuốc aspirin đưa ra một ví dụ khác cho thấy sức mạnh của những nhãn hiệu. Ở một số tiểu bang, aspirin được phân loại một cách chính thức như "ma túy" và vì thế chỉ có thể bán khi có giấy bác sĩ. Ở những tiểu bang khác thì không được phân loại như một ma túy và số lượng được sử dụng hàng ngày càng rộng rãi. Tuy nhiên, những cư dân ở một số tiểu bang mà aspirin được coi là một loại ma túy có thể quyết định một ngày nào đó phân loại nó lại (đổi tên) như thuốc "phi ma túy" -- không phải vì bất cứ cái gì mới họ phát hiện ra về aspirin nhưng đơn giản vì họ muốn nó được sử dụng rộng rãi. Ở đây, ngôn ngữ không thể tự mình giúp đỡ cho sự tự nhiên, nhưng nó phục vụ cho chúng ta và cho những nhu cầu đặc biệt của chính mình. (TQ hiệu đính, con người dùng ngôn ngữ phục vụ lợi ích cho chính họ; khi muốn kiểm soát thuốc aspirin, họ nói aspirin là loại thuốc "ma túy", nhưng khi muốn bán và tiêu dùng thuốc aspirin rộng rãi, họ lại liệt kê thuốc aspirin là loại "phi ma túy", mặc dù tính chất của thuốc aspirin không có thay đổi).

Nghệ thuật đổi tên để giấu đi ý nghĩa họ không hài lòng được gọi là cách đọc trại tên (euphemism). Lối đọc trại đi là bất cứ sự diễn đạt nào có thể chấp nhận được, miễn là chúng ta thay thế cái chúng ta không hài lòng. Thí dụ, khi chúng ta không muốn đề cập đến chết chóc, chúng ta phải sử dụng đến lối nói trại đi như *qua đời*, *từ trần*, bằng cách ấy chúng ta cố gắng thay đổi sự kiện mặc dù thậm chí chúng ta không thể phủ nhận. Ngày nay ta gọi ghế hạng ba (third class) là ghế du lịch (tourist class), một người bán hàng lưu động là người chào hàng, người ở đợ là người giúp việc và những người nhặt rác là kỹ sư vệ sinh. Một vài vật thể dường như lại phát sinh nhiều cách nói trại hơn những vật khác. Từ ngữ kết hợp với chức năng tổng thể là một trường hợp thiết yếu, và có thể thấy bằng cách xem xét sự đa dạng của những từ ngữ được sử dụng cho từ "gong". Nhưng cái gong bắt đầu trở nên thô thiên và được thay thế bằng từ Latinh là *necessarium*. Sau đó cái phòng đó được gọi là *nhà xí* (còn bây giờ chúng ta gọi là *phòng tắm*), mà cái tên được ẩn đi bằng cách viết tắt là *WC*.

Theo lo-gic, trong tất cả cách sử dụng ngôn ngữ, chúng ta cần ghi nhớ rằng cách dùng một từ, dù từ ngữ là "tốt" hay "xấu", chính nó không thể bảo đảm sự tồn tại những nét đặc trưng mà nó hàm ý. Chúng ta sẽ có cơ hội tìm hiểu cận kề hơn về lối nói trại và sự đổi lập

của chúng khi chúng ta nghiên cứu những lỗi theo lo-gic trong Phần II.

- Từ ngữ là những âm thanh được cấu thành để đáp ứng cho những biểu tượng về những vật chất nó mang tên. Một vật có thể được đặt bằng bất cứ tên gì, miễn là mọi người đồng ý sử dụng từ hoặc nhóm từ như nhau để gọi nó. Như vậy, có một sự liên kết không tự nhiên giữa một từ ngữ và vật thể nó biểu tượng hóa.

- Tuy nhiên chúng ta hay cho rằng từ ngữ có một sức mạnh đặc biệt, tin rằng chúng rất linh thiêng hoặc có ma thuật trong sử dụng thông thường.

- Chúng ta cũng sử dụng những từ ngữ nào đó để vận dụng cho thực tế, trong một sự chọn lựa theo cảm giác những lời nói trại để ám chỉ những sự vật, sự việc xấu để chúng có thể trở nên hay hơn.

- Cả hai xu hướng trên thì hoàn toàn ít xúc cảm trong động cơ thúc đẩy của chúng và có khuynh hướng che đậy đi sự phân tích của chúng ta của một vấn đề. Trong tranh luận, chúng ta nên ngăn chặn chúng.

4. Sự Hữu Dụng của Ngôn Ngữ

Một giá trị cơ bản mà ngôn ngữ có thể được sử dụng là cung cấp thông tin về thế giới, thí dụ: "Cái bàn này được làm bằng gỗ sồi" hay "Tôi làm mất đồng hồ rồi". Mục đích chủ yếu của ngôn ngữ là truyền tải thông tin được miêu tả, không phức tạp, không mơ hồ. Nhưng có lẽ chúng ta cũng sử dụng ngôn ngữ để biểu lộ cảm giác của mình hay để gọi lên cảm giác của người khác. Chúng ta hét lên "Thật là một ngày đẹp trời!", không cho người khác biết về thời tiết nhưng để biểu lộ niềm vui của ta về nó. Hoặc chúng ta có thể nói với chủ nhà: "Đường như ở đây hơi lạnh", không như một lời nhận xét bình thường nhưng để thuyết phục họ bật máy điều hòa.

Nói ngắn gọn, ngôn ngữ có thể được sử dụng không chỉ cung cấp tin tức mà còn trình trọng và gây xúc cảm, giữa một sự đa dạng của những giá trị sử dụng khác. Mỗi giá trị sử dụng có phạm vi hợp lý của nó. Những gì có thể đáng chê trách, tuy nhiên, nó lại gây nhầm lẫn đối với những người khác. Một vài sự nhầm lẫn về ngôn ngữ và mục đích chỉ đơn thuần là sự tiêu khiển. Lời chào "Bạn khỏe không?" thực sự không phải là một lời yêu cầu thông tin về tình trạng sức khỏe của người khác. Câu trả lời thích hợp rất đơn giản "Tôi khỏe, cảm ơn bạn".

Quan trọng hơn sự nhầm lẫn này giữa giá trị sử dụng trang trọng của ngôn ngữ với giá trị thông tin là sự nhầm lẫn của biểu lộ cảm xúc và cung cấp tin tức. Trong những trường hợp như thế, ngôn ngữ có thể được sử dụng không thích hợp với mục đích và có thể đưa chúng ta tới mục tiêu một cách vòng vo hay làm lạc hướng chúng ta. Bài diễn văn "*Cây Thập Giá Bằng Vàng*" (Cross of Gold) nổi tiếng của William Jennings Bryan đối lập với bằng vị vàng đưa ra một thí dụ minh họa sâu sắc về ngôn ngữ cảm xúc. Sự mạnh mẽ của nó, được trình bày trong những từ cuối như sau: "Bạn sẽ không đè nặng lên trán người lao động những bụi gai này. Bạn sẽ không đóng đinh nhân loại lên một cây thập giá bằng vàng!" Yêu cầu khẩn khoản của Bryan lợi dụng những cảm giác sâu kín kết hợp với chủ nghĩa tượng trưng thuộc về tôn giáo của bức tượng Chúa Giê-xu bị đóng đinh trên thánh giá, cây thập giá và đầu những bụi gai. Bằng sự liên kết những vấn đề của bằng vị vàng với những biểu tượng tôn giáo này, bài diễn văn đã cố gắng chuyển tải đến biểu tượng vàng những cảm xúc mạnh mẽ với những biểu tượng tôn giáo này được củng cố lâu dài.

Yếu tố chủ chốt để cô lập khi tìm hiểu chắc chắn một giá trị sử dụng ngôn ngữ được đưa ra thích hợp hay không là mục đích của nó. Có phải mục đích chủ yếu của sự truyền đạt thông tin là để cho một người nào đó biết? Nó có biểu lộ những cảm xúc nào đó? Nó có ý định khiến chúng ta làm một điều gì đó hay không? Có lẽ nó là tất cả cùng một lúc? Để thiết lập mục tiêu, cần cân nhắc ngôn ngữ có được bảo vệ với mục tiêu đó hay không. Nếu những cơ sở lập luận riêng lẻ đang bị đe dọa, một việc sử dụng quá nhiều ngôn ngữ được màu cảm xúc có thể chỉ là một cản trở và được đánh giá với sự ngờ vực. Thậm chí nghệ thuật tu từ sẽ bị lãng đi, nơi mà thông tin là mục đích duy nhất. Với những cơ sở lập luận được truyền đạt một cách hiệu quả nhất khi chúng được bắt đầu trong một cách thẳng thắn và khách quan.

Sự thật là ngôn ngữ cảm xúc thường bị hạn chế hợp lý không có nghĩa trong bất cứ cách nào trong một kiểu mẫu kém hơn của ngôn ngữ. Một nhà thơ, thuộc lĩnh vực hàng đầu không phải là lý trí, có khả năng đạt được mục đích của họ bằng cách lựa chọn từ ngữ mà chúng ta có thể đánh giá cao bằng những cảm giác đúng hơn là lý trí của mình. Điều này có lẽ là ý nghĩa lời nhận xét của T. S. Eliot rằng thi ca nói chung có thể truyền đạt được ý nghĩa của nó trước khi người ta có thể hiểu. Đó cũng chắc chắn là nguyên nhân của cơ sở lập luận những cố gắng để biến đổi một bài thơ thành những thuật ngữ hoàn toàn dễ hiểu bởi lý trí của chúng ta có khuynh hướng triệt phá nét đặc trưng mà nó có giống như một bài thơ. Người ta nói rằng Alfred Noyes Tennyson đã phản đối câu nói của William, "Và ngồi trên bãi cỏ cùng thưởng thức thức uống thơm ngát chiết từ thảo mộc Trung Quốc" Tennyson nêu lên câu hỏi "Tại sao ông ta không nói: Ngồi trên bãi cỏ uống trà?", tuy nhiên, lấy câu của những từ đặc để miêu tả và dẫn chứng những khía cạnh đặc biệt nào đó về kinh nghiệm dùng trà, mặc dù nó chỉ đạo để giữ lại nội dung về ngữ nghĩa học. Mục đích của các nhà thơ, cũng như của tất cả giá trị sử dụng của ngôn ngữ, là để tận dụng các từ ngữ thích hợp cho nhiệm vụ sắp tới.

Tuy nhiên, giá trị cảm xúc của một bài diễn văn hay tiểu luận không liên quan đến giá trị hợp lý của nó. Khi chúng ta đọc hay nghe một quan điểm hợp lý, chúng ta chỉ quan tâm đến nội dung thông tin của lời nhận xét và hỗ trợ một số lời phát biểu đến những người khác.

Đúng là như thế, nó là một tín hiệu của sự tinh tế có thể nhận ra những giá trị sử dụng khác nhau của ngôn ngữ và để đánh giá những trường hợp của mỗi giá trị sử dụng bởi tiêu chuẩn thích đáng của chúng. Nhưng, khi chấp nhận rằng không có một bài diễn thuyết hay tiểu luận nào đơn thuần là không có giá trị bởi vì nó gây cảm xúc, chúng ta cần kèm chế trong suy nghĩ và cảm giác rằng mức độ cảm xúc của một lý luận không có nảy sinh bất cứ điều gì trên giá trị của nó.

5. Sự Tối Nghĩa và Mơ Hồ

Sự tối nghĩa và mơ hồ thì tương tự như nhau, chúng đều là đặc tính của ngôn ngữ không chính xác. Tuy nhiên, có một sự phân biệt giữa chúng. Một từ hoặc sự miêu tả được gọi là *tối nghĩa nếu nó có nhiều hơn một nghĩa*. Nó *mơ hồ nếu ý nghĩa của nó không rõ ràng*. Ngôn ngữ tối nghĩa gây khó khăn cho chúng ta với một số ý nghĩa, mà vấn đề ý nghĩa nào chính xác thì khó mà xác định được, trong khi mơ hồ chúng ta có nhiệm vụ phải tìm ra bất cứ những ý nghĩa nào mà nó có. Nói: "Đó là một quyển sách tôi nhất mà tôi từng đọc" là một lời nhận xét tối nghĩa. "Ồi, một quyển sách" là câu mơ hồ.

Trong nhiều trường hợp ngữ cảnh (context), ngôn ngữ tối nghĩa nảy sinh sẽ xác định ý nghĩa nào được ngụ ý. Tâm quan trọng của ngữ cảnh tất yếu không phải là một khuyết điểm của ngôn ngữ nhưng đúng hơn là một dấu hiệu của sự linh động. Cho đến khi đặt vào một ngữ cảnh cụ thể, một vài từ ngữ hoàn toàn có lợi nhất thiết vẫn không được xác định. Ví dụ, "rầu" cũng có nghĩa là "buồn" và cũng có nghĩa là "lo lắng". Tuy thế, nếu chúng vẫn không xác định vị trí trong một ngữ cảnh, những từ ngữ như thế được gọi là tối nghĩa.

Trường hợp mơ hồ thì khác. Một số từ ngữ thường rất mơ hồ, không kể tới ngữ cảnh, với những ý nghĩa của chúng không đơn thuần và không xác định mà còn không rõ ràng. Ví dụ, từ *giàu* có luôn mơ hồ, vì nó không bao giờ rõ ràng sự giàu sang một con người có được là bao nhiêu trước khi dành để gọi họ giàu sang. Không giống như tối nghĩa (sự thật là ngữ cảnh thay đổi nghĩa của từ), mơ hồ có một số nguyên do. Đôi khi mơ hồ chỉ phản ánh sự nhầm lẫn của chúng ta. Ví dụ, ở độ tuổi nào một người được gọi là "trung niên"? Và một người bị hỏi như thế nào trước khi chúng ta gọi một cách chính xác là người đó "bị hỏi đầu"?

Tuy thế, ở những thời điểm khác, mơ hồ không liên quan tới sự khiếm khuyết về mức độ rõ ràng nhưng đúng hơn là sự bào mòn tự nhiên của ngôn ngữ. Những từ ngữ nào trở nên cần cỗi do việc lạm dụng, làm mất đi tính chính xác mà chúng có. Những từ thuộc về phạm trù này bao gồm *tốt, thú vị, tuyệt, tao nhã* và *được ưa chuộng*. Trong điều kiện một vài từ mơ hồ chứa đựng quá nhiều nghĩa, chúng sẽ mất đi tính chính xác. Ví dụ: *dân chủ, chủ nghĩa cộng sản, nghệ thuật, sự tiến triển, văn hóa* và thậm chí ngay cả từ *mơ hồ*. Trong những trường hợp như thế những thuật ngữ cần được định nghĩa trước khi sử dụng. Cuối cùng, ví dụ một từ ngữ vừa tối nghĩa lại vừa mơ hồ - đó là từ *nghệ sĩ*.

- Ngôn ngữ có thể được sử dụng theo một lối đơn giản để đem lại thông tin, để biểu lộ cảm xúc hay gọi lên trong người khác cảm xúc, đưa ra những chỉ dẫn hoặc trình tự (một cách trực tiếp), hay hướng dẫn tiêu chuẩn trao đổi xã hội (trịnh trọng).
- Khi những giá trị sử dụng này bị xáo trộn, ngôn ngữ được chọn có thể không thích hợp với tình huống, và do đó không đạt hiệu quả.
- Nếu một tranh luận được bày tỏ nhiều hơn ngôn ngữ cung cấp thông tin, xác định những ý nghĩa cơ bản làm cho chúng ta đánh giá nó tốt hơn.
- Một từ hoặc một biểu hiện có thể hiểu hơn một nghĩa được xem là tối nghĩa
- Một từ hoặc một biểu hiện không được rõ ràng gọi là mơ hồ.
- Mơ hồ có thể là kết quả từ sự lẫn lộn về ý nghĩa chính xác của một từ; nó cũng có thể phản ánh sự lạm dụng của từ ngữ.

6. Những Tranh Luận về Từ Ngữ

Trong sự khảo sát của chúng ta về vai trò của ngôn ngữ trong tranh luận, thật quan trọng để tạo nên một sự phân biệt giữa hai dạng của tranh luận, tranh luận thực tế và tranh luận về từ, trước khi tiến tới phân tích những tranh luận cụ thể trong Phần II. Một tranh luận được cho là thực tế khi một ý kiến cho rằng một nhận xét nào đó là thật trong khi một số ý kiến khác cho là sai. Những tranh luận thực tế nảy sinh khi những quan điểm khác nhau xác thực tồn tại đối với những vấn đề thực tế.

Mặt khác, tranh luận về từ hay ngôn ngữ xuất hiện khi một ý kiến tin rằng một nhận xét nào đó là đúng trong khi một ý kiến khác cho rằng nhận xét khác là sai. Đúng hơn là một ý kiến khác nhau trên cùng một nhận xét, có một quan điểm khác trên cùng một vấn đề. Như thế trường hợp những ý kiến tranh luận bất đồng bởi không ý kiến nào nhận thức rõ tranh luận bên nhận xét như nhau.

Trong tranh luận về từ những ý kiến có hoặc không thể được tán thành đối với sự kiện trong những trường hợp, bởi vì cách mà mỗi người hiểu những từ ngữ mấu chốt trong tranh luận, họ không thể nói lên tranh luận của họ thật sự không kể đến họ có đồng ý hay không. Những lý luận về "Ông Trời" xảy ra thường xuyên trong trạng thái tự nhiên này. Trong những lý luận như thế đó là một sự đánh giá một tranh luận để thấy rằng, từ những nghĩa mỗi ý kiến về Ông trời đều khác nhau, không tranh luận về tất cả những vật chất giống nhau. Một sinh viên khoa thần học đã thốt lên sau một tranh luận điển hình: "Bây giờ tôi hiểu rồi! Ông Chúa trời của bạn là ma quỷ của chúng tôi, và ma quỷ của chúng tôi là Ông trời của bạn!"

Thông suốt chương này, chúng ta thấy những từ ngữ không đơn thuần chỉ đáp ứng cho việc truyền đạt thông tin mà còn cả cảm giác, thái độ và quan điểm. Từ những từ ngữ giống nhau có thể truyền đạt thông tin, thỉnh thoảng cũng được dùng để biểu lộ cảm xúc và quan điểm, chính là nguyên nhân của những sự nhầm lẫn về từ rất thường xuyên. Để có được sự nhất trí, những ý kiến tranh luận phải phù hợp không chỉ đối với những ý nghĩa mô tả của chúng mà còn cả những ý nghĩa biểu lộ đạt yêu cầu.

Một thí dụ thích đáng là từ sự xâm lược, đặc biệt được sử dụng trong tranh luận quốc tế. Trong khi ý kiến của hai quốc gia có thể thống nhất có nghĩa diễn đạt (expressive) của từ - đó là một từ "xấu"- họ không thống nhất về ý nghĩa mô tả (descriptive) của nó. Vì thế, đối với một bên, sự xâm lược dường như không bao gồm sự tuyên truyền; không đưa thiết bị quân sự, không đưa cơ quan tình báo hay tiếng súng vào một quốc gia khác, không thiết lập quân đội nước ngoài với cơ quan chỉ thị chính yếu... Đối với bên kia, tất cả những cái trên là hành động xâm lược. Giờ đây, bên này chê trách bên kia là đạo đức giả khi bên kia từ chối trách nhiệm về việc làm sai trái của "sự xâm lược" là không hiểu được những vấn đề

của ngữ nghĩa học tiềm ẩn sự hiểu lầm này. (TQ hiệu đính, một bên mang quân đội, v.v... vào một nước khác, họ không coi đó là hành động xâm lược, mà là hành động giải phóng, trong khi bên kia thì coi việc sử dụng quân đội, v.v... là hành động xâm lược. Hai bên đồng ý về ý nghĩa diễn đạt của từ "xâm lược" là xấu sa, nhưng hai bên không đồng ý về ý nghĩa diễn đạt của từ "xâm lược": thế nào được coi là xâm lược).

Một thí dụ khác, hãy tưởng tượng một tranh luận về sự xâm lược mà có một sự tán thành trên ý nghĩa của từ nhưng một bên nhấn mạnh rằng nó không chỉ miêu tả tính tự lợi được khai sáng, trong khi một ý kiến khác cho rằng nó phải đáng lo ngại. Sau đó, những tranh luận về từ có thể nảy sinh trong cả hai chiều hướng: (1) mặc dù khi cả hai bên góp phần tham gia vào mức độ gây cảm xúc giống nhau của vấn đề, không giống như sự am hiểu về mức độ miêu tả; (2) hay mặc dù khi cả hai bên đều thống nhất trong những mức độ miêu tả của vấn đề, có những câu trả lời hoàn toàn khác nhau về mức độ gây cảm xúc. Cả hai dạng tranh luận về từ thường được bổ sung bởi một khả năng phán đoán của vấn đề nan giải. Những người cảm thấy không chắc chắn trong những cuộc tranh luận hay họ nên tiến hành như thế nào. Trong những trường hợp này, phương thức tốt nhất là để xác định vị trí bằng cách tìm hiểu một ý kiến khác về những gì họ muốn nói bởi những thuật ngữ của vấn đề.

Một tranh luận có thể bằng lời nói cho đến khi có một khả năng phán đoán xa hơn, như trong câu hỏi thường gặp sau đây đối với những sinh viên mới bắt đầu của khoa triết học: Một cái cây ngã trong một khu rừng bỏ hoang có gây ra một âm thanh không? Rõ ràng chỉ có một từ mấu chốt trong câu hỏi này và đó là từ âm thanh. Từ câu trả lời chúng ta sẽ có khuynh hướng đưa câu hỏi này phụ thuộc vào ý nghĩa mà chúng ta gán cho từ đó, thật quan trọng nếu chúng ta thiết lập sự khởi đầu chỉ với những gì nó hàm ý. Đáng tiếc, khi được sử dụng trong ngữ cảnh này, nó là tối nghĩa, bởi vì nó có thể vừa là một cảm giác có thể nghe thấy (a) hay một chuỗi sóng trong không khí có khả năng gây ra một cảm giác có thể nghe thấy (b) khi chúng tác động vào tai con người. Vì vậy, câu hỏi cây ngã trong một khu rừng bỏ hoang có tạo nên âm thanh hay không có thể trả "có" hoặc "không" - một trong hai câu trả lời đều hợp lý như nhau phụ thuộc vào ý nghĩa mà chúng ta gán liền cho từ then chốt. Chúng ta có thể trả lời "Vâng, nó tạo nên âm thanh, nếu chúng ta muốn nói âm thanh ở đây là 'sự dao động trong không khí'. Những dao động như thế nảy sinh một cách hiển nhiên mọi người ở đó có thể tiếp nhận được chúng hay không. Mặt khác, chúng ta cũng có thể trả lời: "Không, nó không tạo ra âm thanh, nếu chúng ta muốn nói âm thanh là sự cảm nhận những cảm giác hiện thời. Khi không có ai ở đó để cảm nhận những cảm giác như thế thì ta nói không có âm thanh nào được tạo ra". Tranh luận truyền thống không còn sử dụng được nữa để trả lời câu hỏi này theo từng chữ một về bản chất, với cuộc tranh luận đưa ra sự nhầm lẫn ở đó là một sự khác nhau trong một vấn đề riêng lẻ giữa những ý kiến khi sự thật chúng tranh luận về hai vấn đề riêng biệt.

7. Định Nghĩa

Bất cứ ai đưa ra một cuộc tranh luận cho sự cân nhắc nghiêm túc là một nhiệm vụ để phát biểu giả thuyết và kết luận của họ một cách rõ ràng. Một phương pháp tạo nên một cuộc tranh luận rõ ràng là đưa những định nghĩa của những thuật ngữ mấu chốt. Một định nghĩa là một lời nhận xét rằng một từ hay một cụm từ có ý nghĩa giống như một từ hoặc cụm từ khác. Nó gồm có 3 yếu tố: (1) sự diễn tả được định nghĩa, mà những nhà lo-gic học gọi là một từ hay ngữ đang được định nghĩa; (2) sự diễn tả hạn chế nội dung của từ hay ngữ, gọi là xác định đặc điểm và (3) một sự khẳng định hay sự quy định rằng sự diễn tả được định nghĩa có cùng ý nghĩa như sự diễn tả hạn chế nội dung của từ hay ngữ. Thí dụ, nếu chúng ta chấp nhận tài liệu gốc của Tân từ điển Webster, từ cơ duỗi có thể được trình bày rõ ràng như: Cơ duỗi có nghĩa là "một cơ bắp hỗ trợ cho việc co duỗi một bộ phận của cơ thể (như chân, tay)". Sự biểu hiện được định nghĩa (một từ hay một ngữ đang được định nghĩa) là từ cơ duỗi, một từ không quen thuộc lắm với hầu hết chúng ta. Sự biểu hiện hạn chế nội dung của từ hay ngữ (định nghĩa) là "một cơ bắp hỗ trợ cho việc co duỗi một bộ phận của cơ thể (như chân, tay)", một mệnh đề mà chứa những từ ngữ rất quen thuộc với chúng ta.

Những nhà lo-gic học tham khảo những định nghĩa giống như vậy từ Tân từ điển Webster như những định nghĩa tường thuật (reportive definitions) và đối chiếu chúng với những định

nghĩa ước định (stipulative definitions). Một định nghĩa tường thuật như một lời phát biểu rằng một từ ngữ hay cụm từ được sử dụng trong một kiểu cách nào bởi một nhóm ngôn ngữ học cụ thể, ví dụ như những phát ngôn viên của Anh Ngữ tiêu chuẩn. Mặt khác, một định nghĩa ước định là một lời phát biểu bởi một người nói hay người viết có ý định sử dụng một từ trong một đường lối nào đó. Định nghĩa tường thuật có thể được đánh giá là đúng hoặc sai. Những định nghĩa ước định có thể chỉ được đánh giá là hữu ích hay vô ích. Trong nhiều trường hợp dạng hữu ích nhất của định nghĩa cho mục đích của tranh luận là một sự kết hợp giữa tường thuật và ước định. Chúng ta hãy gọi nó là định nghĩa bình giải (explicative definition).

Một từ ngữ tùy thuộc vào một định nghĩa bình giải có một điểm mấu chốt mà mọi người đồng ý, nhưng phần tối nghĩa mờ hồ phải được gạn lọc trước khi sử dụng trong tranh luận. Một định nghĩa bình giải chấp nhận cách sử dụng thống nhất của sự mô tả được định nghĩa nhưng tiếp tục ước định sự mô tả đó được sử dụng như thế nào trong những trường hợp không được làm rõ ràng bởi từ điển tường thuật của nó thống nhất về cách sử dụng. Thí dụ, giả sử một người đang tranh luận rằng những quốc gia trong khối thị trường chung Châu Âu nên tạo thành một cộng đồng liên bang. Anh ta sẽ phải định nghĩa thế nào là cộng đồng liên bang. Định nghĩa phải phù hợp với lối mô tả được sử dụng bởi những người nói. Thí dụ, một người không thể xem nhẹ sự mô tả định nghĩa ý kiến của những thực thể chính trị độc lập từ bỏ chủ quyền của họ đến một chính quyền trung ương. Tuy nhiên, một tường thuật không đáng kể về cách sử dụng chuẩn của cộng đồng liên bang sẽ không được rõ ràng bao nhiêu và hình thức chủ quyền nào một nhóm thực thể chính trị độc lập sẽ phải từ bỏ một chính quyền trung ương để kể đến như một cộng đồng liên bang. Ở điểm này, anh ta sẽ phải ước định từ ngữ được sử dụng như thế nào trong lý lẽ riêng biệt của anh ta. (TQ hiệu đính, ý chính của đoạn này là, có những từ khái quát chúng ta cần phải định nghĩa trước khi tranh luận; những từ đó như "cộng đồng", "liên bang", "đoàn kết", v.v.... Ví dụ, chúng ta hiểu thế nào là đoàn kết, nhưng "đoàn kết" bao nhiêu thì mới được coi là đoàn kết, và nếu thiếu một chút thì gọi là gì?).

Định nghĩa của từ điển Webster về cơ duỗi là một ví dụ về những gì các nhà lo-gic học gọi là định nghĩa mỗi dấu hiệu phân biệt đặc trưng (per genus et differentia). Một định nghĩa về mỗi dấu hiệu phân biệt đặc trưng là một sự mô tả định nghĩa nói đến điều khoảng đối với những lớp cùng chủng loại của nó và sau đó phân biệt nó từ tất cả những hạng loại khác trong tầng lớp đó. Thí dụ, Webster phân loại một cơ duỗi như một cơ bắp và sau đó tiếp tục chỉ ra loại cơ bắp cụ thể đó. Không phải tất cả các từ ngữ đều có thể định nghĩa theo hướng đó, nhưng có nhiều từ vẫn có thể, và một định nghĩa hoàn chỉnh mỗi dấu hiệu phân biệt đặc trưng là một công cụ đặc trưng của tư duy.

Mục tiêu của một định nghĩa hoàn chỉnh là phải rành mạch. Sự mô tả hạn chế nội dung của từ hay ngữ phải rõ ràng đối với người nghe hoặc người đọc hơn sự mô tả định nghĩa. Nó không sử dụng sự hạn chế nội dung của từ hay ngữ làm một từ then chốt của một lý lẽ trong những từ ngữ mà chính chúng là mờ hồ hay không rõ nghĩa, đối với giá trị của những định nghĩa được đưa ra đó là sự tương đồng về mặt ngữ pháp với từ hay cụm từ được định nghĩa, về ngữ nghĩa, sự mô tả hạn chế nội dung của từ của bất cứ định nghĩa nào được thay thế trong bất cứ ngữ cảnh thuộc ngôn ngữ học nào đối với sự mô tả định nghĩa. Định nghĩa trên về cơ duỗi đáp ứng nhu cầu này, từ đó cơ duỗi là một danh từ và "một cơ bắp hỗ trợ cho việc co duỗi..." là một cụm danh từ.

Một định nghĩa tường thuật hoàn chỉnh phải thật chính xác. Một định nghĩa là chính xác nếu và chỉ nếu sự mô tả hạn chế nội dung của từ chỉ áp dụng vào tất cả những mục mà sự mô tả định nghĩa của nó được ứng dụng. Nếu sự mô tả hạn chế nội dung của từ của một định nghĩa chỉ áp dụng vào một vài điều khoảng được gọi tên một cách chính xác bởi sự mô tả định nghĩa, sau đó chúng ta nói rằng định nghĩa định nghĩa bị hạn chế. Giả sử, thí dụ một người nào đó định nghĩa từ giáo dục là "sự phát triển của khả năng để hiểu một cách rõ ràng". Ngữ định nghĩa của nó bao trùm phần mà sự mô tả định nghĩa nói đến một cách chính xác. Nhưng bởi vì nó không được áp dụng cho những trường hợp chính xác của giáo dục - ví dụ, sự phát triển của thị hiếu văn chương hay sự am hiểu lịch sử - định nghĩa quá hạn chế. Mặt khác, giả sử một ai đó định nghĩa giáo dục là "sự điều chỉnh tổng thể của cá

nhân đối với môi trường của họ". Định nghĩa này là quá khái quát. Sự mô tả hạn chế nội dung về từ của nó áp dụng vào những hoạt động và quy trình mà chúng ta không tính toán được những điều ám chỉ của giáo dục, thí dụ, sự phản xạ của cái chớp mắt.

Cách để kiểm tra độ chính xác của định nghĩa, rất đơn giản: nó phải được đặt vào những thí dụ. Người ta nên cố gắng suy nghĩ về một điều gì đó mà sự mô tả định nghĩa ám chỉ rằng sự mô tả hạn chế nội dung của từ không bao trùm, hay ngược lại. Nếu điều đó có thể được thực hiện, định nghĩa không được chính xác và ví thế, đối với mục tiêu của lý luận chính xác trở nên vô ích.

Khi viết một bài tiểu luận có luận chứng, thông thường chúng ta cần dành ra nhiều hơn một câu để định nghĩa một từ then chốt. Nó thường đòi hỏi một đoạn văn - đôi khi là một phần của bài tiểu luận- để phát triển định nghĩa. Ba đoạn văn sau trích từ Phạm vi của tiểu thuyết của Cleanth Brooks và Robert Penn Warren chỉ là điểm bắt đầu những cố gắng của họ để làm rõ ràng hơn những gì họ muốn nói khi chúng ta cho rằng cốt truyện của một quyển sách tiểu thuyết:

"Bây giờ chúng ta sẽ cố gắng tạo ra một nhận xét có hệ thống về tự nhiên của cốt truyện. Có lẽ chúng ta bắt đầu với - khái niệm: Có thể nói cốt truyện là những gì xảy ra trong một câu chuyện. Nó là chuỗi những sự kiện tự duy như sự khác nhau từ những người đã dồn hết tâm trí vào những sự kiện và sự khác nhau từ những ý nghĩa của sự kiện. Chúng ta tạo nên một sự phân biệt như thế thậm chí chúng ta biết thật sự chúng ta không thể tách rời một hành động từ một cá nhân đưa ra nó, hoặc từ ý nghĩa của nó như một hành động. Nét độc đáo là điều chúng ta tạo ra trong đầu mình và không có sẵn trong tiểu thuyết hư cấu. Để hiểu rõ hơn về bản chất tự nhiên của một câu chuyện, chúng ta phân tích tính đồng nhất mà câu chuyện và những gì chúng ta trải qua trên thực tế trước khi quá trình phân tích được bắt đầu."

Cốt truyện là những gì xảy ra trong một câu chuyện - đó là một đại khái hoàn chỉnh- and ready cách để đặt vấn đề. Nhưng chúng ta xét tới một bước xa hơn. Chúng ta có thể nói, cốt truyện là cấu trúc của một hoạt động hiện tại trong một quyển sách tiểu thuyết. Chúng ta sẽ nhận thấy, nó không phải là cấu trúc của một hoạt động mà chúng ta tình cờ tìm thấy, mà là tự chúng mang đến cho ta. Chúng ta dựa vào sự tương phản này giữa một hoạt động "thô"- hoạt động giống như nó nảy sinh ra trên thế giới - và một hoạt động trong câu chuyện, đó là những hoạt động được thực hiện khéo léo bởi người kể chuyện.

Ở đây chúng ta đang sử dụng từ hoạt động theo một lối đặc biệt. Chúng ta không có ý nói một sự kiện riêng lẻ - John đập Jim bằng một hòn đá, Mary đặt quyển sách lên kệ. Chúng ta muốn nói về những chuỗi sự kiện, một sự vận động suốt thời gian, biểu lộ tính đồng nhất và đầy ý nghĩa. Nó là một chuỗi các sự kiện được liên kết vận động suốt ba giai đoạn một cách hợp lý - phần mở đầu, phần giữa và phần kết thúc. (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice Hall, 1960, trang 51-52)

Dù chúng ta miêu tả được hay không những gì Brooks và Warren đang thực hiện như việc đưa ra một định nghĩa về từ cốt truyện văn chương hay gạn lọc khái niệm của có truyện trong tiểu thuyết, sự tranh luận của họ là một thí dụ rõ ràng về những gì người ta thường phải làm để loại trừ từ bài diễn văn hay tác phẩm, từ suy nghĩ những từ tối nghĩa và mơ hồ.

Một tranh luận về từ hay ngôn ngữ học khác với một tranh luận thực tế về một vấn đề được đưa ra. Trong tranh luận về từ, một ý kiến tin rằng một nhận xét nào là đúng một ý kiến khác lại cho là sai. Sự bất đồng ý kiến dẫn đến vấn đề: lời nhận xét nào sẽ được thảo luận?

- Những tranh luận về từ duy nhất gây sự chú ý của chúng ta, rất khó để nói tranh luận thực tế là gì, hoặc nếu nó cùng tồn tại.

- Để hiểu những tranh luận đó và những tranh luận thực tế, những ý kiến phải thống nhất về cả ý nghĩa miêu tả và biểu lộ của ngôn ngữ và nhận xét được sử dụng. Một bước quan trọng trong việc xây dựng một lý lẽ rõ ràng là đưa ra những định nghĩa của từ hay hình minh họa nổi bật. Nếu một định nghĩa rõ ràng có thể hạn chế được những tranh luận về từ.

- Một định nghĩa hoàn chỉnh phải chính xác và dễ hiểu hơn từ ngữ mà nó định nghĩa. Nó cũng phải được tập trung vào: đủ rõ ràng để bao hàm tất cả những trường hợp có thể biết

và hình dung được vật chất được miêu tả, và đủ hạn chế để loại trừ bất cứ những gì còn lại từ việc phù hợp với định nghĩa giống nhau.

- Một định nghĩa tường thuật sắp đặt một từ hay một ngữ được sử dụng như thế nào bởi một nhóm ngôn ngữ tổng thể (thí dụ, những người nói tiếng Anh chuẩn). Đây là nghĩa thông dụng của từ.
- Một định nghĩa ước định miêu tả một cách riêng biệt mà một người nói hay người viết có ý định sử dụng một từ trong một thời gian ngắn. Do đó, đây có thể là một định nghĩa khác với ý nghĩa thông thường.
- Một định nghĩa giải thích kết hợp với những định nghĩa tường thuật và ước định là một loại hình sử dụng hiệu quả nhất trong lý luận.

8. Nghệ Thuật Nói Chuyện Trực Tiếp

Sự rõ ràng trong việc trình bày một lý luận không thể chỉ được hoàn tất qua việc sử dụng định nghĩa. Nó cũng đòi hỏi phải chú ý đến văn phong. Văn phong hay là một vấn đề của việc nói một cách rõ ràng, đơn giản, thích hợp và súc tích những gì mà chúng ta muốn nói. Nếu một vật chất có thể được nói một cách đơn giản, thì tại sao chúng ta lại nói theo cách khác? Thậm chí nếu một vấn đề phức tạp, ít nhất chúng ta nên cố gắng diễn tả nó một cách rõ ràng - với độ chính xác mà chúng ta có thể bao quát. Hoàn tất văn phong hay là để rèn luyện sự thận trọng; ta phải hạn chế việc sử dụng nhiều từ ngữ, từ phức tạp mà ít từ hơn hay những từ đơn giản hơn có thể thay thế.

Thí dụ, văn xuôi phức tạp đã phải sử dụng đến ở thành phố nhỏ Riverhead khi viết thông báo về một luật mới được ban hành:

"Khi rác ở vùng phụ cận gần nhất của một cá nhân và cá nhân đó có tài sản khác thuộc quyền sở hữu trực tiếp mà có tên nhãn hiệu giống nhau, những người đó coi như đã bỏ rác ở vùng phụ cận gần nhất đó."

Có phải đơn giản hơn khi ta nói: "Người giữ những vật dụng giống như rác trong khu phụ cận có rác sẽ bị coi như đã vứt rác bừa bãi."? Và cần nhắc kỷ mệnh lệnh khó hiểu dưới đây đã được ban hành bởi Cục quản trị cộng đồng (Public Administration Bureau) trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai:

"Sự chuẩn bị như thế nên được thiết lập sẽ làm mờ đi hoàn toàn tất cả những cao ốc liên bang và không thuộc liên bang bị chiếm giữ bởi Chính quyền liên bang trong suốt một cuộc đột kích không phận trong nhiều quãng thời gian từ tầm nhìn xa hơn bởi lý do của sự khai trí trong và ngoài nước."

Khi viên chức vô dụng này đưa công văn lên tới bàn Tổng Thống, Tổng Thống Franklin D. Roosevelt bảo một cách ngắn gọn: "Nói với họ rằng trong một tòa cao ốc mà họ phải làm việc, đặt một cái gì đó (như treo cờ) qua cửa sổ". Ưu điểm chính của bất kỳ ngôn ngữ nào là cho phép người sử dụng nói chính xác ý nghĩa được đề cập, không hơn không kém. Những gì chúng ta cần phải nhớ là ngắn gọn sẽ hiệu quả hơn.

Một điều trở ngại cho văn phong hay là câu sáo rỗng (cliche). Một ngôn ngữ có khuynh hướng tích lũy những câu rập khuôn, sáo rỗng này trong lịch sử dài, nhưng trong trường hợp này chúng ta chỉ không sử dụng chúng với lời cảnh báo, mà là không sử dụng hoàn toàn. Một câu sáo rỗng là một mô tả lặp đi lặp lại truyền đạt một vài "chân lý" đó là quá lạm dụng như thế nó trở nên gần như vô nghĩa. Nếu chúng ta tranh luận, "Sự vội vàng sinh ra lãng phí, ví thế chúng ta hãy chậm lại trong việc điều chỉnh sự bất công trong xã hội" ("Haste makes waste, so let us move slowly in righting this social injustice"), cách dùng của chúng ta về một câu sáo rỗng như giả thuyết sẽ làm giảm đi cuộc tranh luận. Bởi vì những câu rập khuôn thì ngắn gọn, hay hóm hỉnh và có vẻ hình thức, chúng luôn đáng lo ngại, để chúng kích lệ sự vô tư lự bởi việc làm mờ đi những điểm chính xác của một vấn đề.

Biện pháp đề phòng suy nghĩ những câu sáo rỗng tốt nhất là phải nhớ rằng, với mỗi cách ngôn phổ biến như thế, một cách ngôn khác có thể được trích dẫn một cách trực tiếp gây

mâu thuẫn với nó.

a. Hai người hợp lại vẫn hơn một người (Two heads are better than one).

b. Hai thuyền trưởng làm đắm một con tàu (Two captains sink a ship).

c. Đừng thay ngựa giữa dòng. (Don't change horses in midstream).

d. Đã đến lúc phải thay đổi. (It's time for a change).

e. An toàn trên hết. (Better to be safe than sorry).

f. Không có mạo hiểm, không gì lợi ích. (Nothing ventured, nothing gained).

Một câu sáo rỗng có thể tìm thấy được để chứng minh - hoặc không chứng minh - cho hầu hết điều gì. Cách sử dụng câu sáo rỗng, rập khuôn trong bất cứ tác phẩm thường cho ta thấy rằng tác giả đã không suy nghĩ kỹ, rõ ràng, hoàn chỉnh trong đề tài và cũng không muốn người đọc như thế.

Tương tự như thế là biệt ngữ (jargon), được Giáo sư Donald Hall mô tả chính xác: "những câu sáo rỗng thuộc về một chuyên môn riêng biệt". Lấy thí dụ những câu dưới đây từ một công bố của Quỹ khoa học quốc gia:

"Quyết định của sự tham gia này là một bộ phận hoàn chỉnh thiết lập sự tán thành bởi Quỹ Khoa Học Quốc Gia (NSF) của sự đề xuất xem xét trong thư quyết định và sự thống nhất để hỗ trợ về mặt tài chính cho dự án được mô tả trong kế hoạch đó ở kết quả của sự cố gắng đã tuyên bố trong thư quyết định tài trợ ngân sách được đề nghị."

Những gì làm cho câu này khó hiểu không phải là cách dùng từ ngữ chuyên môn không quen thuộc với người thiếu chuyên môn, bởi vì nó không có những từ như thế, và thậm chí nếu có, sự kiện đó không tự nó làm nền tảng cho việc phê bình. Đúng hơn, câu trên làm cho người ta khó chịu bởi lối miêu tả của nó, vừa tối nghĩa vừa thổi phồng ý nghĩa của một tư duy đơn giản. Lưu ý cách diễn tả khoa trương ("một bộ phận hoàn chỉnh", "thiết lập", "đề xuất"), việc sử dụng quá nhiều giới từ, và sự hạn chế một mẫu hình trực tiếp của chủ ngữ, động từ và vị ngữ. Những nét đặc trưng văn phong này là những gì được gọi là biệt ngữ. Biệt ngữ là một đặc tính của tâm lý quan liêu, nhưng nó cũng thâm nhập vào văn phong của các ký giả, học giả, sinh viên và học sinh. Bất cứ tác giả nào trình bày một lý luận cân nhắc nghiêm túc có nghĩa vụ phải hạn chế biệt ngữ.

Lối viết hay - một yếu tố cần thiết trong một lý luận chính xác - là đơn giản, súc tích và sử dụng ngôn ngữ thích hợp.

Những câu rập khuôn, sáo rỗng là những biểu hiện được sử dụng quá rộng chỉ làm cho chúng trở nên vô nghĩa. Chúng cho phép chúng ta đơn giản hóa quá mức những điểm câu kỳ của một vấn đề; một lý luận mang phong cách hay sẽ hạn chế chúng một cách cẩn thận.

Biệt ngữ, những câu sáo rỗng hay mô tả tối nghĩa của một nhóm riêng biệt (như những chuyên môn khác nhau), diễn tả những sự vật, sự việc theo một cách phức tạp không cần thiết. Nó thường rất khó nắm bắt và vì thế cũng hiếm khi nằm trong một lý luận văn phong hay.

9. Tóm Tắt

Trong chương này đề cập tới vấn đề ngôn ngữ tạo thành một cầu nối giữa chuỗi lý luận, như việc nghiên cứu lý luận mà đã là vấn đề của Chương 1, và sự phân tích của những lý luận cụ thể, mà ta sẽ nghiên cứu ở Phần 2. Chúng ta thấy rằng ngôn ngữ đã được tận dụng trong bất cứ lời phát biểu nào để xác định ý nghĩa của phát biểu đó. Ngôn ngữ được xem như có liên quan mật thiết với tư duy, thậm chí như là một hình dáng của tư duy.

Ngôn ngữ được coi là biểu tượng hóa hợp lý, trong tất cả những từ ngữ đó là những dấu hiệu quy ước cho những vật chất chúng mô tả - như đối lập với những dấu hiệu tự nhiên mà là những thành phần hay dấu hiệu xấu. Khuyết hướng đánh đồng từ ngữ với những vật chất chúng biểu tượng hóa được chỉ ra để hạn chế sự nhầm lẫn về ngữ nghĩa và làm tăng những lỗi nói trại, ở những vị trí vật chất được đặt ra một tên mới để che đậy những điểm tiêu cực.

Những sự nhầm lẫn khác về mặt ý nghĩa được tìm thấy từ sự khập khiễng giữa dạng ngôn ngữ - như thông tin, cảm xúc, hướng dẫn hay nghi thức - và mục đích của sự thông tin. Hai khuyết điểm làm hỏng đi ngôn từ thông tin là miêu tả không rõ ràng, tối nghĩa, mà nhiều hơn một nghĩa có thể gán cho những từ hoặc ngữ; và mơ hồ, là ý nghĩa không được rõ ràng. Chúng ta lưu ý rằng những cuộc tranh luận có thể là đáng giá, trong trường hợp có sự nhất trí về một vấn đề nào đó; hay là lời tranh luận suông -- trong những tranh luận về từ

hay ngôn ngữ mà người tranh luận không có sự nhận thức rõ về những từ vựng đó. Chúng có thể khác nhau về ý nghĩa miêu tả của ngôn ngữ được sử dụng hay ý nghĩa biểu lộ cảm xúc.

Giá trị sử dụng của định nghĩa đề nghị như một cách hạn chế sự mơ hồ trong một lý luận, không đề cập đến những tranh luận tối nghĩa và về từ. Tuy nhiên, giá trị sử dụng của định nghĩa không đủ để đạt được sự rõ ràng. Người ta đòi hỏi một văn phong giản dị khi mục đích của chúng ta là thuyết phục cho người khác thấy rằng quan điểm của chúng ta là sự công nhận hợp lý và đáng được thừa nhận. Đó là một văn phong hạn chế nhưng cầu rập khuôn, sáo rỗng và biệt ngữ, nói đơn giản và trực tiếp hơn những gì chúng ta muốn nói. Nhưng để chúng ta không nhầm lẫn tính chất dài dòng với độ dài. Một vài điều có thể đòi hỏi nhiều khoảng trống hơn để diễn tả và một số tư duy có thể trở nên quá phức tạp để truyền đạt chỉ với những cấu trúc đơn giản.

Phần II

Chương 3

Những Ngụy Biện do Sự Tối Nghĩa

Fallacies of Ambiguity

Phần II này nghiên cứu những dạng thông dụng của những lý luận sai lầm. Lý luận sai lầm (hay ngụy biện) là một lý luận có khuyết điểm. Mặc dù không hoàn thiện một cách hợp lý, những ý kiến sai lầm thường xuyên thuyết phục chúng ta bởi vì, trong sự xem xét trước tiên, chúng xuất hiện hợp lý trong hình thái và nội dung.

"Ngụy Biện" hay "Sai lầm" (Fallacy) xuất phát từ tiếng Hy Lạp là "phelos", có nghĩa là "lừa dối", được nghĩ ra để thay thế cho sự thất bại về tư của chúng ta.

Những Ngụy Biện thông thường mà chúng ta tìm thấy trong những chương sau, là những lý luận không hợp lý về nội dung, như đối nghịch lại với hình thái hoặc cấu trúc của chúng. Một định nghĩa khó có thể liệt kê tất cả các dạng ngụy biện thông thường. Tuy nhiên, bằng cách cho thí dụ, chúng ta có thể tìm thấy trong cách sử dụng ngôn ngữ xuyên tạc để thực hiện khéo léo nhận thức của chúng ta về một đề tài dưới sự thảo luận ("Bài thi khó khăn của Giáo sư Hedley là không công bằng đối với sinh viên"), trong sự tối nghĩa -- không chủ tâm hay có kế hoạch cẩn thận hay không mà làm mờ đi sự thấu hiểu của chúng ta về những gì được tranh cãi rõ ràng, và trong những lý luận nói lên những sự thích thú đến khuyết điểm nhân tính của chúng ta. Trong những sự sai lầm gần đây, tranh luận cố gắng "quyết định", học hỏi chúng ta đồng ý với một lý luận ngoài cảm giác đáng tiếc hay khiếp sợ, ngoài sự mong muốn của chúng ta là "thành phần của đám đông" hay ngược lại, để phân biệt với đám đông -- thành phần ưu tú nhất. Chúng ta xử lý những sai lầm thông thường bằng cách nhận biết và gạt bỏ những phát biểu tối nghĩa và mơ hồ của chúng, bằng cách tạo ra sự rõ ràng những giả định đáng ngờ của chúng, và bằng cách trình bày những xu hướng của chúng. Thật đáng tiếc rằng những khía cạnh mà những lý luận này trở nên vô ích thường xuyên là những gì phò thác chúng với các thánh giả.

Những nhà lo-gic học của tất cả các giai đoạn đã nghiên cứu những sự sai lầm thường phức tạp và khó phân biệt. Người đầu tiên phân loại những lý luận sai lầm là Aristotle. Aristotle đã chia những lý luận bị sai lầm thành hai nhóm: một số có nguồn gốc ngôn ngữ của chúng, mà bao gồm những sai lầm về sự tối nghĩa, và một số có nguồn gốc ngoài ngôn ngữ, được xem như tất cả các sai lầm khác. Mặc dù có nhiều người có khuynh hướng theo sự phân loại của Aristotle, nhưng sự nghiên cứu một vài sự sai lầm cũng thay đổi theo thời gian, và những sai lầm mới được phát hiện. Một số đã tranh cãi rằng không có sự phân loại những sự sai lầm thích hợp nào tồn tại, từ những hướng đi đến sai sót là rất nhiều và phức tạp.

Vẫn còn những người khác quả quyết rằng, giống như sự nghiên cứu lập luận chính xác, lý luận học không nên có liên quan tới chính nó với lập luận không hoàn hảo. Những tranh luận này hầu như là sự sai lầm của bản thân nó, từ sự tương tự với những lỗi hợp lý thông dụng giúp chúng ta bảo vệ những sự sai lầm - trong những lý luận của người khác và của cả chúng ta - và vì thế đẩy mạnh nguyên nhân của lập luận chính xác.

Trong quyển sách này, chúng ta sẽ rời khỏi hệ thống phân loại hai phần của Aristotle, để chúng ta hải lòng rằng, thật ra, tất cả những sai lầm có nguồn gốc trong một vài khía cạnh

của ngôn ngữ. Vì thế, sự tổ chức của việc nghiên cứu những sai lầm trong Phần II là ba phần, tương ứng với ba cách thức mà ngôn ngữ được sử dụng trong một lý luận sai lầm có thể tìm thấy như nguồn gốc của sự sai lệch. Trong Chương 3, chủ đề là những sai lầm về tội nghĩa mà nó là ý nghĩa phức tạp của những từ ngữ đã tận dụng đó là nguồn gốc của sai lầm. Trong Chương 4, trong những sự sai lầm của giả định, sai sót xuất phát từ cách thức mà những lý luận sai lầm đã tạo thành ngữ tương đồng hay hợp lý như những lý luận chính xác hấp dẫn chúng ta để "coi như là" lập luận phải chính xác bởi nó bao hàm ngôn ngữ tương tự như thể của những lý luận xác đáng. Nhóm cuối cùng, trong Chương 5, gồm có những sai lầm của sự thích đáng, mà ngôn ngữ hay lý luận không thích hợp được đưa ra để làm vững chắc một sự thích thú dễ gây cảm xúc, đúng hơn là một sự thích thú hợp lý. Vì thế, trong khi Aristotle phát hiện những lỗi trong lý luận một cách trực tiếp đến ngôn ngữ chỉ trong trường hợp những sai lầm do sự mơ hồ, chúng ta sẽ thấy nó hữu dụng để nhấn mạnh bản chất ngôn ngữ của lỗi trong những sai lầm của giả định và sự xác đáng.

Sự phân chia ba phần chúng ta phát hiện trong quyển sách này cũng giúp ta hiểu sâu xa hơn bản chất của sự hợp lý hay sự hợp lý mạnh mẽ. Hợp lý là sự nghiên cứu lý luận, và do đó, đưa ra sự tán thành của chúng ta về một lý luận, chúng ta nên luôn chắc chắn rằng chúng ta hiểu rõ ba điều sau đây:

1. Lý luận khẳng định rõ ràng điều gì?
 2. Những sự kiện trong lý luận có được trình bày chính xác hay không?
 3. Lập luận trong lý luận có hợp lý hay vững chắc không?
- Ba phạm trù của sai lầm được kết hợp chặt chẽ với những khía cạnh này của lý luận. Hình thức đầu tiên (những sai lầm về tội nghĩa) có liên quan với những lý luận mà không đạt hiệu quả ngay khi gặp trở ngại ở câu hỏi đầu tiên (lý luận có rõ ràng không?); thứ hai (những sai lầm của giả định) có liên quan với câu hỏi kế tiếp (lý luận có được trình bày chính xác không?); và thứ ba (những sai lầm của thích hợp) có liên quan với câu hỏi cuối cùng (lý luận có hợp lý không?).
- Trong quá trình minh họa ba hình thức sai lầm này, đôi khi nó sẽ hữu dụng để nghiên cứu một số ví dụ vô lý mà không có ai muốn phạm phải. Tương tự như vậy, trong tầm quan trọng của sự ngắn gọn, cho phép chúng ta làm nổi bật sai lầm của vấn đề, chúng ta sử dụng nhiều ví dụ mà chính chúng không bao hàm đầy đủ những lý luận. Những ví dụ như thế đáp ứng cho một mục tiêu tương tự như kính thiên văn hay kính hiển vi trong các lĩnh vực khác: chúng khuếch đại bản chất tự nhiên của vật thể dưới việc nghiên cứu để chúng ta có thể thấy nó rõ hơn. Trong những trường hợp khác, một ví dụ khôi hài có thể được sử dụng để minh họa cho những gì trong thực tế một sai lầm vô cùng nghiêm trọng. Cũng ở đây, những ví dụ sáng tỏ như thế giúp nêu bật bản chất của sai sót, nhưng chúng không phải hướng dẫn chúng ta nghĩ những sai lầm đó không nguy hiểm. Nhiều người của những quốc gia khác nhau nói chung bị sai lừa vì những tuyên truyền sai lầm. Những người được giáo dục tùy nghi trong tất cả thời gian và nơi chốn cần hiểu rõ giá trị những kết quả đúng đắn mà có thể nó là kết quả của những lập luận sai lầm.
- Những sự hiểu lầm về tội nghĩa là những lý luận không hợp lý vì chúng chứa đựng một hay nhiều từ, nhiều chữ hay trong sự kết hợp, có thể được hiểu nhiều hơn một nghĩa. Chúng ta theo dõi trong Chương 2, ngôn ngữ của chúng ta chứa nhiều từ tội nghĩa - những từ ngữ và sự miêu tả nhiều hơn một nghĩa. Khi sự tội nghĩa được trình bày trong một lý luận, lý luận luôn kém chính xác. Chúng ta sẽ nhận thấy trong chương này sáu sai lầm: những sai lầm về lỗi nói lập lờ, câu nước đôi, dấu trọng âm, phép tu từ, sự phân đoạn và sự kết cấu. Mặc dù sự tội nghĩa gây ra sáu sai lầm đó, sự tội nghĩa đặc trưng trong mỗi trường hợp đều khác nhau. Trong lỗi nói lập lờ, sự tội nghĩa xuất phát từ sự kiện những từ ngữ được sử dụng có nhiều hơn một ý nghĩa chính xác và có thể có những ý nghĩa đúng đắn tùy thuộc vào ngữ cảnh (context) của nó. Về câu nước đôi, chúng ta sẽ thấy rằng nó là sự tội nghĩa của cấu trúc câu gây ra sai lầm. Trong trường hợp dấu trọng âm, sự tội nghĩa

được chấp nhận trong âm nhấn hay âm thanh được tận dụng. Trong phép tu từ, sự tối nghĩa là kết quả của việc sử dụng một hay nhiều từ ngữ chỉ có thể tham khảo hợp lý những tồn tại cụ thể nếu nó cũng có thể xem xét về sự trừu tượng. Trong phân đoạn và kết cấu, sự tối nghĩa được chấp nhận nhằm lẫn ý nghĩa chung với ý nghĩa phân biệt của từ. Những sai lầm của sự tối nghĩa có thể gây thú vị trong những trường hợp chúng ta có thể đảm bảo rằng chúng không nguy hiểm. Tuy nhiên, trong trường hợp khác chúng có thể dẫn đến những câu hỏi sâu sắc hay tức khắc mà không có câu trả lời.

Bảng những sự sai lầm của tối nghĩa:

Lỗi nói lập lờ (Equivocation) : Một sự tối nghĩa gây ra bởi một thay đổi giữa hai ý nghĩa hợp lý của một từ. (Trọng điểm: sự tối nghĩa tùy thuộc vào một từ hay ngữ. Tương phản với CẤU NƯỚC ĐÔI). :: Ví dụ: "Nếu bạn tin vào những điều kỳ diệu của khoa học, bạn cũng nên tin vào điều kỳ diệu của Kinh thánh." (Niềm tin vào khoa học và tin vào kinh thánh có giống nhau không?)

Câu nước đôi (Amphiboly) : Một sự tối nghĩa gây ra bởi cấu trúc câu không hoàn chỉnh. (Trọng điểm: sai lầm bao hàm cả câu và không tùy thuộc vào một từ) :: Ví dụ: "Tôi bỏ phiếu bầu cho ứng cử viên độc lập với những hy vọng cao nhất. (Gạn lọc sự tối nghĩa: Những hy vọng của ai? Của ứng cử viên hay của người nói?)

Dấu trọng âm (Accent) :: Một lời phát biểu tối nghĩa vì (1) âm thanh và cách phát âm của nó không rõ ràng; (2) âm nhấn của nó cũng không rõ ràng; hay (3) nó được trích dẫn ngoài ngữ cảnh. :: Ví dụ: (1) "Có thể hết sức tán dương quyển sách này" (Cách nói này trong một giọng nghiêm trang hay châm biếm?) (2) "John nghĩ rằng McIntosh sẽ thành công" (Từ ngữ nào được nhấn mạnh?) (3) "Will Rogers không bao giờ gặp George McGovern?" (Trong tâm hồn người lập dị?)

Phép tu từ (Hypostatization) :: Sự nghiên cứu những từ ngữ trừu tượng như những từ cụ thể, đôi khi thậm chí gán cho chúng những đặc tính của con người (Tương tự như nhân cách hóa) :: Ví dụ: "Thậm chí khi anh ta đã về nhà, công việc sẽ có sức cảm dỗ anh ta, khẳng định ưu thế của nó, và lôi kéo anh ta trở về với nó." (Quan sát chủ ngữ và động từ)

Phân hóa (Division) :: Giả định rằng những gì là chính xác của tổng thể (1) hay một nhóm (2) phải đúng với những phần của các bộ phận (Cố gắng "phân chia" những gì hợp lý của tổng thể giữa các thành phần của nó). :: Ví dụ: (1) "Tôi không thể xé quyển danh bạ điện thoại này thành phần nửa, vì thế tôi không thể xé một trang của nó thành phần nửa." (2) "Đây là hội nữ sinh giàu nhất trong trường; vì thế Mary, một thành viên trong đó, phải là một trong những người giàu nhất ở trường."

Kết cấu (Composition) :: Giả định rằng những điều gì hợp lý của một thành phần trong tổng thể hay một bộ phận của nhóm phải hợp lý với tổng thể hoặc nhóm (Cố gắng "sắp xếp" toàn bộ ngoài những thành phần của nó) :: Ví dụ: (1) "Miếng bánh nướng tôi ăn có hình cái nêm và cũng như miếng bánh nướng của người hàng xóm. Tất cả bánh nướng phải theo hình dạng hình cái nêm." (2) "Một ngày nào đó loài người sẽ biến mất khỏi trái đất, để chúng ta biết rằng mỗi người trong chúng ta sẽ chết." (Có cần phải chờ mọi người cùng chết để biết mỗi con người phải chết không?)

1. Lỗi Nói Lập Lờ

The Fallacy of Equivocation

Vi phạm của lỗi nói lập lờ là cho phép một từ mấu chốt trong một lý luận để thay đổi ý nghĩa của nó trong quá trình của lý luận. Theo nghĩa đen, lỗi nói lập lờ (equivocation) xuất phát từ tiếng Latin. Một từ được sử dụng đơn nghĩa (univocally) nó có nghĩa giống nhau trong mọi ngữ cảnh được đưa ra, được sử dụng lập lờ (equivocally) nếu hai (2) ý nghĩa hay nhiều hơn xảy ra cùng một lúc.

Xem xét ví dụ này:

a. Tôi đã cho bạn biết những lý do của tôi khi thực hiện nó, nhưng thông thường bạn sẽ không lắng nghe lý do vì thế bạn tiếp tục tranh cãi với tôi.

Tranh luận này đánh đồng việc lắng nghe lý do với những lý do về một điều gì đó. Nhưng

tranh luận này rất khác nhau về cách sử dụng từ lý do. Trong cách sử dụng đầu tiên, lý do có nghĩa là "sự hợp lý buộc chúng ta đồng ý với nó". Trong cách sử dụng thứ hai, lý do có nghĩa "một hỗ trợ cho lý luận" mà có thể hoàn toàn không có sức thuyết phục và không buộc chúng ta nhất trí.

Khi sự thay đổi trong ý nghĩa của một từ mấu chốt trong suốt một lý luận đặc biệt tinh tế, phần kết thúc dường như xảy đến một cách rõ ràng từ giả thuyết và lý luận sẽ xuất hiện nhiều âm thanh đáng kể hơn.

b. Trang tài chính của Thời báo Luân Đôn nói rằng tài sản của Luân Đôn hôm nay dồi dào hơn của Luân Đôn ngày hôm qua. Đây phải là một sai lầm, vì Luân Đôn hôm nay không có nhiều tài sản hơn ngày hôm qua.

Nguyên văn: "The financial page of the London Times says that money is more plentiful in London today than it was yester. This must be a mistake, for there is no more money in London today than there was yesterday."

Trong ngữ cảnh của lý luận này, từ dồi dào và hơn ở câu đầu tiên dường như tương đương. Tuy nhiên, trong sự xem xét gần hơn, câu đầu tiên dường như nói về sự phân bố tài sản, còn câu thứ hai nói về số lượng. Sự sai lầm về lỗi nói lập lờ này đặc biệt dễ dàng khi xem xét khi một từ mấu chốt trong một lý luận trở thành một hình thái của lời nói hay một phép ẩn dụ. Bằng cách làm sáng tỏ một phép ẩn dụ theo nghĩa đen, đôi khi chúng ta tự thuyết phục bản thân mình rằng một lý luận lại trở nên hợp lý hơn. Một số ít người dường như có khái niệm sai bởi một hình thái của diễn văn như "anh ta trông có vẻ gầy yếu và đói khát", và ngôn ngữ của chúng ta sẽ nghèo nàn hơn nếu không có những miêu tả như thế. Nhưng nhiều sự miêu tả hình thái cần được sử dụng với sự thận trọng.

c. Đó là một trách nhiệm toàn bộ của doanh nghiệp in để xuất bản tin tức như thế, như nó sẽ là sự thị hiếu công chúng khi được in ấn. Không thể có sự ngờ vực về thị hiếu công chúng trong vụ án mạng hung ác của Nữ bá tước Clamavori và những chi tiết liên quan đến cuộc sống cá nhân của bà ta dẫn đến vụ án mạng. Doanh nghiệp in sẽ thất bại trong trách nhiệm của nó nếu nó đã kiềm nén từ việc xuất bản những vấn đề này.

Sự miêu tả thị hiếu công chúng (public interest) ở đây có nghĩa là "lợi ích của công chúng" (public welfare) trong giả thuyết đầu tiên, nhưng nó có nghĩa là "những gì công chúng tò mò" (what the public is interested in) trong giả thuyết thứ hai. Ví thế, lý luận là sự ngụy biện vì những gì công chúng tò mò không giống như những gì lợi ích cho công chúng.

Lý luận dưới đây tương tự như trên:

d. Không ai có thể có hiểu biết sơ sài nhất về khoa học có thể nghi ngờ rằng điều kỳ diệu trong Kinh thánh đã xảy ra trên thực tế. Mỗi năm chúng ta đối chứng những điều kỳ diệu mới trong khoa học hiện đại như TiVi, máy bay phản lực, thuốc kháng sinh, phẫu thuật cấy ghép tim, tim nhân tạo bằng nhựa.

Đâu là cách sử dụng ẩn dụ của điều kỳ diệu và đâu là theo nghĩa đen? Sự miêu tả những điều kỳ diệu của khoa học nghĩa là gì? Một sự thay đổi tương tự trong ý nghĩa là đặc điểm của lý luận kế tiếp. (TQ hiệu đính, sự kỳ diệu của khoa học là những thành quả có thể mắt thấy tai nghe, và sự kỳ diệu của Thánh Kinh thì không! Do đó, không thể đánh đồng hai ý nghĩa kỳ diệu được, vì nó khác xa).

e. Theo thiện ý của tôi, chúng ta không cần chú ý đến vị hiệu trưởng của trường đại học khi nói tới những vấn đề giáo dục bởi vì ông ta không có quyền lực trong giáo dục. Ông ta chưa bao giờ có đủ quyền lực để ngăn cản sinh viên đi nộp đơn kháng nghị/hay đi biểu tình.

Kết luận là một ngụy biện bởi vì cách nói lập lờ tranh luận về ý nghĩa của "quyền lực" (authority). (TQ bổ sung, ông ta không đủ quyền lực như là khả năng ngăn cản sinh viên đi biểu tình, đâu có nghĩa ông ta không có quyền lực như là trách nhiệm của một vị hiệu trưởng giáo dục sinh viên nếu như họ làm sai!). Lỗi nói lập lờ không hạn chế những miêu tả tượng trưng, phần lớn những từ ngữ của chúng ta có nhiều hơn một nghĩa, bất cứ ý nghĩa nào cũng có thể là nguồn gốc của sự sai lầm. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ví dụ về lỗi nói mập mờ trong tác phẩm của Lewis Carroll, *Through the Looking Glass*.

Khai thác cách nói nước đôi.

f. "Có ai đi qua nhà người trên đường không?", nhà vua tiếp tục, giờ tay chỉ ng ười sứ giả. Sứ giả trả lời: "Không có ai cả". Nhà vua nói: "Khá đúng, người phụ nữ này cũng thấy anh ta. Vì thế dĩ nhiên không có ai đi chậm hơn nhà người."

"Thần cố hết sức mình", người sứ giả nói trong một giọng điệu rầu rĩ. "Thần chắc chắn rằng không có ai đi nhanh hơn thần!"

Nhà vua lại nói: "Ông ta không thể làm được điều đó, nếu không ông ta đã tới đây trước tiên!" (Lewis Carroll's *Through the Looking Glass*, Chương 7)

Vừa là một nhà toán học người Anh thời đại Victoria và tác giả của một quyển sách lo-gic, Carroll kết hợp những câu chuyện của ông ta thành nhiều nghịch lý của ngôn ngữ và của tư duy lo-gic. Giữa các từ ngữ với những ý nghĩa phức tạp mà dễ biến hướng của lời nói nước đôi là những ý nghĩa tối nghĩa và vô định. Từ thực hành trong ví dụ sau đây là thuộc về dạng này.

g. Thực hành làm nên hoàn hảo. Những bác sĩ phải thực hành thủ thuật chữa bệnh hàng ngàn năm. Vì thế, bác sĩ của tôi, người đã học ở một trong những trường y danh tiếng, sẽ thành thạo trong lĩnh vực của cô.

Ở một mức độ về trực giác, lý luận này dễ nhận biết là không hợp lý bởi vì một bác sĩ không thể đánh đồng với tất cả nhiều bác sĩ khác; tất nhiên cô ta không thể nghiên cứu y học trong hàng ngàn năm để trở nên thành thạo. Mặt khác, xem lại lý luận như một ví dụ về lỗi nói lập lờ, cho phép chúng ta thấy những thiếu sót của nó rõ ràng hơn. Trong mức độ này chúng ta có thể nhận thấy rằng không thể phân biệt được giữa những gì có thể được gọi là thực hành y học như một nghề nghiệp đã tồn tại hàng ngàn năm, và thực hành y học của một bác sĩ. Hơn nữa, chúng ta có thể nhận ra rằng thực hành được sử dụng theo ý nghĩa hiện thời khác trong giả thuyết, "thực hành làm nên hoàn hảo". Sự phân tích như thế cũng cho phép chúng ta thấy tại sao lý luận chứa những sai lầm của lỗi nói lập lờ thường xuất hiện hợp lý. Bởi vì giả thuyết ngoài những điều mà chúng tạo nên là không đáng chê trách khi nhận thấy riêng lẻ, bất cứ sự thay đổi nào về mặt ý nghĩa từ một lời phát biểu này đến lời phát biểu khác có thể thoát khỏi sự chú ý của chúng ta. Cả hai giả thuyết trong lý luận (e) ở trên đều hợp lý. Khi chúng được đặt với nhau thành một thể trong lý luận, lý luận dường như hợp lý ngoại trừ việc đọc giả nhận ra một từ mấu chốt bị thay đổi ý nghĩa như nó xuất phát từ một giả thuyết này đến giả thuyết khác. Thật ra đây là phương pháp hiệu quả nhất để kiểm tra sự hợp lý của những lý luận như thế. Nếu bạn nghi ngờ rằng một từ mấu chốt bị thay đổi ý nghĩa của nó, đơn giản là đọc lại lý luận, giữ cho ý nghĩa của từ đáng ngờ vực đó không thay đổi về hình thức. Trong nhiều trường hợp, phương pháp kỹ thuật này sẽ bộc lộ một giả thuyết hay kết luận không hợp lý. Nó hữu ích để nhớ rằng ở nguồn gốc của nhiều trường hợp về lỗi nói nước đôi được coi là hợp lý rằng chúng ta không mâu thuẫn với chính mình, chúng ta kiên định. Tuy nhiên xu hướng kiên định có thể là một cái bẫy. Xem ví dụ này cách đây một vài thế kỷ:

h. Có ba điều luật của tự nhiên. Luật hàm ý có người ban hành luật. Vì thế phải có người ban hành luật vũ trụ. Câu trả lời của chúng ta trong trường hợp này là : từ luật được được sử dụng trong ngữ cảnh của "luật của tự nhiên" có ý nghĩa đơn giản "tuân theo quy tắc" và luật được sử dụng trong ngữ cảnh của "người ban hành luật" có nghĩa là "tập hợp những mệnh lệnh". [...]

Để cung cấp tài liệu tương tự là ví dụ hơi dài hơn:

i. Trong chế độ dân chủ của chúng ta tất cả mọi người đều bình đẳng. Tuyên ngôn độc lập tuyên bố điều này rõ ràng và dứt khoát. Nhưng chúng ta hay quên sự thật vĩ đại này. Xã hội của chúng ta chấp nhận nguyên tắc cạnh tranh. Và sự cạnh tranh ngụ ý rằng một người nào đó giỏi hơn người khác. Nhưng hàm ý đó là sai. Bí mật chỉ là giỏi như toàn thể; người thư ký sắp xếp hồ sơ cũng như hội đồng quản trị; học giả cũng không hơn một người tối dạ; triết gia cũng không hơn người ngu xuẩn. Tất cả chúng ta sinh ra đều bình đẳng.

Câu trả lời của chúng ta: Sự thật chúng ta tin tưởng rằng tất cả chúng ta đều có quyền như nhau không có nghĩa là chúng ta cũng phải tin rằng tất cả chúng ta có khả năng như

nhau (và vì thế không thể được đối xử "công bằng",... làm ra cùng một mức lương). Đây vẫn là một ví dụ tinh tế hơn:

j. Tôi không tin vào khả năng loại trừ sự mong muốn đấu tranh (desire to fight) của nhân loại bởi vì một sinh vật không có đấu tranh (without fight) sẽ chết hoặc suy tàn. Cuộc sống có những áp lực. Phải có một sự cân bằng từ những khác biệt đối lập nhau để tạo nên một nhân cách, một quốc gia, một thế giới hay một hệ thống có tổ chức.

Câu trả lời của chúng ta: cụm từ mong muốn đấu tranh về cơ bản có nghĩa là "bạo lực", và cụm từ không có đấu tranh nghĩa là "cương quyết", "động lực" hay "lòng can đảm", nó rất có thể loại trừ một yếu tố (bạo lực) mà không có sự huỷ diệt tất yếu khác (lòng can đảm của chúng ta).

Cuối cùng, xem xét ví dụ này từ một biên tập viên:

k. Tôi lúng túng vì những nhóm phản đối tập hợp ở trước nhà giam khi thực hiện một bản án tử hình theo lệnh. Tên sát nhân, người đã phạm một tội cực kỳ tàn ác, đã chấp nhận tất cả hình thức pháp luật thích đáng và đã được cho mọi cơ hội để bào chữa cho bản thân mình -- thông thường với những ý thức có giá trị hợp pháp nhất và phí tổn của người đóng thuế. Ngày nay cũng những người bảo hộ này đều ủng hộ việc kết thúc sự sống của hàng triệu trẻ em vô tội bởi nạn phá thai.

Có sự mâu thuẫn giữa phản đối việc thi hành án tử hình đáng trừng phạt một mưu can sát nhân và không phản đối việc kết thúc sự sống "của hàng triệu trẻ em vô tội bởi nạn phá thai" không? Trong một trường hợp, có liên quan tới mạng sống của con người, trong trường hợp khác mạng người có thể không có liên quan (vì có những cuộc tranh luận rằng một bào thai thì chưa phải là con người và dĩ nhiên thậm chí chưa thể gọi là "sự sống"). Chúng ta thấy từ những ví dụ này chúng ta sử dụng những từ ngữ sâu sắc như thế nào để tự chúng ta diễn tả thành suy nghĩ được hình dung trong lý luận. Một ví dụ đặc biệt nổi bật về ảnh hưởng trực tiếp của ngôn ngữ trong tư duy là sự sai lầm phổ biến mắc phải do triết gia người Anh John Stuart Mill, một trong những tác phẩm của ông ta về đạo đức học. Ở đây Mill đưa ra câu hỏi kết cuộc hay mục tiêu đáng ao ước nhất với tư cách đạo đức con người là gì và tranh luận rằng nó là hạnh phúc, như giảng dạy theo thuyết vị lợi. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể chứng minh hạnh phúc đó là một quan niệm quả thực đúng mà chúng ta nên mơ ước. Đây những câu trả lời này của Mill:

"Bằng chứng duy nhất được đưa ra là một vật thể hữu hình có thể thấy được vì con người thực sự nhìn thấy. Bằng chứng duy nhất rằng một âm hữu thanh có thể nghe được vì con người nghe được: và vì thế cũng là bằng chứng của các nguồn gốc khác về kinh nghiệm của chúng ta. Trong cách thức giống nhau, tôi thấy rõ, bằng chứng duy nhất có thể đưa ra bất cứ điều gì được ao ước, là những gì con người thật sự mong muốn nó." (Thuyết vị lợi "Utilitarianism", chương 4).

Những nhà phê bình Mill đã vạch ra rằng ông ta đã bị đánh lừa bởi kiểu cách miêu tả của chính mình. Mặc dù những từ ao ước, hữu hình, và hữu thanh là tương tự nhau về cấu trúc, chúng không giống nhau về ngữ nghĩa. Đáng ao ước thì không có liên quan tới sự mong muốn trong hình thức giống nhau mà hữu hình và hữu thanh có liên quan đến thấy và nghe, đối với việc đòi hỏi một nét đặc trưng về phẩm chất mà hai yếu tố khác không có. Hữu hình có nghĩa đơn giản là một vật gì đó "có khả năng nhìn thấy được" (và hữu thanh có nghĩa là một điều gì đó "có thể nghe thấy được"), nhưng đáng được ao ước ngụ ý rằng điều gì đó "xứng đáng để ao ước", điều đó "phải" được mong muốn. Điều này hiện tại như thế, nó có thể khá đúng rằng một điều gì được nghe hay nhìn thấy chứng tỏ rằng nó hữu hình và hữu thanh, nhưng "đáng ao ước" không theo quy tắc đó, bởi vì một điều được mơ ước, đáng được ao ước vì lý do đó. Ví dụ, nhiều người có thể mong muốn ma túy, nhưng điều đó không chứng tỏ rằng ma túy đáng được ao ước. Sự sai lầm của lối nói lập lờ là những lý luận mà hai ý nghĩa khác nhau của một từ hay thành ngữ mấu chốt bị nhầm lẫn. Từ hay ngữ vẫn giữ nguyên nhưng ý nghĩa nó đem lại làm thay đổi chiều hướng của lời phát biểu hay lý luận. Khó khăn hơn là những trường hợp mà sự sai lầm được sử dụng như một cách thức kết tội chúng ta về sự mâu thuẫn hay trái ngược nhau như trong ví dụ: "*nếu bạn tin vào điều kỳ diệu của khoa học, vậy tại sao bạn không tin vào điều kỳ diệu của Kinh Thánh?*" Chúng ta nên trả lời: từ "những điều kỳ diệu của khoa học" chúng ta có ý nói những thành

quả hay thành tựu vĩ đại của khoa học và không có điều gì trái với quy luật tự nhiên; như trong trường hợp "những điều kỳ diệu của Kinh thánh", chúng ta có mâu thuẫn khi tin tưởng vào một cái này (hay Thượng Đế) và không tin tưởng vào cái khác (hay những thượng đế khác).

2. Câu Nói Nước Đồi

Fallacy of Amphiboly

Chúng ta vừa lưu ý sự nhầm lẫn có thể nảy sinh như thế nào từ sự tối nghĩa của một từ hay ngữ đơn lẻ. Bây giờ chúng ta muốn tiếp tục và thấy sự nhầm lẫn có thể nảy sinh như thế nào từ sự tối nghĩa của cấu trúc câu và sự tham khảo như trong trường hợp của ba sai lầm kế tiếp: câu nước đồi, dấu trọng âm và cú pháp. Chúng ta hãy bắt đầu với câu nước đồi. Sự sai lầm của câu nước đồi (Câu nước đồi xuất phát từ tiếng Hy Lạp là "ampho", có nghĩa là "gấp đôi" hay "cặp hai mặt". Về nguồn gốc, nó có liên quan mật thiết với sự tối nghĩa) là sản phẩm của cấu trúc câu nghèo nàn. Nó xảy ra khi những từ ngữ không chính xác hoặc được ghép lỏng lẻo trong một câu, làm phát sinh một ý nghĩa ngoài dự kiến của tác giả.

a. Sự phát triển mới về nhà ở. Những ngôi nhà đẹp có ngay tức thì. Ở đó trước đi! Chúng sẽ không kéo dài lâu.

b. Những quý bà trong Hội truyền giáo đường Walnut đã vứt bỏ quần áo. Họ mời các bạn đến và kiểm tra họ.

Sự nhầm lẫn và sự tối nghĩa trong hai ví dụ này là rất rành mạch chúng không cần giải nghĩa. Bây giờ chúng không phải là tiêu biểu cho những thông cáo đồng đảo mà chúng ta thấy ở khắp nơi. Nhiều ví dụ về sự tối nghĩa là sản phẩm của sự sai sót về văn phạm như cách sử dụng những danh từ hay đại danh từ tối nghĩa (như hai ví dụ trên), hay nghệ thuật chêm câu không thích hợp, từ bỏ nghĩa không xác định. Một vài ví dụ điển hình:

c. Bạn cần phải nhớ những nhiệm vụ xã hội của bạn. Nếu bạn không đến tang lễ của người khác, họ sẽ không đến trong lễ tang của bạn. (Ai sẽ không tới? Người chết được chôn cất hay thân nhân của người chết?)

d. Tín hiệu giao thông: Trẻ Em Qua đường Chậm Lại. (tín hiệu báo những người điều khiển ô-tô rằng trẻ em đang qua đường chậm, hay một tín hiệu chỉ thị họ chậm lại cho trẻ em qua đường?)

e. Ở tốc độ 2,200 vòng quay một phút, người giúp việc đã tắt máy phát điện. (Ai hay cái gì "ở tốc độ 2,200 vòng quay một phút"? Người giúp việc hay máy phát điện?)

Thình thoảng sai sót là kết quả từ việc sử dụng những từ ngữ ít hơn yêu cầu để thiết lập ngữ cảnh.

f. Chúng tôi giao thuốc chính xác. (Khẩu hiệu của những dược sĩ).

g. Vừa mới nhận! Một nguồn cung cấp áo sơ mi thể thao nam từ 15 đến 19 vòng cổ.

Những cột quảng cáo được phân loại trong báo hàng ngày là một nguồn dồi dào những lỗi viết lơ đãng như thế, như trong trường hợp người bạn mà quảng cáo bán con chó của anh ta bằng cách nói con chó "*ăn được mọi thứ và rất thích trẻ con*". (TQ hiệu đính, có ăn luôn trẻ con không?)

Bởi vì chúng ta phải làm cô đọng ý nghĩa trong vài từ ngữ hơn, báo chí đặt đầu đề cũng dễ xảy ra những lỗi của sự tối nghĩa.

h. Kẻ Sát Nhân Nói Nạn Nhân Đã Săn Đuổi Hắn Với Một Lưỡi Dao Cạo. (TQ hiệu đính, nạn nhân lúc đó sống hay chết?)

i. Những Công Nhân Xưởng Tàu Đã Tập Hợp Để Đình Công Ở Cảng Đại Tây Dương. Nguyên văn: "Dock Workers Set to Walk Out in Atalantic Ports". (TQ hiệu đính, walk out or set out).

Bảng quảng cáo, tín hiệu và thông cáo được viết vội vàng, tất cả đều sử dụng ngôn ngữ súc tích, như đầu đề của báo chí, hay những nguồn khác thường xuyên của câu nước đồi.

Một vài phút suy nghĩ có thể hạn chế những lỗi này, nguyên nhân không phải là thiếu khoảng trống mà hình như cầu thả. Những từ ngữ được nhóm lại với nhau trong những hình thức mà tao nên tối nghĩa góp phần vào sai sót của câu nước đôi.

j. Cuộc hôn nhân của cô Anna Black và ông Willis Dash đã được loan tin trên báo này một vài tuần trước là một lỗi lầm và chúng tôi muốn đính chính. (TQ hiệu đính, đính chính cái gì: hôn nhân của Anna và Willis hay đính chính việc loan tin).

k. Cảnh sát có thẩm quyền đang tìm cách giải quyết các vụ án mạng (murders) càng ngày càng khó khăn, vì nạn nhân không chịu hợp tác với cảnh sát. (TQ hiệu đính, nạn nhân còn sống hay chết? Nếu còn sống thì đâu có thể nói vụ án mạng (murders) được. Nếu chết thì làm sao nạn nhân hợp tác với cảnh sát được? Nói đúng thì phải trình bày như sau, thân nhân của các nạn nhân không chịu hợp tác với cảnh sát).

Giả định cho rằng những độc giả "sẽ hiểu bạn muốn nói gì", thậm chí nếu bạn không trình bày một cách rõ ràng, sẽ trở nên nguy hiểm trong việc hiểu lầm khi đề tài càng phức tạp hơn. Mặc dù tất cả chúng ta đều tìm trong câu nước đôi một sai sót nảy sinh từ cấu trúc câu không hoàn chỉnh của một câu đơn, sai sót có thể cũng là kết quả từ việc sắp xếp không hợp lý hai câu cạnh nhau.

l. Giấy chứng nhận từ một công ty bảo hiểm: Tôi và chồng tôi đã ký một hợp đồng bảo hiểm nhà ở với công ty ông. Chưa đầy một tháng nhà của chúng tôi ngẫu nhiên bị cháy. Tôi coi đó như là một sự may mắn. (May mắn vì nhà của họ cháy, hay họ cũng có bảo hiểm?)

Thậm chí nếu chúng ta chấp nhận điều phi lý của những sai sót của câu nước đôi là không có chủ ý, mối quan tâm của chúng ta về những người phạm sai sót được giảm bớt. Nếu tác giả đủ thận trọng để đoán trước rằng những lời phát biểu của họ đã mở ra những cách hiểu khôi hài, dĩ nhiên là họ sẽ xem lại chúng. Thuộc về một phạm trù khác là cách sử dụng có ý thức và chủ tâm của phương sách. Một ví dụ là lời tiên tri của phù thủy trong Henry VI, Phần II (màn 1, cảnh 4) của Văn Hào Shakespeare: "Công tước còn sống Henry sẽ truất phế" bà ta nói, như thế ý nghĩa không rõ ràng là "Henry sẽ truất phế Công tước" hay "Công tước sẽ truất phế Henry". (Bà ta không thể làm cho ý nghĩa của mình rõ ràng bằng những đại từ thay thế như "ai" hay "người mà"). Tuy nhiên, một thí dụ thú vị hơn theo lối văn của Shakespear là lời tiên tri của phù thủy trong Macbeth:

m. Hãy vấy máu, dững cảm và kiên quyết; cười nhạo sức mạnh của nam giới, không phải con của phụ nữ nào sinh nở để làm hại Macbeth. (màn 4, cảnh 1)

"Không phải con của phụ nữ nào sinh nở" tạo nên một sự dối trá cay nghiệt: kẻ thù của Mabeth, Macduff, đã được "tách ra sớm từ dạ con của mẹ anh ta" hay được sinh bằng cách phẫu thuật, và vì thế Macduff không phải là đứa con do "phụ nữ sinh nở" trong ý nghĩa thông thường. Do đó, phù thủy không nói dối Macbeth, nhưng bà ta cũng không nói cho ông ta biết chính xác về sự thật. Vì lẽ có sắc xuất của sự tối nghĩa khi chúng ta tuyên thệ trước toà án, chúng ta không thể sẽ "nói sự thật" (vì chúng ta có thể nói một phần sự thật), thậm chí không thể sẽ "nói sự thật, toàn bộ sự thật" (vì nếu như thế, chúng ta cũng có thể thêm vào một vài lời nói dối, bởi vì lời thề đâu có cấm không làm như thế), nhưng đúng hơn là "nói sự thật, toàn bộ sự thật, và không có gì ngoài sự thật". Mụ phù thủy bị ràng buộc bởi lời thề và sự tuyên thệ đó, bà ta không thể làm lung lạc Macbeth bằng phương thức ngoại lệ đó. Câu nước đôi được sử dụng để đánh lừa không chỉ trong tiểu thuyết. Một ví dụ tiêu biểu là câu truyện liên quan đến Croesus và nhà tiên tri ở Delphi. Sự suy tính chiến tranh với Ba Tư, Croesus đã hỏi ý kiến nhà tiên tri về hậu quả. Ông ta nhận được lời tuyên bố của nhà tiên tri "nếu Croesus tham chiến với Cyrus, Croesus sẽ hủy diệt vương quốc hùng mạnh". Thích thú với lời tiên tri này, nhà triệu phú tham chiến và thất bại nhanh chóng. Phàn nàn của nhà tiên tri, Croesus nhận được câu trả lời đính chính của nhà tiên tri: "Khi tham chiến, ông ta sẽ hủy diệt một vương quốc hùng mạnh - của chính mình!" Điều này được đưa ra quan toà Herodotus, nhà sử học đầu tiên của Hy Lạp, người đã trừng trị Croesus vì tội ngu:

"Giống như lời tiên tri nói, Croesus không có quyền phàn nàn về điều đó... Nếu muốn có lời khuyên rõ ràng, thì ông nên gửi thư và hỏi rằng thượng đế có nói gì về vương quốc của Creosus hay của Cyrus? Nhưng ông không hiểu vương quốc nào được đề cập tới, cũng không đặt ra câu hỏi sâu xa hơn: tại sao bây giờ ông tự trách bản thân mình?" (*The*

Bên cạnh những ví dụ xa xưa hay văn chương, những trường hợp được ghi lại về cuộc sống và số phận của những người được đó và mất đó vì kết quả của sự tối nghĩa. Một ví dụ thú vị và nổi tiếng là trường hợp của tù nhân người Nga, người mà tìm cách thoát khỏi nhà tù Siberia bằng cách khẩn khoản xin Nga hoàng tha thứ. Yêu cầu khẩn khoản đó được đáp bằng một câu trả lời không có dấu chấm câu, "Ấn Xá Không Thể Thi Hành". Ông ta muốn nói tù nhân sẽ bị hành quyết (dấu chấm câu được đặt sau từ "không thể"), nhưng tổng cai ngục lại đọc thành "Ấn Xá. Không Thể Thi Hành (án)" và phóng thích tên tù nhân. Sau đó tình trạng của người cai ngục làm thế nào mà không bị liên can; tất nhiên khi lỗi được phát hiện, anh ta bị thế chỗ cho tên tù nhân - đó là cách xét xử tù nhân tiêu biểu của Nga hoàng. Cầu nước đôi cũng có khả năng được khai thác cho những mục đích có lợi. Một thí dụ điển hình là một đĩa ghi âm có đầu đề là "Những bài hát hay nhất (Best) của the Beatles", làm cho mọi người mua nó và tin tưởng rằng họ đã mua một đĩa hát có những bài hát hay nhất của the Beatles. Sau đó họ nghe tại nhà, họ phát hiện rằng họ đã mua một đĩa hát của Peter Best, người từng là thành viên của the Beatles (tay trống của họ) trước đó trong sự nghiệp của nhóm.

- Cầu nước đôi là sự sai lầm của một câu không hoàn chỉnh, hay được cấu trúc không cân trọng, dễ gây hiểu lầm.

- Cách sử dụng những đại từ/ danh từ tối nghĩa, nghệ thuật chấm câu không hợp lý, và những bổ nghĩa không chính xác là một số lỗi văn phạm thường xảy ra trong sai sót.

- Những nguồn gốc khác của sự sai sót là: sự thiếu khả năng của chúng ta điều chỉnh trật tự cho các từ ngữ làm thay đổi ngữ cảnh; kết quả của chúng ta là quá ngắn gọn; vị trí không thích hợp của hai câu cạnh nhau; và sự vụng về trong cách hành văn thông thường.

3. Dấu Trọng Âm

The Fallacy of Accent

Những ý nghĩa không được nói rõ trước có thể nảy sinh không chỉ từ cấu trúc câu không hoàn chỉnh, như trong trường hợp của câu nước đôi, mà còn nhầm lẫn từ sự nhấn giọng. Kết quả của sự sai lầm trong dấu trọng âm khi một nhận xét được phát biểu với một giọng không mong đợi; những từ ngữ nào trong đó nhấn trọng âm sai; hay từ ngữ nào (thậm chí cả câu và cả đoạn văn) đặt ra ngoài ngữ cảnh và vì thế đưa ra một sự nhấn giọng (hay một ý nghĩa) chúng không nói lên được ý nghĩa vốn có. Tầm quan trọng của sai lầm này có thể được tập hợp từ tình huống bất ngờ sau: Trong một bản sao của một trong những băng ghi âm về Watergate, John Dean, cố vấn Tổng Thống, cảnh báo Richard Nixon đừng chuốc lấy rắc rối trong một lý do đưa ra để che đậy và Tổng Thống trả lời "Không - sai rồi, điều đó là chắc chắn". Câu hỏi là: Nixon đã đổi giọng các từ ngữ nào khi ông ta đưa ra lời nhận xét này? Nó được nói với một giọng điệu nghiêm chỉnh và thẳng thắn hay mỉa mai? Nếu hoàn toàn mỉa mai, lời nhận xét này sẽ bộc lộ thêm dấu hiệu của tình trạng rắc rối của ông ta. Sai sót của dấu trọng âm ít nảy sinh trong diễn văn, khi âm thanh dễ truyền tải bằng giọng nói và điệu bộ, hơn là trong ngôn ngữ viết. Đối với nguyên nhân này, viên lục sự thận trọng đọc lớn lời khai bằng một giọng đều đều, theo cách này tránh biểu lộ cảm xúc về vấn đề họ đang đọc. Trong văn phòng, khi nói "không thể hết sức khen ngợi quyển sách này" có thể cũng có nghĩa rằng chúng ta không thể nói đầy đủ về những điều tốt của quyển sách hoặc là không xứng đáng để khen ngợi. Tương tự, để nói rằng chúng ta hy vọng một ai đó "đạt được mọi điều họ xứng đáng có được" có thể bao hàm hai ý nghĩa rất khác nhau. Lưu ý cách thức những lời nhận xét sau đây có thể đem lại một mục đích nghiêm túc và tán tụng hoặc cả một mục đích chế nhạo và phủ nhận phụ thuộc vào giọng điệu được sử dụng trong khi nói.

- a. Chẳng bao giờ trông bạn khá hơn thế.

- b. Tôi không bao giờ nghĩ rằng nó sẽ giống như thế.

- c. Tôi sẽ không mất thời gian để đọc bài diễn thuyết của bạn.

Dấu trọng âm (accent) là từ được nhà triết học nổi tiếng của Hy Lạp Aristotle áp dụng bởi để chỉ sự hiểu sai từ kết quả của những từ ngữ khác nhau về dấu nhấn âm tiết. Một ví dụ

trong tiếng Anh sẽ là sự nhầm lẫn của từ invalid (có nghĩa "một người bệnh") và invalid (nghĩa là "một lý luận không hoàn chỉnh"). Theo ý này, danh từ này cũng áp dụng cho những trường hợp khi nhấn giọng trên nhiều từ hay cả câu, mà tương tự khi thiếu dấu trọng âm truyền đạt một ý nghĩa chúng không có ý định truyền đạt. TQ hiệu đính: Trong tiếng Việt, trường hợp tương tự cũng có khá nhiều. "Ghét" mà khi nhấn giọng mạnh đi đôi với cái lườm khác với "ghét" của "đồ đáng ghét" nói giọng bình thường. Để hạn chế những lời nhận xét như thế từ việc hiểu sai ý, người ta cần xem xét chúng trong ngữ cảnh rộng hơn. Trong trường hợp của ba ví dụ trên điều này có thể mang lại các dạng sau:

d. Bộ trang phục rất hợp với bạn. Chẳng bao giờ trông bạn khá hơn thế.

e. Thật là tuyệt. Tôi không bao giờ nghĩ rằng nó sẽ giống như thế.

f. Bạn thật là một tác giả tài năng. Tôi sẽ không mất thời gian để đọc bài diễn thuyết của bạn. Sử dụng phương pháp này, làm tương tự với hai nhận xét dưới đây: Chỉ có Hollywood mới có thể sản xuất một bộ phim như thế này.

Khách hàng nói rằng sản phẩm của chúng ta không thể so sánh với sản phẩm khác mà họ từng dùng. Dĩ nhiên những ví dụ này có ý định nhấn trọng âm ý nghĩa đối lập, trong trường hợp chúng được nói trước bằng những chú thích phủ nhận như:

Thật là một bộ phim tồi! Chỉ có Hollywood mới có thể sản xuất một bộ phim như thế này. Khách hàng nói rằng sản phẩm của chúng ta quá tệ không thể so sánh với những sản phẩm khác họ từng dùng.

Chúng ta cũng đương đầu với sai sót này khi những từ ngữ nào nhấn trọng âm sai. Lưu ý một số cách thức khác nhau có thể hiểu câu hỏi: "Bạn đã đến cửa hàng hôm nay?" Nhấn mạnh bạn và câu trả lời có thể là: không, không phải tôi, hôm nay đến phiên của Tom. Nhấn mạnh cửa hàng và câu trả lời có thể là: không, hôm nay tôi đi sửa xe. Nhấn mạnh hôm nay và có thể trả lời: bạn không nhớ sao; tôi đã đi ngày hôm qua? Một câu chuyện để minh họa rõ ràng cho sai sót này. Một thuyền trưởng và sĩ quan cấp I của ông ta đã không hoà thuận với nhau, từ viên sĩ quan thích uống rượu còn vị thuyền trưởng thì không. Một ngày nọ vị thuyền trưởng nghĩ ông ta sẽ sửa đổi viên viên sĩ quan và đã ghi vào nhật ký hàng hải lời ghi chú, "sĩ quan cấp I đã uống rượu hôm nay." Khi đến viên sĩ quan giữ nhật ký hàng hải, ông ta thấy câu đó và giận dữ. Ông ta nghĩ, thuyền trưởng dĩ nhiên sẽ sa thải mình khi trở về bờ biển. Để trả thù vị thuyền trưởng, viên sĩ quan ghi chú vào "Thuyền trưởng hôm nay không uống rượu", bằng cách này ngụ ý rằng những việc này không xảy ra thường xuyên và nó đáng được chú ý trong nhật ký hàng hải.

Dấu trọng âm là một sai sót đơn giản mà có thể được sử dụng tinh tế trong những lý luận phức tạp hơn.

Lưu ý cách mà những ý nghĩa trong các nhận xét dưới đây thay đổi trong những tia hy vọng không có ý định khi từ hay ngữ sai được nhấn trọng âm:

g. Hãy lịch sự với những người lạ. (Chỉ với những người lạ?)

h. Mà nên yêu quý láng giềng của mà. (Điều đó có nghĩa chúng ta có thể ghét kẻ thù của mình?)

i. Tôi rất thích bữa ăn tối. (Chỉ có bạn; không còn ai khác? Chỉ có bữa ăn tối và không còn gì khác?)

Bạn thấy đấy, rất cuộc, có bao nhiêu ý nghĩa khác nhau. Lời nhận xét dưới đây có thể truyền đạt bằng cách nhấn trọng âm những từ mấu chốt khác nhau: "Chúng ta không nên nói xấu bạn của mình". Sai sót của dấu trọng âm cũng nảy sinh khi cả những câu (và không chỉ một từ hay một số từ) nhấn trọng âm sai, như khi chúng ta lấy những câu như thế ra khỏi ngữ cảnh của chúng. Đây là không chỉ là một phương thức được ưa chuộng nhất của tuyên truyền viên mà còn là của một vài tác giả viết lời quảng cáo sách hay viết báo. Từ khi không có ai có thời gian để kiểm tra mọi lời trích dẫn trong những giấy chứng thực, báo chí, và trong các bảng tường thuật khác, số lượng tin tức báo sai truyền đạt bởi những đầu đề,

đoạn trích dẫn làm sai lạc có thể khá nhiều. Một nhà phê bình kịch nghệ có thể viết, một cách chua cay, rằng cô ta "thích tất cả các vở kịch ngoại trừ diễn xuất" chỉ được trích dẫn vào buổi sáng hôm sau bởi một người viết quảng cáo tặc trách những gì cô ta nói cô "thích tất cả các vở kịch ..." Những người đọc mẫu trích dẫn ngoài ngữ cảnh này sẽ khiến họ tin tưởng rằng những gì bị bỏ qua từ mẫu trích dẫn là một sự mở rộng về việc vở kịch được nhà phê bình nhận một cách thuận lợi như thế nào, khi thật sự lại trái ngược. Dấu trọng âm có thể vẫn được tìm thấy ở dạng khác: khi những lời nhận xét hay phát biểu nào không chỉ bị tách ra khỏi ngữ cảnh văn chương mà còn ở ngữ cảnh văn hóa và xã hội của chúng. Trong quá trình chúng được tạo thành mang đến những hàm ý mà chúng không có. Ví dụ, những tác giả nào đó đã quả quyết rằng tác giả hoặc diễn viên vĩ đại này hoặc kia- nói Shakespear hay Chopin- là đồng tính ái. Trong hồ trợ quả quyết đó họ trích dẫn từ các tám phẩm của những người này và cả thư từ cá nhân của họ. Vì thế, trong trường hợp của Shakespear, những bài thơ xonê được sử dụng cho mục đích này. Dĩ nhiên, có một vài người rất bí ẩn trong những bài xonê, và họ vẫn là một điều bí ẩn đối với chúng ta. Có một người thanh niên ngay thẳng mà Shakespear ca tụng trong nhiều bài thơ (Những số từ 1 đến 126) và là người có một sự yêu thương sâu sắc.

Những gì các nhà phê bình như thế thất bại trong khi nói cho độc giả của họ là như thế đó, mặc dù tục lệ xã hội hiện tại của chúng ta không cho phép con người bộc lộ sự yêu thương sâu sắc như thế đối với người khác, những tục lệ trong thời đại của Shakespear đã làm. Vì vậy, những bài thơ trữ tình đó không phải là dấu hiệu cho tất cả tình trạng đồng tính luyến ái của Shakespear. Dĩ nhiên, những gì họ thất bại khi nói với độc giả là những bài thơ xonê đầy những tình cảm của thi sĩ đối với người phụ nữ bí ẩn (số 127 đến 154), với người mà ông ta tiếp tục một câu chuyện tình bão tố - không thể, như ông ta nói ở một trong những bài thơ, để "tránh xe thiên đường điều độ hướng con người tới địa ngục này" (số 128). Chúng cũng không nói cho độc giả biết rằng sau đó chàng thanh niên trở thành kinh địch của nhà thơ vì sự yêu thương của người phụ nữ, làm nổi lên một sự thay đổi trong bộ ba. Những gì được nói ở đây về Shakespear cũng đúng đối với Chopin. Để trích dẫn ngoài ngữ cảnh những phần trong lá thư của Chopin gửi cho Tytus Woyciechowski người bạn thời niên thiếu của ông ta là để bác bỏ sự nghi ngờ trong tâm trí độc giả rằng họ có một mối quan hệ đồng tính ái. Nhưng hầu như trong tiếng thì thảo Chopin xin Tytus khuyên ông ta nhưng gì phải làm khi ao ước về Konstancia Gladkowska -- cô gái ở trong tim ông ta trong khoảnh khắc. Sau đó nhà phê bình cũng thất bại khi đề cập đến tình yêu sâu sắc của Chopin với Marie Wodzinska. Gợi thư tìm thấy trong bàn làm việc của Chopin sau khi ông mất, đánh dấu câu chuyện tình không hạnh phúc đó được góp lại với nhau bằng một tờ bọc mà Chopin đã viết lên những chữ "Nỗi buồn của tôi" (Dĩ nhiên chúng không buồn đề cập đến những câu chuyện tình của Chopin với người phụ nữ khác). Xuyên tạc ý nghĩa sự bày tỏ của một người, bằng cách bác bỏ ngữ cảnh có tính chất văn chương hay ngữ cảnh xã hội rộng hơn, chắc chắn là một sự lạm dụng nghiêm trọng của ngôn ngữ về những gì tất cả chúng ta nên thận trọng.

Những ý nghĩa không định hướng có thể nảy sinh từ ngữ cảnh hay sự nhấn giọng có liên quan đến sự tối nghĩa.

Sai sót của dấu trọng âm có thể mang tới 3 dạng:

- Nó có thể là kết quả từ sự nhầm lẫn liên quan đến giọng điệu mà một lời phát biểu nào đó có ý định được nói.
- Nó có thể là kết quả từ sự liên quan không rõ ràng mà nhấn giọng có ý định được thay thế trong một nhận xét đã đưa ra.
 - Và nó cũng có thể nảy sinh khi một đoạn văn bị tách ra khỏi ngữ cảnh của nó và sau đó, kết quả là, đưa ra một sự nhấn giọng (thí dụ: ý nghĩa) mà nó vốn không có trong bản chất.

4. Phép Tu Từ

Fallacy of Hypostatization

Chắc hẳn mọi người đều nhớ cuộc chạm trán thú vị giữa Alice và mèo Cheshire trong "*Alice ở Xứ Sở Thần Tiên*" (*Alice in Wonderland*) của Lewis Carroll.

Trong khi từ già, Alice thấy con mèo bắt đầu lẩn mất một cách chậm chạp, "bắt đầu", như cô ấy kể với chúng ta, "với đoạn cuối của cái đuôi, và cuối cùng là một cái tai, giữ nguyên vị trí một thời gian sau khi giấc ngủ của nó trôi qua". Alice được chỉ dẫn để gây chú ý trong sự ngạc nhiên: "À! Tôi hay trông thấy một con mèo không có một cái tai; nhưng một cái tai không có một con mèo! Đó là điều kỳ lạ nhất tôi từng thấy trong cả cuộc đời tôi!" (Chương 6) Nếu chúng ta được rèn luyện lo-gíc một cách đúng đắn, chúng ta sẽ cùng có cảm giác ngạc nhiên giống như Alice bất cứ lúc nào chúng ta nghe ai đó nói về màu đỏ hoe, trạng thái tròn, chân lý, vẻ đẹp và có ích -- như nếu chúng ta có thể tự tồn tại trong quyền lợi riêng của chúng ta và không đơn thuần là sự trừu tượng, mà (giống như nụ cười toe toét của con mèo) phụ thuộc vào một vài thực thể cụ thể về sự tồn tại của chúng. Hãy làm theo Alice, chúng ta sẽ biểu lộ sự ngạc nhiên của chúng ta bằng cách nhận xét khi chúng ta thấy những trái táo đỏ hay những trái banh tròn, và người thật thà, đẹp, có ưu điểm nhưng không bao giờ ta nói những trái táo đỏ hoe, trái banh ở trạng thái tròn, người chân lý, có vẻ đẹp, có ích. Cú pháp xuất phát từ tiếng Hy Lạp là "hypostatos", có nghĩa "có một sự tồn tại trong thực thể". Tiền tố hypo theo tiếng Hy Lạp có nghĩa là "xuống" hoặc "bên dưới" (như hypodermic có nghĩa là "dưới da") và statis xuất phát từ nguồn gốc Hy Lạp có nghĩa "đứng lên", có liên quan đến những từ Hy Lạp đối với thực thể hay trầm tích. Vì thế cú pháp hóa hợp lý để biểu hiện hành động của các từ ngữ thực sự thú vị nếu như chúng là những từ ngữ thực thể. Sự sai lầm phép tu từ cốt ở việc một từ trừu tượng nếu như nó là một từ cụ thể. Nhưng ngược lại, những từ cụ thể chỉ rõ những vật thể riêng biệt hay thuộc tính của vật thể, như màu đỏ và trái banh, những từ trừu tượng chỉ rõ những nét đặc trưng chung, như đỏ hoe, trạng thái hình tròn, có ích. Nó là một nét riêng biệt của những từ trừu tượng mà chúng có thể được sử dụng không nhắc đến những đề tài mà có thuộc tính chúng nêu rõ. Mặc dù sự trừu tượng là một nét đặc biệt hữu dụng của ngôn ngữ và tư duy, cho phép chúng ta thảo luận những ý kiến như vẻ đẹp của tính chất, chúng mang những nguy hiểm tiềm ẩn. Chúng ta có thể phạm lỗi của sự thừa nhận mà giống như những từ cụ thể, chúng gọi tên cụ thể những thực thể riêng biệt đó, thí dụ, thêm vào trong đó những vật chất như thể, như những trái banh màu đỏ và những người có ưu điểm, cũng có những thực thể tồn tại riêng lẻ như màu đỏ, hình tròn và có ích. Nó sẽ không quá tệ nếu quá trình này hạn chế được sự nảy sinh của những sự trừu tượng không đáng lo ngại như thế. Nhưng chúng ta không dừng lại ở đó. Chúng ta tiếp tục phát minh ra những ảo tưởng trí tuệ khác như người lai, người Ai (dân Ý sống ở Mỹ), người da đen, người Anglo-Saxon (da trắng theo đạo tin lành)... với những gì mà chúng ta gieo rắc mầm mống của sự căm thù và phân biệt. Chúng ta nói về một vật như thế nào -- chúng ta miêu tả nó như thế nào -- quyết định chúng ta xem nó như thế nào, những gì chúng ta tin tưởng về nó, và kết quả là chúng ta phản ứng về nó như thế nào. Và đây là bài học quan trọng sai sót này dạy cho chúng ta. Thực tế chúng ta đang sống, nó nhắc nhở chúng ta, được xây dựng rộng rãi bởi ngôn ngữ và những gì chúng ta miêu tả nó với bản thân mình. Từ người lai, chúng ta cần xem xét rõ ràng, không chỉ nhận ra một số thực tế độc lập hiện tại của thế giới; nó không chỉ có nghĩa "một người thừa hưởng sự pha trộn"; những gì nó muốn và đã nói là "thật kinh tởm!". Và giống nhau là sự thật của tất cả các từ khác trong bản chất tự nhiên này. Chúng đưa vào thế giới với những phản ứng xuyên tạc của chúng ta, sáng tạo trong quá trình sự tồn tại và đau khổ vô hạn. Để được bảo vệ trong những từ ngữ, và trông như tất cả các từ ngữ khác trong vốn từ của chúng ta, chúng đánh lừa chúng ta làm cho chúng ta suy nghĩ rằng những vật chất có tên tất nhiên tồn tại, đúng hơn là những ý nghĩa đơn thuần trong phản ứng của chúng ta.

Như một dấu hiệu của những mối đe dọa phép tu từ vốn có, xem xét lý luận này:

a. Tự nhiên tạo ra những cải tiến trong một chủng loại bằng cách loại trừ những vật thể không phù hợp hay gây cản trở từ việc làm ô nhiễm nhóm gen của sự phù hợp. Vì thế, nó chỉ đúng với chúng ta khi loại trừ những người không đạt tiêu chuẩn này.

Tự nhiên đặc biệt được hưởng ân huệ như một chủ thể cho cú pháp, có lẽ bởi vì nó là một sự trừu tượng phức tạp mà chúng ta khó nói về nó khi không cụ thể hóa nó. Trong lý luận (a) ở trên, tự nhiên được ban cho với một khả năng nhận biết những gì là một "cải tiến" và những gì không phải; "phù hợp" là gì và "không phù hợp" là gì, mặc dù nó phi hiện thực để quy cho tự nhiên bất cứ trí khôn hay mục đích nào như nhân loại. Bất chấp những gì được nói, chúng ta phải nhớ rằng không phải tất cả cách sử dụng phép tu từ đều có hại và nguy hiểm. Trong ngữ cảnh của thi ca hay văn chương phương thức ngôn ngữ này không chỉ là một dạng hình tượng dí dỏm. Ở đây, từ bản chất dường như cũng được ưu đãi đặc biệt. Thí dụ, Shakespear thường xuyên sử dụng nó, như trong Julius Caesar, đoạn Antony nói về Brutus:

b. Thiên nhiên có thể trỗi dậy . Và nói với cả thế giới "Đây là một con người!" (màn 5, cảnh 5) Lập trình viên tân dụng sai sót của phép nhân hóa khi anh ta nói về máy vi tính giống như nó là một con người. Và vì thế trong hai câu thơ này, Giáo Hoàng Alexander đã viết (bản quyền 1730) và có ý muốn nói như một văn mộ chí cho Isaac Newton trong Tu Viện Westminster.

c. Tự nhiên và những quy luật tự nhiên đã sắp đặt trong đêm tối Chúa trời nói "Hãy để Newton sống!" và tất cả đều sáng lên.

Chúng ta không nên phản đối cách sử dụng của phương thức ngôn ngữ này trong tường thuật tin tức và đặt đầu đề mà nó được sử dụng cho mục đích ngắn gọn, như "Đức xâm chiếm Ba Lan vào ngày 1 tháng 9 năm 1939", "Ottawa bác bỏ hiệp ước", "Quốc Hội đang họp"... Trong những trường hợp như thế chúng ta hiểu rõ rằng quân đội Đức xâm chiếm Ba Lan vào ngày 1 tháng 9 năm 1939; rằng nó là những chính quyền có liên quan, và không phải Ottawa, người mà đã bác bỏ hiệp ước trong vấn đề; đó là những thành viên của Quốc Hội, và không phải sự trừu tượng hóa Quốc Hội. Chúng ta cũng phải nhận ra những trường hợp đó mà chúng ta không đưa vào bằng cách thức này của diễn văn nhưng đúng hơn là sử dụng nó có ý thức với sự hiểu biết đầy đủ những gì mà chúng ta đề cập.

Christopher Stone là nhà môi trường học viết *Cây Cối Nên Có Vị Trí?* Hướng những quyền lợi hợp pháp đối với những thực thể tự nhiên là một ví dụ rõ ràng nhất.

"Như chúng ta đã biết, trong một thời gian rất dài, những người mà cố gắng giữ gìn môi trường từ sự lạm dụng không có một thời gian thoải mái của nó đặc biệt không với những lý luận mà chúng tìm cách đạt được. Chủ nhân của những khu rừng và ao hồ có thể thay đổi một tí về những yêu cầu chuẩn: Chúng ta không đốn rừng bởi vì mỗi năm một lần các bạn sẽ băng qua khu rừng? Chúng ta không bỏ rác công nghiệp ở ao hồ vì các bạn thích câu cá ở trong hồ? Chúng ta cần bột giấy từ những khu rừng đó để làm ra báo, tạp chí, và sách mà duy trì cách sống của mình, và chúng ta cần những nhà máy và sản phẩm của chúng để đảm bảo việc làm và hàng hóa cho con người. Bên cạnh đó, rừng là tài sản của chúng ta."

Những gì Stone đề nghị trong quyển sách ngắn của ông là một lý luận khác cơ bản - và một lý luận mạnh mẽ hơn. Thật đơn giản, những gì ông ta nói: Đừng đốn cây cối đó hay làm ô nhiễm hồ, không phải vì hành động của bạn sẽ làm mất đi những vật thể khác có ích đưa ra những thực thể đẹp, tự nhiên này, nhưng đúng hơn là cây cối không muốn bị chặt phá và ao hồ không muốn bị ô nhiễm. Nói ngắn gọn, cây cối và ao hồ cũng có quyền lợi của chúng bởi vì chúng tồn tại trong quyền lợi riêng và không đơn giản những sự chiếm hữu hay những nguồn gốc của lợi ích có thể xảy ra đối với những tồn tại khác. Làm thế nào chúng ta tự coi mình là trung tâm, Stone lý luận, để phân chia cho những vật chất ý nghĩa tinh thần hoàn toàn trên cơ bản lợi ích của chúng đối với chúng ta. Chúng ta phải cố gắng thay đổi quan điểm của mình về thiên nhiên, không xem nó như trò chơi hay vật sở hữu của chúng ta để làm những gì chúng ta thích, và đúng hơn nó là một thực thể của giá trị vốn có như thế mà chúng ta cảm thấy buộc phải bảo vệ nó. Trong lời mở đầu của ông ta đối với quyển sách được đọc và hâm mộ rộng rãi này, Stone kể với độc giả rằng nếu quan điểm ông ta đang thúc đẩy (những vật thể tự nhiên có quyền bất khả nhượng) xem ra vô lý, nó sẽ hữu dụng để nhớ rằng không quá lâu những nhóm như thế như phụ nữ, những người Mỹ gốc Phi, và người Mỹ bản xứ cũng bị từ chối những quyền lợi cơ bản của nhân loại trên nền tảng

họ không phải là người được xã hội chấp nhận. Có lẽ sớm hay muộn lý luân cây cối có quyền lợi dường như sẽ không xa lạ như trong lúc này. Những gì Stone đang làm ở đây là sáng tác một quyền tiểu thuyết mới, làm ra vẻ như những cây cối đó giống như con người (hay ít ra, giống như tập thể) và có quyền lợi. Nói ngắn gọn, ông ta đang cú pháp hay nhân hóa những thực thể tự nhiên. Nhưng, theo Garret Hardin, trong lời nói đầu của ông ta trong quyển sách của Stone, chỉ ra, vì thể chủ nhân của những khu rừng và ao hồ đã khẳng định chúng là "tài sản" của họ.

... Nhưng mỗi luật sư và mỗi nhà kinh tế học giỏi biết rằng "tài sản" không phải là một vật chất mà đơn thuần là một công bố bằng miệng mà những quyền lực và đặc quyền truyền thống của một số thành viên trong xã hội sẽ được bảo vệ quyết liệt khỏi sự công kích của những người khác. Từ "tài sản" biểu tượng hóa một mối đe dọa của hành động; nó là một thực thể có đặc tính như động từ, nhưng (là một danh từ) từ ngữ ảnh hưởng đến tư duy của chúng ta theo hướng tồn tại độc lập chúng ta gọi là vật chất. Nhưng sự vĩnh cửu đã có được bởi tài sản không phải là sự vĩnh cửu của một nguyên tử; nhưng của một sự hứa hẹn (một điều hảo huyền nhất). Thậm chí sau khi chúng ta trở nên có nhận thức về sự chỉ dẫn sai của chú ý bị ép buộc bởi danh từ "tài sản", chúng ta có thể vẫn đồng ý một cách tiêu cực với điểm sai của giá trị sử dụng liên tục của nó bởi vì một mức độ của ổn định xã hội cần thiết để đạt được công việc đã hoàn thành theo thường lệ. Nhưng khi nó trở nên hoàn toàn khó khăn mà giá trị sử dụng không cân nhắc liên tục của từ "tài sản" được chỉ dẫn đến những kết quả hiển nhiên không đúng và phản tác dụng xã hội, sau đó chúng ta phải dừng lại và tự hỏi chúng ta muốn xác định lại quyền lợi của tài sản như thế nào. (*Cây Cối Nên Có Vị Trí? Hướng Những Quyền Lợi Hợp Phát Đối Với Những Thực Thể Tự Nhiên*. Los Altos, CA: William Kaufmann, 1974 trang 6-7)

Hardin không cần thiết chỉ trích thực tiễn hay quá trình của cú pháp ông ta miêu tả. Ông ta chỉ thúc đẩy chúng ta nhận ra nó là gì. "Tài sản" là một viễn tượng, một khái niệm chúng ta phát minh hay nghĩ ra. Nó không thay thế một số vật chất cụ thể chúng ta phát hiện ra rằng nó có một tồn tại độc lập của chúng ta hay những mong muốn của chính mình. Chỉ cần chúng ta tìm thấy khái niệm hữu dụng và có ích chúng ta có thể tiếp tục bao quát nó; nếu khái niệm bắt đầu chứng tỏ khác, để chúng ta nhớ rằng chính chúng ta đã phát huy nó thành bản chất (định nghĩa nó), và vì thế không có gì ngăn cản chúng ta từ việc loại trừ nó (định nghĩa lại) nên chúng ta quyết định làm như thế. Cuối cùng chúng ta có thể hỏi, nếu nói rằng dạng này rất có hại, tại sao chúng ta sử dụng đến nó rất thường xuyên? Câu trả lời rất đơn giản: chúng ta có nhiều lợi ích từ cách nói như thế. Chúng ta sử dụng nó, chúng ta có nhận ra nó hay không, như một thể thức của ma thuật về từ. Do đó từ khoa học được sử dụng trong một quảng cáo sẽ bán được hầu hết bất cứ thứ gì, như những người quảng cáo nghiên cứu. Dĩ nhiên chúng ta cũng khai thác sai sót. Ví dụ, chúng ta thấy rằng nó dễ hơn để chỉ trích "sự thiết lập" hay "hệ thống" đúng hơn là chỉ ra những quy luật hay thực tiễn riêng biệt mà chúng ta cảm thấy cần thay đổi. Nhưng chúng ta trả một giá quá đắt cho sự lạm dụng này. Để từ *tự do* được sử dụng thường như một hiệu lệnh tập hợp. Chúng ta sẽ có nhiều lợi ích hơn để ngưng trong chốc lát và tự hỏi: tự do cho ai? tự do từ những gì? tự do để làm gì? Những câu hỏi như thế sẽ cứu lấy nhiều sự sống. Chúng ta cần nhớ rằng những từ ngữ như *tự nhiên*, *sự thật* và *tự do* là trừu tượng, không tồn tại trong thế giới thực. Chúng ta có thể nghiên cứu để làm giảm số lượng từ trong thế giới trừu tượng đó bằng một quá trình thay thế. Bất cứ khi nào một từ xuất hiện đáng ngờ, nó nên được truy nguyên thấy bắt nguồn từ vật chất dường như nó miêu tả và một từ mới nên được thay thế cho từ đáng ngờ đó. Đôi khi sự trừu tượng được thay đổi một cách đơn giản từ một danh từ sang một tính từ. Vì thế, chúng ta có thể thay thế "Sự thật sẽ làm bạn thoải mái" với "Những lời nhận xét chân thật sẽ làm bạn thoải mái", thay thế "Hoa Kỳ không thể làm sai" với "Tổng Thống (hay những thành viên của Quốc Hội Hoa Kỳ) không thể làm sai". Với dạng phân tích này, nhiều nhận xét dường như hết sức sâu sắc thường chúng tỏ nó không sâu sắc ở toàn thể.

• Sai lầm trong phép tu từ nảy sinh khi chúng ta xem xét những từ trừu tượng như thể chúng

là những từ cụ thể. Thậm chí chúng ta thường xuyên quy cho chúng những đặc tính giống như con người.

- Chúng ta dùng phép tu từ từ khi nói những điều như "Hoa Kỳ không thể làm sai", "Tự nhiên quy định quyền lợi là gì" ... Những điều đó là sai sót, không phải Hoa Kỳ mà cũng không phải tự nhiên có năng lực của tư duy, mục đích hay sáng tạo.

- Tuy nhiên, chúng ta cần tu từ từ những từ ngữ nổi bật đối với những mục đích diễn cảm hay thi ca (như trong nhận xét của Antony về Brutus) từ những từ ngữ được phép tu từ từ hóa đối với những mục tiêu hợp lý hay miêu tả mà những sự khẳng định nào đó được tạo thành (như trong nhận xét về tự nhiên tạo nên những tiến bộ trong một chủng loại). Trong khi cách sử dụng trước đó thì vô hại, những cách sử dụng sau này có thể trở nên tiêu cực.

5. Sự Phân Hóa (Fallacy of Division) và Kết Cấu (Fallacy of Composition)

Nếu một người không thể làm gãy một bó củi, điều đó có nghĩa là cô ta không thể làm gãy bất cứ que củi riêng lẻ nào trong đó? Dĩ nhiên là không.

Những gì là đúng trong tổng thể thì không nhất thiết phải đúng trong những thành phần của nó. Nếu không cẩn nhắc, chúng ta có thể phạm sai lầm trong phân hóa, phân chia những đặc tính của tổng thể và cùng áp dụng chúng với mỗi thành phần của nó. Chúng ta có thể đảo ngược trật tự của lý luận và phạm sai lầm đối lập: Nếu một người có thể làm gãy một que củi, thêm một que, và một que nữa, điều đó có nghĩa là người đó có thể làm gãy cả một bó củi như một tổng thể? Chắc chắn là không. Những gì đúng với một phần không nhất thiết đúng với tổng thể. Một lần nữa, nếu chúng ta không nhận ra điều này, chúng ta có khả năng phạm phải sai lầm trong kết cấu, tạo nên những đặc trưng của tổng thể ngoài những điều đó trong thành phần của nó. Tổng thể, theo cách nói cũ, là nhiều hơn tổng số những thành phần của nó. Những gì đúng của những tổng thể và thành phần ở đây cũng đúng với những nhóm và bộ phận của chúng. Do đó, dàn nhạc giao hưởng Chicago có thể là dàn nhạc hay nhất trong nước, nhưng không nhất thiết có nghĩa là nghệ sĩ vĩ cầm trong dàn nhạc là nghệ sĩ vĩ cầm hay nhất trong nước. Hay sử dụng một ví dụ khác, Jones có thể là tiền vệ hay nhất trong nước, Smith - trung vệ giỏi nhất và Davis - thủ môn giỏi nhất, nhưng khi đặt họ và những cầu thủ nổi tiếng khác vào một đội sẽ không hẳn cho chúng ta một đội hay nhất trong nước. Tại sao người ta có thể hỏi, những gì đúng trong tổng thể không tất yếu phải đúng đối với những thành phần của nó? Hay tại sao những gì đúng đối với những thành phần của nó thì không tất yếu phải đúng với tổng thể? Tương tự, tại sao những gì đúng với một số nhóm hay đội riêng biệt không tất yếu phải đúng với các bộ phận trong nhóm và người lại? Nguyên nhân là một tổng thể hay một nhóm đơn vị chức năng và kết cấu của nhóm và vì thế chỉ liên quan đến những thuộc tính của nó, và phân biệt từ những thành phần của nó. Một ví dụ khác sẽ làm rõ ràng hơn: Chúng ta nhìn một bông hoa và tự nói: "Ồ! Thật là một bông hoa đẹp!" Chúng ta cũng làm như thế với một vài bông hoa khác. Điều đó có nghĩa nếu chúng ta tập hợp chúng, chúng ta sẽ có một bó hoa đẹp hay không? Có lẽ là không, và nguyên nhân là khi tập hợp chúng lại với nhau sẽ nảy sinh một điều gì đó mới lạ. Tất cả những bông hoa khác nhau đó được trộn lẫn một cách đúng đắn? Câu hỏi đó không thích hợp khi mỗi bông hoa đều tự khẳng định mình. Ví dụ giống như thế áp dụng với một nhóm cầu thủ, hay ca sĩ, hoặc bất cứ chọn lọc cá nhân nào. Mặc dù mỗi người, khi tự khẳng định mình, có thể nổi rất nổi tiếng, nhóm sẽ nổi tiếng hay không phụ thuộc vào một nhân tố mới nảy sinh chỉ với sự hình thành của nhóm. Họ sẽ làm việc với nhau hiệu quả như thế nào hay chất giọng của họ kết hợp với nhau hiệu quả như thế nào? Đây là những câu hỏi không có ý nghĩa khi mỗi thành viên của nhóm tự khẳng định mình. Mặc dù hiển nhiên chúng không phải là những dạng sai sót khó hay không dễ phát hiện, nhưng chúng ta có khuynh hướng phạm phải chúng rất thường xuyên. Những nguyên nhân thường hay được

chấp nhận trong một nhầm lẫn của ý nghĩa chọn lọc và phân loại của những từ mầu chốt nào đó trong các lý luận. Bằng một từ chọn lọc chúng ta muốn nói một từ mà gán cho một sự chọn lọc hay một tổng thể; với một từ phân loại chúng ta muốn nói một từ chỉ áp dụng với những cá nhân hay thành phần. Từ tất cả là ví dụ rõ ràng nhất về một từ tiềm ẩn tối nghĩa. Thí dụ, khi chúng ta nói "Tất cả những nhà từ thiện đã đóng góp 1000 đôla Mỹ", chúng ta muốn nói rằng mỗi và mọi người đã đóng góp vào khoảng này (dùng từ tất cả một cách phân biệt), hay chúng ta muốn nói tất cả hợp lại với nhau làm như thế (bây giờ ta hiểu từ tất cả chung)?

a. "Tôi đánh giá một người bằng đôi giày anh ta mang, Jerry"

Trong trường hợp này, người phụ nữ phạm sai sót của kết cấu. Những gì đúng về đôi giày của một người có thể không đúng với cả con người, hay người ta hy vọng trong thời điểm này! Một từ cảnh báo cuối cùng. Những nhà lo-gic học nhắc nhở chúng ta rằng đó là một sai sót dễ lạm dụng mà không bằng chứng rằng một tổng thể sẽ có những quyền sở hữu được mỗi thành phần của nó, hay mọi điều đúng với bất cứ thành phần nào của một nhóm sẽ đúng với mọi thành phần. Điều này không có nghĩa chúng ta có thể tình cờ thấy được những trường hợp mà những gì đúng với tổng thể quả thực đúng với các thành phần của nó, hay ngược lại. Quy luật nói rõ rằng chúng ta không thể lạm dụng, nó sẽ luôn luôn như thế. Ví thế, nếu sự trao đổi bạn đạt được gần đây là một dạng mới, nó cũng giống như những thành phần. (Nhưng thậm chí những người đã tạo thành ở đây được biết đến, đã sử dụng những thành phần cũ khi chúng bao quanh những thành phần mới). Trong phép cộng chúng ta phải nhớ rằng những lời nhận xét này về mối quan hệ giữa tổng thể, thành phần, nhóm và bộ phận liên quan tới những tổng thể vật chất và thành phần của chúng. Ở chỗ nào những tổng thể và thành phần hay nhóm và những bộ phận của chúng ngoài vật chất, không có sự sai lầm nào có thể được bao hàm. Bài tiểu luận của Roger Rosenblatt (*Tap Chí Time*, ngày 17 tháng 9, 1984) trong sự phản ứng về tai nạn hơi độc cac-bon thảm khốc ở Bhopal, Ấn Độ, đã cướp đi sinh mạng của hơn 2,500 người là một trường hợp đáng chú ý. Rosenblatt bắt đầu bài tiểu luận của ông ta bằng lời trích dẫn nổi tiếng của John Donne "Bất cứ cái chết của ai đều làm tôi giảm tinh thần" (ở mặt ngoài, có thể phát sinh phạm phải việc sai lầm sự phân hóa). Ông ta nói về nó:

"Nó luôn được nghe quá mức. John Donne miêu tả rằng tư duy hơn 350 năm về trước trong một thế giới không có những phương tiện thông tin đại chúng, mà cái chết của một người được loan báo bằng một tiếng chuông nhà thờ. "Nó rung chuông 3 lần" ông ta nói. Có thật vậy không? Lo-gic sẽ gợi ý rằng cái chết của một cá nhân sẽ không giảm bớt nhưng đúng hơn là nâng cao cuộc sống của mọi người, từ việc càng nhiều người chết, càng nhiều không gian và nguyên vật liệu cho những người còn lại. Trước sự chuyển đổi của ông ta, bác Scrooge đã thích để người nghèo chết hơn "và giảm đi dân số thừa". Scrooge có lẽ không có Thượng Đế ở bên cạnh ông ta, nhưng sự tính toán của ông ta thì không chệch vào đâu được."

John Donne có đáng bị khiển trách về việc sai nhầm sự phân hoá này không? Có lẽ, ông ta chỉ có trong ý nghĩ những hậu quả vật chất của cái chết.

Nhưng Donne dường như hạn chế một phản ứng mà sâu sắc và vững chắc hơn. *Bất cứ cái chết của ai đều làm tôi nhỏ bé hơn, ít ra tôi đã từng như thế trước khi tôi nghiên cứu về cái chết đó, bởi vì thế giới là một bản đồ của những quan hệ nối liền với nhau.* Như thế giới giảm về kích cỡ, thì những bộ phận của nó cũng thế. Những tác phẩm của Donne cũng vậy ... cả thế giới trải qua một sự mất mát về số lượng ở một cái chết của cá nhân ...

- Việc sai lầm sự phân hóa gồm có giả định mà những gì đúng với tổng thể hay nhóm thì phải đúng với mỗi thành phần hay bộ phận của nó.

- Sự sai lầm kết cấu gồm có giả định đối lập: những gì đúng với mỗi thành phần của một tổng thể hay một bộ phận của một nhóm phải đúng với tổng thể hay nhóm.

6. Tóm Tắt

Chương này đã trình bày sáu sự sai lầm về tối nghĩa. Những sự sai lầm như thế được chỉ ra như những sự sai lầm ngôn ngữ học, trong đó chúng xuất phát từ cách sử dụng ngôn ngữ có nhiều hơn một nghĩa. Chúng ta đã thấy rằng cách tốt nhất để làm sáng tỏ những sự sai lầm như thế là gạn lọc ngôn ngữ trong câu hỏi.

Lỗi nói lập lờ là tên gọi được đưa ra những sự sai lầm xuất phát từ một sự thay đổi trong ý nghĩa của một từ mẫu chốt trong suốt lý luận. Khi chúng ta tạm chấp nhận rằng một đối thủ sẽ không chấp nhận những lý do của chúng ta về một điều gì đó bởi vì họ sẽ không lắng nghe những lý do đó, chúng ta thay đổi ý nghĩa của từ lý do trong suốt quá trình lý luận của chúng ta. Để làm như thế, chúng ta áp dụng lỗi nói nước đôi.

Câu nước đôi được chỉ ra từ kết quả của sự tối nghĩa trong cấu trúc câu, như khi nhà triệu phú tiếp nhận kết luận sai từ nhà tiên tri đã tiên đoán: "Nếu nhà triệu phú tham chiến với Cyrus, ông ta sẽ huỷ diệt một vương quốc hùng mạnh"

Sự sai lầm của dấu trọng âm nảy sinh khi có một sự tối nghĩa liên quan tới giọng điệu mà một lời phát biểu được nói ra (ví dụ, được nói bằng một giọng điệu nghiêm túc hay châm biếm?); hoặc khi có một sự liên quan không chắc chắn mà nếu bắt cứ từ, hay ngữ trong một lời nhận xét ngoại lệ được miêu tả đặc biệt (thí dụ như trong lời nhận xét "Hãy lịch sự với người lạ"); hoặc khi có một câu hỏi như một đoạn văn được trích dẫn không đúng và vì thế đưa ra một nhấn trọng âm và bằng cách ấy một ý nghĩa mà tác giả của nó không có ý muốn truyền đạt.

Phép tu từ được chỉ ra như một kết quả từ một từ hay ngữ trừu tượng được nghiên cứu như thể nó có những khả năng cụ thể, vật chất hay tích cực rõ rệt. Một sự trừu tượng như thế được minh họa trong lý luận khẳng định rằng, bởi tự nhiên "hoàn thiện" một chủng loại bằng cách loại trừ những thực thể không phù hợp, nó là quyền đối với mỗi nhóm người để loại trừ nhóm khác.

Sự sai lầm về sự phân hóa được chỉ ra như kết quả từ việc cố gắng áp dụng những gì đúng đối với tổng thể hay nhóm cho mỗi thành phần hay bộ phận. Nhưng, theo chúng ta thấy, dàn nhạc giao hưởng Chicago có thể là dàn nhạc hay nhất trong nước, nhưng điều đó không tất yếu phải có nghĩa là nghệ sĩ vĩ cầm đầu tiên trong dàn nhạc là giỏi nhất trong nước. Sự sai lầm về kết cấu được chỉ ra như một kết quả từ việc cố gắng áp dụng những gì đúng đối với một phần hay cá nhân cho tổng thể hay nhóm. Nhưng, chúng ta đã thấy, một bó củi hay đội bóng đá không chỉ đơn thuần là tổng số những thành phần hay bộ phận của nó và sẽ có những đặc tính khác, riêng biệt.

Chương 4

Những Ngụy Biện của Giả Định

Sai lầm của những giả định (Fallacies of Presumption) là những luận điểm không hoàn chỉnh do có những giả định hoặc những điều được thừa nhận mà chưa được chứng minh tồn tại trong nó. Sự không hoàn chỉnh đó không được nhận biết do chúng không được nói ra; một sự giải thích nghe có vẻ hợp lý đã che dấu đi khiếm khuyết trong một luận điểm và làm cho chúng ta chấp nhận luận điểm đó. Tuy nhiên, do không có một kết luận nào đáng tin cậy hơn những giả định mà chúng dựa trên nên những kết luận của những luận điểm đó cũng không đáng tin.

Trong nhóm đầu tiên, sai lầm được thực hiện xảy ra khi các yếu tố quan trọng có liên quan đã bị bỏ qua. Trong sai lầm của sự khái quát hoá, lỗi nằm trong giả định là những gì đúng trong một hoàn cảnh nhất định thì sẽ đúng đối với mọi hoàn cảnh. Trong lỗi của quơ đũa cả nắm, lỗi nằm trong giả định rằng những chứng cứ luận điểm này dựa trên đã đầy đủ để đưa ra kết luận, nhưng thực tế thì các chứng cứ đó đã không được trình bày hoặc là trình bày không đầy đủ. Cuối cùng, sai lầm do chẻ đôi, điều này xảy ra trong trường hợp chúng ta trình bày luận điểm và những luận cứ đưa ra là được cho là mâu thuẫn duy nhất, nhưng thực tế vẫn tồn tại những luận cứ khác.

Bỏ Qua Những Yếu Tố Cơ Bản

1. Khái Quát Hoá

Fallacy of Sweeping Generalization

Khi xem xét sai lầm của kết cấu (Fallacy of composition) và khái quát hoá chúng ta cũng nên nhận thấy rằng, mặc dù có sự tương tự về mặt cấu trúc -- đã thảo luận trong chương trước -- nhưng hai nhóm này có sự khác nhau. Trong khi nhóm trước (phân hoá và kết cấu) tập trung vào mối quan hệ tổng thể và thành phần hoặc ngược lại -- những cái được xem xét mang *tính vật chất và số lượng*; những sai lầm của khái quát hoá và quơ đũa cả nắm lại tập trung vào những vấn đề áp dụng sai những yếu tố có *tính trừu tượng* như cái tổng quát, các quy tắc, nguyên tắc đối với từng trường hợp, sự kiện cụ thể.

Sai lầm của sự khái quát hoá xảy ra khi một nguyên tắc chung được áp dụng cho một trường hợp đặc biệt trong khi điều đó là không thể do những đặc điểm riêng biệt của trường hợp đó không cho phép. Hãy xem xét ví dụ sau:

a. Mọi người đều có quyền đối với tài sản thuộc sở hữu của họ. Do đó, mặc dù Jones bị tuyên bố là mất khả năng nhận thức, thì cũng không ai có quyền lấy đi các vũ khí của anh ta.

Cơ sở đầu tiên của luận điểm này là một nguyên tắc chung được thừa nhận rộng rãi. Tuy nhiên nó lại không thể được áp dụng trong trường hợp cụ thể này, một người bị mất lý trí và một phần tài sản anh ta có là vũ khí.

Nguồn gốc của tính thuyết phục trong trường hợp trên là có một sự tương tự như các luận điểm hợp lý trong đó các trường hợp cụ thể nằm trong phạm vi có thể được giải quyết bằng nguyên tắc chung. Điều cần phải nhớ ở đây là sự tổng quát được tạo ra chỉ để áp dụng đối với những trường hợp chung nhất chứ không phải cho các trường hợp cụ thể, đặc biệt nào đó.

Sẽ là một sự hợp lý hiển nhiên khi lập luận rằng: Mọi người trên đời này đều phải chết, do đó Socrates cũng phải chết (do bệnh tật, chết già...)

b. Bởi vì cưỡi ngựa là môn thể thao tốt cho sức khoẻ, Harry Brown phải luyện tập thường xuyên hơn vì nó tốt cho bệnh tim của anh ta.

Điều gì tốt cho sức khoẻ của một người bình thường thì không nhất thiết phải tốt cho người có vấn đề về sức khoẻ. Sai lầm của khái quát hoá đôi khi được gọi là sai lầm ngẫu nhiên, tình cờ để nhấn mạnh đặc tính bất thường của một trường hợp cụ thể mà điều đã được tổng quát không thể áp dụng.

Mặc dù các ví dụ trên đã phân tích một cách tương đối rõ ràng, nhưng đôi khi những sai lầm như vậy vẫn khó có thể được nhận ra khi các yếu tố liên quan đến một luận điểm phức tạp hơn. Xem xét ví dụ sau:

c. Tôi tuân thủ vào một quy tắc vàng: sẽ là trách nhiệm đương nhiên khi làm việc gì đó cho người khác giống như những gì mà họ có thể làm giúp tôi. Nếu tôi gặp khó khăn trong việc trả lời câu hỏi trong một buổi thi thì tôi sẽ nhờ người bên cạnh giúp đỡ. Do đó sẽ là trách nhiệm của tôi phải giúp người ngồi bên cạnh nếu họ nhờ tôi trả lời giúp các câu hỏi thi.

Một yếu tố quan trọng đã bị bỏ qua trong luận điểm trên. Mục đích của một kỳ thi là đánh giá mức độ hiểu biết của mỗi người như thế nào và mục đích đó sẽ không đạt được nếu xảy ra việc giúp đỡ nhau. Do đó quy tắc vàng sẽ không được áp dụng trong những tình huống tương tự như vậy.

Luận điểm thuộc loại mà chúng ta đang xem xét ở đây gồm hai phần: nguyên tắc chung và trường hợp cụ thể. Nếu một luận điểm mà không phù hợp thì đó là trường hợp mà chúng ta áp dụng quy tắc chung đó là trường hợp ngoại lệ và trường hợp đặc biệt đó không phụ thuộc vào nguyên tắc chung. Để phát hiện ra những lỗi như thế, điều cần phải làm là tách quy tắc ra, sau đó việc hiểu một cách đúng đắn sẽ cho thấy rằng trường hợp cụ thể nào sẽ không thể áp dụng các quy tắc chung. Trở lại các ví dụ trên chúng ta có thể nói như sau: (a) mọi người có quyền đối với tài sản thuộc sở hữu của họ, nếu anh ta hoặc cô ta không bị mất trí; (b) cưỡi ngựa sẽ tốt cho sức khoẻ của một người nếu tình trạng sức khoẻ của anh

ta cho phép; (c) chúng ta phải giúp đỡ người khác nhưng không phải ở trong phòng thí. Như trong một số sai lầm mà chúng ta đã nghiên cứu, sai lầm của khái quát hoá cũng dẫn đến những hiệu quả gây cười. Một thí dụ nổi tiếng được trích ra từ tác phẩm *Decameron*, một tuyển tập các truyện cổ hài hước từ thế kỷ 14 ở nước Ý.

Một số đoạn đã bị lược bỏ, câu chuyện diễn ra như sau:

d. Một người hầu trong khi đang nướng một con cò cho ông chủ của anh ta đã bị cô người tình nhân thuyết phục hãy cắt một chân của con cò cho cô ta ăn. Khi con cò được mang đến bàn ăn, ông chủ muốn biết chuyện gì đã xảy ra với cái chân kia của con cò. Anh người hầu trả lời rằng con cò chỉ có một chân. Ông chủ rất tức giận nhưng quyết định "làm cứng họng" anh người hầu trước khi trừng phạt anh ta. Ngày hôm sau ông đưa anh ta ra ngoài đồng, nơi đó họ thấy bầy cò đang đứng trên một chân như chúng vẫn thường làm. Anh hầu về mặt vui mừng hướng sang phía ông chủ. Sau đó, một tiếng động phát ra, lũ cò thả cái chân còn lại xuống và bay đi mất. Anh người hầu nói "Ồ thưa ngài, tôi hôm qua ngài đã không quát thẳng vào con cò; nếu ngài làm như vậy chắc nó đã chìa cái chân còn lại ra rồi"

Quy luật mà anh người hầu đã dựa vào đó để biện hộ cho mình trong trường hợp trên có thể được diễn đạt như sau: Loài cò có thói quen đứng một chân, nhưng nó sẽ thả chân kia xuống khi nghe tiếng động. Tuy nhiên quy luật này sẽ không thể áp dụng vào trường hợp con cò khi sinh ra chỉ có một chân hoặc con cò đã bị nướng chín.

Chúng ta nên lưu ý rằng, mặc dù sự tổng quát có thể bị lạm dụng nhưng chúng vẫn rất hữu ích trong lo-gic. Sự khái quát hoá cho phép chúng ta suy ra quy tắc chung với một mức độ hợp lý khi chúng ta không có khả năng kiểm tra tất cả mọi trường hợp cụ thể. Để trở nên chính xác, chúng ta cần tránh việc khái quát hoá bởi vì sẽ có nhiều trường hợp nằm ngoài phạm vi các quy tắc mà chúng ta đã tổng quát hoá. Một luật sư với sự hiểu biết pháp luật và óc quan sát tốt nhiều khi sẽ mang điều lợi lại cho khách hàng của anh ta do dựa trên những vấn đề chuyên môn mà trong hoàn cảnh khác những vấn đề đó có thể bị xem là vặt vãnh. Nhưng đó là vấn đề trình độ của một người. Nếu không nhận ra được các tình tiết giảm nhẹ khi phán xử một người thì đó là việc chỉ tuân thủ các câu chữ trong luật chứ không phải tinh thần của luật pháp. Nếu như vậy sẽ là áp dụng một cách máy móc trong khi lại bỏ qua những chi tiết quan trọng của vụ việc.

Sai lầm của khái quát hoá sẽ diễn ra khi áp dụng nguyên tắc chung không đúng. Những quy tắc, sự việc được khái quát được tạo ra để áp dụng cho những trường hợp thông thường nhất chứ không nhất thiết phải áp dụng cho tất cả mọi trường hợp, và điển hình là trường hợp đặc biệt hay ngoại lệ.

Sự *khái quát hoá* không giống với sai lầm do *phân hóa*. Trong khi sai lầm do phân hóa xem xét mối liên quan mang tính vật chất giữa cái tổng thể và cái thành phần thì sự khái quát hoá lại xem xét vấn đề áp dụng sai những nguyên tắc trừu tượng hoặc những điều được tổng quát đối với những trường hợp không nằm trong phạm vi của những điều được khái quát đó.

2. Gồm Đũa Cả Năm

Fallacy of Hasty Generalization

Sai lầm của gồm đũa cả năm trái ngược hoàn toàn với sự khái quát hoá. Gồm đũa cả năm là việc một trường hợp cá biệt được xem như là cơ sở cho việc đưa ra một kết luận chung một cách tùy tiện. Xem xét hai ví dụ sau đây:

1. Tôi đã có khoảng thời gian tồi tệ chung sống với người chồng cũ. Từ đó đã hiểu rằng mọi đàn ông đều không tốt.

b. Tôi biết một người là đại diện của Liên Đoàn, bà ta là một con người khủng khiếp. Tôi không nên tin bất cứ ai trong số họ.

Hai luận điểm trên đây là không hợp lý bởi vì họ đã cho rằng một điều gì đã đúng trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định sẽ đúng trong mọi hoàn cảnh khác. Những bằng chứng được đưa ra chỉ cho phép một kết luận cụ thể chứ không phải là một kết luận chung nhất. Một lần nữa chúng ta cần nhớ rằng không thể hoặc không cần thiết phải kiểm tra tất cả mọi

khả năng. Trừ khi một số lượng vừa đủ đã được kiểm nghiệm nếu không những kết luận sẽ là quá vội vàng và do đó không đáng tin cậy.

Trong một số trường hợp sai lầm do sự kết luận vội vàng hay gồm đưa cả năm có nguyên nhân từ việc kết luận dựa trên những trường hợp ngoại lệ và do đó không có tính tiêu biểu. Chúng ta sẽ sai khi nói, "Anh ta nói hay đến mức mọi người có thể nhận ra là anh ta đã học qua lớp đóng phim," hoặc "Đây hẳn là những viên thuốc vì vị của nó thật đắng". Trong cả hai ví dụ trên, những trường hợp cụ thể có liên quan đến quy tắc chung nhưng không mang tính bản chất.

Truyện Sherlock Holmes của Conan Doyle có rất nhiều minh họa cho sự lý giải phức tạp của nhà thám tử bậc thầy. Chỉ vài giây sau khi được giới thiệu với bác sĩ Watson, Holmes đã quả quyết rằng Watson vừa mới từ Afghanistan trở về.

c. Đây là một thầy thuốc, nhưng ông ta lại có dáng vẻ của một quân nhân. Rõ ràng đó là một bác sĩ quân y. Ông ta vừa trở về từ vùng nhiệt đới, vì khuôn mặt đen và đó không phải là màu da tự nhiên của ông ta và cổ tay khá lớn. Ông ta vừa trải qua một giai đoạn khó khăn và bệnh tật, vẻ mặt phờ phạc đã nói lên điều đó. Cánh tay trái của ông ta bị thương, ông ta giữ nó với vẻ cứng nhắc và không tự nhiên. Ở khu vực nào của vùng nhiệt đới lại có nhiều bác sĩ quân y phải trải qua những khó khăn và bị chấn thương ở tay như vậy? Rõ ràng là ở Afghanistan. (*Vụ Án ở Scarlet*, phần I, chương 2)

Rõ ràng là Watson có thể mang dáng vẻ của một quân nhân mà chẳng cần phải trải qua quân đội; ông ta cũng có thể có khuôn mặt rám nắng mà không cần phải sống nước ngoài. Holmes đã kết luận một cách vội vàng khi mà các bằng chứng chưa đầy đủ.

Một biến thể của sự kết luận vội vàng xảy ra khi chỉ những luận chứng hỗ trợ cho luận điểm được sử dụng trong khi những bằng chứng phản biện lại bị bỏ qua.

d. Dưới hệ thống xã hội chủ nghĩa có nhiều người nghèo, lao động và tài nguyên bị lãng phí, cạnh tranh khốc liệt, bản chất hám lợi bộc lộ, khủng hoảng và suy thoái.. Tất cả những điều này đã chứng minh hệ thống này là thối nát và đáng bỏ đi.

Thậm chí khi những bằng chứng được đưa ra là đúng, chúng ta cũng chưa có đầy đủ cơ sở để đi đến một hành động quyết liệt là phải xoá bỏ nó. Cố gắng sửa chữa những khuyết điểm đó bằng cách xoá bỏ nó chẳng khác nào quăng đĩa trẻ ra ngoài cùng với nước tắm. Những ưu điểm của hệ thống này đã không được đề cập đến, điều đó có thể làm giảm đi những khuyết điểm của nó.

Những suy nghĩ ẩn dấu đằng sau luận điểm (d) là một dạng của sự hợp lý hoá (duy lý), những lý giải có vẻ hợp lý được đưa ra để bào chữa cho niềm tin đối với cái khác, thường có cơ sở kém chắc chắn hơn. Sự duy lý được sử dụng bởi những người có các lợi ích phải bảo vệ. Thay vì kiểm tra mọi bằng chứng, họ chỉ lựa chọn những gì có lợi nhất cho lý luận của mình. Cùng lúc đó, họ cố gắng gây ra một ấn tượng rằng mọi bằng chứng đã được kiểm tra và những bằng chứng đó đều có lợi cho họ. Một số chính trị gia đánh giá những thành công của mình với niềm hãnh diện và đánh giá thành công của người khác với nỗi lo lắng. Họ thuyết phục để được bầu bằng chiêu bài giảm thuế nhưng lại không chú ý rằng các dịch vụ công cộng sẽ bị giảm do sự cắt giảm thuế đó. Các công ty cho vay nhấn mạnh việc bảo toàn vốn và các khoản lợi tức hàng tháng mà không chú ý đến việc tỷ lệ lãi suất cao hoặc một số người không có khả năng hoàn trả vốn vay.

Việc đưa ra những bằng chứng theo cách một chiều như vậy dường như có thể được chấp nhận tại toà án, trong đó mỗi bên sẽ đưa ra những chứng cứ có lợi nhất cho mình. Tuy nhiên nguyên tắc đối chất sẽ được áp dụng để bảo đảm rằng thẩm phán và bồi thẩm đoàn đã xem xét tất cả các bằng chứng và đã nghe hết toàn bộ sự thật.

Mặc dù những lý lẽ phản chứng có thể được tìm ra để phản biện lại một luận điểm, nhưng người tranh luận không nhất thiết phải bày tỏ thiện chí của mình bằng cách đưa ra những lý lẽ đó. Sai lầm của việc kết luận vội vàng sẽ mắc phải khi chúng ta không đưa ra những lý lẽ phản chứng như thế.

• Trong khi sự khái quát hoá xảy ra khi một người áp dụng những điều khái quát một cách không đúng, thì gồm đưa cả năm lại là việc một người đã vội vàng tổng quát một vấn đề nào

đó một cách sai lầm khi chỉ dựa trên những sự việc cụ thể, mang tính ngoại lệ và không đặc trưng cho điều được khái quát.

- Gồm đưa cả năm không giống sai lầm do kết hợp ở chỗ: sai lầm do kết hợp liên quan đến những mối quan hệ có tính vật chất giữa cái tổng thể và cái thành phần, gồm đưa cả năm lại liên quan đến những tình tiết và sự việc được tổng quát và những tình tiết chúng ta áp dụng vào.

3. Lý Luận Rẽ Đồi

The Fallacy of Bifurcation

Sai lầm do lý luận rẽ đồi là luận điểm cho rằng một yếu tố nào đó là hoàn toàn và duy nhất trong khi thực tế lại có những cái khác tồn tại. Lý luận rẽ đồi có liên quan mật thiết với sự nhầm lẫn trong cấu trúc hoặc là giống như trong lập luận của Bertrand Russell năm 1948 "Hoặc là chúng ta phải chiến tranh với nước Nga trước khi họ có bom nguyên tử hoặc là chúng ta quỳ xuống để họ thống trị". Trong một số cuộc tranh luận một số người nói "Thà chết còn hơn theo phái cánh tả" trong khi một số người khác lại nói "Thà theo phái cánh tả còn hơn chết", cả hai bên tranh luận đã bỏ qua một luận điểm thứ 3 khác "thà hơi thiên về cánh tả còn hơn tuyệt chủng".

Lý luận rẽ đồi đưa ra hai nhóm luận điểm trái ngược nhau có vẻ như mâu thuẫn. Hai luận điểm *trái ngược nhau* đó không xảy ra trường hợp cả hai luận điểm đó cùng đúng nhưng lại có thể xảy ra trường hợp cả hai cùng sai. Nếu chúng ta nói rằng Jane có thể giàu hoặc có thể nghèo nghĩa là cô ấy không thể cùng một lúc vừa giàu lại vừa nghèo, mà chỉ có thể là một trong hai trường hợp đó. Hai luận điểm được cho là **mâu thuẫn** là hai luận điểm không cùng đúng hoặc không cùng sai. Ví dụ: hoặc là ông ta còn sống hoặc đã chết; hoặc là hôm nay là sinh nhật của bạn hoặc không phải. Nếu điều này là đúng thì điều kia phải sai hoặc ngược lại. **Sai lầm của lý luận rẽ đồi xảy ra khi hai yếu tố có tính trái ngược nhau được sử dụng như là hai yếu tố mâu thuẫn.** (TQ hiệu đính: trái ngược là hai luận điểm đối chọi nhau, nhưng có luận điểm khác ở giữa. Như trắng và đen là trái ngược vì giữa trắng và đen còn có nhiều màu khác. Mâu thuẫn là hai điều khác biệt duy nhất mà không có điều thứ ba ở giữa. Trên phương diện tư duy, sống và chết là mâu thuẫn, vì chúng ta không có thể loại sinh tồn đứng giữa sống và chết.)

Bởi vì ngôn ngữ đầy những yếu tố đối lập, nên xu hướng xảy ra sai lầm như thế này là thường xuyên. Trong cuộc sống chúng ta thường thiên về một trong hai thái cực như "có" và "không có", "tốt" và "xấu", "bình thường" và "bất thường", nhưng chúng ta lại quên rằng giữa chúng có những cái mang trạng thái trung gian, có thể xem như là một lựa chọn khác cho hai thái cực đó.

Lý luận chẻ đôi cũng giống như một quan chức đang cao giọng rằng "Hãy cho tôi biết báo cáo này là tốt hay tồi" mà không thấy rằng báo cáo đó chứa đựng cả hai yếu tố đó. Điều này cũng giống như những người có tư tưởng chống lại những gì liên quan đến nước Nga một cách mạnh mẽ trong thời kỳ chiến tranh lạnh.

a. Hãy để tôi nói một cách nghiêm túc. Chỉ có thể có một thủ đô, Washington hoặc Moscow. Chỉ có thể có một lá cờ, Cờ các ngôi sao với các vạch ngang (cờ nước Hoa Kỳ) hoặc Cờ búa liềm (Cờ Liên xô). Chỉ có một bài quốc ca "StarSpangled Banner" hoặc "Quốc tế ca."

Trong lúc bức tức một người có thể phản ứng lại với một lời than phiền như sau: "VẬY anh cho rằng món súp này quá nguội? Tôi lại cho rằng anh thích một cái gì đó nóng thì phải." Xét về khía cạnh lo-gíc, kiểu tranh luận như trên đã đẩy chúng ta vào hoàn cảnh khó khăn là phải lựa chọn một trong hai trường hợp trên; trong khi thực tế lại cho phép chúng ta có những lựa chọn khác nữa.

Suy nghĩ thiên về một thái cực đôi khi giúp chúng ta bớt tốn kém về sức lực hơn là xem xét toàn bộ khía cạnh của vấn đề. Các nhà quảng cáo thường cố ý gạt bỏ những suy nghĩ không tốt của chúng ta về một sản phẩm bằng cách hướng chúng ta đến một khía cạnh nào đó phù hợp với mục đích của họ.

b. Nếu bạn biết về xe BMW, bạn đang có một cái hoặc là bạn muốn có nó một chiếc.

Đôi khi những định kiến làm cho ta không biết được rằng vấn đề mà chúng ta đang gặp

phải còn có cách giải quyết khác, nhưng đôi khi định kiến đó lại phản ánh mong muốn của chúng ta về một giải pháp đơn giản cho một vấn đề phức tạp. Ví dụ đưa ra sau đây sẽ chứng minh: chính sách ngoại giao của chúng ta dựa trên nguyên tắc các quốc gia là bạn hoặc là kẻ thù của chúng ta.

Trong nhiều ví dụ về sai lầm so lý luận rẽ đôi, hai lập luận được đưa ra có vẻ mâu thuẫn, nhưng thực tế lại không phải như vậy:

c. Chúng ta phải lựa chọn giữa an toàn và tự do. Và bản chất của một người Mỹ chân chính là lựa chọn rủi ro và chấp nhận nguy hiểm.

Tự do và an toàn không hoàn toàn mâu thuẫn nhau. Tuy nhiên luận điểm trên đây đã làm cho chúng ta bỏ qua những yếu tố khác có liên quan.

- Bifurcation có nguồn gốc từ tiếng La tinh, có nghĩa là "hai hướng" (Bi theo tiếng La tinh là một tiếp đầu ngữ (tiền tố) có nghĩa là "hai", và furca có nghĩa là "đoạn rẽ" hoặc "nhánh")

- Sai lầm của lý luận rẽ đôi là những luận điểm cho rằng một yếu tố riêng biệt nào đó là mâu thuẫn hoàn toàn và duy nhất khi mà trong thực tế còn có những yếu tố khác cho chúng ta giải quyết vấn đề có liên quan.

- Những cặp từ được sử dụng trong lý luận rẽ đôi là những cặp từ biểu thị hai thái cực khác nhau như (giàu/ngèo, tốt/xấu, bình thường/bất thường). Chúng ta quên mất rằng chúng chỉ đại diện cho hai cực của trạng thái khác nhau và ở giữa đó còn nhiều cấp độ trạng thái khác.

- Đôi khi còn gọi là lý luận trắng đen. Lỗi lập luận chỉ liệt kê ra hai điều, ví dụ trắng hay đen, trong khi thực tế có nhiều vấn đề khác ngoài trừ trắng và đen (như đỏ, xanh, vàng).

Lảng Tránh Sự Thật (Evading the Facts)

Trong loại sai lầm giả định này, những lỗi mắc phải không chỉ là việc bỏ qua một số yếu tố khác mà còn là việc tạo ra cho chúng ta cảm giác rằng luận điểm đó đã giải quyết tất cả các vấn đề liên quan nhưng thực tế lại chưa hề giải quyết. Những luận điểm như vậy đánh lừa chúng ta bằng cách nói rằng một vấn đề nào đó đã được đề cập đến nhưng thực tế lại hoàn toàn khác.

Có bốn kiểu sai lầm trong loại sai lầm này. Sai lầm do không đi thẳng vào vấn đề (lý lẽ vòng quanh) là việc giải quyết vấn đề bằng cách lặp lại nó. Không tập trung vào vấn đề theo kiểu ngôn ngữ cường điệu là việc lảng tránh một kết luận hợp lý bằng cách xét đoán các yếu tố. Câu hỏi phức hợp lảng tránh sự thật bằng cách tranh luận về một vấn đề khác với vấn đề đang bàn. Cuối cùng, sự biện hộ đặc biệt làm cho chúng ta xem xét vấn đề trên quan điểm thiên vị.

4. Lập Lại Vấn Đề (Fallacy of Begging the Question)

Sai lầm do lập lại vấn đề xảy ra khi thay vì đưa ra lời chứng minh hay giải thích cho một kết luận thì người nói lại nhắc lại vấn đề đó theo một cách khác. Những luận điểm như vậy làm cho chúng ta tin rằng một điều đã được thừa nhận nhưng thực tế thì nó chỉ mới được diễn đạt lại. Nếu là một luận điểm đơn giản thì có rất ít điều để nói.

a. Niềm tin vào Chúa là phổ biến vì mọi người tin vào Chúa.

Trong ví dụ này từ "phổ biến" và từ "mọi người" có tính tương đương với nhau, luận điểm này chỉ nhắc lại vấn đề mà không chứng minh nó. Lập luận như vậy thiếu những cơ sở do đó thay vì chứng minh nó chúng ta lại lập luận bằng cách nhắc lại những điều đã được nói ra dưới một cách khác. Nhắc lại kết luận dưới một dạng khác không nên được sử dụng để chứng minh cho kết luận đó.

Thiếu tá Richard Daley đã áp dụng cách lập luận này một cách hóm hỉnh để lảng tránh sự thật khi ông được hỏi tại sao Thượng Nghị Sĩ Hubert Humphrey lại thất bại trong cuộc bầu cử ở Bang Illinois. Daley đã trả lời rằng "Vì ông ta không có đủ số phiếu" trong khi câu hỏi kia thực sự là: "Tại sao ông ta không có đủ số phiếu?" Một ví dụ khác Tổng Thống Calvin Coolidge đã có lần nói rằng "Khi một số lượng lớn người không có việc làm, nạn thất nghiệp sẽ xảy ra". Lập luận trên đây chỉ thuần túy diễn giải lại điều được nói trước đó chứ không đưa ra được sự chứng minh hoặc cái giải thích hợp lý. Trong vở kịch nổi tiếng của Mô-Li-E, một nhà tâm lý học đã giải thích về tác dụng gây buồn ngủ của thuốc phiện bằng cách nêu ra thuộc tính gây buồn ngủ của loại thuốc này. Đây chính là việc giải thích một vấn đề bằng một vấn đề tương tự cần giải thích. Có thể nói là một sự giải thích luẩn quẩn và chúng ta có thể xem đó không phải là sự giải thích thực sự. Ví dụ: Tom đã *tự tử* vì anh ta muốn *chết*, hoặc anh ta *ngã* vì anh ta đã *roi* từ trên cao xuống. Những kiểu giải thích như vậy chẳng nói gì hơn ngoài việc Tom tự tử hoặc người đàn ông kia bị ngã.

Trong nhiều trường hợp chúng ta rất khó khăn để phát hiện ra sự giải thích lặp lại này. Hãy xem xét ví dụ sau:

b. Tự do thương mại sẽ tốt cho quốc gia này. Lý do hoàn toàn rõ ràng. Những hoạt động thương mại không bị hạn chế sẽ mang lại lợi ích cho nước này khi việc buôn bán giữa các nước không bị trở ngại.

Cụm từ "quan hệ thương mại không bị hạn chế" là một cách nói khác của tự do thương mại và cách lập luận dài dòng cũng chỉ để nói rằng "điều này tốt cho quốc gia đó".

Kiểu lập luận như vậy là cách nói lòng vòng, luẩn quẩn. Cách lập luận này đã sử dụng khả năng của ngôn ngữ có thể diễn đạt vấn đề theo một cách khác. Cũng giống như câu chuyện ba người đàn ông buộc ngựa: mỗi người buộc con ngựa của mình vào con ngựa của người kia và nghĩ rằng như thế sẽ giữ được lũ ngựa. Sau đó lũ ngựa đã chạy đi mất bởi vì chúng được buộc vào nhau theo hình mỏ neo chứ không phải buộc vào một vật cố định nào đó.

Sau đây là một ví dụ về sự giải thích luẩn quẩn đó. Chuyện xảy ra tại một công ty cho vay vốn:

c. QUẢN LÝ: làm sao công ty chúng tôi biết được ông là người trung thực và đáng tin, thưa ông Smith?

SMITH:Ồ, tôi nghĩ là ông Jones sẽ bảo đảm cho tôi.

QUẢN LÝ: Tốt. Chúng tôi có thể tin vào lời của ông Jones không?

SMITH: Tất nhiên là có rồi thưa ông? Tôi chắc chắn về những gì ông Jones làm.

Nếu ông Jones bảo đảm cho ông Smith và ngược lại, thì chúng ta lại trở lại điểm khởi đầu.

Kiểu lý luận lòng vòng này có thể tóm tắt như sau: A có những đặc điểm nào đó là do có B, Nhưng B chỉ đúng khi A đúng. Vấn đề là A có đúng hay không lại chưa được làm rõ. Vấn đề lại được lặp lại. Sau đây là một ví dụ nữa:

d. Chúa tồn tại! (A)

Làm sao anh biết?

Vì Kinh thánh nói như vậy. (B)

Làm sao anh biết Kinh thánh nói đúng? Bởi vì Kinh thánh là lời nói của Chúa! (A=B)

Kiểu lập luận như vậy đôi lúc còn được gọi là "lập luận vòng tròn" để chỉ ra rằng dù chúng ta có cố gắng thế nào thì chúng ta cũng bị quay trở lại vấn đề. (TQ hiệu đính, ai có thể chứng minh kinh thánh là lời nói của Chúa?).

Một ví dụ khác

e. Con người ta không thể không hành động trong trường hợp đó.

Tại sao?

Bởi vì họ luôn làm theo những động cơ mạnh mẽ nhất.

Vậy cái động cơ mạnh mẽ nhất đó là gì?

Đó là cái khiến họ phải làm theo.

Một lập luận thuyết phục phải đưa ra những căn cứ, lý do xác đáng để chứng minh cho một kết luận. Nhưng nếu những lý lẽ chỉ nhắc lại lời kết luận đó theo một cách khác thì lập luận đó không có căn cứ và chỉ là sự sai lầm.

Một dạng phổ biến của sai lầm do lặp lại vấn đề là việc sử dụng những cái được tổng quát không có căn cứ để chứng minh cho một kết luận mà kết luận đó sẽ nằm trong cái được tổng quát đó nếu đó là một kết luận đúng.

Ví dụ:

f. Sở hữu nhà nước đối với các dịch vụ công cộng là một học thuyết nguy hiểm, bởi vì đó là xã hội chủ nghĩa.

Nếu một luận điểm rộng hơn (chủ nghĩa xã hội là nguy hiểm) được thừa nhận thì vấn đề chủ yếu được thảo luận ở đây -- nhà nước sở hữu các dịch vụ công cộng -- là phù hợp. Những người có quan điểm đối lập có thể xem giả định này là tương đương.

Hãy xem xét ví dụ sau:

g. Sự tàn nhẫn của anh ta là do tính nhút nhát trong chính bản thân anh ta, vì mọi người nhút nhát đều tàn nhẫn.

Ở đây, một cái có tính khái quát rộng hơn đã được sử dụng để chứng minh cho vấn đề đặt ra. Trong khi tính đúng đắn của cái có tính khái quát rộng hơn vẫn chưa được chứng minh thì cái được khái quát rộng hơn lại được sử dụng để chứng minh cho vấn đề đặt ra, và như vậy chúng ta lại lặp lại vấn đề. Nếu một vấn đề cần chứng minh (là một ví dụ của cái được khái quát rộng hơn), thì chắc chắn rằng cái được khái quát rộng hơn đó cũng cần phải chứng minh.

Sai lầm do lặp lại vấn đề có thể xảy ra dưới hình thức ngược lại. Tức là nếu một cái đã được khái quát nhưng chưa được chứng minh được dùng để chứng minh cho một vấn đề (icious circle) cụ thể thì cũng có thể xảy ra trường hợp ngược lại một vấn đề cụ thể nào đó chưa được chứng minh lại được sử dụng để chứng minh cho một cái được tổng quát.

Xem ví dụ sau:

h. Tôi không cần nghe thêm bằng chứng cho vấn đề này, vì tôi đã hiểu rõ nó. Đó có phải là một trường hợp nữa về một người trẻ tuổi đã giết chết một người già? Tôi biết rằng những việc như vậy đều là do môi trường sống lúc còn trẻ. Vụ việc này chắc chắn phải là như vậy vì nó càng khẳng định thêm niềm tin của tôi là mọi vụ người trẻ giết người già có nguyên nhân là những trải nghiệm ở thời thơ ấu của kẻ giết người.

Đây là một vụ án mà tội phạm được cho rằng đã được thực hiện do ảnh hưởng của môi trường xấu lúc còn nhỏ. Luận điểm này lại được sử dụng để chứng minh cho một điều rộng hơn là: những tội phạm như thế (trẻ con giết người lớn) đều có nguyên nhân từ ảnh hưởng của môi trường sống lúc còn nhỏ. Nhưng điều được khái quát rộng hơn này vẫn đang còn không rõ ràng, nó cần được chứng minh rõ hơn. Trường hợp cụ thể này (vụ án đang đề cập) không thể được sử dụng để chứng minh cho điều đã khái quát do bản thân trường hợp này cũng cần được chứng minh. Có hai khía cạnh cần làm rõ để phân biệt một lập luận thuyết phục và cách lập luận mà chúng ta đang bàn đến.

Thứ nhất, những luận điểm thuyết phục chứa đựng các luận cứ nhằm xác nhận lại các thông tin trong kết luận mà không phải là lặp lại nó. Thứ hai, một lập luận thuyết phục chứa đựng các cơ sở chính xác và rõ ràng chứ không phải là những luận điểm chưa được chứng minh. Những luận điểm chính xác và rõ ràng, ví dụ như: một người không thể ở hai địa điểm khác nhau trong cùng một lúc; đây là luận điểm mà khi sử dụng không cần phải chứng minh

gì thêm. Nhưng lập luận theo kiểu vòng vo lại thuyết phục người nghe bằng cách đưa ra những chứng cứ không rõ ràng, chưa được chứng minh.

Sai lầm do lặp lại vấn đề sẽ dễ dàng nhận biết nếu chúng ta xem xét các lập luận trên quan điểm chúng ta chỉ chấp nhận những điều thuộc phạm vi của vấn đề được đặt ra. Nếu có ai đó nói rằng, tự sát là tội phạm vì đó là tội phạm giết chính mình. Chúng ta không bị bắt buộc phải chấp nhận ý kiến cho rằng một người tự lấy đi mạng sống của mình là phạm tội giết người (chính mạng mình).

- Lặp lại vấn đề hoặc không tập trung vào vấn đề là việc sử dụng các yếu tố giống như yếu tố chúng ta đã đặt ra trước đó để chứng minh, điều này gây nên sự lảng tránh hoặc bỏ qua vấn đề cần chứng minh.

- Những cố gắng tạo chứng minh cho một quan điểm bằng cách sử dụng những lời giải thích giống như quan điểm đã đặt ra cũng là sai lầm.

- Sai lầm có thể xảy ra dưới dạng:

A như vậy là bởi vì B; trong khi B cũng giống như A hoặc B phụ thuộc vào A hoặc B thậm chí không đáng tin bằng A.

A đúng vì B đúng; nhưng B chỉ đúng nếu A đúng. Vấn đề vẫn chưa được giải quyết là liệu A có đúng hay không? Đó là việc lặp lại vấn đề.

5. Ngôn Ngữ Cường Điều hay Thành Kiến

Fallacy of Question-Begging Epithets

Trong kiểu sai lầm này, lỗi xảy ra khi việc sử dụng ngôn ngữ mang tính thành kiến để khẳng định lại cái chúng ta muốn chứng minh nhưng vẫn chưa chứng minh. Ngôn ngữ cường điệu là một công cụ được thường xuyên sử dụng trong thơ văn, nhưng nó lại không thích hợp với lý luận hay lo-gic. Chúng ta đã biết rằng lặp lại vấn đề, hoặc lảng tránh vấn đề là việc sử dụng những luận điểm đang còn tranh cãi để chứng minh cho một vấn đề khác. Chúng ta sẽ thấy khả năng của ngôn ngữ, trong đó một từ hoặc một cụm từ tạo cho ta cảm giác rằng một vấn đề nào đó đã được giải quyết hoặc chứng minh nhưng thực tế thì không phải như vậy. Bởi vì nhiều từ chứa đựng khả năng mô tả và đánh giá, nên việc lảng tránh vấn đề theo kiểu dùng ngôn ngữ cường điệu xảy ra rất nhiều.

Hãy xem xét ví dụ sau:

a. Con người này đã bị kết vào tội xấu xa nhất đối với loài người.

Một người có thể nói "người này đã bị buộc tội giết người" để đảm bảo công bằng cho sự thật còn hơn là gán vào những *ý kiến gây tổn hại* khi đề cập đến cùng một vấn đề.

Khái niệm ăn cắp, không chỉ thuần túy là diễn tả một hành vi mà nó còn mang ý nghĩa phán quyết đối với hành vi đó, rằng hành vi đó là không đúng. Khi nói người đàn ông này đã ăn cắp thức ăn để cứu đứa con trai khỏi bị chết đói, việc dùng từ "ăn cắp" ở đây sẽ là lảng tránh vấn đề, bởi vì trong tình huống này hành vi của người đàn ông có thể được xem xét một cách phù hợp hơn.

Việc lảng tránh vấn đề ở đây là điều không đúng, bởi vì nó đánh thức những cảm xúc, định kiến thông qua việc sử dụng những ngôn từ mang tính áp đặt. Bằng cách nói quá vấn đề, nhạo báng, nịnh bợ, lạm dụng... Người nói, người viết đã tạo cho người đọc, người nghe tin rằng những từ ngữ đó đã được sử dụng một cách chính xác để diễn tả người, hoặc sự việc nhưng có thể là không phải như vậy.

Sau đây là một số ví dụ:

b. Khi một người phản ánh chương trình bảo hiểm thất nghiệp đã khuyến khích sự lười biếng của những kẻ ăn bám trong các khu nhà ổ chuột đã dẫn đến một chế độ phúc lợi giả dối như thế nào thì đã đến lúc chúng ta phải nhận thức rằng những sự trục lợi được hợp pháp hoá đó cần được xoá bỏ.

c. Những lời đề xuất gây cảm phẫn của các thành viên hội đồng được cho là sẽ phá vỡ

hững

mong muốn chính đáng của những công dân lao động vất vả.

d. Không một người Mỹ biết suy nghĩ nào có thể ủng hộ biện pháp này, một âm mưu xảo quyệt đã được ngấm ngấm đặt ra trong một căn phòng đầy khói thuốc của những kẻ làm ra luật.

Việc sử dụng sự lảng tránh vấn đề theo kiểu ngôn ngữ cường điệu trong các luận điểm trên đây là không thể chấp nhận được bởi vì nó đã thể hiện thái độ đồng ý hoặc không đồng ý về một vấn đề mà không đưa ra được các bằng chứng để chứng minh rằng những thái độ như thế là công bằng. Bằng cách gọi ai đó "kẻ lừa bịp để nhận trợ cấp xã hội" hoặc "những công nhân lao động vất vả" không thực sự đề cập một cách đúng mức những con người đó; hoặc gọi những biện pháp nào đó là "âm mưu xảo quyệt" hoặc "gây cảm phẫn" không thể làm cho vấn đề trở nên có tính chất như vậy.

Chúng ta có thể thấy, một người không đề cập thẳng vào vấn đề có thể có ý đồ bài xích, chê bai một người khác hoặc cũng có thể với ý ca tụng, tán dương. Khi chúng ta nói đến một sự kiện lịch sử nhất định trong "thời kỳ cải cách", chúng ta có thể chịu ảnh hưởng của các nhà sử học cho rằng đó là những sự kiện còn phải bàn cãi về tính tích cực hoặc tiêu cực, do khái niệm "cải cách" không chỉ có nghĩa là thay đổi mà còn mang nghĩa thay đổi theo hướng tốt. Tương tự, "người Mỹ biết suy nghĩ" là một kiểu nói để tán dương "người Mỹ".

Một ví dụ nổi tiếng về sự bài xích là những lời nhận xét của cựu Phó Tổng Thống Spiro Agnew về những người biệt giáo, trong một bài phát biểu tại New Orleans, Agnew đã nói:

e. Linh hồn của những kẻ bạo dân chiến thắng, được ủng hộ bởi một số kẻ bất lực, tinh vi và trơ tráo, những kẻ tự cho rằng mình là con người khôn ngoan.

Nhà vẽ tranh biếm họa Al Capp đã có những lời châm chọc ác ý khiến một nhóm sinh viên xuống đường biểu tình khi ông đang giảng bài ở Harford: "Này! Đừng đi. Tôi đang cần một hành vi súc vật."

Nhà ngôn ngữ học S. I. Hayakawa đã đưa ra một ví dụ hóm hỉnh về sự nhầm lẫn giữa sự thật và những suy nghĩ được ẩn chứa trong sai lầm do không tập trung vào vấn đề bằng cách dùng ngôn ngữ thành kiến. Ông đã phác họa một bức tranh về một cuộc đối chất trong phiên tòa:

f. Nhân chứng: Kẻ hai mặt bản thủ đó, Jacobs đã phản bội tôi.

Luật sư biện hộ: thưa quý tòa, tôi phản đối.

Quan tòa: phản đối được chấp nhận. Nhân chứng hãy kể chính xác chuyện gì đã xảy ra.

Nhân chứng: hán ta đã chơi trò hai mặt với tôi, kẻ bản thủ, đồ phản bội dối trá.

Luật sư biện hộ: thưa quý tòa, tôi phản đối.

Quan tòa: phản đối được chấp nhận. Nhân chứng hãy nói thẳng vào sự thật.

Nhân chứng: nhưng thưa quý tòa, tôi đang nói với ngài về sự thật. Hán ta đã chơi trò hai mặt với tôi.

"Sự việc có thể tiếp diễn mà không thể kết thúc", Hayakawa chỉ ra "trừ khi người chất vấn bằng sự khéo léo của mình có thể tìm thấy được sự thật ẩn dấu đằng sau lời phán quyết đó. Đối với nhân chứng thì sự thật chính là anh ta bị chơi trò hai mặt. Việc xét hỏi liên tục phải kiên trì là điều cần thiết để tìm ra sự thật làm cơ sở cho phán quyết của tòa" (*Ngôn Ngữ Trong Suy Nghĩ và Hành Động*, xuất bản lần thứ 4, New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1978, trang 37-38).

Việc lảng tránh vấn đề bằng cách dùng ngôn ngữ cường điệu là việc không đề cập vào vấn đề một cách đúng mức mà dẫn dắt người đọc, người nghe đi theo những quan điểm thiên kiến đối với vấn đề. Một lập luận thuyết phục sẽ làm cho người nghe, người đọc tin rằng sự đề cập như thế là hợp lý, tuy nhiên việc sử dụng ngôn ngữ mang tính thành kiến lại không thể được chấp nhận trong tranh luận.

- Chúng ta có thể không tập trung vào vấn đề bằng ngôn từ cường điệu.

- Ngôn ngữ cường điệu là một cách nói, mô tả một người, vật, ý kiến theo hướng cường điệu hoá vấn đề, thường mang ý nghĩa phê phán.

- Việc không tập trung vào vấn đề không chỉ có ý định chệch lạc mà còn có ý định tán dương, ca tụng.
- Cho dù là có ý định bài xích hay tán dương, thì việc sử dụng ngôn ngữ cường điệu ở đây là không thể chấp nhận được. Thay vì mô tả vấn đề một cách chính xác thì người viết lại muốn người đọc chấp nhận những ngôn từ mà họ sử dụng.

6. Phức Tạp Hóa Vấn Đề

Fallacy of Complex Question

Sai lầm do phức tạp hoá vấn đề (những câu hỏi phức hợp) là dạng nghi vấn sai lầm do không tập trung vào vấn đề. Cũng giống như không tập trung vào vấn đề, sai lầm do câu hỏi phức hợp làm cho người khác tin rằng một câu trả lời nhất định cho một câu trả lời trước đó đã được trả lời theo một cách nhất định, trong khi câu hỏi trước chưa được đặt ra. Sai lầm này có thể được gọi bằng nhiều tên khác nhau: câu hỏi đánh lừa, câu hỏi dẫn dắt, sai lầm do câu hỏi sai, sai lầm của nhiều câu hỏi. (TQ hiệu đính, ngành luật thường sử dụng loại ngụy biện này nhất. Ví dụ, vị luật sư hỏi: "anh ăn cắp nhiều không?" Trả lời nhiều hay không, thì người bị hỏi đã tự thú là "có ăn cắp" rồi. Vấn đề cần phải được bàn thảo trước là "anh có ăn cắp không?" Và nếu có, thì "ăn cắp nhiều không?" mới hợp tình hợp lý).

Vua Charles II của nước Anh đã có lần hỏi các thành viên của Hội Đồng Hoàng Gia tại sao nếu bỏ một con cá đã chết vào cái bát thì làm cho nước tràn ra, trong khi nếu đó là con cá còn sống thì nước lại không tràn. Các thành viên của Hội Đồng đã suy nghĩ rất lâu, một số người đã có lời giải thích nhưng không thực sự thuyết phục. Cuối cùng một thành viên của Hội Đồng đã quyết định làm thí nghiệm về vấn đề này. Ông này đã phát hiện ra rằng không có sự khác nhau nào đáng kể khi đặt một con cá sống hay một con cá chết vào bát nước.

Cho dù câu chuyện trên đây có thực sự đúng hay không thì nó cũng chứa đựng một bài học quan trọng. Trước khi cố tìm ra giải đáp cho một vấn đề chúng ta nên đặt ra những nghi vấn cho vấn đề đó. Mọi vấn đề đều chứa đựng những giả thiết phù hợp cho những câu trả lời được tìm ra, và đôi khi những giả thiết đó cũng dẫn đến những cách lập luận sai lầm.

Ví dụ:

- a. John đã từ bỏ thói quen xấu đó chưa?
- b. Anh vẫn còn nghiện rượu à?

Trong hai câu hỏi trên đều ẩn chứa câu trả lời cho một câu hỏi trước đó. Liệu John có một thói xấu nào không? Đây là câu hỏi đã không nêu lên trong khi câu trả lời lại ẩn chứa trong câu hỏi (a). Chúng ta không nên đưa ra câu trả lời nào cho câu hỏi (a) cho đến khi câu hỏi trước đó được giải quyết (TQ hiệu đính, nếu trả lời câu hỏi (a) trước khi tìm ra câu trả lời cho câu hỏi "Liệu John có một thói xấu nào không?", chẳng khác nào ta đã thú nhận John có tật xấu, cho nên John đã từ bỏ hay chưa từ bỏ. Loại câu hỏi này là loại câu hỏi phức hợp, vì nó ngụ ý một hay nhiều câu hỏi khác, mà những câu hỏi khác đó là tiền đề cho câu hỏi này cần phải có giải đáp trước). Trong nhiều trường hợp, những nỗ lực đáng kể là cần thiết để giải thoát cho chúng ta khỏi những ảnh hưởng sai lạc của câu hỏi phức hợp.

Hậu quả nghiêm trọng của sự phức tạp vấn đề có thể dự đoán được bằng cách xem xét những câu hỏi mang tính thủ thuật sau đây:

- c. Anh đã dùng cái gì để lau dầu vân tay trên khẩu súng đó?
- d. Anh đã suy nghĩ bao lâu trước khi thực hiện vụ cướp?

Cả hai câu hỏi trên đều chứa đựng câu trả lời cho câu hỏi trước đó mặc dù chưa được nêu ra cũng như trả lời. Những câu hỏi kiểu như vậy là không đúng bởi vì nó thừa nhận câu trả lời cho vấn đề khác chưa được đặt ra.

- e. Jane không phải là một người cấp tiến thiếu suy nghĩ có phải không?

Đây là câu hỏi mà câu trả lời phải là có hoặc không. Nhưng nếu chúng ta tách câu hỏi ra thành hai phần thì chúng ta sẽ có câu trả lời sau: Đúng, cô ấy là một người cấp tiến, nhưng cô ấy không phải là người thiếu suy nghĩ.

Một câu hỏi phức hợp thường ở dưới dạng kết hợp với sai lầm do lảng tránh vấn đề kiểu ngôn ngữ cường điệu.

f. Hãy cho tôi biết quan điểm của anh về những nỗ lực của chính phủ để giải quyết sự cố tràn dầu đó?

g. Có phải đó là điều hoàn toàn ngu xuẩn hoặc hoàn toàn không thân thiện một cách cố ý khi chính quyền đã phá vỡ mọi mối quan hệ với Iran?

Trước khi lý giải một cách hợp lý câu hỏi phức hợp, chúng ta cần tách câu hỏi đó ra thành hai câu hỏi (câu chưa được hỏi ra nhưng câu trả lời lại hàm chứa trong câu được đặt ra, và câu hỏi được đặt ra), chúng ta cũng phải tách câu hỏi đó ra thành các yếu tố đánh giá và yếu tố mô tả. Trong ví dụ (g), chúng ta cần làm rõ rằng: liệu chính quyền đã thực sự làm xấu đi mối quan hệ ngoại giao với Iran hay không? Và nếu có như vậy thì hành động đó có đúng với những sự đánh giá như ngu xuẩn, không thân thiện, vô vọng hay không?

Câu hỏi phức hợp thường dẫn dắt chúng ta lảng tránh sự thật bằng sự phức tạp của nó và chúng ta sẽ đánh mất cái nhìn trung thực về vấn đề. Bài báo sau đây, trên tờ Times (London) (ngày 22 tháng 2 năm 1971), đã viết như sau:

h. Quận công Boothby đã hỏi chính phủ rằng liệu Bộ Hàng Không có còn ý định tăng lệ phí sân bãi tại sân bay London từ ngày 1 tháng Tư, điều này sẽ làm cho sân bay này không những là tồi nhất mà còn là sân bay đắt đỏ nhất thế giới.

Câu hỏi trên đã đề cập đến các vấn đề liệu tăng lệ phí sân bãi có làm cho Sân bay London trở thành đắt đỏ nhất thế giới; và sân bay này đã là tồi tệ nhất thế giới hay chưa. Hai câu này có thể tác động lẫn nhau, nhưng chúng có thể được tách riêng ra.

Câu hỏi phức hợp có vẻ được ưa chuộng đối với các nhà quảng cáo và người bán hàng. Một người quảng cáo thuốc ngủ hỏi: "Loại thuốc ngủ mà bạn dùng bắt đầu có tác dụng sau 21 giây phải không? Một nhân viên an ninh có thể hỏi: "Ông có thể duy trì tình trạng rủi ro rằng văn phòng này kẻ trộm rất dễ xâm nhập hay sao?" Một nhân viên bán hàng có thể hỏi bạn sẽ thanh toán bằng tiền mặt, check hay thẻ tín dụng khi mà bạn chưa hề có quyết định mua một món hàng nào đó. Hoặc:

i. Những người bạn tốt không xứng đáng với loại Bourbon tốt nhất của anh chẳng?

j. Anh sẽ mua chiếc Cadillac đầu tiên vào lúc nào?

Bằng cách đưa ra những tính năng hữu ích của sản phẩm những quảng cáo đã thu hẹp ý định của họ về câu hỏi: khi nào bạn sẽ sử dụng sản phẩm đó.

Những câu hỏi phức hợp có thể dưới dạng yêu cầu giải thích về một vấn đề không đúng hoặc không hề có.

k. Tại sao một tấn chì lại nặng hơn một tấn lông vũ?

l. Hãy lý giải hiện tượng thần giao cách cảm?

Bằng cách hướng sự tập trung của chúng ta vào giải thích sự việc (vấn đề), những câu hỏi như vậy đã hướng sự chú ý của chúng ta ra khỏi những sai lầm trong chính bản thân câu hỏi đó.

Nghiên cứu về câu hỏi phức hợp sẽ cho chúng ta biết rằng: không nên trả lời những câu hỏi mà những vấn đề khác câu hỏi đó dựa trên chưa được giải quyết. Quy tắc này đã được thừa nhận trong luật và các hoạt động của quốc hội, quy tắc này cho phép chia tách các vấn đề ra, như vậy có thể tìm hiểu được rõ hơn những sự thật của một vấn đề.

• Câu hỏi phức hợp xảy ra khi một câu hỏi được đưa ra có ý thừa nhận một sự việc khác mà cần phải chứng minh sự việc đó trước rồi mới trả lời cho câu hỏi được đặt ra. Câu hỏi

kiểu này sẽ thừa nhận một sự việc khác cho dù câu trả lời của nó thế nào.

- Sự đáp lại tốt nhất cho câu hỏi như thế này là hãy hỏi: ý anh là sao?

7. Biện Hộ Đặc Biệt

Fallacy of Special Pleading

Sai lầm do sự biện hộ đặc biệt là áp dụng hai tiêu chuẩn khác nhau: một áp dụng cho bản thân người nói (bởi vì họ đặc biệt) và cái kia (tiêu chuẩn khắt khe hơn) cho những người khác. Bertrand Russell đã có lần diễn tả một nét tính cách của con người như sau:

a. Tôi là người kiên định; bạn là người bướng bỉnh; anh ta là người cứng đầu.

Khi chúng ta dùng sự biện hộ đặc biệt tức là chúng ta thiên vị chính mình và có thiên kiến đối với người khác. Như trong sự lảng tránh vấn đề bằng ngôn ngữ cường điệu, chúng ta có ý định và hy vọng rằng người khác sẽ tin rằng cách thể hiện như vậy của chúng ta là chính xác nhưng thực tế là nó chỉ phản ánh những thành kiến của chúng ta mà thôi.

Cũng giống như những sai lầm khác, loại sai lầm kiểu này có thể được sử dụng vì mục đích gây cười. Nữ diễn viên Shelley Winters (ở tuổi 46) khi được hỏi ý kiến của bà về việc khoả thân trên sân khấu đã trả lời như sau:

b. Tôi cho rằng đó là điều ghê tởm, đáng xấu hổ, và nó phá hoại những phẩm cách của người Mỹ. Nhưng nếu tôi ở độ tuổi 22, với một cơ thể đẹp thì đó lại là nghệ thuật, sự gợi cảm, yêu nước, tiến bộ và là hành vi có ý thức.

Khi chúng ta có sự biện hộ đặc biệt thì sẽ không vô tư, lập luận sẽ mâu thuẫn. Đó là việc đánh giá mình cao hơn khi áp dụng một tiêu chuẩn nhưng lại không áp dụng tiêu chuẩn đó khi đánh giá về người khác. Chẳng hạn như xem những người lính của đất nước mình là anh hùng vì những cống hiến và hy sinh của họ trong khi mô tả người lính đối phương như những kẻ cuồng tín, dã man như trong bài xã luận sau đây:

c. Những thủ đoạn tàn nhẫn của kẻ thù, sự cuồng tín của chúng, những vụ tấn công cảm tử đã bị đánh bại bởi những phương sách cứng rắn của các sĩ quan và sự hy sinh quên mình của binh lính chúng ta.

Việc hy sinh và tự sát có phải là hai sự kiện khác nhau hay không? Rõ ràng là không, nhưng qua việc sử dụng ngôn ngữ lại thuyết phục được người khác rằng sự khác nhau trong cách mà chúng ta gán cho những sự kiện có thể phản ánh được sự khác nhau trong tính chất của sự kiện đó.

Sự tồn tại trong ngôn ngữ những cặp từ kiểu như anh hùng/cuồng tín đã làm cho chúng ta thực hiện những sự biện hộ đặc biệt mà không hề nhận thức được rằng chúng ta đã làm như vậy. Trong danh sách dưới đây liệt kê những cặp từ đều phản ánh nội dung một sự kiện nhưng khác nhau về thái độ mà chúng ta hay gặp:

Việc làm/ việc cực nhọc,

Vận động viên thể thao/ kẻ ăn chơi (sportman/playboy),

Nhân viên cảnh sát/ cớm,

Hội/ phe đảng, Sôi động/ huyên náo,

Tâm sự/ nhiều chuyện,

Kế hoạch/ âm mưu,

Mạnh dạn/ cả gan,

Trả công/ bố thí,

Thi hành án tử hình/ giết,

Nhiều màu sắc/ loè loẹt,

Mập/ béo,

Trần tục/ tục tĩu,

Thận trọng/ đa nghi,

Kín đáo/ dấu diếm,

Hiền/ khò,

Nhát/ nhu mì,

Khôn lanh/ gian xảo,
Yêu tha thiết / lụy tình,
Sợ vợ / nề vợ.

Quả thực, nhiều khi chúng ta nói những điều có thể được xem là sự biện hộ đặc biệt, khi chúng ta áp dụng một tiêu chuẩn với cái này nhưng lại áp dụng tiêu chuẩn khác đối với cái khác.

Khi chúng ta biện hộ đặc biệt, chúng ta có thái độ thiên vị chính mình và thiên kiến đối với những đối tượng khác. Chúng ta dùng tiêu chuẩn kép bằng cách dùng những từ khác nhau để nói về cùng một sự vật. Ví dụ như "Con trai tôi là một người đào hoa, còn con gái bà ta chỉ là một kẻ lang chạ".

Cũng như trong trường hợp lảng tránh vấn đề theo kiểu ngôn ngữ cường điệu, chúng ta có ý định và hy vọng người khác tin rằng những cái mà chúng ta gán cho một sự vật là miêu tả đúng sự vật đó. Tuy nhiên trong thực tế nó lại phản ánh thiên kiến của chúng ta.

TQ hiệu đính, biện hộ đặc biệt còn được gọi là lý luận kép, lý luận nhị chuẩn (Double standard); mình thì thế này, còn người ta là thế khác, hay lý luận "nhất bên trọng, nhất bên khinh". Như ví dụ trên có nói, con trai mình có nhiều "bồ" thì mình cho là "đào hoa", trong khi con gái người ta có nhiều "bồ" thì mình gọi là "lang chạ". Một ví dụ khác, con của mình thành công thì mình gọi là "giỏi", con người khác thành công thì mình cho rằng "tốt số". Hay là, con mình thì rất tốt nghiệp, mình gọi nó là "kém thông minh", con người khác thì rất tốt nghiệp, mình gọi đứa đó "ngu". Trên thực tế, "đào hoa" và "lang chạ", "giỏi" và "tốt số", và đặc biệt "kém thông minh" và "ngu" thì có mấy chi khác. Họa chăng, khác là cách nhìn và khác vào cách dùng từ của con người!!!! Hay khác là khác vào giả định của chúng ta: chúng ta cho chính mình là đặc biệt và người khác thì không.

Bóp Méo Sự Thật

Distorting the Facts

Trong phần cuối này, chúng ta xem xét một kiểu sai lầm nữa. Trong sai lầm này, thay vì bỏ qua hay lảng tránh sự thật, người nói đã bóp méo, xuyên tạc nó. Trong sai lầm do sự tương đồng giả tạo, một số sự việc nhất định được tạo ra có vẻ giống nhau nhưng thực sự lại không phải như vậy. Sai lầm do sai nguyên nhân làm cho các sự việc dường như có mối quan hệ nhân quả nhưng thực sự lại không phải như vậy. Trong sai lầm của lý luận khắp khuôn: một sự kiện nhất định sẽ gây ra một chuỗi phản ứng không trông đợi nhưng thực tế lại không phải như vậy. Trong sai lầm của những luận điểm không phù hợp lại bóp méo sự việc bằng cách chuyển sự chú ý của chúng ta đến những vấn đề không phù hợp với chủ đề đang được nói đến sau đó làm cho chúng ta chấp nhận những đánh giá sai về những gì đang được bàn luận.

8. Tương Đồng Giả Tạo

Fallacy of False Analogy

Một vài cách giải thích có ích đôi khi lại nguy hiểm khi bằng cách tương đồng. Sự tương đồng là cách phát huy quan điểm của chúng như làm cho một vấn đề chưa rõ ràng, chưa được chứng minh tương đồng với một vấn đề đã biết và cho rằng hai vấn đề này có sự giống nhau cơ bản. Sai lầm do tương đồng giả tạo xảy ra khi sự so sánh giữa các sự vật không hợp lý và kết quả của việc bóp méo sự thật đang được nói đến.

Thu hút sự chú ý vào đặc điểm giống nhau có thể hoàn toàn hữu ích khi mà các sự vật được xem xét có sự giống nhau ở những đặc tính quan trọng, và khác nhau ở những đặc tính không quan trọng. Ngược lại nếu chúng chỉ giống nhau ở những đặc tính không quan trọng, và khác nhau ở đặc tính quan trọng thì sẽ không có sự tương đồng ở đây và do đó sự so sánh sẽ có lỗi: làm nổi bật những sự tương đồng nhỏ nhất để làm cơ sở kết luận rằng nếu cái này đúng thì cái kia cũng đúng.

Xem xét lập luận sau đây, được ủng hộ bởi các nhóm chia rẽ sắc tộc trong lịch sử:

a. Dùng sức mạnh ép buộc là điều cần thiết khi muốn người khác tin vào tôn giáo của chúng ta về cuộc sống ở cõi sau là điều tốt cho họ, điều đó cũng như việc ngăn cản người

đang trong tình trạng thiếu tỉnh táo về nhận thức khỏi bị rơi từ vách đá trên cao.

Thậm chí nếu chúng ta thừa nhận tôn giáo của chúng ta là cao siêu đối với những người khác, thì lập luận này vẫn không thuyết phục do việc gây nhầm lẫn trong trường hợp trên. Trong một trường hợp là vấn đề đang cứu một người đang trong tình trạng thiếu tỉnh táo về nhận thức khỏi cái chết, còn ở trường hợp kia những người liên quan hoàn toàn tỉnh táo và đủ nhận thức. Cho nên sẽ không phù hợp khi nói rằng dùng sức mạnh cưỡng ép là điều cần thiết trong trường hợp một người thiếu tỉnh táo và vấn đề liên quan là tính mạng của họ cũng giống như trong trường hợp dùng sức mạnh cưỡng ép trong trường hợp những người khác đối với vấn đề cuộc sống cõi sau. Nếu có ai đó nói rằng một người không tin vào thứ tôn giáo đó thì họ không có khả năng nhận thức, người này đã phạm vào lỗi lảng tránh không tập trung vào vấn đề. (Sự thật là nếu một người nói người kia không có khả năng nhận thức thì lời nói đó cũng không chứng minh được rằng người được nói đến là như vậy.)

Để làm rõ lỗi trong sự tương đồng giả tạo hay sự giống nhau không hoàn hảo

(imperfect analogy), như cách một số người vẫn hay dùng, cần thiết phải làm rõ rằng có hai sự vật được đem ra so sánh, giữa chúng có sự khác nhau về các yếu tố cơ bản, và có sự giống nhau về các yếu tố không cơ bản.

b. Tại sao chúng ta lại đa cảm về việc một vài trăm nghìn người da đỏ châu Mỹ mất đi trong khi nền văn minh vĩ đại của chúng ta đang được xây dựng? Có thể họ phải chịu đựng sự bất công, nhưng nói thế nào thì bạn cũng không thể làm món ốp lét mà không đập vỡ quả trứng được.

Luận điểm này khiến chúng ta phải đề phòng vì bản chất nhậy nhéo của sự tương đồng; so sánh những con người với những quả trứng và món ốp lét có vẻ như quá tầm thường. Tuy nhiên sai lầm lại nằm chính trong sự so sánh được nói đến hơn là những điều vô vị. Thậm chí nếu việc xây dựng một nền văn minh vĩ đại sẽ không thể thiếu nếu không gây ra các tổn thương cũng giống như việc không thể làm món ốp lét mà không đập vỡ những quả trứng là đúng, thì hai trường hợp này cũng không thể so sánh được. Vì đập vỡ những quả trứng không làm đau những quả trứng đó, nhưng để xây dựng một đế quốc mà phải giết hại cuộc sống của con người thì là một việc đau lòng.

Lỗi tương tự có thể tìm thấy trong lập luận sau, trích từ tác phẩm nổi tiếng của nhà triết học Scottish thế kỷ 18, David Hume, tác phẩm "*Tự Vấn*" ("*On Suicide*"):

c. Tôi sẽ không làm nên tội lỗi nếu thay đổi dòng chảy của sông Nile hay sông Danube, vậy tôi có tội chẳng nếu làm thay đổi một chút mạch máu khỏi dòng chảy tự nhiên của nó.

Trong ví dụ trên đây, các sự vật được so sánh có sự khác nhau cơ bản: trong khi chuyển dòng chảy của các con sông kia không thể phá hủy chúng; nhưng nếu thay đổi dòng chảy trong mạch máu người tức là phá bỏ (mạng) nó hoàn toàn.

Tuy có sự giống nhau cơ bản về các sự vật được so sánh, nhưng ví dụ sau cũng xảy ra lỗi:

d. Những điều được dạy trong trường này phụ thuộc hoàn toàn vào những gì các sinh viên quan tâm. Tiêu dùng tri thức cũng giống như tiêu dùng bất cứ cái gì khác trong xã hội. Thầy giáo là người bán, sinh viên là người mua. Người mua quyết định cái họ muốn mua, do đó sinh viên quyết định họ muốn học cái gì.

Người mua thường hiểu được món hàng trước khi họ quyết định mua nó, nhưng liệu các sinh viên có hiểu được các môn học trước khi họ học nó hay không.

e. Tại sao các thợ mỏ than phiền phải làm việc 10 tiếng mỗi ngày? Những giáo sư cũng làm việc với thời gian như thế lại không bị tổn hại gì rõ ràng.

Nơi công việc diễn ra, dưới những điều kiện việc làm nào đã làm cho sự so sánh này trở nên giả tạo. (TQ hiệu đính, điều kiện và công việc của giáo sư và công nhân lao động có giống nhau không, tại sao lại đem ra so sánh?)

Những lập luận của Francis Bacon ở thế kỷ 18 về ủng hộ chiến tranh cũng chứa đựng sự tương đồng giả tạo.

f. Không ai có thể khoẻ mạnh nếu không rèn luyện, cho dù là thực thể tự nhiên hay xã hội; và chắc chắn đối với một vương quốc, một cuộc chiến tranh đáng trân trọng cũng là một sự

rèn luyện thực sự. Một cuộc nội chiến giống như cái nóng của một cơn sốt; nhưng một cuộc chiến ngoại xâm thì giống như hơi nóng của sự rèn luyện, và nó sẽ làm cơ thể khỏe mạnh; vì sự hoà bình lưỡi biếng làm cho con người ta yếu đuối và hư hỏng. (*Điều Vĩ Đại Thực Sự Của Những Vương Quốc*)

Điều gây chú ý trong lập luận trên không phải là lý luận sắc bén của Bacon khi ông bênh vực cho chiến tranh mà là ông đã không đề ý rằng các quốc gia không giống như những cá nhân, và sự rèn luyện sức khỏe cá nhân không nhất thiết phải làm tổn hại đến người khác như các cuộc chiến tranh.

Trong lý luận, phép ẩn dụ (metaphors) có xu hướng gây nhầm lẫn hơn là làm sáng tỏ vấn đề. Điều này đặc biệt đúng trong sự tương đồng, về mặt bản chất là sự ẩn dụ được thối phồng ra. Chúng ta có thể khâm phục khả năng ẩn dụ của Bacon về các khái niệm cơ thể, sự rèn luyện, sức nóng nhưng không được nhầm lẫn ý đồ ẩn dụ với ý nghĩa lý luận. Xét ở khía cạnh lý luận, lập luận của Bacon, giống như của Hume về *Tự Vấn*, không thuyết phục được chúng ta bởi vì sự tương đồng giả tạo được sử dụng ở đây.

Tuy nhiên, đôi khi sự lý giải theo kiểu tương đồng có thể hữu ích. Trường hợp điển hình nhất là việc nhà toán học Hy Lạp Ác-si-mét (Archimedes) khám phá ra rằng cơ thể khi ngập chìm trong chất lỏng sẽ làm mất đi một khối lượng chất lỏng tương ứng bị thay thế. Ông đã phát hiện ra điều này khi cố gắng tìm lời giải cho vấn đề của Vua Hê-rông (Hieron). Nhà Vua muốn biết rằng loại kim loại nào đã được dùng để làm vương miện mà không phải nung chảy chiếc vương miện đó. Ông đã giải quyết vấn đề này bằng cách quan sát rằng nước trong bồn tắm dâng lên khi bị phần cơ thể ông chiếm chỗ. Và ông cũng có cách lý giải tương tự rằng một khối lượng vàng sẽ chiếm chỗ ít hơn cùng một khối lượng bạc do nó có thể tích nhỏ hơn. Sau đó ông kiểm tra chiếc vương miện và phát hiện ra nó không được làm bằng vàng nguyên chất. (Người thợ kim hoàn đã lẫn bạc vào chiếc vương miện khi đúc nó).

Câu chuyện về nhà thiên văn học vĩ đại thời phục hưng, Copernicus, cũng có liên quan đến vấn đề này. Khi đang cho thuyền trôi bên cạnh bờ sông, ông có một ảo ảnh rằng bờ sông đang di chuyển trong khi con thuyền vẫn đứng yên. Điều này đã gây ấn tượng cho ông, rằng ảo ảnh tương tự cũng gây cho loài người niềm tin trái đất vẫn đứng yên trong khi mặt trời lại di chuyển xung quanh nó. Lý giải theo cách này, Copernicus đã tạo ra một cuộc cách mạng trong nhận thức của con người về vũ trụ mà ngày nay người ta gọi là Thiên Văn Học Hiện Đại (Modern Astronomy).

Tuy nhiên những khám phá được thực hiện bằng việc kiểm tra kỹ lưỡng các sự kiện tương đồng, vì nhiều ví dụ nêu ra ở trên cho thấy có hiện tượng sai lầm. Ngày nay chúng ta mỉm cười khi tổ tiên chúng ta nghĩ về việc truyền giống vào người phụ nữ, việc sinh sản của con người cũng tương tự như việc thu hoạch vào các vụ mùa. Chúng ta tự hỏi làm sao con người lại có quan niệm mê tín rằng khi muốn tiêu diệt kẻ thù thì phải tạo ra các hình ảnh của chúng rồi tiêu huỷ nó. Tuy nhiên việc con người hiện đại bị nhầm lẫn bởi sự tương đồng vẫn xảy ra hàng ngày. Cách tốt nhất để tránh được những nhầm lẫn như vậy là hãy phân loại thành những khía cạnh của các yếu tố đó, sau đó xem xét cái nào là phù hợp với các luận điểm, cái nào không phù hợp.

- Khi chúng ta lý giải bằng sự tương đồng, nghĩa là chúng ta so sánh những cái lơ mờ, khó hiểu với những cái khác đã được biết rõ.

- Sự so sánh tương đồng có thể chấp nhận được khi hai sự vật được so sánh có sự tương đồng về các yếu tố cơ bản, và khác nhau về các yếu tố không cơ bản.

- Nếu các sự vật được so sánh khác nhau ở những đặc điểm cơ bản, quan trọng, và chỉ giống nhau ở những điểm không cơ bản, không quan trọng thì sẽ không có sự tương đồng ở đây. Đó là sự tương đồng giả tạo hay so sánh không hoàn hảo.

9. Sai Nguyên Nhân

Fallacy of False Cause

Sai lầm do nguyên nhân sai (Những sai lầm này trong tiếng La tinh là post hoc, ergo

propter hoc có nghĩa là sau đây, do đó, bởi vì.) là luận điểm cho rằng các sự kiện có mối quan hệ nhân quả với nhưng trong thực tế lại không phải như vậy. Sai lầm dạng này trước đây khá phổ biến, nhưng bây giờ nó ít tồn tại dưới dạng thô sơ do sự nhận thức của con người ngày càng cao.

Chúng ta đủ tỉnh táo để không làm theo kế hoạch của nhà cải cách người Anh Thomas Malthus. Ông này nhận thấy rằng những người nông dân cần cù và nghiêm túc thì có ít nhất một con bò trong khi những người không có bò lại lười biếng và say xỉn. Do đó ông khuyến nghị chính quyền nên cho những nông dân không có bò kia một con để làm họ nghiêm túc hơn và chăm chỉ hơn.

Những luận điểm sau đây chứa đựng các sai lầm thường thuyết phục được con người ngày nay.

a. Những cuộc chiến lớn mà chúng ta đã tham gia trong vài thế hệ vừa qua xảy ra khi chúng ta có những Tổng Thống phe Dân chủ, vì vậy chúng ta phải suy nghĩ hai lần trước khi bỏ phiếu cho phe Dân chủ trong cuộc bầu cử Tổng Thống lần này.

b. Ngày càng nhiều những người trẻ tuổi theo học ở các trường trung học và đại học. Nhưng cũng lúc, càng ngày nhiều các tội phạm vị thành niên và sự xa lánh, ghét bỏ trong tầng lớp tuổi trẻ. Điều này chứng tỏ rằng những người trẻ tuổi này đã bị làm xấu đi do nền giáo dục của họ.

Thực tế là hai sự kiện xảy ra một cách đồng thời và cái này sẽ bị bóp méo bởi cái kia khi chúng ta giả định cái này là nguyên nhân dẫn đến sự kiện kia.

Một dạng sai lầm phổ biến khác là đưa ra giả định không đúng là: vì một sự kiện xảy ra trước một sự kiện khác, do đó nó là nguyên nhân của sự kiện thứ hai. Thực tế, khi nêu ra một sự kiện, có vô số các sự kiện xảy ra trước đó và bất cứ sự kiện nào cũng có thể là nguyên nhân. Nên hai sự kiện xảy ra liên tiếp không thể xem là có mối quan hệ nhân quả.

Nếu không chú ý đến điều này thì chúng ta có thể mắc sai lầm.

c. Hai mươi năm sau khi tốt nghiệp, những cựu học sinh của trường Harvard có số thu nhập bình quân cao gấp năm lần những người không học đại học có cùng độ tuổi. Nếu ai đó muốn giàu có thì nên đăng ký vào học ở Harvard.

Xuất phát điểm cho việc đánh giá này đã không phù hợp. Mặc dù theo học ở trường Harvard có thể mang lại khả năng có thu nhập cao, nhưng cũng cần phải nhớ rằng trường này chỉ thu hút và chấp nhận những sinh viên xuất sắc hoặc những sinh viên có điều kiện khá giả. Do đó những cựu sinh viên trường Harvard có thể có thu nhập cao không phải vì trường mà họ đã học và đôi khi không phải vì họ có học đại học hay không, mà vì họ là con cháu của những người khá giả.

Phân tích một số trường hợp về sai lầm do nguyên nhân sai đã chỉ ra rằng hai sự kiện có thể liên quan đến nhau mà sự kiện này không phải là nguyên nhân của sự kiện kia hay là ngược lại. Ví dụ như có hai sự kiện đều là kết quả của một sự kiện thứ ba khác. Một ví dụ thú vị khác liên quan đến loài cò quăm (ibis), loài chim thiêng liêng đối với người Ai Cập cổ. Những người Ai Cập Cổ thờ loài chim này vì hàng năm, ngay sau khi từng bầy chim di cư đến hai bờ của dòng sông Nile, nước sông sẽ tràn bờ và chảy vào đất canh tác. Người Ai Cập Cổ tin rằng chính loài chim này đã làm cho họ có được đất phù sa từ sông Nile, nhưng thực tế là việc đàn chim di cư và hiện tượng nước sông tràn bờ đều có nguyên nhân từ sự thay đổi mùa.

Các sự kiện xảy ra kế tiếp nhau về mặt thời gian hoặc cách xa nhau cũng không thể tạo ra mối quan hệ nhân quả. Việc người tinh khôn xuất hiện sau loài khỉ hình người, có nguồn gốc linh trưởng không có nghĩa là tổ tiên của chúng ta là loài khỉ hình người đó. Hoặc sự sụp đổ của đế chế La Mã sau khi Đạo Cơ Đốc (Christianity) xuất hiện không có nghĩa là Đạo Cơ Đốc là nguyên nhân của sự sụp đổ đó.

Những dạng sai lầm mà con người mắc phải có xu hướng thay đổi theo sự tiến bộ của khoa học. Quan niệm rằng mọi hoạt động của tự nhiên đều mang mục đích dần dần trở thành vấn đề của quá khứ. Chúng ta thấy kỳ quặc khi con người đã từng giải thích hiện tượng thùng chứa đầy nước sẽ bị vỡ khi nước ở trong đó bị đóng băng rằng: khi nước đóng băng thì thể tích của nó bị co lại, tạo ra một khối chân không trong thùng chứa mà điều này làm thiên nhiên "không thích" (nên đã làm vỡ cái thùng chứa nước đó). Bây giờ

chúng ta đã biết nguyên nhân thực của hiện tượng trên là khi nước bị đóng băng thể tích sẽ tăng lên và chính điều đó làm thùng chứa bị vỡ.

Ví dụ về nước đóng băng đó được trích từ cuốn sách xuất bản năm 1662 của nhà triết học người Pháp Thời Phục Hưng, Antoine Arnauld. Là một cuốn sách rất nổi tiếng thời đó, nó được tái bản nhiều lần khi khoa học hiện đại được khai sinh. Ông đã tìm ra những lỗi của cách suy nghĩ khoa học trước đó qua đoạn viết sau:

Nếu chúng ta lập luận rằng bởi vì một sự kiện xảy ra sau sự kiện khác thì sự kiện sau phải là nguyên nhân của sự kiện trước, thì chúng ta đã vi phạm nguyên nhân sai nguyên nhân. Lý giải theo cách này con người đã kết luận rằng Chòm sao Thiên Lang (Dog Star) là nguyên nhân của hiện tượng nóng bất thường chúng ta cảm thấy vào những ngày tiết đại hử. Virgil (Một nhà thơ La Mã thời Xê-da) khi viết về Chòm sao Thiên Lang, trong tiếng Latinh có nghĩa là Sirius, đã nói:

“Khi thời tiết ở Cung Thiên Lang; Bệnh truyền nhiễm, hạn hán sẽ được mang đến loài người yếu đuối; Bầu trời sẽ đầy ánh sáng tai họa.” (Aeneid X: 273-75)

Nhưng Gassendi đã đánh giá một cách chính xác rằng chẳng có gì hơn ngoài sự mê tín vào Chòm sao Thiên Lang với cái nóng của tháng Tám. Ảnh hưởng của chòm sao này mạnh nhất đối với khu vực gần ngôi sao này nhất. Nhưng vào tháng Tám Chòm sao Thiên Lang gần ở khu vực nằm dưới xích đạo hơn là vùng phía trên: vào ngày đại hử ở phía trên xích đạo thì khu vực phía dưới lại vào mùa đông. Do đó cư dân ở phía dưới xích đạo nghĩ rằng Chòm sao Thiên Lang mang cái lạnh đến cho họ, còn cư dân ở phía trên xích đạo lại cho rằng Chòm sao này mang đến cái nóng. (James Dickoff và Patricia James dịch. Indianapolis: Bobbs-Merrill, 1964, trang 255)

Một ví dụ gần đây phân tích lỗi trong quan hệ nhân quả đã xảy ra trong liệu pháp hiện đại của bác sĩ tâm thần Manfred Sakel phát hiện năm 1927 rằng bệnh tâm thần phân liệt có thể điều trị được bằng cách kiểm soát lượng insulin quá liều, cái đã tạo ra những cơn sốc co giật. Rất nhiều nhà tâm thần học đã đưa ra một kết luận sai lầm, họ bắt đầu điều trị bệnh tâm thần phân liệt và những rối loạn tâm thần khác bằng cách dùng các cú sốc điện đối với bệnh nhân mà không có insulin. Tại cuộc hội nghị hàng năm của các nhà tâm thần học, bác sĩ Sakel đã buồn bã đứng lên giải thích rằng những cơn sốc điện như vậy thực sự nguy hiểm, trong khi liệu pháp insulin khôi phục lại trạng thái cân bằng của hóc-môn. Các vị bác sĩ kia đã nhầm lẫn tác dụng phụ với nguyên nhân. Nhìn chung, nhận thức của chúng ta về các nguyên nhân tự nhiên hay vật lý ngày càng tốt hơn. (TQ hiệu đính: A đưa đến B không có nghĩa là B đưa đến A. Có nhiều insulin trong người sẽ sinh ra co giật. Nhưng sốc điện để người bệnh bị co giật không có nghĩa làm người bị sốc điện sẽ phát sinh thêm insulin).

Mặt khác điều này lại không đúng khi giải thích các nguyên nhân về mặt tâm lý. Ví dụ có một số người vẫn tin rằng nếu họ hay nói một sự kiện nào đó sẽ xảy ra thì nó sẽ xảy ra trong thực tế. Một trường hợp tốt cho việc "tự hoàn thiện sự tiên tri" (self-fulfilling

prophecy), nhưng trên cơ sở tâm lý hơn là ma thuật. Ví dụ, vì e ngại rằng người khác sẽ đối xử với chúng ta không thân thiện nên chúng ta đã đối xử với họ không thân thiện, điều này làm cho họ đối xử lại với chúng ta y như vậy. Hoặc, với hy vọng được chào đón thân thiện chúng ta chào hỏi rất nồng nhiệt với mọi người, và điều này làm cho họ đáp lại với chúng ta rất tốt.

Việc tin vào sự may mắn hay xui xẻo cũng tự tương tự như vậy. Nếu một ai đó tin rằng mình sẽ gặp xui xẻo thì sẽ có tâm lý nản chí, không muốn hành động để chống lại điều mình đã tin và điều này sẽ làm nguy cơ điều mà họ tin vào có nhiều khả năng xảy ra hơn. Ngược lại những người dám chấp nhận rủi ro sẽ nỗ lực hành động thì rất có thể họ sẽ có một số mệnh tốt. Đôi khi nguyên nhân sự việc có thể đúng như ta nghĩ, nhưng cũng có khi nó lại khác với điều chúng ta tưởng. Như trong mọi trường hợp sai lầm do sai nguyên nhân, cách tốt nhất để lý giải một vấn đề là tránh bóp méo sự thật một trong khả năng có thể.

Một số nhà lo-gic học xác định có một vài dạng khác của sai lầm này, đó là nguyên nhân vòng vo (circular cause). Sai lầm này, giống như dạng sai lầm do không tập trung vào vấn đề, xảy ra khi nguyên nhân của một sự kiện được cho là một trong hai nguyên nhân kết

hợp làm phát sinh sự kiện. Ví dụ, một người bỏ chạy vì người đó sợ hãi và người đó sợ hãi bởi vì anh ta bỏ chạy, không có giải thích rõ hơn mà chỉ nói vòng vo. Ví dụ khác, đất nước kia nghèo bởi vì bị suy thoái, và đất nước kia đang trong thời kỳ suy thoái vì dân ở đó nghèo. Ví dụ sau đây được trích ra từ tác phẩm kinh điển của Antoine de Saint, *Hoàng Tử Nhỏ (The Little Prince)*:

d. Điềm đến tinh tiếp theo có một người nghiện rượu sinh sống. Một chuyến viếng thăm ngắn ngủi, nhưng nó gieo vào lòng Hoàng tử nhỏ một ấn tượng buồn sâu sắc.

"Ông đang làm gì ở đây?" Hoàng tử hỏi người nghiện rượu, người đang ngồi lặng yên trước hàng loạt chai rượu không và những chai đầy rượu.

"Tôi đang uống," ông đáp lại với một vẻ buồn thảm.

"Tại sao ông lại uống rượu", hoàng tử lại hỏi.

"Để tôi có thể quên đi," ông trả lời.

"Quên đi cái gì?", hoàng tử hỏi tiếp, và cảm thấy buồn cho ông ta.

"Quên rằng tôi là kẻ đáng hổ thẹn", ông thú nhận, đầu cúi xuống. .

"Hổ thẹn vì cái gì?" hoàng tử gạn hỏi với mong muốn giúp đỡ ông.

"Quên rằng tôi là kẻ nghiện rượu!" ông nói xong và ngồi lặng thinh, không muốn nói gì thêm .

Hoàng tử nhỏ bỏ đi, lòng đầy bối rối. "Người lớn thật là rất rất kỳ quặc", hoàng tử tự nói với mình rồi tiếp tục chuyến đi của mình.

- Sai lầm do sai nguyên nhân có thể mang nhiều dạng khác nhau, nhưng dạng phổ biến nhất là tin một cách sai lầm rằng vì một sự kiện xảy ra trước một sự kiện khác, nên sự kiện xảy ra trước là nguyên nhân của sự kiện sau.

- Tuy nhiên nhiều sự kiện xảy ra ngay trước khi một sự kiện khác, một trong số đó có thể là nguyên nhân. Sự hiểu biết tốt hơn sẽ giúp chúng ta có thể xác định được nguyên nhân.

- Hai cụm từ tiếng La tinh đôi khi được sử dụng để xác định sai lầm này.

- Dạng phổ biến nhất là:

Non causa pro causa

Post hoc, ergo propter hoc

Điều mà các câu trên muốn nhấn mạnh là: Đừng nhầm lẫn nguyên nhân với sự trùng hợp ngẫu nhiên.

10. Lý Luận Rập Khuôn

Fallacy of Slippery Slope

Lý luận rập khuôn (*Slippery Slope là một cái dốc trơn. Fallacy of Slippery Slope có ý nghĩa rằng, như một người đang bị tuột dốc, lần từ đầu này đến đầu kia mà không thể ngừng lại được. Trong lý luận, Fallacy of Slippery Slope có nghĩa rằng, lý luận như một người bị tuột dốc, cho rằng khi một vấn đề xảy ra, những chuỗi sự kiện khác sẽ lần lượt xảy ra. Ngụy biện này là tổng hợp của hai ngụy biện, ngụy biện tương đồng giả tạo và ngụy biện sai nguyên nhân. Ngụy biện liên kết sai vì nhận định một vấn đề sai (tương đồng giả tạo), rồi cho sự nhận định của mình đúng và đưa ra những ý kiến nhân quả. Nhưng nếu sự nhận định sai, thì ý kiến nhân quả đưa ra đâu có đúng. Và dù cho sự nhận định đúng (không vi phạm tương đồng giả tạo), thì sự nhận định đó có phải ý kiến nhân quả hay không, là 1 chuyện khác cần phải chứng minh.*) là một biến thể thú vị của sai lầm

do sự tương đồng giả tạo và sai lầm do sai nguyên nhân. Có hai cách gọi khác để chỉ sai lầm này: *tiền lệ xấu* (*bad precedent*) và *đầu nhọn của cái nêm* (*thin end of the wedge*). Lập luận của nó phản đối lại một đề nghị hoặc một quan điểm trên cơ sở rằng: điều đó sẽ dẫn đến một tình thế chung tương tự như đề xuất hoặc quan điểm trên. Ví dụ sau đây là sự phản đối về việc Toà Án cho phép Đại học Georgia yêu cầu các giáo sư cho biết họ đã bỏ phiếu bầu hội đồng giáo viên như thế nào, là một điển hình cho loại sai lầm này:

a. Quy định này giống như khởi đầu cho một thể chế chuyên quyền. Thẩm phán Owens đang vi phạm quy tắc bỏ phiếu kín bằng cách yêu cầu các thành viên trong khoa cho biết họ đã bỏ phiếu như thế nào. Tiếp theo chính phủ sẽ cấm việc bỏ phiếu kín trong các hiệp hội, tổ chức nghề nghiệp, tổ chức dân sự, công ty, và cuối cùng là tổng tuyển cử.

Người viết cho rằng quy định như vậy cần phải huỷ bỏ vì nó có thể tạo ra một tiền lệ xấu và có nguy cơ tạo ra một chuỗi sự kiện không mong muốn. Nhưng lý giải như người viết trên đây là sai lầm, vì họ tưởng rằng các cuộc bỏ phiếu là giống nhau và sự công khai ở cuộc bỏ phiếu này sẽ buộc dẫn đến sự công khai ở những cuộc bỏ phiếu khác. Nhưng vụ việc này và những vấn đề quan tâm kia có tương tự như người viết cho rằng hay không? Nếu không có sự tương tự, thì sẽ không đến hậu quả tương tự. Sự lo sợ ở đây là không có cơ sở.

Lập luận này rất phổ biến trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Quả thực, hiếm có một ngày nào trôi qua mà không có một vài dòng trên báo chí bày tỏ mối lo sợ rằng nếu Việt Nam thất bại, sau đó sẽ đến Cam-pu-chia, rồi Thái Lan, Burma, Ấn Độ ... và sự lo lắng như vậy cũng xảy ra trong cuộc xung đột ở Falklands, như trong đoạn sau:

b. Thật là ngớ ngẩn khi đàm phán trung gian giữa Anh và Ác-hen-ti-na. Điều cần làm ở đây là hành động quân sự quyết liệt của Mỹ giúp Anh chiếm lại Falkland và trừng phạt Ác-hen-ti-na. Nếu không như vậy chúng ta sẽ mất Guantanamo, Guam, Virgin Island và Catalina.

Ở đây, người viết đã tưởng tượng rằng chúng ta đang sai lầm và nếu chúng ta tiến thêm một bước nữa thì sẽ không thể dừng lại và sẽ bị trượt xuống sâu hơn. Nhưng chúng ta thường có thể dừng lại được, vì mọi thứ không phải giống như cái ván trượt và sẽ không dẫn đến hậu quả xấu có thể nhìn thấy trước. Mỗi tình thế mới phát sinh cần được đánh giá lại một cách phù hợp, chính xác. Nếu các sự vật thực sự tương tự nhau thì chúng sẽ dẫn đến hậu quả giống nhau. Do đó mỗi sự việc phải được xem xét một cách riêng rẽ để đánh giá mức độ tương tự, giống nhau của chúng.

Lo ngại rằng chúng ta không thể dừng lại nếu chúng ta đã dẫm chân lên ván trượt không phải là một điều mới. Năm 1698, khi sách thánh ca được in ra cùng với các nốt nhạc, một tác giả trong thời báo New England đã nhận xét về phương pháp mới "hát theo quy tắc" như sau:

c. Tôi thực sự e ngại rằng, một khi chúng ta hát theo quy tắc, điều tiếp theo là chúng ta cầu nguyện theo quy tắc, sau đó là giảng đạo theo quy tắc và cuối cùng là giáo hoàng quy tắc.

Những sai lầm mà lập luận trên nêu ra và những gì nó gọi lên chắc chắn sẽ bị loại bỏ sớm. Đoạn viết sau đây xuất hiện trong một cuốn sách về dinh dưỡng:

d. "Nếu các chuyên gia quyết định rằng chúng ta nên có chất floride trong trà, cà phê, nước cam vắt, nước chan, và trong từng tế bào của cơ thể, vậy thì chúng ta dự trữ gì cho ngày mai? Vậy vitamin C trong nước thì sao, nó được nhiều người cho là quan trọng hơn floride. Thế còn thuốc an thần để tránh những cơn rối loạn? Hoá chất hạn chế sinh sản được chuyển vào dòng nước đến một dân tộc gần chúng ta? Khi thời điểm đó đến, bạn có thể chắc chắn mọi thứ diễn ra làm bạn vừa lòng và vì sự an toàn của bạn." (David Reuben, *Những Điều Bạn Muốn Biết Về Dinh Dưỡng*).

Một lần nữa, chúng ta tự hỏi những tình huống đề cập trên đây có sự tương đương. Nếu chúng ta chấp nhận dùng Floride và Vitamin C có làm chúng ta chấp nhận thuốc an thần và hoá chất hạn chế sinh sản hay không? Chẳng lẽ những tình huống đề cập trên đây không có sự khác nhau? Nếu có thì chúng ta cũng không thể lập luận như vậy. Bởi vì việc sử dụng Floride và vitamin C là tốt cho sức khoẻ mọi người, còn những cái kia lại không như vậy.

Những lập luận như thế chỉ thuyết phục chúng ta bằng cách bỏ qua sự khác nhau cơ bản giữa các trường hợp được xem xét.

• Sai lầm do lý luận khắp khuôn là một biến thể của hai loại sai lầm đã được nói đến là: sự tương đồng giả tạo và nguyên nhân sai.

- Khái niệm lý luận khắp khuôn dùng để chỉ lập luận phản đối một quan điểm, tình thế trên cơ sở rằng nếu quan điểm, tình thế đó được áp dụng thì sẽ tạo ra một chuỗi phản ứng và cuối cùng sẽ dẫn đến những hậu quả không mong muốn.

• Hãy thách thức lại những luận điểm như thế bằng cách đặt vấn đề: liệu các trường hợp được xem xét có thực sự giống nhau? Và chúng có dẫn đến hậu quả xấu có thể dự đoán mà không thể tránh khỏi hay không?

TQ hiệu đính: *Lý luận rập khuôn* là cách chấp nhận một định đề nào đó không cần phân xét, và đồng thời cũng chấp nhận luôn ảnh hưởng nhân quả của định đề đó. Lý luận rập khuôn giống như lý luận do-mi-nô hay lý luận giầy chuyền, như thể thấy trong thời chiến tranh Việt Nam “Nếu Việt Nam lọt vào tay Cộng Sản, rồi đến Miên, rồi Thái Lan, rồi Mã Lai, v.v... Và cả thế giới lần lượt lọt vào tay Cộng Sản”. Chưa chắc và bạn đang nằm mơ đó!

11. Luận Điểm Không Phù Hợp

Fallacy of Irrelevant Thesis

Một luận điểm là một quan điểm cụ thể về một chủ đề được hỗ trợ bằng các chứng cứ. Trong logic, một luận điểm có thể tương đương với một kết luận. Sai lầm do luận điểm không phù hợp và một lập luận nhằm chứng minh một kết luận không nằm trong phạm vi được bàn đến.

Sai lầm này sử dụng một dạng của lập luận, trong khi có vẻ như bác bỏ lập luận của người khác, thực tế thì đưa ra một kết luận khác với vấn đề mà lập luận của người khác đề cập đến.

Trong loại lập luận sai lầm đã nghiên cứu thì không loại nào lừa gạt và thú vị như luận điểm không phù hợp. Có nhiều tên dùng để chỉ loại sai lầm này: kết luận không phù hợp, bỏ qua vấn đề, làm mờ nhạt vấn đề, đánh lạc hướng, và “cá trích đỏ”. *Cá trích đỏ* (red herring) có vẻ là một khái niệm nghe rắc rối. Nó xuất phát từ việc những người trốn tù thường làm bẩn mình bằng cá trích (loại cá này chuyển sang màu nâu hoặc đỏ khi thối rữa) để chó nghiệp vụ không thể đánh hơi được. Đánh lạc hướng là luận điểm dẫn dắt người đọc, người nghe đến những vấn đề không phù hợp với vấn đề được nói đến.

Sai lầm do lập luận không phù hợp có được sức thuyết phục vì nó thường chứng minh một kết luận, một luận điểm (mặc dù không hề có liên quan). Ví dụ sau đây sẽ làm rõ điều này.

a. Những người ủng hộ việc bảo tồn tự nhiên nói rằng nếu chúng ta ban hành những quy tắc bảo vệ sẽ tốt hơn việc chúng ta không ban hành. Họ đã nhầm bởi vì, chúng ta dễ dàng nhận thấy là việc bảo tồn tự nhiên không tạo ra được một thiên đường trên trái đất.

Hai vấn đề hoàn toàn khác nhau đã được đề cập trong vấn đề trên: (1) Liệu bảo tồn tự nhiên có cải thiện tình trạng hiện nay của chúng ta hay không; (2) Liệu bảo tồn tự nhiên có tạo ra được vườn địa đàng trên trái đất hay không? Bằng cách bác bỏ lập luận thứ hai thay vì lập luận thứ nhất, lập luận trên đây đã mắc sai lầm *luận điểm không phù hợp*. Luận điểm có vẻ thuyết phục, thứ nhất bởi vì điều nó nêu ra chúng ta cảm thấy đúng: không biện pháp bảo tồn tự nhiên nào có thể bảo đảm một vườn địa đàng. Chúng ta sẽ bị thúc đẩy bỏ qua ý nghĩ rằng bảo tồn là công việc đáng làm. Điều này là sai lầm, vì vấn đề ở đây là liệu bảo tồn tự nhiên có phải là lựa chọn tốt nhất của chúng ta hay không.

Ví dụ này minh họa rất tốt chủ ý thường thấy trong các lập luận. Ví dụ trên là điển hình của lý luận “người rơm” (strawman argument) bằng cách bóp méo quan điểm theo cách này hay cách khác, làm cho nó trở nên lố bịch, buồn cười và dễ dàng bị phủ nhận. Nếu luận điểm đối lập nhằm bảo vệ một quan điểm cực đoan hơn quan điểm ban đầu, chắc chắn những luận điểm ấy sẽ thất bại. Mặc dù đây là thủ thuật phổ biến trong tranh luận, nhưng đó là một điều dối trá.

Không phải tất cả mọi sai lầm do lập luận không phù hợp đều xuất phát từ ý định muốn

bóp méo vấn đề. Có thể bị áp lực về thời gian, thiếu sự suy xét độc lập chúng ta có thể xem một yếu tố nhất định là phù hợp, nhưng trong hoàn cảnh khác chúng ta lại không nghĩ như thế. Trong ví dụ sau đây, sự thật bị bóp méo lại là một việc không có chủ ý:

b. Tôi không hiểu tại sao đi săn lại được xem là độc ác khi mà chúng mang lại thú vui cho nhiều người và thậm chí mang lại việc làm cho một số người khác.

Chỉ cần xem xét qua chúng ta có thể thấy rằng việc đi săn mang lại thú vui và công việc cho ai đó không phù hợp với vấn đề đi săn là độc ác đối với loài thú. Nếu là không phù hợp thì luận điểm đi săn là độc ác chưa hề được bàn luận. Nếu không bàn luận đến tức là bóp méo vấn đề. Như trong nhiều ví dụ mà chúng ta đã xem xét, luận điểm này đã tránh đưa ra những phản chứng (rằng đi săn là độc ác đối với loài thú) và chứng minh điều không được bàn đến (đi săn là có ích cho mọi người). Giống như một người gặp phải rắc rối sẽ đứng dậy và bỏ chạy, trong lập luận một người gặp khó khăn hoặc điều gì không thoải mái thì cách lý giải vấn đề của họ là che dấu vấn đề bằng một vài điều không phù hợp. Điển hình nhất là vị công tố viên cố gắng thuyết phục ban hội thẩm rằng hành vi của bị cáo là có tội bằng cách lập luận rằng giết người là tội phạm khủng khiếp.

Bởi vì không có gì có tác động thư giãn con người bằng tiếng cười, nên chúng ta không ngạc nhiên khi sai lầm do nguyên nhân không phù hợp lại được sử dụng như một tác nhân gây cười, hãy xem xét ví dụ sau, câu truyện cổ về vụ ăn trộm một con lợn:

c. "Nào, Patrick," quan toà nói. "khi anh m ặt đối mặt với goá phụ Maloney và con lợn của bà ta vào ngày phán xử, anh sẽ nói gì để biện hộ cho mình khi bà ta đã buộc tội anh đã ăn trộm con vật bé nhỏ đó?" "Ngài nói rằng con lợn sẽ ở đó phải không?" Patrick nói. "Nếu thế tôi sẽ nói: thưa bà Maloney, con lợn của bà đây!"

Lập luận kiểu này nghe thật buồn cười, nhưng sai lầm tương tự lại có thể nguy hiểm chết người, như Susan Stebbing đã làm trong phân tích của cô về việc cuộc tranh luận ở nghị viện Anh với vấn đề xuất khẩu súng, được so sánh với việc xuất khẩu kẹo giòn cho trẻ con:

d. Ngài PHILIP: Ngài không nghĩ rằng hàng hoá của ngài là rất nguy hiểm, độc hại không giống như những thanh sôcôla hay kẹo ngọt sao?

Ngài CHARLES: Không, hoặc đó chỉ là chuyện trong tiểu thuyết thôi.

Ngài PHILIP: Ngài không nghĩ rằng xuất khẩu những hàng hoá này là nguy hiểm hơn việc xuất khẩu những thanh kẹo sao?

Ngài CHARLES: Ô, tôi gần như quên mất kẹo trong ngày Giáng Sinh, nhưng tôi không bao giờ làm thế đối với một khẩu súng cả.

Như Stebling chỉ ra, cách trả lời của Ngài Charles đã chuyển hướng khỏi vấn đề bằng cách gây cười. "Người nghe có thể vui lòng đồng ý rằng có ai đó 'hầu như đã quên kẹo Giáng sinh' mặc dù anh ta chưa bao giờ nguy hiểm với một khẩu súng. Nhưng kẹo không được làm ra với mục đích này, trong khi đó vũ khí được làm ra chỉ với mục đích giết người, sát thương, phá huỷ. Và đó chính là những vũ khí được bàn đến" (*Nghĩ Về Mục Đích*, Harmondsworth: Penguin Books, 1939, trang 196).

Những cách làm mờ nhạt vấn đề như vậy có thể bị bác bỏ bằng câu nói đơn giản sau: "có lẽ đúng, nhưng không phù hợp." Câu phản biện đơn giản, sắc bén sẽ đem người nghe trở lại vấn đề đang bàn đến và có thể gạt bỏ được những lời bóp méo sự thật kia.

- Luận điểm không phù hợp là luận điểm nhằm chứng minh hoặc bác bỏ một "giả thuyết", "kết luận", đôi khi thành công, mà không phù hợp với vấn đề đang nói đến.

- Để phản biện lại những luận điểm như vậy, cách tốt nhất là nói câu đơn giản sau: đúng, nhưng không phù hợp.

- Thủ thuật thường được sử dụng ở đây là gán cho những ý kiến đối lập một thái độ cực đoan hơn những ý kiến mà họ đưa ra để bảo vệ. Biến thể này đôi khi được gọi là "lập luận người rơm," một lập luận mà những người phản đối đã xây dựng lại theo cách làm cho nó

dễ dàng bị bác bỏ.

12. Tóm Tắt

Chương này đã trình bày ba loại giả thuyết sai lầm, những lập luận cho những giả thuyết chưa được tìm ra hoặc chứng minh được trình bày dưới chiều bài những lập luận hợp lý.

Trong loại sai lầm giả thuyết đầu tiên, như chúng ta đã thấy, lỗi nằm trong việc bỏ qua những yếu tố cơ bản của sự việc. Ba dạng sai lầm thuộc loại này đã được xem xét:

Tổng quát hoá: là việc áp dụng cái đã được khái quát vào một trường hợp cụ thể hoàn toàn nằm ngoài phạm vi điều được khái quát. Ví dụ như: cưỡi ngựa là việc nên làm đối với người có bệnh về tim.

Kết luận vội vàng lại trái ngược hẳn với sự khái quát hóa. Ở đây một sự kiện riêng biệt, mang tính ngoại lệ, được sử dụng một cách sai lầm nhằm chứng minh cho một kết luận chung. Ví dụ như: nêu ra quá khứ không tốt với người chồng cũ để chứng minh rằng mọi người đàn ông đều không tốt.

Bifurcation, dạng thứ ba, lại bỏ qua rất nhiều khả năng khác nằm giữa hai cực của khả năng lựa chọn. Ví dụ như khẳng định rằng: Nếu bạn biết về xe BMW thì hoặc là bạn sở hữu một chiếc hoặc là bạn muốn có một chiếc.

Trong loại giả thuyết sai lầm kế: lỗi nằm trong việc lãng tránh sự thật. Ở đây chúng ta đã xem xét bốn dạng khác nhau:

Lập lại vấn đề: dùng những lời lẽ tương tự đã được đưa ra để chứng minh cho một luận điểm. Ví dụ như khẳng định rằng tự do thương mại là tốt cho quốc gia này vì tự do thương mại là tốt cho quốc gia này.

Lãng tránh vấn đề theo kiểu epithet: là việc nói quá, cường điệu lên một vấn đề mà không hề chứng minh. Loại sai lầm này đã sử dụng phương tiện ngôn ngữ để thể hiện thái độ cá nhân của mình. Ví dụ như trong cụm từ sau: dùng những từ sau "những kẻ bất lực, kiêu căng...." để chỉ những người không theo nhà thờ.

Câu hỏi phức hợp: là việc dùng câu trả lời nhất định cho một câu hỏi trước đó mà chưa được đưa ra. Ví dụ: John đã từ bỏ thói quen xấu của anh ta chưa?

Sự biện hộ đặc biệt: là việc áp dụng tiêu chuẩn kép (hai tiêu chuẩn khác nhau): tiêu chuẩn đặc biệt để đánh giá bản thân, và tiêu chuẩn còn lại để đánh giá những người khác. Loại sai lầm này lãng tránh sự thật bằng cách có thái độ thiên vị đối với một bên. Ví dụ như: dùng từ hy sinh, cống hiến để chỉ quân đội phe mình, còn dùng những từ như cuồng tín, ác độc để chỉ quân địch.

Loại sai lầm cuối cùng là bóp méo sự thật, nó gồm có các dạng sau:

Tương đồng giả tạo: là việc bóp méo sự thật bằng cách so sánh vấn đề đang được bàn luận tương đương với một vấn đề khác, nhưng sự thực lại không phải như vậy. Ví dụ như so sánh của Bacon: việc quốc gia gây chiến tranh để tăng thế lực với rèn luyện sức khỏe của cá nhân là có sự tương đương.

Sai nguyên nhân: cho rằng hai sự kiện có quan hệ nhân quả với nhau nhưng thực tế thì lại không phải như vậy. Ví dụ như người ai cập cổ thờ cúng loài cò quăm vì họ nghĩ rằng khi chúng di cư đến sông Nile làm cho dòng nước phù sa tràn vào đồng ruộng.

Lý luận rập khuôn: nếu một quan điểm được chấp nhận, một tình thế được áp dụng.. Sẽ tạo ra một chuỗi những hậu quả không mong muốn. Ví dụ như lập luận của David Reuben chống lại việc sử dụng Flo. Luận điểm không phù hợp: là việc bóp méo vấn đề bằng cách thay thế một vấn đề khác cho vấn đề được bàn luận. Ví dụ như lập luận sau: bởi vì việc bảo tồn tự nhiên không bảo đảm cho chúng ta một vườn địa đàng nên chúng ta không nên thực hiện nó như một phương sách tốt nhất hiện có.

Chương 5

Ngụy Biện Tính Xác Đáng

Ngụy biện về tính xác đáng (Fallacies of Relevance) là những lý lẽ mà trong đó những tiền đề, bất chấp vẻ bề ngoài, không liên quan đến những kết luận rút ra từ những tiền đề đó. Những sai lầm này có lẽ nên gọi là những *sai lầm thiếu tính xác đáng* vì tất cả những sai lầm đó đều đưa ra những lời không xác đáng, dẫn đến sự nhầm lẫn. Điểm chung của những sai lầm cuối cùng này là thiếu sự xác đáng; là khuynh hướng cố gắng thể hiện vấn đề bằng cách khuấy động tình cảm của chúng ta.

Sự sai lầm về tính xác đáng có được sức mạnh thuyết phục từ việc cho rằng khi tình cảm lên cao, hầu hết điều gì cũng sẽ được thông qua như một lý lẽ.

Sáu hình thức sai lầm được miêu tả trong chương này, mặc dù không quá chi tiết, cũng thể hiện những điều thường gặp phải khi một đối tượng lợi dụng vào những yếu tố tình cảm tự nhiên của chúng ta như tính dễ xúc động đối với định kiến, sự hờn hĩnh kiêu căng, sự tiếc nuối, nỗi sợ hãi và sự thích thú.

Trong hình thức sai lầm đầu tiên được trình bày ở đây -- sai lầm về sự công kích cá nhân, chúng ta có chiều hướng tin mù quáng vào những gì bị lợi dụng.

Sự sai lầm về lòng thương xót lợi dụng tình cảm của chúng ta về sự thông cảm, trong khi sai lầm về quyền lực kêu gọi cả sự khiêm tốn lẫn tính kiêu căng của chúng ta.

Hai hình thức sai lầm sau cùng, một loại khiến đánh vào sự không biết, còn loại kia khiến chúng ta sợ hãi.

Tất cả đều đạt được mục đích của mình bằng cách đưa ra những thứ không chân thực nhằm gọi lên một tình cảm cụ thể nào đó khiến chúng ta chấp nhận kết luận cuối cùng mà không hề dựa vào những tiền đề trước đó.

1. Công Kích Cá Nhân

Fallacy of personal attack

Sai lầm về sự công kích cá nhân (Tên La-tinh cho loại ngụy biện này là "ad hominem") là lý lẽ hướng sự chú ý ra khỏi vấn đề đang tranh cãi bằng cách tập trung vào vấn đề khác ngoài lý lẽ. Theo tiếng La-tinh, về nghĩa đen có nghĩa là "lý lẽ đối với con người". Nó cũng có thể được dịch là "chống lại con người", một hình thức nhấn mạnh sự công kích ra khỏi vấn đề tranh luận và hướng tới người đang tranh luận. Với ý nghĩa chống đối lại con người, công kích cá nhân trở nên thiếu chặt chẽ với tất cả những sai lầm về tính xác thực kêu vì nó kêu gọi tình cảm tự nhiên hơn là khả năng lập luận của chúng ta.

Lỗi sai lầm về sự công kích cá nhân có thể có nhiều dạng khác nhau, phụ thuộc vào bản chất của sự công kích.

Căn nguyên

Generic Fallacy

Một trong những sự *công kích cá nhân* đơn giản nhất là dạng *căn nguyên* của luận điểm (Argumentum ad hominem). Đó là loại lý lẽ mà trong đó người ta cố gắng chứng tỏ một kết

luận sai trái bằng cách lên án nguồn gốc hoặc căn nguyên của nó. Những công kích đó là sai lầm bởi vì một số ý kiến được nêu ra không có liên quan tới khả năng sống còn của lý luận. Thật là sai lầm khi tranh luận rằng xu hướng của người Mỹ về việc đập bỏ sự lạm dụng vật chất là phải bỏ đi sự e ngại còn lại và nghi ngờ về sự khoái lạc và sự dư thừa đã ăn sâu vào nhiều người Mỹ bởi di sản của đạo đức chủ nghĩa; hoặc lý do duy nhất bây giờ chúng ta tin vào Thiên Chúa là chúng ta đã được nuôi dạy trở thành những tín đồ công giáo La Mã -- đó có thể là cách khiến chúng ta đã trở nên tin vào sự tồn tại của Thiên Chúa chứ đó không phải là lý do khiến chúng ta tiếp tục phải tin như vậy.

Sự giải thích về căn nguyên của một luận điểm có thể đúng, và chúng có thể giúp làm sáng tỏ lý do tại sao luận điểm đó có hình thức hiện thời như vậy, nhưng chúng không xác đáng với giá trị của nó.

a. Đề xuất viện trợ học bổng được phân tích để khai thác những sinh viên nghèo, vì nó được một ủy ban gồm những thành viên trong Khoa và Ban quản trị đưa ra. Không sinh viên nghèo nào được học bổng nằm trong ủy ban đó cả.

b. Chúng ta phải cẩn thận khi nói đến bài luận của Schopenhauer phản đối phụ nữ. Bất cứ thầy tâm lý nào cũng có thể giải thích việc này bằng cách liên tưởng đến mối quan hệ căng thẳng giữa Schopenhauer và mẹ ông.

Sự truyền bá phân tích tâm lý là nhằm khuyến khích sự tìm hiểu những động cơ thúc đẩy nền tảng được thấy trong lý lẽ (b). Mặc dù có thể đúng rằng động cơ của một người có thể làm yếu đi sự tín nhiệm của người đó, động cơ đó không thực sự là chân lý của luận điểm đó. Lý lẽ có cơ sở không phải vì người đề đạt chúng mà bởi vì công dụng của giá trị nội tại. Nếu những tiền đề của một lý lẽ chứng minh kết luận của nó thì chúng cũng sẽ làm như vậy bất luận ai là tác giả. Nếu không như vậy, một nhà lo-gic vĩ đại nhất cũng không thể làm những lý lẽ đó có cơ sở.

Nếu những nguồn gốc lịch sử của một vấn đề không phù hợp với giá trị của nó thì tại sao chúng ta lại tùy thế mà có ý định nhấn mạnh và coi trọng lịch sử đến như vậy? Nghiên cứu lịch sử một vấn đề hoặc một giả thuyết cực kỳ quan trọng trong việc làm rõ hơn ý tưởng của một giả thuyết. Xem một người tìm ra một ý tưởng như thế nào và cũng tiến hành những bước tương tự như anh ta đã làm để đạt được nó thường giúp chúng ta nắm bắt được nó dễ dàng hơn nhiều và thấu hiểu nó tốt hơn. Việc phân tích lịch sử như vậy không thể chứng minh hoặc phản chứng hiệu lực và tính cơ sở của ý tưởng.

Thêm vào đó, hữu ích hơn và tinh tế hơn để nhận ra rằng những việc và ý tưởng vĩ đại thường hay có nguồn gốc bình thường và sự vĩ đại của một tác phẩm thường phải được tìm kiếm ở nơi khác. Liên quan tới ý tưởng trên, thật hữu dụng hãy nhớ lời nói của nhà tạc tượng Rodin với người mẫu cho tác phẩm "*The Thinker*" ("*Nhà Tư Tưởng*"). Sau khi hoàn thành tác phẩm của mình, Rodin quay lại phía người mẫu và nói: "Ồ, đồ ngốc. Mày có thể nghĩ được rồi."

• Trong sự sai lầm của dạng căn nguyên, chúng ta cố gắng chứng tỏ một kết luận sai trái bằng cách lên án những nguồn gốc của luận điểm.

• Điều này là sai trái vì một ý tưởng được tạo ra như thế là không phù hợp với giá trị lý luận.

Lãng mạ

Abuse ad hominem

Một biến dạng khác của sai lầm công kích cá nhân là lãng mạ. Đó là loại sai lầm mà trong đó ngoài việc hướng sự chú ý tới nguồn gốc của ý tưởng, nó còn công kích lại người tán thành ý kiến đó cùng với sự lãng mạ hoặc làm nhục. Những sự công kích này có thể rất rõ ràng hoặc tinh vi đến mức chúng ta không thể nhận ra mục đích chống đối tác giả hay sự biểu hiện của sự sai lầm đó. Nhưng chúng ta có thể luôn luôn nhận ra tính lãng mạ bởi sự thể hiện một thuộc tính cá nhân của đối thủ như là một lý do hợp lý để đánh thấp ý tưởng của người đó.

c. Lý thuyết mới về cách trị căn bệnh xã hội xấu xa được một phụ nữ nổi tiếng về sự ủng hộ của mình đối với chủ nghĩa Mác đề ra. Tôi không hiểu tại sao chúng ta nên dành cho bà ta sự chú ý đáng kể.

d. Oglethorp hiện giờ nói rằng các công ty lớn không nên đóng thuế nhiều hơn nữa. Đó là điều bạn mong mỗi ở một nghị sĩ đã sống ở Washington hai năm và đã quên tất cả mọi điều khi trở về quê hương.

e. Để đáp lại lý lẽ của viên nghị sĩ nói trên, tôi chỉ cần nói rằng hai năm trước đây ông ta đã từng hết sức bảo vệ cho chính sách địa phương mà giờ đây ông ta đang chống đối một cách mạnh mẽ.

Bỏ qua sự thật của luận điểm là lý lẽ công kích cá nhân, đặc điểm không chỉ ở những cuộc thảo luận hàng ngày mà là của cả những cuộc tranh cãi chính trị. Đúng hơn là khi thảo luận những quyết sách chính trị một cách điềm tĩnh, các đối thủ có thể thấy rằng chỉ trích cá nhân là dễ hơn và họ tham gia vào việc bôi xấu nhau. Điều này có thể tồn tại bởi một khi sự nghi ngờ nảy sinh thì thật khó có thể nói đến những chuyện khác. Bởi thế, thật không có gì đáng ngạc nhiên khi những lý lẽ chống lại cá nhân là quá phổ biến trong những cuộc tranh cãi giữa những người đang muốn có chức vụ.

Khi tình cảm lên cao, hoặc ngược lại, khi người ta đơn giản không đủ quan tâm đến một vấn đề, những chiến thuật lừa gạt kỹ lưỡng có vẻ như thuyết phục hơn. Làm cho đối thủ nghi ngờ, nực cười, hoặc mâu thuẫn là đề nghị thừa nhận rằng ý kiến của anh ta không có cơ sở bởi vì anh ta không thể đáng tin cậy. Nói đùa một câu làm mất uy tín đối thủ, chẳng hạn có thể phá hủy lý lẽ của người đó nếu lời đùa cợt tránh khỏi vấn đề và làm cho đối thủ trở nên khờ khạo. Những cân nhắc của Tổng Thống và những diễn đàn chính trị khác thường cho thấy thành công của những chiến thuật này đem lại. Tương tự như vậy, sau đây là câu chuyện xảy ra ở phòng họp Quốc Hội Anh: Một thành viên có tên là Thomas Massey-Massey giới thiệu một đạo luật trong Quốc Hội nhằm thay đổi tên gọi Christmas thành Christtide, với lý do là "mas" là một thuật ngữ Công Giáo La Mã mà người Anh, chủ yếu là người theo đạo Tin Lành, không nên dùng. Một thành viên khác lập tức phản đối ý kiến đó. Ông ta nói rằng, Christmas không muốn bị đổi tên. "Ông ta hỏi Thomas Massey-Massey: "Ông có muốn chúng tôi đổi tên ông thành Thotide TideyTidey?". Giữa tiếng cười sau đó, người ta không nghe thấy nói đến dự luật đó nữa.

Sự lảng mạ thường dễ bị nhầm với *luận đề không liên quan* và chẳng cần phải thảo luận nữa, bởi vì cả hai sai lầm thường bộc lộ đặc tính chỉ trích (mặc dù *luận đề không liên quan* có vẻ tích cực). Để phân biệt hai loại này là: sự công kích có tính lảng mạ sẽ cố gắng thuyết phục bằng cách lảng mạ đối thủ (điều người X nói là vô nghĩa vì X vô nghĩa), trong khi luận đề không liên quan cố gắng thuyết phục bằng cách "lảng mạ" chính lý lẽ đó (sự ngu xuẩn của luận điểm X không đáng để chúng ta quan tâm).

• Sự công kích có tính lảng mạ, một dạng của sự sai lầm có công kích cá nhân, là một cố gắng làm giảm sự kính trọng của chúng ta đối với một người nào đó (và bằng cách đó đối với những gì mà người đó đề nghị) bằng cách lạm dụng, làm nhục hay bôi xấu người đó.

• Sự lảng mạ có thể gây ra sự nghi ngờ về một người nào đó hoặc cố gắng làm cho người đó trở nên nực cười, hoặc buộc tội người đó vì tính tình mâu thuẫn hoặc bất thường.

Suy diễn gián tiếp

Circumstantial ad hominem

Đôi khi, thay vì lảng mạ một cách trực tiếp, một đối thủ sẽ cố gắng đưa ra một vị trí dễ dàng hơn bằng cách gợi ý rằng những quan điểm kia chỉ đơn thuần phục vụ lợi ích của người chủ trương. Các nhà lo-gic học gọi điều này là hình thức *suy diễn gián tiếp* (*A circumstantial ad hominem là sự cố gắng phá hoại một hoàn cảnh bằng cách gợi ý rằng người tranh luận chỉ đề xuất ý kiến đó vì quyền lợi của chính bản thân họ*) của lý lẽ. Buộc tội một người cùng với việc tác động đến những lợi ích bất di bất dịch cũng có thể được coi là công kích. Tuy nhiên *suy diễn gián tiếp* khác với lảng mạ ở chỗ nó tập trung vào hoàn cảnh hay hoàn cảnh của đối thủ hơn là vào tính cách hoặc những đặc điểm cá nhân của

người phát biểu.

Người nào đó khi sử dụng cách suy diễn gián tiếp cũng có thể chỉ ra rằng, ví dụ, lý lẽ của một nhà sản xuất bảo vệ cho việc bãi bỏ chế độ thuế quan nên bị bác bỏ với lý do là một nhà sản xuất, cá nhân anh ta sẽ ủng hộ việc bãi bỏ chế độ thuế quan một cách tự nhiên, hoặc đề đạt tăng giá thuê nhà sẽ không được chấp thuận bởi không một người thuê nhà nào ủng hộ việc đó cả. Hơn là đưa ra những lý do tại sao kết luận của vấn đề đúng hay sai, những lý lẽ như vậy chỉ đưa ra những lý do với hy vọng rằng độc giả có thể nhìn nhận kết luận như anh ta.

f. Tất nhiên là viên nghị sĩ ở bang Virginia phản đối việc đánh thuế thuốc lá. Tất cả chúng ta đều biết thuốc lá được trồng ở đâu phải không?

g. Sự thật là một vài giáo sư đại học đã xác nhận rằng những chất gây loạn ảo là vô hại và không thể nghiện được. Nhưng cũng chính những giáo sư đó đã thừa nhận dùng những chất đó. Rõ ràng là chúng ta không nên đề cập đến ý kiến của họ.

Lại một lần nữa, sự thiếu xác đáng được đưa ra nhằm hướng sự chú ý của chúng ta ra khỏi vấn đề có thực. Thêm vào đó, sai lầm này dựa vào giả định cho rằng chưa có ai từng hành động hoặc suy nghĩ không ích kỷ hoặc vị tha. Tuy nhiên, ít người trong số chúng ta tranh luận rằng điều này thực sự đúng.

• Chúng ta có thể nghi ngờ động cơ của người tranh luận, nhưng ngay chính sự tranh luận cũng không bị làm yếu đi nếu chúng ta thấy những động cơ đó là đáng nghi ngờ. Sự tranh luận đó có thể vẫn hoàn toàn có cơ sở.

Xem ai nói đó

Tu Quoque

Chúng ta đã quan sát ba trong số những chiến thuật cơ bản được dùng để phá hoại uy tín của một người nào đó. Như chúng ta đã thấy, thỉnh thoảng điều đó được thực hiện bằng sai lầm căn nguyên, lăng mạ trực tiếp, hoặc suy diễn gián tiếp (nói bóng gió). Ngoài ra còn hai cách nữa có vẻ phức tạp hơn.

Cách đầu tiên của chiến thuật này có cái tên Latin có vẻ hơi kì quặc "tu quoque" (*To quoque (được đọc là "tu kwo-kway") theo tiếng Latin có nghĩa là "anh cũng", có nghĩa là "nhìn xem ai đang nói"*). Đó là chiến thuật trong đó người biện hộ cho một luận điểm bị buộc tội đã hành động trái với luận điểm đã được đưa ra. Ngụy biện tu quoque diễn ra dưới hình thức: lý lẽ của đối thủ là vô giá trị bởi đối thủ đã không làm theo chính lời khuyên của mình.

h. Hãy xem ai bảo tôi ngừng hút thuốc! Anh còn hút nhiều hơn tôi đấy!

Mặc dù lời khuyên trên của một người nghiện thuốc có thể làm nghi ngờ về niềm tin của bạn đối với lý lẽ đó, nó cũng không nhất thiết là phá hoại lý lẽ đó. Việc tranh luận rằng hút thuốc có hại cho sức khỏe cũng có thể đúng bất kể người nói điều đó có hút thuốc hay không.

Chúng ta có một xu hướng tự nhiên là luôn muốn người khác "thực hiện những điều họ thuyết giáo". Nhưng việc thực tập là không xác đáng đối với sức mạnh của lý lẽ. Nhìn thoáng qua, sự đáp lại sau đây có vẻ có lý, nhưng nó không hề lo-gic với bối cảnh:

i. Nếu anh cho rằng sống tập thể là một ý tưởng tuyệt vời thì tại sao anh không sống trong một tập thể?

Người ca ngợi lối sống chung có thể đang hoặc không thực hiện điều đó -- có lẽ là bởi vì những hoàn cảnh đặc biệt hoặc những ràng buộc cá nhân khác. Tuy nhiên có thể chính việc họ không làm như vậy lại không làm mất đi hiệu lực sự tranh luận của họ rằng làm như thế là một ý kiến hay. Thật đáng tiếc là những người thường dùng đến sự công kích này lại hay lôi cuốn được những lời nói sáo rỗng khác rằng "những người sống trong nhà kính không nên ném đá." Tuy nhiên chẳng có lý do gì mà một hòn đá bị ném ra từ nhà kính lại không thấy dấu vết của nó.

Một biến dạng khác là một lý lẽ kiểu "Anh cũng làm thế cơ mà!" chuyển sang lý lẽ "Anh cũng sẽ làm như vậy nếu anh có cơ hội." Hãy lưu ý sự thay đổi của hai lý lẽ tiếp sau đây.

j. Có quá nhiều sự bàn cãi về Cục Tình Báo Trung Ương ở nước ngoài. Các nước khác cũng tham gia vào việc tình báo như chúng ta.

k. Có thể đúng rằng Kuwait chưa hề tiến hành bất cứ hoạt động tình báo nào tại Mỹ. Nhưng họ cũng sẽ làm nếu có cơ hội. Tôi cho rằng Kuwait nên tránh điều đó.

Sự sai lầm này về cơ bản là như nhau trong mỗi trường hợp. Dù có ai đó đang hành động theo cách "chống lại kết luận đang tranh cãi", hay có ai đó sẽ hành động theo cách "cơ hội có thể nảy sinh", thì họ cũng đã không quan tâm đến kết luận đang được bàn cãi là đúng hay sai. Trong tất cả các sai lầm công kích cá nhân, bất cứ lý do nào nói về **người** bảo vệ luận điểm hay **người** đưa ra luận điểm, hoặc **người chống đối** luận điểm đều được coi là thiếu xác đáng. (TQ hiệu đính: luận điểm đúng hay sai mới là điều đáng nói để bàn thảo. Lý do hay động cơ tại sao người ta có luận điểm đó là không xác đáng.)

- Với xem ai nói đó, chúng ta cố gắng chứng minh những điều chúng ta đang làm bằng cách chỉ ra rằng đối thủ của chúng ta và những người khác cũng đều làm như vậy.
- Hai điều sai, tuy nhiên không thể làm thành một điều đúng.

Đầu độc nguồn nước

Poisoning the well

Loại sai lầm công kích cá nhân cuối cùng mà chúng ta đề cập tới có tên gọi là *đầu độc nguồn nước*. Trong những lý lẽ như vậy chúng ta cố gắng đặt đối thủ vào vị trí mà anh ta không thể đối đáp được.

Loại sai lầm này có tên gọi từ John G. Cardinal Newman -- một giáo sĩ người Anh hồi thế kỷ 19, tại một trong những cuộc tranh luận của ông ta với mục sư, đồng thời là nhà viết tiểu thuyết Charles Kingsley. Trong cuộc tranh cãi đó, Kingsley đề nghị thừa nhận rằng Newman -- với tư cách là một thầy tu La-mã tin Chúa đã không đặt giá trị cao nhất vào sự thật.

Newman phản đối rằng sự buộc tội như vậy là không thể được đối với ông ta hay bất cứ người nào theo đạo Công Giáo La-Mã. Bằng cách nào mà ông ta có thể chứng tỏ với Kingsley rằng ông ta coi trọng sự thật hơn bất cứ điều gì nếu Kingsley giả định rằng ông ta không làm như vậy? Kingsley ngay lập tức bác bỏ những gì Newman có thể đưa ra để bảo vệ. Nói cách khác, Kingsley đã bỏ độc vào nguồn nước, làm cho không ai có thể chia sẻ nó được. (TQ hiệu đính: *Đầu độc nguồn nước* là cách tấn công vào người tranh luận bằng cách giả định rằng họ là người "xấu" trước khi tranh luận, và hy vọng rằng thánh giả sẽ bị "ngộ độc" khi cuộc tranh luận bắt đầu.)

Hãy xem những lời buộc tội dưới đây đầu độc như thế nào:

l. Đừng nghe ông ta. Ông ta là một kẻ vô lại!

m. Tôi thiết tha đề nghị các quý ông quý bà hãy nghĩ lại khi các quý ông bà nghe những thành viên phe đối lập nói rằng một người đi ngược lại động thái này sẽ không có được sự ủng hộ của nhân dân.

n. Người phụ nữ này phủ nhận việc bà ta là thành viên của phe đối lập. Nhưng chúng ta biết rằng những thành viên của phe đối lập đã bị ép buộc phủ nhận rằng trong bất cứ hoàn cảnh nào họ cũng đứng về phe đối lập.

o. Những người không đồng tình với tôi khi tôi nói rằng con người bị mua chuộc cũng chứng tỏ rằng họ đang bị mua chuộc.

Bất cứ ai cố gắng bác bỏ những lý lẽ này cũng đều bị thúc ép làm như vậy bởi những gì mà họ nói cũng chỉ có vẻ làm mạnh thêm lời buộc tội chống lại người đang nói điều đó. Chính sự cố gắng đáp lại cũng chỉ thành công trong việc đặt ai đó vào một vị trí thậm chí khó khăn hơn. Nếu bị buộc tội nói quá nhiều, một người cũng không thể tranh cãi lại sự buộc

tội mà không bị lên án. Một người càng nói nhiều thì người đó càng chứng minh được sự thật của sự buộc tội. Và có thể những chiến thuật không đúng đắn sau cùng đều có ý đồ để thực hiện bằng cách làm mất uy tín trước nguồn nước duy nhất mà từ đó bằng chứng hoặc là ủng hộ hoặc chống đối một luận điểm nào đó có thể được nảy sinh. Họ tìm cách tránh phe đối lập bằng cách ngăn ngừa tranh luận.

• Đầu độc nguồn nước, người ta cố gắng làm hại kẻ đối lập bằng cách đặt anh ta vào thế không thể phản kháng lại.

• Mục đích của nó là tránh phe đối lập bằng cách ngăn ngừa tranh cãi.

2. Kêu Gọi Đám Đông

Fallacy of Mob Appeal

Sai lầm về sự kêu gọi đám đông (*Tên Latinh là argumentum ad populum, có nghĩa đen là "kêu gọi mọi người". Giống như nghĩa của từ popular, thuật ngữ populum có hàm nghĩa nhất định chỉ sự chấp thuận của đại đa số mà không cần suy xét có suy nghĩ.*) là kiểu lý lẽ trong đó người ta kêu gọi tình cảm, đặc biệt là cảm giác quyền lực mà có thể thống trị con người trong những đám đông. Còn có tên gọi là “quyền rũ nhiều người” (*appeal to the masses*), loại sai lầm này đem lại sự chấp nhận thiếu suy nghĩ của con người đối với những ý kiến được trình bày theo cách mạnh mẽ và không tự nhiên. Sự kêu gọi quần chúng thường được nói đến là kêu gọi những bản năng thấp nhất của chúng ta, bao gồm cả những bản năng bạo loạn của chúng ta. Ngôn ngữ của những sự kêu gọi đám đông đó có xu hướng ảnh hưởng mạnh mẽ, tận dụng nhiều lỗi sai lầm về ngôn ngữ chúng ta đã nghiên cứu trước đây trong cuốn sách này. Thực sự là phần lớn các ví dụ về kêu gọi quần chúng liên kết với các loại sai lầm khác, kết hợp vào thành một lý lẽ dựa chủ yếu vào một phản ứng tình cảm hơn là một phản ứng có tính thuyết phục. Bằng cách làm như vậy, những lý lẽ như thế liên quan đến sự sai lầm thiếu xác thực bởi vì chúng đã không nói đến vấn đề đang được tranh luận mà thay vào đó chọn cách hướng chúng ta đến một kết luận bằng tình cảm hơn là lý trí.

Ví dụ dưới đây về sự kêu gọi quần chúng lấy từ nhà văn Westbrook Pegler, một nghiệp đoàn cung cấp quyền lợi chính trị.

a. Mayor LaGuardia -- bản thân là một thành viên hay gây làm ồn trong một đám đông được biết đến như là phong trào lao động, nhất định phải biết rằng những kẻ ăn bám xấu xa nhất, những kẻ trộm và ăn cướp bánh mì hiện giờ đang hành nghề tại nước Mỹ, và đặc biệt tại thành phố New York, là những kẻ cướp của nghiệp đoàn. Chúng đứng đầy trước cổng nghiệp đoàn; chúng thậm chí còn cướp bóc những nhân viên trong cơ quan để tiếp đãi những tên trong bọn dưới sự bảo trợ của USO và vì vậy chúng còn ăn cắp của những võ sĩ quyền anh nhà nghề - những người mà USO gây quỹ bảo trợ. Trên khắp đất nước, chúng đặt bàn tay như bản của mình vào những gia đình nghèo và ăn trộm bánh mì, giày dép của những đứa trẻ trong các gia đình lao động người Mỹ cực nhọc, không nơi nương tựa. LaGuardia chưa bao giờ nói một lời lên án những việc trộm cắp như vậy. Với công ty của mình cùng với hoạt động của nghiệp đoàn, ông ta đã tán thành hệ thống cướp bóc này.

Mặc dù đoạn văn này đọc nghe có vẻ như nó xảy ra một cách bộc phát, nhưng thực ra nó là kết quả của một mưu mẹo hết sức cẩn thận. Pegler không thành công trong việc hướng vào vấn đề đang được tranh cãi -- liệu hoạt động của nghiệp đoàn có phải là cướp bóc hay không và bằng cách nào. Đúng hơn là, ông ta đã dùng thứ ngôn ngữ “bốc” rất phù hợp để đưa ra một kết luận ông ta mong muốn. Mayor LaGuardia được miêu tả như là một thành viên lao động ồn ào mà không chỉ bận rộn. Hoạt động lao động đó được biết đến chỉ đơn thuần là như vậy; Pegler cho rằng trên thực tế đó là một đám gian lận cướp bóc các gia đình lao động người Mỹ cực nhọc không nơi nương tựa và con cái của họ.

Những thành viên nghiệp đoàn như vậy là loại người như nào chứ? Pegler không bao giờ dùng những từ trực tiếp, nhưng những từ như trộm bánh mì, cướp bóc, nhúng bàn tay dơ bẩn của chúng vào các gia đình nghèo khổ và ăn trộm bánh mì, để mặc trộm cướp cho thấy

rằng Pegler so sánh những thành viên nghiệp đoàn với những con chuột bẩn thỉu.

Đây là đoạn văn trích từ tạp chí Cộng Sản *New Masses* (19 tháng 3, năm 1946) nhằm chống lại Thủ Tướng Anh Winston Churchill sau bài nói nổi tiếng "*Rèm Sắt*" tại trường đại học Westminster ở Missouri:

b. Winston Churchill - tổng thư ký của Đảng Bảo Thủ, đã đến và nói chúng ta sẽ sống như thế nào. Cuộc sống mà ông ta chỉ cho chúng ta là gì? Một sự chuyên chế kiểu Anh-Mỹ áp chế cả thế giới. Ông ta nói rằng ông ta muốn sát nhập quân đội và hải quân và chống lại chủ nghĩa cộng sản. Đúng là lời lẽ thì của Churchill nhưng kế hoạch là của Hitler. Lãnh địa cướp của Churchill tại biên giới đang bị chia cắt và ông ta đề nghị người Mỹ bảo vệ nó cho ông ta. Chúng ta phải là những người hành động nhanh và chúng ta phải cung cấp cho ông ta hàng tỉ đô la để dành lại những gì mà những tên trùm cướp bóc bị mất.

Trong đoạn văn của Pegler, những cụm từ như trấn áp, lãnh địa cướp được, những người hành động nhanh, trùm cướp bóc nổi theo nhau rất chặt chẽ. Chúng được đưa ra để bổ sung vào cách diễn tả Churchill như một tên cướp. Người viết không nói rằng những đề đạt của Churchill là chính xác và liệu trên thực tế những gì ông ta đề đạt có mang lại lợi ích cho nước Mỹ hay không.

Kiểu viết tố cáo này không giới hạn đối với những người có động cơ có thể từ bỏ điều gì đó mong muốn. Một vài bài nói nổi tiếng đã dùng đến phương sách này, đáng chú ý là bài nói nổi tiếng "*Cây Thánh Giá Của Đức Chúa*" của William Jennings được trình bày tại hội nghị chính trị vào thời điểm chuyển giao thế kỷ. Bài nói của Brian đã phản đối việc giữ bản vị vàng và chế độ hai bản vị được ưa chuộng.

c. Chúng ta không quan tâm tới việc trận chiến đang ngã về phía nào. Nếu chúng ta cho rằng chế độ hai bản vị là tốt, nhưng chúng ta không thể có nó cho đến khi các quốc gia khác giúp đỡ chúng ta. Chúng ta trả lời rằng, thay vì giữ bản vị vàng bởi nước Anh làm như vậy, chúng ta sẽ khôi phục chế độ hai bản vị, và sau đó sẽ để nước Anh giữ chế độ hai bản vị bởi nước Mỹ làm như thế. Nếu họ thách thức đánh nhau và bảo vệ bản vị vàng như là một thứ quý giá, chúng ta sẽ chiến đấu với họ đến cùng. Cuối cùng, chúng ta là đa số các dân tộc và toàn thế giới, được ủng hộ bởi quyền lợi kinh tế, quyền lợi lao động và những người lao động ở khắp mọi nơi, chúng ta sẽ đáp lại yêu cầu của họ về bản vị vàng bằng cách nói với họ: Các anh sẽ không ấn lên trán của người lao động vòng hoa đầy gai này, các anh cũng sẽ không đóng vào con người một dấu thập ác bằng vàng.

Khi kết thúc bài nói này, Brian vươn cánh tay mình ra như thể xuyên qua một cây thánh giá.

Sau đó ông ta bỏ tay xuống và đưa về phía sau. Trong một vài giây toàn bộ người nghe sững sờ, im phăng phắc. Sau đó không khí im lặng giảm dần và mọi người hoan hô ầm ầm. Những người ủng hộ Brian -- một nghị sĩ 36 tuổi, nhắc bóng ông ta trên vai và điều ông ta khắp hội trường. Ban nhạc chơi hành khúc Sousa. Ngay ngày hôm sau, hội nghị đã chỉ định Brian làm chủ tịch.

Sự kêu gọi quần chúng là sự sai lầm bởi những lý lẽ này dựa trên những tình cảm bị khuấy động của người nghe.

d. Chính tôi là một người lao động và tôi biết phải vất vả đến mức nào để có được ngày hôm nay.

e. Vì anh giáo sư của một trường đại học, tôi biết rằng tôi có thể nói cho anh nghe những vấn đề khó khăn một cách nghiêm túc.

f. Không ai trong phòng này phủ nhận việc phải giáo dục trẻ nghiêm túc. Nhưng hãy nhớ rằng đây là trường của chúng ta và nó thuộc về con cái của chúng ta.

Kêu gọi quần chúng là cách hướng về tình cảm của đám đông mà họ đang nhắm tới, hoặc họ có thể tăng bóc lột đám đông, hoặc kêu gọi sự thiên vị của quần chúng. Họ cũng lợi dụng nhu cầu cần thiết của chúng ta để cảm nhận rằng chúng ta thuộc về một nhóm nào đó, bất kể nhóm đó có tồn tại hay không, và thế là nhóm đó thuộc về lẽ phải. Khi chúng ta đọc bài viết của Pegler, chúng ta cảm thấy rằng chúng ta phải đứng về phía ông ta (chống lại

LaGuardia và người lao động) và thuộc về nhóm người đang bị chửi rủa và phỉ báng. Sự kêu gọi quần chúng tạo ra một kịch bản mà trong đó chúng ta thật khó có thể diễn tả quan điểm chống đối, bởi vì làm như vậy là thách thức "đám đông" và sẽ bị loại trừ hay xa lánh. Sự kêu gọi quần chúng đem lại cho chúng ta cảm giác hơn là sức thuyết phục lý trí của một luận điểm. Những cảm giác, tuy nhiên không thể tạo nên bằng chứng cho sự thật của một kết luận.

Bài diễn văn nổi tiếng của Mark Antony trước xác của Caesar trong tác phẩm Julius Caesar của William Shakespeare (cảnh 3, chương 2) là một ví dụ tuyệt vời về sự kêu gọi quần chúng. Bài diễn văn đã đáp lại sự chú ý bởi những kỹ xảo mà nó dùng là niềm tin nghề nghiệp của những người truyền giáo và căm ghét sự buôn bán. Antony đã được quyền đọc bài diễn văn bởi vì kẻ ám sát Caesar tin rằng anh ta sẽ đề cập đến vụ giết người một cách thông cảm. Đám đông đã được Brutus diễn thuyết đầu tiên. Ông ta là người sợ rằng Caesar, người đang chuẩn bị để trở thành người có quyền hành tuyệt đối tại thành Rome, đã âm mưu với những kẻ khác giết Caesar. Brutus thuyết phục đám đông rằng anh ta giết Caesar vì thành Rome tươi đẹp, và đám đông than phiền rằng Brutus có thể sẽ trở thành Caesar tiếp theo. Nhưng Brutus đã bắt mọi người phải im lặng và thuyết phục họ nghe Antony ca ngợi người lãnh đạo Caesar đã chết. Antony, thay vào đó, dùng những cơ hội để kích động đám đông chống lại Brutus và những kẻ đồng mưu, làm như vậy với một kỹ thuật mà chỉ trong một thời gian ngắn, biến quần chúng thành những người nô lệ sẵn sàng cho âm mưu của ông ta.

- Sự kêu gọi quần chúng là một sai lầm trong đó người ta cố gắng kích động mọi người phản ứng theo một cách nào đó bằng cách sử dụng những lời nói có thể khuấy động những cảm xúc mạnh mẽ.

- Những kỹ thuật được sử dụng bao gồm: biểu lộ tư tưởng cao, lòng yêu nước, nói bóng gió, mỉa mai, lặp lại, nói dối trắng trợn, v.v.

- Mặc dù những sự kêu gọi như vậy thường có vẻ như là chân thành và diễn tả tình cảm sâu sắc một cách tự phát, trong phần lớn các trường hợp, chúng là kết quả của mưu mẹo cẩn thận nhất.

3. Kêu Gọi Lòng Thương

Fallacy of Appeal to Pity

Sai lầm về sự kêu gọi lòng thương giống với kiểu sai lầm kêu gọi quần chúng mà trong đó lý lẽ được đưa ra để thu hút mọi người về phía mình bằng cách lợi dụng tình cảm của họ. Nó khác với sự kêu gọi quần chúng ở chỗ nó lợi dụng một loại tình cảm đơn lẻ -- đó là sự cảm thông, có nghĩa là lý lẽ hướng vào tình cảm thương hại của chúng ta.

Loại sai lầm này rất phổ biến. Tuy nhiên nó cũng tồn tại từ lâu đời bởi chúng ta biết nó đã được đề cập đến trong *Lời Biện Bạch* của Plato miêu tả một vụ sử án vào năm 300 sau Công nguyên của Socrate - thầy giáo của Plato. Nói với quan tòa, Socrate nói:

a. Có thể có ai đó giận tôi khi anh ta gọi lại trong óc rằng bằng cách nào, chính anh ta, trong những trường hợp tương tự và thậm chí nghiêm trọng hơn, khóc lóc cầu xin và khẩn nài quan tòa, anh ta đưa những đứa con của mình ra trước tòa như thế nào - một cảnh tượng đáng mỉm cười, cùng với nhiều người thân và bạn bè; trái lại, tôi - người đang gặp nguy hiểm, sẽ không bao giờ làm bất cứ một việc nào như thế.

Bất chấp việc Socrate từ chối dùng sự kêu gọi lòng thương cảm, ông ta tiếp tục làm rõ tác dụng của nó.

b. Sự mâu thuẫn có thể diễn ra trong đầu anh ta, và anh ta có thể chống đối tôi và giận dữ bởi vì anh ta không hài lòng với tôi về vấn đề này. Bây giờ nếu có một người như thế trong số các anh thì hãy nhớ, tôi sẽ không nói là có. Tôi sẽ trả lời anh ta một cách thẳng thắn: Các bạn, tôi là một người như bao đàn ông khác, một sinh vật bằng xương bằng thịt, và không phải là "đá hay gỗ" như Homer nói; Tôi có gia đình, vàng, cả con cái nữa - Ba đứa tất cả: một đứa đã gần trưởng thành, còn hai đứa vẫn nhỏ; tuy vậy tôi cũng sẽ không mang chúng đến đây để cầu xin anh cho tôi được tha bổng.

Ở đây, việc Socrate dùng cách kêu gọi lòng thương xót là thật khôn khéo. Sau đây là một ví dụ thẳng thắn được luật sư về tội phạm nổi tiếng Clarence Darrow trình bày trước tòa.

c. Các ông nghĩ rằng tất cả những người thành thị chúng tôi đều không thật thà, nhưng những người thành phố chúng tôi lại nghĩ những nông dân các ông mới là như vậy. Không ai trong số các ông được tôi tin trong việc mua bán ngựa, bởi vì các ông chắc chắn bốc lột tôi. Nhưng khi thông cảm với một người đang gặp rắc rối thì tôi sẽ tin các ông là những người thành phố vì các ông hiểu biết con người tốt hơn và nhanh chóng trở thành những người bạn Tốt. (Trích trong Irving Stone, *Clarence Darrow Bảo Vệ: Tiểu Sử*. New York: Doubleday & Co., 1941, p.23.)

Lý lẽ của Darrow biện hộ cho sự thông cảm bằng cách kêu gọi thiện chí bẩm sinh của ban hội thẩm. Điều rắc rối với những sự kêu gọi như vậy là ở chỗ bất kể chúng đáng mủi lòng đến thế nào thì chúng cũng có thể không xác đáng với vấn đề đặt ra và trong trường hợp như vậy chúng không có sức thuyết phục với chúng ta. Trong tất cả các loại sai lầm về sự xác đáng, chúng ta cần biết rõ câu hỏi và trọng điểm của lý luận. Bởi vậy sẽ là sai lầm nếu một luật sư bào chữa khi đưa ra bằng chứng về số phận đáng tiếc của bị cáo như là một lý do khiến tòa án công nhận anh ta là vô tội. Mặt khác, sẽ là không là sai lầm khi một luật sư đưa ra bằng chứng như vậy làm lý do để xử phạt tội phạm một cách nhân hậu.

Giống như nhiều loại sai lầm mà chúng ta đã xem xét, sự kêu gọi lòng thương đã được các nhà quảng cáo khai thác. Một ví dụ đáng tiếc là một bài quảng cáo đã được một nhóm các nhà kinh doanh truyền hình đưa lên cả một trang vào năm 1950 khi truyền hình bắt đầu được sản xuất hàng loạt.

VÀI ĐIỀU CON CÁI KHÔNG NÓI VỚI CHÚNG TA

"Nào, Bố, tại sao bố không mua một chiếc tivi?" Bạn đã nghe thấy điều đó. Nhưng có nhiều điều nữa mà bạn sẽ không nghe thấy được. Bạn có mong đợi một đứa trẻ bảy tuổi nói về những tình cảm cô đơn sâu sắc mà cậu ta cảm thấy không? Đứa trẻ có thể phàn nàn: "Bọn trẻ bunn xinn lắm và chúng không chơi với con nữa!"

Bạn có xem con mình thốt ra sự thật rằng cậu ta thực sự xấu hổ khi chơi với lũ trẻ đó, rằng cậu ta bị bỏ rơi vì không xem những chương trình tivi mà lũ trẻ xem, không biết những điều mà bọn trẻ biết?

Bạn có thể nói cho ai đó về ngón tay bị bầm tím. Làm sao mà một cô bé có thể miêu tả một vết bầm tím bên trong cơ chứ? Không, con gái của bạn sẽ không bao giờ nói cho bạn biết về sự bẽ mặt mà nó cảm thấy khi nó khấn cầu một người hàng xóm được xem những giờ tivi quý giá.

Bạn dành cho con bạn tất cả ánh sáng mặt trời, không khí trong lành và các chất vitamin mà bạn có thể có. Thế còn ánh sáng cho tinh thần của nó thì sao? Vitamin cho trí óc của nó thì sao? Các nhà giáo dục cho rằng tivi là tất cả và hơn thế cho một đứa trẻ phát triển.

Khi tivi đối với đứa trẻ có ý nghĩa hơn là sự giải trí một mình thì bạn có thể nhất định không mua một cái cho gia đình mình nữa không?"

Nhiều người thấy rằng lời quảng cáo này là không tốt và nó đã nhanh chóng bị rút khỏi chương trình. Quảng cáo trên tivi hiện nay có vẻ phần nào tế nhị hơn, nhưng những lời kêu gọi sự thông cảm vẫn còn dai dẳng, như là trong một khẩu hiệu nổi tiếng về xe ô tô Avis Rental: "Chúng tôi là số hai."

• Cũng như sự kêu gọi quần chúng, sai lầm về sự kêu gọi lòng thương cố gắng đi ngắn nhất đến sự suy nghĩ của chúng ta bằng cách khai thác tình cảm thương xót hoặc cảm thông của chúng ta.

• Đó là phương tiện được ưa chuộng của các luật sư bào chữa và các nhà quảng cáo. "Liệu một đứa trẻ tám tuổi có nên lo lắng về cholesterol hay không?"

4. Kêu Gọi Quyền Lực

Fallacy of Appeal to Authority

Chúng ta kêu gọi chuyên gia (Nhà triết học người Anh John Lock đã gọi loại ngụy biện này bằng một cái tên Latin -- *argument ad verecundiam*, có nghĩa là "lý lẽ hướng tới tình cảm khiêm tốn của chúng ta." *Verecundian* mang hàm ý

xấu hổ và khiêm tốn, nhấn mạnh tới việc chúng ta thường xuyên có thể bị buộc phải chấp thuận một kết luận sai trái bởi vì chúng ta cảm thấy hổ thẹn khi bàn cãi một quyền lực đã được giả định.) khi chúng ta cố gắng biện hộ cho một ý kiến bằng cách trích dẫn một vài nguồn về ý kiến chuyên môn nhằm coi nó như là lý do để bảo vệ ý kiến đó. Những sự kêu gọi chuyên gia thường là có căn cứ, bởi chúng ta bảo ai đó dùng một loại thuốc nào đó là vì bác sĩ đã kê đơn cho chúng ta. Nhưng sự kêu gọi chuyên gia có thể là sai lầm khi chúng ta viện đến người không có khả năng chuyên môn để đánh giá vấn đề này. Nguyên nhân về sự kêu gọi chuyên gia, do vậy, là lý lẽ cố gắng khiến đối thủ chấp nhận một kết luận bằng cách lợi dụng sự miễn cưỡng thừa nhận những người nổi tiếng, những phong tục được tôn trọng do lâu đời hoặc những niềm tin có ảnh hưởng rộng lớn. Sự sai lầm, về cơ bản là kêu gọi tình cảm khiêm tốn của chúng ta, cảm giác của chúng ta mà người khác biết rõ hơn chúng ta.

Quyền lực của cái duy nhất

The authority of the One

Có vẻ rõ ràng rằng một người giỏi về vật lý hay kinh doanh không thể tự nhiên làm cho anh ta có thể trở thành một chuyên gia về chính trị hoặc trồng trọt. Tuy nhiên những ví dụ về sự kêu gọi quyền lực của cái duy nhất hiện diện rất nhiều trong các cuộc thảo luận hàng ngày cũng như trong các cuộc tranh cãi qui mô lớn hơn.

a. Ý nghĩ hỗ trợ nghiên cứu về cá heo thật là nực cười. Chúng ta đã bàn luận về nó trong bữa trưa ngày hôm nay. Và cả người đứng đầu công ty lẫn giám đốc nhân sự đều đồng ý rằng đó là một khoản lãng phí lớn.

Trừ khi có ai đó hiểu biết về những chi tiết của một nghiên cứu cá heo, ý kiến của anh ta về vấn đề đó không thể được coi có uy tín và phải bị huỷ bỏ bởi nó không xác đáng với vấn đề đang đặt ra. Thậm chí các chuyên gia cũng không hỏi rằng ý kiến của họ có nên được chấp thuận hay không bởi vì họ nói như vậy mà bởi vì những ý kiến đó có được luôn có bằng chứng.

Con người, và cụ thể là khoa học thỉnh thoảng phải trả những giá quá đắt cho sự kính trọng quyền lực đã ăn sâu vào tiềm thức họ. Lý lẽ sau bảo vệ cho lý thuyết về Hệ Mặt Trời của Ptolemy trước lý thuyết của Copernicus là một trong số vô vàn ví dụ có thể tìm được trong lịch sử khoa học.

b. Một người có thể lưỡng lự không biết nên theo Ptolemy hay Copernicus bởi cả hai đều phù hợp với những hiện tượng được quan sát. Nhưng nguyên tắc của Copernicus chứa nhiều sự xác nhận vô lý. Ví dụ như ông ta cho rằng Trái đất chuyển động theo sự vận động 3 lần -- điều mà tôi không thể hiểu được. Bởi theo các nhà triết học, một cơ thể bình thường cũng giống như Trái đất chỉ có thể vận động đơn giản. Do vậy theo tôi có vẻ như học thuyết địa tâm của Ptolemy đáng được chấp nhận hơn là của Copernicus. (Clavius, 1581)

Tuy nhiên học thuyết của Copernicus thì tồn tại còn của Ptolemy thì không. Những cụm từ như *theo các nhà triết học* xuất hiện thường xuyên trong các tác phẩm của thậm chí những nhà khoa học giỏi nhất trong suốt thời kỳ Phục Hưng, làm bằng chứng cho việc đấu tranh giữa khoa học và quyền lực. Một lá thư trong giai đoạn này của nhà thiên văn học người ý Galilê gửi cho người đồng nghiệp người Đức Johannes Kepler đã nêu lên vấn đề này. Galilê đã sử dụng kính thiên văn đầu tiên, nhưng những người có quyền lực lại từ chối điều đó.

Quyền lực trong một lĩnh vực không nói đến quyền lực trong các lĩnh vực khác.

c. Ôi Kepler yêu quý, tôi mong ước làm sao chúng ta có thể được cười thoải mái cùng nhau! Tại đây ở Padua, một giáo sư triết học hàng đầu - người mà tôi yêu cầu rất nhiều lần và cấp bách phải quan sát mặt trăng và các hành tinh qua kính của tôi, điều mà ông ta đã nhất định từ chối. Tại sao anh không có mặt ở đây cơ chứ? Làm sao mà chúng ta không cười vào điều vinh quang điên rồ này chứ! Để nghe giáo sư triết học Pisa trình bày trước công chúng quan trọng với những lý lẽ lô-gic, như là sử dụng những câu thần chú ma thuật làm hấp dẫn những hành tinh mới bên ngoài bầu trời. (Trích trong Elma in Elma Enrich Levinger, *Galilei, Nhà Quan Sát Đầu Tiên Về Những Vật Vĩ Đại*. New York: Julian Messner, 1961, p.84)

Đối mặt với những truyền thống cứng nhắc, thật chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi một vài nhà khoa học và các viện chấp thuận thuật ngữ: "Quyền lực không có nghĩa là gì cả."

Nếu khoa học hiện đại đã tự giải phóng ra khỏi sự kêu gọi quyền lực thiếu xác đáng để vươn tới một phạm vi to lớn thì một vài lĩnh vực của xã hội chúng ta vẫn còn phải bám vào các khái niệm của các chuyên gia, những báo cáo của báo chí đều mắc phải những cụm từ như "nguồn gốc chính thức giám định ..." hoặc "một người giấu tên đã xác định ..." mà không nói rõ ra người giấu tên đó là nguyên thủ quốc gia hay người bán vé số rong.

Quyền lực của số đông

The Authority of the Many

Nước Mỹ hiện thời có vẻ đặc biệt thiên về kiểu nguy biến kêu gọi quyền lực được biết đến như là *lý lẽ của sự bằng lòng* (*Argument by Consensus*) hay sự kêu gọi quyền lực của số đông.

Sự kêu gọi số đông -- hình thức sai lầm này được sử dụng rộng rãi trong quảng cáo, nơi mà việc hàng triệu người dùng một sản phẩm nhất định nào đó được coi là lý do để mua nó.

d. Ở Philadelphia hầu như tất cả mọi người đều đọc cuốn Bulletin.

e. Sony. Cứ hỏi bất cứ người nào.

f. Năm ngoái hơn 5 triệu con mèo đã chuyển tới Tender Vittles.

Những lời kêu gọi như vậy dường như muốn nói rằng một cuốn sách nhất định phải là hay bởi vì nó được bán chạy, hoặc một bộ phim mà mọi người trên toàn quốc đang xếp hàng lũ lượt để được xem nhất định phải là một bộ phim hay. Cuốn sách hay bộ phim đó có thể thành công, nhưng sự thành công đó là không xác đáng về mặt giá trị.

Khi cựu nghị sĩ George Smathers của Bang Florida có lời buộc tội dưới đây, ông ta dùng rất nhiều người có quyền lực để ám chỉ rằng lý lẽ của mình không thể bác bỏ được ngay từ lúc đầu.

g. Tôi có sự ủng hộ của 2 Tổng Thống, 27 Nghị Sĩ, và 83 Dân Biểu để miêu tả Drew Pearson như là một tên đại nói dối.

Tuy nhiên trong tất cả các trường hợp sai lầm kiểu này, việc nhiều người đồng ý với một kết luận nào đó đều không làm nó trở nên đúng đắn.

Hiện nay, mặc dù hình thức kêu gọi quyền lực là đại chúng nhưng nó cũng đã có từ lâu rồi. Vào đầu thế kỷ này, nhà triết học người Ý Benedetto Croce đã phân tích sự khủng khiếp của toà án dị giáo Tây Ban Nha dựa theo lý lẽ đồng lòng.

h. Toà Án Dị Giáo phải chân thực và đem lại lợi ích nếu tất cả mọi người đều kêu gọi và ủng hộ nó, nếu mọi người có tâm hồn cao thượng thiết lập nó và tạo ra nó một cách riêng biệt và công bằng, và chính những đối thủ của nó vận dụng nó vì riêng bản thân họ, giàn thiêu đáp lại giàn thiêu. (*Triết Lý Của Thực Tế*, Douglas Ainslie. London: Macmillan, 1913, trang 69-70)

Rõ ràng là việc nhiều người ủng hộ Toà Án Dị Giáo không làm cho nó trở nên đúng đắn. Lâu đời hơn còn có một lý lẽ trong sử biên niên thời kỳ đầu của nước Anh:

i. Nếu việc đề xuất là cố cơ sở, người Xắc-xông có thông qua nó hay không? Liệu người Dale có lảng tránh nó hay không? Liệu nó có thoát khỏi sự khôn ngoan của người Norman không?

Lý lẽ của cuốn sử biên niên là sai trái, khi nó gợi ý những điều các chủng tộc khác có thể làm hoặc không, vì giá trị của lời đề xuất không phụ thuộc vào sự ủng hộ hay phản đối của các chủng tộc khác nhau. Như những người mẹ thường nói với con cái họ, "Nếu những bà mẹ khác cho con mình nhảy lầu, thì mẹ cũng làm thế à?"

TQ hiệu đính: quý vị cần phân biệt giữa số lượng và chất lượng. Một lý luận có chất lượng là một lý luận đúng; một đề án có chất lượng là một đề án hay. Nhiều người đồng ý và thích một lý luận không chứng minh được một lý luận hay một đề án đó đúng. Lịch sử đã chứng minh điều này rất nhiều. Một thời, hơn 1/2 dân số trên trái đất (Trung Quốc, Đông Âu, Việt Nam, Cuba, Bắc Hàn v.v...) tin rằng lý thuyết Karl Marx đúng, nhưng qua thời gian thì sự việc đã rõ, lý thuyết kinh tế thị trường hữu dụng hơn!

Quyền lực của số ít được lựa chọn

The authority of the Selected Few

Vì chúng ta nên chống lại việc chấp nhận lời kêu gọi quyền lực của một chuyên gia hoặc của một nhóm chuyên gia, chúng ta cũng phải có khả năng nhận ra những lời kêu gọi *quyền lực của số ít được lựa chọn*. Thỉnh thoảng cái được gọi là *sự hấp dẫn đưa đòi* (*Snob appeal*) -- kiểu nguy hiểm kêu gọi quyền lực này lợi dụng tình cảm của chúng ta rằng chúng ta là những người quý tộc có lương tâm, rằng chúng ta không thuộc về số đông mà thuộc về số ít được lựa chọn. Việc sử dụng những tính cách tuyệt vời để quảng cáo sản phẩm dựa vào lời kêu gọi sự hấp dẫn đưa đòi, như những lời quảng cáo dưới đây:

j. Đầu lọc Camen. Chúng không phải dành cho tất cả mọi người. (Có lẽ bởi vì phần lớn mọi người đều không thích chúng chẳng?)

k. Chúng tôi sản xuất loại rượu đất nhất tại Mỹ. (Nhưng không phải là tốt nhất và ngon nhất?)

l. Chỉ một trong 50 quả nho được chọn để sản xuất loại rượu Sâmpanh tốt nhất. (Nếu chỉ 2% nho được trồng trong những ruộng nho làm rượu Sâmpanh và số còn lại được trồng để sản xuất rượu hoặc nước hoa quả thì những loại nho này có kém uy tín hay không?)

m. Guerlain rất hài lòng thông báo rằng chỉ có một người duy nhất trong 10000 người mới được mặc hàng Imperiale. (Việc kinh doanh đang đi xuống chẳng?)

n. Hình ảnh phiêu lưu mạo hiểm của Amstrong. Nếu bạn can đảm thì bạn sẽ dành được tám trăm vinh quang! (Có mạo hiểm không khi đặt hàng một sản phẩm chưa qua thử thách?)

o. Người phụ nữ có khiếu thẩm mỹ. Eve. Bình thường và có tinh dầu bạc hà. (Không biết cô ta có thẩm mỹ tốt hay tồi?)

p. Giới thiệu *The Date Walnut Double Decker*. Đó không phải là loại bánh bạn ăn hàng ngày. (Bởi vì có những loại khác mà bạn thích hơn nhiều?)

Quyền lực được kêu gọi trong những lý lẽ như vậy là quyền lực của uy tín hoặc quyền lực của sự loại trừ. Những giá trị này sẽ không xác đáng nếu mục đích của những quảng cáo này là để chứng tỏ rằng những sản phẩm đang được nói đến là có uy tín, nhưng không phải như thế. Thay vào đó mục đích thực sự của những lời quảng cáo như trên khiến chúng ta tin rằng việc mua những mặt hàng trên sẽ tự động ban tặng cho chúng ta sự quyền rũ và thanh thế đang chờ trước mắt chúng ta. Giá như nó chỉ đơn giản như vậy!

Có thể khó khăn khi phân biệt *sự kêu gọi số ít được lựa chọn* với *sự kêu gọi quần chúng*. Nhìn chung sự kêu gọi quần chúng là hướng tới một đám đông lớn dựa chủ yếu vào nỗi sợ rằng điều sắp xảy ra có thể vượt ra khỏi quan điểm của nhóm, và lợi dụng càng nhiều tình cảm của chúng ta càng tốt để đạt được sự thuyết phục. Trong khi đó sự kêu gọi *số ít được lựa chọn* hướng nhiều hơn vào cá nhân, và lời kêu gọi trực tiếp đơn giản tới sự hư ảo, sự mong muốn của chúng ta được nhìn thấy mình như những đối tượng đặc biệt hoặc theo cách nào đó chúng ta là tốt hơn các "đám đông", thông qua sự tham gia vào tầng lớp cao hơn, hoặc đòi hỏi một sự sở hữu hoặc phụ thuộc đáng thèm muốn nào đó.

Quyền lực của truyền thống

The authority of tradition

Sự kêu gọi quyền lực có thể có một hình thức khác -- sự kêu gọi phong tục tập quán và truyền thống như trong lý lẽ dưới đây:

a. Vấn đề hôn nhân cũng xa xưa như lịch sử loài người, bởi thế nó phải được coi như thánh thần.

Chúng ta có thể đáp lại kiểu lý luận này rằng, tình trạng dĩ điểm, đi cầu, ăn uống, v.v... cũng có từ xa xưa như lịch sử loài người vậy! Nó có đáng phải được coi là thánh thần hay

không?

Lời kêu gọi phong tục tập quán hoặc truyền thống cũng được các nhà quảng cáo lưu ý tới. Ví dụ lời quảng cáo một loại rượu bắt đầu như sau:

b. Hãy uống rượu của Ailen, một loại rượu truyền thuyết của đất nước Ailen. Thực chất đó cũng là một lời kêu gọi tương tự như các nhà quảng cáo đã làm để chào hàng sản phẩm của họ như kiểu "mốt cũ" và "như bà của chúng ta thường làm."

- Sự nguy hiểm về việc kêu gọi quyền lực là vấn đề hướng ai đó vào việc chứng minh một luận điểm mà người đó không phải là chuyên gia của vấn đề đó.

- Chúng ta cần nhớ rằng, thậm chí những người có quyền lực cũng không mong đợi được gán vác thể giới. Không phải những điều họ nói là làm cho sự việc đúng như vậy mà chỉ vì có bằng chứng mới là quan trọng.

- Loại nguy hiểm này thể hiện dưới nhiều hình thức: lời kêu gọi số ít (quyền lực nổi bật); lời kêu gọi quyền lực của đám đông (có khi còn được gọi là lý lẽ của sự đồng lòng); sự kêu gọi số ít được lựa chọn (hấp dẫn đưa đòi -- hình thức này vẫn thường được gọi như vậy); và thỉnh thoảng nó có hình thức của lời kêu gọi truyền thống.

5. Đánh Vào Sự Không Biết

Fallacy Of Appeal To Ignorance

Lỗi sai lầm *đánh vào sự không biết* là lý lẽ trong đó việc sử dụng sự thiếu khả năng phản chứng của đối phương để làm một bằng chứng cho sự đúng đắn của kết luận đó. Bằng cách chuyển nghĩa vụ phải chứng minh điều mình nói là đúng sự thật ra khỏi lý lẽ sang người nghe, lý lẽ đó trở thành thiếu xác đáng.

Hai lý lẽ dưới đây nhằm cố gắng chuyển nghĩa vụ phải chứng minh điều mình nói là đúng sự thật:

a. Có một cuộc sống văn minh ngoài không gian bởi vì chưa ai có thể chứng tỏ rằng ở đó không có.

b. Tôi biết mọi hoạt động chúng ta thực hiện là thiên định bởi vì không ai có thể chứng minh được rằng chúng ta có sự tự chủ.

Những lý lẽ sai lầm như vậy liên quan đến sự kêu gọi tình cảm, trong đó người ta hy vọng đặt đối phương vào thế phòng ngự, làm cho họ phải tin rằng kết luận đưa ra đơn thuần là phải đúng bởi họ không thể chứng minh khác được. Niềm tin đó là vô lý và có từ cảm giác bị hăm dọa. Trong lý lẽ lo-gíc, trách nhiệm chứng minh thuộc về người đưa ra kết luận.

Nếu sự thiếu bằng chứng đi ngược lại yêu sách có thể được coi là bằng chứng cho kết luận thì chúng ta có thể chứng minh bất cứ điều gì chúng ta muốn -- kể cả phép màu nhiệm, như là truyền thuyết thời Trung Cổ minh họa cho những bức tượng khóc lóc. Vào ngày thứ Sáu tốt (Good Friday) của mỗi năm, khi giáo đoàn cúi đầu để cầu nguyện, người ta nói rằng bức tượng trên bàn thờ của nhà thờ sẽ quì xuống và rơi lệ. Nhưng nếu thậm chí một người nào đó từ những người cầu nguyện nhìn lên để nhìn những giọt nước mắt thì điều kỳ diệu sẽ không xảy ra nữa. Bức tượng chỉ khóc khi tất cả các thành viên giáo đoàn thể hiện một niềm tin tuyệt đối. (TQ hiệu đính: nếu mọi người đều cúi đầu cầu nguyện, thì không ai sẽ thấy bức tượng khóc. Nếu có 1 người ngó lên xem bức tượng, thì không phải mọi người đều cầu nguyện, và vì thế bức tượng sẽ không khóc. Ai trong đám tín đồ dám đứng lên nói rằng tôi đã không cúi đầu cầu nguyện, mà chỉ nhìn xem bức tượng có khóc không?).

Truyền thuyết có vẻ như là thú vị, có tính ngụ ngôn vô hại, nhưng sai lầm *đánh vào sự không biết* có thể dẫn đến những kết luận mơ hồ hơn.

c. Những người chữa bệnh bằng cách xoa bóp đã hoàn toàn thất bại khi cố gắng thiết lập một cơ sở khoa học cho những khái niệm của họ. Vấn đề này do vậy có thể được giải quyết một lần và cho tất cả. Việc chữa bệnh bằng phương pháp xoa bóp là không có cơ sở khoa học.

Việc những người chữa bệnh bằng phương pháp xoa bóp đến tận giờ vẫn không chứng tỏ được rằng những khái niệm của họ có cơ sở khoa học là không phải để chứng tỏ họ thiếu cơ sở đó -- điều có thể được thiết lập.

d. Không có bằng chứng cho việc khoa trưởng làm rò rỉ thông tin cho báo chí, do vậy tôi chắc chắn rằng bà ấy không thể làm việc đó được.

Mặc dù hiện tại chúng ta đang không có bằng chứng cho thấy bà ta làm việc đó, thì điều này cũng không tạo nên bằng chứng cho việc bà khoa trưởng là vô tội.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng kiểu lý luận này không mang tính sai lầm tại toà án, nơi mà sự bào chữa có thể là hợp pháp khi bên nguyên tố thiếu bằng chứng kết tội; Sau đó sự tuyên án vô tội sẽ được bảo đảm, vì trách nhiệm chứng minh thuộc về bên nguyên tố. Mặc dù sự tuyên bố này có vẻ liên quan đến sai lầm *đánh vào sự không biết*, thực sự thì không phải như vậy. Nguyên tắc xác đáng hợp pháp trong trường hợp này là một người được "*coi là vô tội cho đến khi chứng minh có tội*". (*presumed innocent until proved guilty*)

Chúng ta không nói rằng bên bị là vô tội cho đến khi chứng minh được tội, nhưng chỉ có điều là họ được *coi là* như vậy. Rõ ràng, không phải bất cứ ai mà tội lỗi của họ không được chứng minh đều được coi là vô tội; thực tế cho thấy là sau đó một vài người bị chứng minh là có tội. Nhưng theo pháp luật họ được *coi là* vô tội cho đến khi điều này được thực hiện, bất kể họ thực sự có tội hay không. Thực tập trong toà án, bởi vậy, không phải là ngoại lệ đối với luật lệ của chúng ta.

Ai đó khi sử dụng sai lầm *đánh vào sự không biết* sẽ thường cố gắng làm vững chắc thêm việc kiện tụng của mình với những *luận đề không liên quan*.

e. Tôi chưa một lần nghe thấy lý lẽ cho việc điều chỉnh giá -- điều mà bất cứ người nhạy cảm nào cũng chấp thuận được. Do vậy, việc điều chỉnh giá rõ ràng là một ý kiến không tốt.

Lý lẽ này là có thể được phủ nhận không phải chỉ vì nó thiếu bằng chứng mà còn bởi vì việc sử dụng tính từ nhạy cảm chỉ trích bất cứ một lý lẽ nào cho việc điều chỉnh giá; điều chúng ta sẵn sàng đề nghị. Hãy chú ý đến những *luận đề không liên quan* trong những sai lầm sau.

f. Không một nhà khoa học có trách nhiệm nào chứng tỏ được rằng strontium 90 trong bụi phóng xạ nguyên tử gây nên bệnh bạch cầu. Bởi thế chúng ta có thể thông qua những người gây hoang mang và tiếp tục thử vũ khí hạt nhân với một lượng tâm trong sáng.

g. Nếu có bằng chứng rõ ràng nào về những cái gọi là đĩa bay, nó có thể được đưa tin trong những tạp chí khoa học uy tín của chúng ta. Không một báo cáo nào được thực hiện, do vậy không có bằng chứng thực sự nào cho vấn đề đó.

Thuật ngữ *nhà khoa học có trách nhiệm* và *người gây hoang mang* trong lý lẽ (f) và *bằng chứng rõ ràng* và *có uy tín* trong lý lẽ (g) làm cho chúng ta hầu như là không có khả năng phản bác nếu như không muốn được liệt vào loại người gieo hoang mang hay không có uy tín. Bất cứ ai đưa ra lý lẽ dưới hình thức sai lầm này đều không muốn tranh luận một cách lo-gic và không được chuẩn bị để tranh luận một cách lý trí.

Khi nghiên cứu về sai lầm *đánh vào sự không biết*, thỉnh thoảng nó chỉ ra rằng ngôn ngữ của một số đám cưới có vẻ như sử dụng loại sai lầm này khi người hành lễ hỏi bất kỳ ai có mặt tại đây cho biết nguyên nhân tại sao cô dâu và chú rể không nên cưới nhau. Khi tuyên bố ai đó có thể cho thấy nguyên nhân như vậy, mọi người sẽ im lặng. Đây không phải là tranh luận mà đơn giản là lời yêu cầu. Nhưng lời yêu cầu đó không phản chứng rằng, tuy không ai có thể đưa ra lý do, đâu có đồng nghĩa rằng lý do như vậy không tồn tại. Điều đó chỉ nổi lên rằng nếu không có ai phản đối thì đám cưới sẽ tiếp tục được tiến hành.

- Sai lầm đánh vào sự không biết là sai lầm trong đó chúng ta cố gắng tránh phủ nhận

một luận điểm của đối phương như là bằng chứng của việc công nhận. (Anh không thể chứng tỏ tôi sai, thì tôi phải đúng.)

• Tuy nhiên người đưa ra một luận điểm để cung cấp bằng chứng cho nó phải có trách nhiệm; nghĩa vụ này không thể chuyển sang đối phương được.

6. Kêu Gọi Sự Sợ Hãi

Fallacy Of Appeal To Fear

Kiểu sai lầm kêu gọi sự sợ hãi dùng sự đe dọa tổn hại để đưa ra một kết luận của một người nào đó. Đó là loại lý lẽ mà con người và các quốc gia phải dùng đến khi họ không quan tâm đến việc đưa ra những lý do xác đáng cho quan điểm của mình. Còn được biết

đến như là *đưng đưa câu gậy lớn* (Vì tiếng Latin cho từ *cây gậy* là *baculum*, lý lẽ này được biết đến trong tiếng Latin là *argumentum ad baculum*), lý lẽ này hiếm khi giải quyết được mối bất hoà.

Lý lẽ này nên được phân biệt với kiểu đe dọa thật sự. Nếu có người dí súng vào lưng bạn và nói, "Đưa tiền đây hoặc là mất mạng," thì bạn sẽ không đáp lại như, "Ah! Thật là nguy hiểm!" Nó không phải là nguy hiểm bởi nó không phải là lý lẽ. Mặc dù tên trộm đang kêu gọi nỗi sợ hãi trong bạn và thậm chí đưa ra một lý do tại sao bạn nên làm những điều hắc tá yêu cầu thì hắc tá cũng không đưa ra một bằng chứng để chứng minh sự thật của lời tuyên bố. Tên trộm không phải là đang tranh cãi với bạn mà đơn giản là yêu cầu bạn. Tương tự, đây là những lời đe dọa "Nếu anh không đưa chó ra khỏi vườn cau của tôi thì tôi sẽ bắn nó," hoặc "Nếu không đi ngủ thì con sẽ ăn đòn!"

Hãy so sánh các ví dụ trên với ví dụ dưới đây, trong đó một luật sư nói với ban hội thẩm:

a. Nếu các ông không tuyên án kẻ giết người này thì một trong số các ông sẽ có thể trở thành nạn nhân của hắn.

Đây là một lý luận, và nó là một là sai lầm. Lý do chúng ta sợ mình sẽ là "nạn nhân tiếp theo" là không xác đáng để kết án. Vấn đề sợ hãi đó là không xác đáng. Được diễn tả đầy đủ thì lý lẽ này có thể được đọc như sau:

b. Các ông phải tin rằng người đàn bà này là có tội và vì thế bà ta phải bị kết án bởi nếu các ông không kết tội bà ta, bà ta sẽ được thả và cuối cùng các ông có thể trở thành nạn nhân của bà ta.

Nói rõ ràng, lý lẽ trên là sai lầm bởi điều bị cáo sẽ làm trong tương lai có thể không như vậy, và tương lai không có gì chứng minh người đó vô tội hoặc đã từng phạm tội trong quá khứ. Người bào chữa đã khơi dậy nỗi sợ hãi. Điều đó đã lừa chúng ta nghĩ rằng lý lẽ đó là xác đáng.

Sự kêu gọi nỗi sợ hãi do vậy là một lý luận sai lầm. Trong một vài trường hợp, bằng chứng có thể ngắn gọn và ảm tàn, như trong ví dụ (a) và (b) ở trên; ở những trường hợp khác bằng chứng có thể dài hàng trang hoặc thậm chí hàng quyển. Sự giải thích dưới đây cho lời kêu gọi của người Athenian để khiến những người đại diện của đảo Melo liên kết với họ được lấy từ lịch sử Hi-lạp là một ví dụ kinh điển về sự kêu gọi sức mạnh.

c. Các anh cũng biết rõ như chúng tôi rằng, trong luật về sự tự nhiên của con người, lẽ phải chỉ trở thành vấn đề ở chỗ có sự cân bằng về quyền lực, trong khi nó có thể quyết định sức mạnh cổ vũ cái gì và cái yếu thừa nhận thừa nhận cái gì?. Vũ khí mạnh nhất của các anh là sự hy vọng thì vẫn chưa được nhận ra trong khi vũ khí trong tay các anh là cái gì đó không tương xứng để chống đối lại những sức mạnh vừa được thiết lập nhằm chống lại các anh ... suy nghĩ kỹ đi ... rằng các anh đang quyết định cho đất nước của mình ... một đất nước mà vận mệnh phụ thuộc vào một quyết định đúng hoặc sai. (Trích từ *Lịch Sử Cuộc Chiến Tranh Của Người Pelôpnnesian*, chương 5)

Không phải tất cả các mối đe dọa đều được diễn đạt một cách nhẹ nhàng như vậy.

Chúng ta có thể bắt gặp sự kêu gọi nỗi sợ hãi bằng thứ ngôn ngữ như dưới đây:

d. Đừng tranh cãi với tôi. Hãy nhớ ai trả lương cho anh.

e. Anh không muốn là người bị xã hội ruồng bỏ đúng không? Thế thì tốt hơn hết là ngày mai anh gặp chúng tôi.

f. Tr ường đại học này không cần nghiệp đoàn cho giảng viên, và các thành viên trong khoa -- những ai nghĩ rằng cần có nó thì sẽ phát hiện ra lỗi của mình vào việc xem xét lại nhiệm kỳ tới.

Những lý lẽ này là những hình thức sai lầm thô thiển. Chúng nói thẳng ra rằng mối đe dọa đang được đưa ra. Lỗi sai lầm trên cũng thích hợp với những mối đe dọa được che đậy.

g. Thừa ông chủ bút, tôi hy vọng rằng trò đại đột không đáng kể này của con trai tôi không có giá trị thực sự với báo chí. Tôi biết rằng các ông sẽ đồng ý rằng công ty chúng tôi bỏ ra hàng nghìn đô la để quảng cáo trên báo của các ông hàng năm.

h. Những người tị nạn đến đất nước này từ Nam Á không có quyền cố gắng giữ gìn phong tục tập quán và ngôn ngữ của họ trong khi bác bỏ những cách thức của người Mỹ. Nếu không vì những phong tục tập quán tốt đẹp của người Mỹ thì những người đó sẽ thất cơ lỡ vận.

Mặc dù những lý lẽ này không đưa ra một lời đe dọa rõ ràng, trong đó cũng có nghi ngờ nhỏ về sự tự nhiên của những lý do được đưa ra.

Sự kêu gọi nỗi sợ hãi có chiều hướng nhân lên trong những giai đoạn bị áp lực hoặc xung đột trong cả các quốc gia và cá nhân. Khi các nước sản xuất dầu ở Trung Đông giả bộ đe dọa việc cung cấp dầu đối với phương Tây vào năm 1974, ví dụ như họ phải soạn thảo một danh sách các công ty Mỹ mà họ chỉ trích để ưu tiên Israel. Điều này được hiểu như là sự đe dọa nỗi sợ hãi trực tiếp tới các công ty Mỹ. Việc đó có thể ưu tiên Israel trong mỗi bất hoà Ả-rập-Israel. Tương tự, trong giai đoạn mạnh mẽ chống lại các hoạt động của Cộng Sản của hội John Birch, hội đó đã ban hành một lời tuyên bố đứng trước một danh sách các nhà quảng cáo như sau:

i. Danh sách các nhà quảng cáo được biên soạn để các thành viên của phong trào Bảo Thủ Chống Cộng có cách xác định những công ty đứng lên quan tâm đến cuộc chiến bảo vệ di sản của người Mỹ.

Mặc dù lời tuyên bố không hề có ý định nói rằng những công ty không được nhắc đến sẽ ủng hộ Cộng Sản, nhưng sự ám chỉ tới ý định đó thì thật rõ ràng. Trong tất cả các kiểu sai lầm về sự thiếu xác đáng, mục đích của lý lẽ là kêu gọi tình cảm hơn là lý trí.

- Sự kêu gọi nỗi sợ hãi là một lý lẽ sai lầm sử dụng sự đe dọa thiệt hại để đưa ra kết luận của một ai đó.

- Nó hiệu quả bởi bằng cách khuấy động đủ nỗi sợ hãi trong một người, nó có thể làm cho người ta tin vào những việc mà trong những thời điểm bình tĩnh người ta sẽ phủ nhận nó.

- Tuy nhiên chúng ta cần phân biệt lý lẽ trong đó sự đe dọa được lợi dụng với sự đe dọa thật sự.

7. Tóm Tắt

Chương này trình bày sáu kiểu sai lầm về sự xác đáng. Những sai lầm đó được thể hiện như là những lý lẽ trong đó sự kêu gọi tình cảm lừa chúng ta tin rằng những gì được nói đến là xác đáng đối với kết luận đang được nêu ra khi mục đích chính của lời kêu gọi là tranh thủ sự ủng hộ đối với kết luận đó thông qua phản ứng tình cảm hơn là lô-gíc. Sự đe dọa đó được sử dụng để ép buộc lòng tin (chứ không phải cách cư xử). Do vậy chúng ta có trường hợp nguy biến về sự kêu gọi nỗi sợ hãi -- nếu không đơn giản đó chỉ là sự đe dọa.

Sự công kích cá nhân được cho thấy như là một lý lẽ công kích một hay nhiều người có liên quan đến vấn đề đặt ra hơn là với chính vấn đề. Một ví dụ đã được đưa ra nói đến lý lẽ để phản bác một cách chữa trị bệnh ung thư bởi vì người biểu đã nổi tiếng vì sự ủng hộ của bà ta với chủ nghĩa Mác-xít. Chúng ta thấy rằng sự nguy biến này -- lợi dụng sự nghi ngờ và định kiến, có thể có nhiều dạng khác nhau: nguy biến căn nguyên, nơi mà một người bôi nhọ nguồn gốc của lý lẽ; sai lầm lạm dụng và suy diễn, nơi mà người ta dùng đến để lãng mạ nói bóng gió; tu quoque và phá hoại điều tốt là hai cách sai lầm mà người ta gây nghi ngờ về tính kiên định và sự tín nhiệm của đối thủ.

Sự kêu gọi quần chúng được coi như là kết quả của các kỹ thuật truyền bá khác nhau được sử dụng kết hợp để khuấy động tình cảm của mọi người và hướng sự chú ý ra khỏi vấn đề có thực. Bài diễn văn của Mark Antony được khai thác như là một ví dụ điển hình nhất. Sự kêu gọi lòng thương được miêu tả như là một cố gắng giành được điểm của một

người nào đó bằng cách lợi dụng lòng thông cảm của họ. Lời quảng cáo bắt đầu bằng "Có một số điều mà con cái bạn sẽ không nói cho bạn biết đâu!" được coi như là một ví dụ minh họa.

Sự kêu gọi quyền lực được xem như là một cố gắng nhằm đe dọa chúng ta chấp nhận một kết luận bởi ai đó được giới thiệu như là một chuyên gia đã xác nhận điều đó, mặc dù người đó không phải là chuyên gia về lĩnh vực đó; bởi vì đa số mọi người đã xác nhận vấn đề đó; hoặc bởi vì nó được công nhận là tuyệt diệu; hoặc bởi truyền thống. Khẩu hiệu "Ở Philadelphia hầu hết mọi người đều đọc cuốn Bulletin" cũng là một ví dụ.

Đánh vào sự không biết được cho thấy như là một lý lẽ cố gắng đe dọa chúng ta phải tin vào một điều rằng cái gì đó phải như vậy chỉ đơn giản bởi vì chúng ta không thể chứng minh nó khác được. Ví dụ, nếu chúng ta không thể chứng minh được rằng vị trưởng khoa rở rĩ thông tin cho báo giới thì chúng ta phải coi rằng bà ta không làm điều đó.

Cuối cùng, sự kêu gọi nỗi sợ hãi, cũng được coi như là sai lầm. Nó nảy sinh khi một kết luận đạt được sự ủng hộ không phải bằng cách thiết lập kết luận đó thông qua sự suy luận lô-gíc mà bởi do sự sử dụng sự đe dọa sức mạnh hoặc mối thiệt hại. Lý lẽ "nếu các ông không tuyên án tử hình người này thì một trong số các ông có thể sẽ trở thành nạn nhân kế tiếp của bà ta" được coi là một ví dụ cho sự sai lầm này.

Tất cả đều đạt được mục đích của mình bằng cách đưa ra những thứ không chân thực nhằm gợi lên một tình cảm cụ thể nào đó khiến chúng ta chấp nhận sự quyết định cuối cùng mà không hề dựa vào những tiền đề trước đó.

Phần III

Chương 6

Viết Rõ Ràng và Chặt Chẽ

Writing with Clarity and Reason

Một bài luận, về bản chất là một luận điểm được mở rộng; trong đó người viết khẳng định lại về chủ đề (khẳng định này thường được gọi là kết luận) bằng cách lý giải thông qua những ví dụ cụ thể (cơ sở để minh chứng cho kết luận). Nhiệm vụ của các bạn là thực hành và kiểm tra những lý giải của các tác giả khác. Khi bạn hiểu được làm thế nào tác giả mà bạn đọc đi đến một kết luận nhất định, bạn có thể đồng ý, phản đối, hoặc sửa chữa những luận điểm với cách thức cho phép. Nếu bạn trình bày quan điểm của bạn dưới dạng một bài luận bạn có thể đưa ra dưới dạng một cử chỉ đáng tin, một tín hiệu mà bạn có thể lý giải từ những cơ sở đến kết luận. Bạn không chỉ đơn giản là tổng kết lại những điều mà bạn đọc; bạn phải chứng minh rằng bạn đã suy nghĩ về vấn đề mà bạn nghiên cứu và đọc.

Nhận lấy những ý kiến của bạn theo cách này là một thử thách; tuy nhiên viết một bài luận một cách mạch lạc, chín chắn là một thủ thuật. Giống như những thủ thuật khác, điều đó có thể, với thực tế, nó cần được kiểm soát. Khi bạn phát triển kỹ năng viết của mình, bạn nên áp dụng những điều đã đọc trong sự lý giải hợp lý, nghiên cứu các cách mà các sai lầm đã xuất hiện trong các luận điểm mà bạn đã đọc và viết về. Tuy nhiên bạn cũng nên nhớ rằng viết một bài luận liên quan nhiều hơn là hiểu về sự lý giải hợp lý hay không hợp lý. Để viết một bài luận một cách hiệu quả, bạn phải phân tích và hiểu chủ đề, dự định và sắp xếp những từ và phong cách mà bạn sử dụng để viết, và suy nghĩ một cách thận trọng về người đọc của bạn, họ là ai và làm sao bạn có thể thuyết phục họ chấp nhận những luận điểm của bạn một cách nghiêm túc.

Một cách chính xác hơn, những bộ phận của một bài luận phải lo-gic, đúng ngữ pháp, và tu từ. Lo-gic là quá trình lý giải bạn đã áp dụng trong suốt quyển sách này; trình bày cho những độc giả của bạn với những luận cứ (Mọi người đều phải chết. Socrates là một con người.) Và một kết luận xuất phát từ những cơ sở đó (Socrates cũng sẽ chết). Ngữ pháp là nói đến cấu trúc của các câu. Ví dụ như trong câu sau:

Socrates (chủ ngữ của câu)

là (động từ, liên từ)

một con người (là bổ ngữ, để bổ sung, mô tả chủ ngữ)

Tu từ là các cách mà chúng ta sử dụng ngữ pháp và lo-gic để khơi dậy, thu hút và thuyết phục người đọc. Ví dụ như kết luận rằng Socrates cũng sẽ chết là đúng và ngữ pháp của nó là minh bạch. Tuy nhiên một người viết luận có thể sử dụng lo-gic và cú pháp của thuyết tam đoạn luận của Socrates để đạt được một kết luận có liên quan nhưng thiếu tính chứng minh hơn:

Chúng ta biết rằng mọi người đều phải chết, và Socrates không phải là một ngoại lệ. Socrates đã không còn đối với chúng ta; chúng ta chỉ biết những lời giải thích của Plato về lời nói của Socrates. Không có gì trên đời này là tồn tại mãi mãi. Chúng ta chết đi, mặc dù những suy nghĩ của chúng ta vẫn sống trong những quyển sách, mặc dù tiêu sử của chúng ta vẫn được ghi chép nhưng chúng ta không thể tự nói cho chính mình. Cái chết của chúng ta có nghĩa là những người khác đã nói hộ cho chúng ta; khi mất đi cơ thể của mình cũng có nghĩa là mất đi tiếng nói.

Chú ý trong đoạn trên đã sử dụng logic và ngữ pháp để đạt đến một kết luận mới, một kết luận dựa trên tài hùng biện và phong cách cũng như những câu đúng ngữ pháp và lý giải hợp lý. Trong trường hợp này, những câu nói ngắn và súc tích được thay đổi bằng câu dài và chi tiết hơn, như trong luận điểm liên hệ giữa Socrates và mọi người để đạt đến một sự khẳng định về cái chết. Nếu người viết đoạn trên quan tâm đến việc thuyết phục một người đọc nào đó; có một mục tiêu trong suy nghĩ, người viết sẽ mở rộng những quyết định rõ ràng mạch lạc và hợp lý để giảm đi những nhận định không rõ ràng và khó diễn đạt, và thay đổi cú pháp để đạt đến một giọng điệu thuyết phục. Kết quả tạo ra một tâm trạng và giọng điệu có thể gây ảnh hưởng đến người đọc. Từ ví dụ này, bạn có thể thấy rằng logic, cấu trúc câu và kỹ năng thuyết phục gắn bó với nhau trong quá trình viết một bài luận.

1. Khái Quát Về Cấu Trúc Một Bài Luận

Hãy giả định rằng bạn được giao nhiệm vụ viết một bài luận từ ba đến năm trang cho lớp của mình. Nhiệm vụ đó có thể được chỉ dẫn bằng một cấu trúc hoàn toàn dễ hiểu. Mặc dù những bài luận có nhiều dạng và quy mô, kết cấu dễ dàng nhất mà bạn sẽ áp dụng (và sửa đổi nếu bạn muốn) sẽ là một bài luận theo truyền thống gồm ba phần. Sự mô tả sau đây về cấu trúc này, cùng với bài luận của sinh viên được sử dụng để chứng minh, phù hợp với các cách viết lập luận truyền thống. Một bài lập luận đã lấy một kết luận về một vấn đề, hoặc một kết luận đặc biệt đến một tác giả khác, và đồng ý với, hoặc không đồng ý với, hoặc đôi khi sửa đổi những kết luận đó. Đó là việc trình bày những luận cứ được tổ chức theo các đoạn văn mạch lạc và hợp lý. Cấu trúc như vậy được tổ chức như sau.

Mở đầu

Một bài luận truyền thống được bắt đầu bằng cách giới thiệu về chủ đề. Bên cạnh đó nó nêu ra một **luận đề (thesis)** mà tác giả muốn chứng minh. Đoạn văn đầu tiên của một bài luận thường được gọi là giới thiệu. Hãy xem một sinh viên đã bắt đầu một bài luận của mình về Socrates:

"Năm 399 trước công nguyên một người đàn ông tên là Socrates đã được đưa ra toà xét xử và bị buộc tội chết bởi người được cho rằng là do chúa phái đến để giúp đỡ và cải tạo. Sự buộc tội chống lại ông ta là gấp đôi. Ông bị buộc tội về, đầu tiên là tư tưởng vô thần hay "không tin vào chúa, người mà cả cộng đồng đều tin vào, mà lại tin vào những thần thánh khác" (Tội lỗi 24b). Thứ hai, ông bị buộc tội vì đã làm vẩn đục tâm hồn những người trẻ tuổi. Socrates đã bị xét xử do những luận điểm này bởi hội thẩm gồm những người ngang hàng ông, và sự kết tội đối với ông phản ánh rằng ông đã vượt quá giới hạn của pháp luật đã duy trì xã hội Athen. **Tuy nhiên có thể tìm thấy những lý do phức tạp hơn để lý giải cho hình phạt tử hình đối với Socrates đó là người dân Athen cảm thấy bị đe dọa về mặt cá nhân cũng như về phương diện văn hoá bởi những điều mà Socrates dạy.**"

Tác giả này đã bắt đầu đoạn văn của mình thông qua quá trình sau: (1) đưa ra chủ đề là sự xét xử đối với Socrates và hình phạt, (2) thu hẹp và tập trung chủ đề vào vấn đề hình phạt chống lại Socrates, và (3) để người đọc biết được ý định của người viết là không đồng ý với phán quyết tử hình chỉ vì phá vỡ các luật lệ; người viết cho rằng lập luận của mình sẽ tập trung vào việc người Athen phản ứng đối với những gì mà Socrates giảng dạy. Sự mở đầu này chuẩn bị cho người đọc biết được vấn đề được bàn đến và thu hẹp nội dung chủ đề đã được xác định. Kết luận, hay luận đề đó được người viết trình bày một cách lưu loát; với tư cách người đọc chúng ta sẵn sàng cho một cuộc thảo luận tại sao người viết đặt ra vấn đề và xem xét tầm quan trọng của "những sự thực" xung quanh cái chết của Socrates.

Thân bài

Mỗi đoạn văn trong phần thân bài của một bài luận trình bày và phát triển các luận điểm của tác giả với sự chi tiết và các ví dụ (thường gọi là các bằng chứng) để chứng minh kết luận đã đưa ra. Bạn có thể có được cái nhìn tổng quan về cấu trúc của một bài luận bằng cách xem xét bốn đoạn văn tiếp theo của bài luận này trong đó người viết trình bày những phát hiện của mình xoay quanh nguyên nhân dẫn đến cái chết của Socrates:

Để hiểu được quyết định của người dân Athen, chúng ta phải tìm hiểu những tình huống xung quanh vụ xét xử, cũng như làm quen với đặc điểm của Socrates và những lời buộc tội. Tác phẩm Lời thú tội của Plato, là cơ sở tin cậy để hiểu được triết lý của Socrates, đưa ra

những chứng minh có giá trị của Socrates và những phương pháp suy luận của ông. Socrates tự bảo vệ mình bằng những lo-gic và chân giá trị, bác bỏ lại những sự cáo buộc chống lại ông, cũng như những điều chưa được nói ra. Khi ông tuyên bố trong vụ án,

Socrates nhắc đi nhắc lại với bồi thẩm đoàn rằng những điều ông nói ra là sự thật, mọi sự suy luận không phải bao giờ cũng khó phát hiện và những người buộc tội ông đã lừa dối. Bên cạnh đó, ông liên tục nói rằng hoạt động của ông là bổn phận hay nghĩa vụ tôn giáo được giao cho ông bởi chúa trời. Theo sự giải thích của Plato tại phiên tòa, Socrates những điều mà chúa trời ban ra, không một người nào có thể phán xét. Không một lần, ngay cả sau khi ông bị kết tội chết, Socrates kêu gọi lòng thương xót của các vị bồi thẩm hay cố gắng xu nịnh họ; ông thậm chí còn đi xa hơn khi nói rằng nếu ông được tha thì ông lại tiếp tục những hoạt động khiến ông bị đưa ra xét xử. Socrates sau lúc đó trở thành một con người với nghĩa vụ tôn giáo không thể bị lay chuyển bởi ý kiến của người Athen rằng ông đã phá vỡ các quy tắc đã điều chỉnh cuộc sống của thành phố này.

Đoạn văn thứ hai này đưa ra bối cảnh để hiểu được những luận điểm của người viết trong đó nó thay đổi hình ảnh của Socrates là một người "bị buộc tội nghịch đạo" trở thành một Socrates là "một người bị kết tội". Mặc dù tác giả đã đưa ra chủ đề và kết luận trong phần đầu tiên của bài luận, trong phần thân bài của bài luận người viết tiếp tục làm rõ chủ đề bằng cách trình bày cái nhìn cụ thể về những động cơ và cư xử của Socrates. Bằng cách đó người viết đã thu hẹp chủ đề và những ví dụ cụ thể được đưa ra để làm rõ luận chứng. Phần còn lại của phần thân bài đưa ra những luận điểm chắc chắn rằng Socrates đã tuân thủ pháp luật của chúa trời hơn là pháp luật của xã hội:

Vậy những cái gì đã làm cho hoạt động của Socrates không được chấp nhận đối với nhiều người? Socrates tin rằng ông là món quà của chúa trời dành cho người dân Athen, được gửi đến để mở rộng tầm mắt đối với những khiếm khuyết của họ, để họ có thể sửa chữa những khiếm khuyết đó. Phương pháp của Socrates là: gặp những người tự cho mình là thông minh, Socrates sẽ, như Plato nói, "đến với sự giúp đỡ của chúa trời và chỉ cho người đàn ông đó thấy rằng ông ta không phải là người thông minh". (23c) ông sẽ đặt vấn đề với người đàn ông đó về niềm tin của ông ta và những khẳng định, buộc ông ta nhận thấy rằng những ý kiến của ông ta đầy mâu thuẫn. Socrates cảm thấy rằng nếu mọi người nhận thức được sự ngu dốt của họ, họ sẽ bắt đầu đi tìm kiếm sự thật; trong suy nghĩ của Socrates, những người chối bỏ sự ngu dốt của mình không thể suy nghĩ và hành động giống như chúa mong muốn ở họ. Tuy nhiên Socrates liên tục thách thức cộng đồng người Athen và khiến cho những công dân của họ lên án cả nhà triết học và triết lý của ông.

Tuy nhiên khó khăn không đặt lên Socrates nhiều bằng bản thân những người dân Athen. Ở mức độ cá nhân, một người dân Athen có thể cảm thấy xấu hổ và bẽ mặt khi Socrates đặt ra vấn đề làm phơi bày những khiếm khuyết và mâu thuẫn trong khả năng của họ để suy nghĩ một cách khôn ngoan. Những vấn đề của ông làm cho những người nói chuyện với ông nhận thấy một cách khó chịu về sự ngu dốt của họ, cũng như trở nên ngớ ngẩn, thường là trước mặt những người khác. Hãy lấy ví dụ về phản ứng của ông đối với các quan tòa về việc họ cáo buộc ông là nghịch đạo và ngạo mạn đối với chúa: "có thể rằng chúa trời thông thái... và khi ông nói về người đàn ông này, Socrates, ông đang sử dụng tên của tôi như là một ví dụ như thể ông đã nói: 'người đàn ông này trong số các bạn, những con người, là thông thái nhất, giống như Socrates, ông hiểu được trí khôn của ông là vô giá trị'". (23b). ở đây đã nhẹ nhàng phá bỏ những cơ sở của những giả định của người dân Athen là Socrates nghĩ bản thân ông ta đứng trên cả chúa trời; ngay lúc đó ông đã cho thấy mình là một con người cực kỳ sùng đạo (đạo đức giả). Thái độ như vậy chỉ làm các quan tòa cảm thấy ngu ngốc, do đó họ, giống như Euthyphro trong cuộc đối thoại của Plato, chờ đợi một sự trốn thoát khỏi những điều sỉ nhục.

Ở mức độ lớn hơn, Socrates đã thách thức cấu trúc xã hội Athen, chỉ ra những khiếm khuyết mà những công dân của thành phố đã không nhìn thấy. Những người Athen nhanh chóng muốn tống khứ con người đã phơi bày những thất bại cá nhân của họ và phá vỡ những chuẩn mực xã hội đã được thiết lập. Để vấn đề xấu hơn, Socrates đã chỉ ra những vấn đề mà không kèm theo giải pháp. Nếu ông đề nghị một sự thay thế, mọi người sẽ thấy rằng những điều mà ông chỉ bảo sẽ dễ nuốt hơn, hoặc ít nhất họ tìm thấy những lý do chắc

chấn để đưa ông ra toà. Socrates chỉ nói đến những người Athen biết nhận thức để họ nhận ra những sai lầm của mình để mà sửa chữa. Socrates đã so sánh những người dân Athen như những con ngựa đang mê ngủ và có thể bị đánh thức dậy và hoạt động bởi những sinh vật nhỏ bé có vòi đâm. Những người dân Athen có thể khó chịu bởi những sinh vật này, Socrates, và bị đánh chết.

Bốn đoạn văn đã nêu ra và phát triển hai luận điểm: đầu tiên là Socrates là một người tôn thờ những luật lệ của chúa trời, và thứ hai là người dân Athen cho rằng những triết lý của ông và cách mà ông bày tỏ những triết lý đó đe dọa họ về phương diện cá nhân và văn hoá. Đến đây người viết bắt đầu đạt được sự chứng minh trong kết luận của mình trong đó người viết trình bày những luận điểm bác bỏ lại ý kiến cho rằng Socrates đơn thuần bị kết tội chết vì ông bị phán xử là một tội phạm.

Tuy nhiên, đoạn văn này sẽ phải tiếp tục nếu nó muốn làm rõ một luận cứ khác làm cơ sở cho luận điểm của nó: rằng những người dân Athen không nhìn thấy những khiếm khuyết của họ trong quá trình suy luận cũng như những khiếm khuyết trong văn hoá Athen. Những nhận định đó không thể được chứng minh vượt ngoài sự ngờ vực. Với ý đó, người viết trình bày một đoạn văn truyền thống thuyết phục sự chấp nhận của chúng ta về sự thật bản chất con người, và đưa ra 2 điều tương tự để chứng minh cho sự thật đó:

Sự miễn cưỡng tìm kiếm một sự cải thiện trong bản thân và xã hội có phải là đặc tính của riêng người dân Athen không, hay là nó còn mang một nghĩa rộng hơn? Để trả lời câu hỏi này chúng ta phải xác định xem những tính được phô bày bởi những người cùng thời với Socrates là khác biệt với xã hội của họ, hay đó là những đặc điểm vĩnh viễn.

Chúng ta có thể giải quyết vấn đề này bằng cách trước hết xác nhận rằng giống như những người Athen hầu hết mọi người đều không thích chứng kiến sự thiếu sót và yếu kém của mình. Ví dụ như người say rượu. Người ta thường nói rằng bước lớn nhất để làm thức tỉnh người nghiện rượu là làm cho người bệnh thừa nhận vấn đề của họ và tìm kiếm sự giúp đỡ. Bước này được xem là quan trọng nhất bởi vì lý do sau: những người có vấn đề về uống rượu không có khả năng thừa nhận hoặc là thậm chí nhận ra là họ không thể kiểm soát việc uống rượu của họ. Họ khẳng định rằng có thể ngừng uống rượu bất cứ lúc nào. Họ không muốn đối mặt với vấn đề, thậm chí ngay cả khi họ biết rằng việc nghiện rượu có thể phá bỏ sự nghiệp, hôn nhân và gia đình. Nói tóm lại, họ sống một cuộc sống tự lừa dối bản thân. Mặc dù họ có thể biết cách nhận thức được tình trạng của họ, nhưng họ đã không làm được như vậy.

Người ta thường cho rằng con người thường không muốn niềm tin của họ được đem ra tranh cãi. Như ngôi nhà được xây dựng trên nền móng, họ xây dựng cuộc sống của mình trên cơ sở những niềm tin, và nếu móng của ngôi nhà bị lung lay, ngôi nhà có thể bị đổ. Mặc dù mọi người thích thú với một số thay đổi, nhưng họ lại sợ những sự thay đổi đòi hỏi sự điều chỉnh lại hoàn toàn cuộc sống và cách suy nghĩ của họ. Việc đề nghị những điều như thế dường như đe dọa, thậm chí làm mất phẩm giá cá nhân.

Những người mà gieo rắc sự ngờ vực vào đầu người khác về sự công bằng trong những giả thuyết của họ, đặc biệt là người... chắc chắn bị coi là kẻ thù bất kể là xã hội mà họ đang sống là xã hội nào. Dường như Socrates đã bị loại bỏ bởi cộng đồng của ông bất kể là ông được sinh ra lúc nào và ở đâu. Mọi người sẽ bức tức khi ông có gắng giúp họ tự cải tạo cho dù là họ sống ở Athen, 399 tcn., hoặc sống ở thành phố New York năm 1993.

Bạn đã thấy rằng phần thân bài của bài luận này được cấu thành hai phần: phần đầu tiên là giải thích lại niềm tin của Socrates và những hành động và phản ứng của người dân Athen đối với những hành động đó, trong khi đó phần hai là sự giải thích khéo léo, mặc dù có tính tranh luận, về động cơ của con người và những ứng xử. Phần thân bài, trình bày điều chủ chốt của một lập luận, điều đó luôn luôn đúng. *Cấu trúc của nó có thể thay đổi, nhưng nó luôn được trình bày cẩn thận từng luận cứ một để chứng minh cho luận đề đã đưa ra ở phần đầu tiên của bài luận.* Bên cạnh đó, phần thân bài còn là mối quan tâm đặc biệt của người viết, đó là cách người viết trình bày một cách rõ ràng sự giải thích của mình về động cơ của Socrates và hành động của người dân Athen.

Phần kết

Phần kết của một bài luận đóng vai trò là sự tóm tắt lại kết luận và những luận cứ đã

được trình bày trong phần mở đầu và phần thân bài; sự tổng kết đan cấu các luận điểm mà tác giả đã trình bày theo trình tự. Ví dụ, bài luận văn của sinh viên này nói lại hai phần của thân bài mà cô ta đã trình bày để làm sáng tỏ luận điểm và cô ta muốn trình bày, khi đã giới thiệu trong định đề:

Vậy tại sao Socrates lại bị kết tội? Bản kết tội đã tuyên chưa hẳn đã giải thích được tại sao ông lại bị chết. Bản kết tội này chẳng qua chỉ là những tập tục mà những kẻ chống đối ông xây dựng một lập luận pháp lý để chống lại những hoạt động của ông và đưa ông ra toà. Socrates không phải chết vì ông là một người vô thần hay là người đã đầu độc tâm hồn của những người trẻ tuổi, mà ông chết bởi vì những sự cáo buộc không được nói ra. Những sự cáo buộc này như đã được nói ở trên gồm có hai phần. Đầu tiên, Socrates đã phơi bày sự dốt nát và yếu đuối của những con người ở Athen, và điều đó làm phát sinh sự bức tức ở họ. Thứ hai, việc đặt vấn đề một cách nghiêm túc của ông cuối cùng sẽ dẫn đến sự đe dọa an ninh của xã hội Athen, điều này khiến cả cộng đồng Athen tấn công ông. Ông đã bị giết bởi xã hội mà ông đã tìm kiếm để cải tạo, bởi vì các công dân trong xã hội đó từ chối việc cho rằng họ cần được cải tạo. Người dân Athen không chào đón những người như Socrates, và dường như là bất cứ người nào hoặc cộng đồng nào xem những lời phê bình như là sự đe dọa cũng sẽ có những xử sự như vậy.

Phần kết luận hiệu quả và cân trọng này đã tổng kết những luận cứ để chứng minh kết luận đó. Do đó có thể nói rằng **phần kết không chỉ đơn thuần nhắc lại những điểm chính yếu đã được nêu ra; phần kết còn phải là một nỗ lực sau cùng nhằm thuyết phục người đọc về luận đề**, và dựa trên những luận cứ đã được trình bày trong phần thân bài nhằm giúp người đọc hiểu rõ được lập luận của người viết. Giờ đây, bạn đã xem xét qua về cấu trúc của một bài luận, hẳn là bạn đã có một số ý tưởng về cấu trúc bài luận, bởi vì cách mà bạn tổ chức ý tưởng của mình sẽ giúp bạn định hình ý tưởng của mình. Nếu bạn giải quyết nhiệm vụ viết lách của mình với những hiểu biết về thuật viết lách, bạn sẽ làm việc, và bạn sẽ thấy lập luận của bạn sẽ được xây dựng một cách dễ dàng hơn khi bạn không có một ý niệm nào về hình thức bạn muốn sử dụng.

2. Xây Dựng Một Bài Luận

Cả các sinh viên và những người viết chuyên nghiệp đôi khi kháng cự lại sự chần chừ, vì những nỗ lực yêu cầu viết đúng chính tả, suy luận hợp lý, và bài luận có tính thuyết phục có thể gây ra chần chừ.

Tuy nhiên nếu bạn tự hỏi bản thân một số câu hỏi và tuân theo một vài quy tắc đơn giản, bạn sẽ thấy rằng nhiệm vụ viết một bài luận có thể dễ dàng hơn rất nhiều.

Tìm kiếm chủ đề

Có thể là nhiệm vụ viết một bài luận yêu cầu bạn sẽ tập trung vào một số chủ đề nhất định về điều mà bạn sẽ viết, trong đó giáo viên của bạn có thể yêu cầu bạn đọc một số quyển sách hoặc nghĩ về một vài ý tưởng cụ thể bạn thu nhận được ở lớp học. Khi bạn bắt đầu xem xét những chủ đề có thể, hãy luôn nhớ rằng một bài luận là một sự lập luận được chuẩn bị và viết cẩn thận. Điều này có nghĩa là trong bài luận bạn sẽ cố thuyết phục người đọc rằng một số quan điểm về chủ đề nhất định là đáng tin cậy. Cho dù là bạn viết về việc cắt giảm vũ khí hạt nhân hay kiểu dày dạn dành cho những người cao lớn, bạn sẽ cần xác định chủ đề để có thể đạt đến một chủ đề có thể tranh luận được. Chương đầu tiên sẽ bàn về một số yếu tố để có một lập luận thuyết phục, tuy nhiên những đề xuất sau đây có thể giúp bạn xác định một chủ đề.

Một chủ đề có thể tranh luận có thể thuyết phục người đọc về một cái gì đó, làm thay đổi ý nghĩ về một cái gì đó, hoặc khiến người đọc làm một cái gì đó. Ví dụ như bài luận trên mà chúng ta đã xem đã cố gắng làm thay đổi quan điểm của chúng ta về lý do tại sao Socrates bị kết tội chết, và thuyết phục ta có một sự giải thích khác, Socrates bị cộng đồng Athen loại trừ là một điều đúng. Người viết không đơn thuần thuật lại những thông tin về triết lý của Socrates mà còn linh hoạt sử dụng những thông tin đó để chứng minh cho giải thích của mình về lý do ông bị kết tội. Một chủ đề có thể tranh luận sẽ nói về vấn đề mà không có một giải pháp dễ dàng; hoặc đưa ra những câu hỏi mà không hoàn toàn có câu trả lời; một trong

những lý do bạn viết một bài luận là chứng minh khả năng của bạn trong suy nghĩ về một chủ đề, không phải là tổng hợp lại những gì bạn đã đọc hoặc nói trước đó. Một tác giả sẽ chọn một chủ đề sẽ không phải là những gì đã được đề cập một cách đầy đủ trong các cuốn sách khoa học toàn thư; thay vào đó người viết lại nói về cái chết của Socrates khi xem xét cuốn sách "*Lời Thú Tội*" của Plato và một số ví dụ về những nhận định về cách con người phản ứng đối với những sự phê bình.

Một chủ đề có thể tranh luận không nên dựa trên những niềm tin cá nhân. Ở một mức độ nhất định, bất cứ một lập luận nào trình bày ý kiến của tác giả về một chủ đề; thực tế, bài luận sẽ không tồn tại nếu người viết không đưa những kinh nghiệm cá nhân và những quan sát của họ vào trong bài viết. Bên cạnh đó, các bài luận thường đúc kết cách giải quyết một vấn đề, điều đó có nghĩa là chúng dựa trên kinh nghiệm và quan sát nhiều hơn là những phương pháp suy diễn.

Tuy nhiên bài viết của bạn phải tuân theo một số quy tắc suy luận nếu nó muốn đạt được tính thuyết phục. Ví dụ người viết ở trên có một số ý kiến về chủ đề, và phần kết đưa ra một tuyên bố có căn cứ về kết luận đã được nhắc đến: "những người Athen không sẵn sàng đón nhận những người như Socrates, và dường như bất cứ người nào hoặc cộng đồng nào xem những lời phê bình là mối đe dọa cũng sẽ có ứng xử như vậy." Tuy nhiên, người viết quan tâm đến việc quan điểm này dựa trên sự giải thích được minh họa bằng những ví dụ cụ thể và dễ hiểu. Tác giả cũng sử dụng những đoạn viết của Plato là bằng chứng tin cậy cho lập luận của mình, do đó bằng cách tìm ra những bằng chứng nguyên thủy để chứng minh nhận định về sự khiếm khuyết của con người, thay vì pháp luật, đã dẫn đến bản kết tội đối với Socrates. Cuối cùng, ví dụ về người nghiện rượu đưa ra cho người đọc một minh họa cụ thể để củng cố cho nhận định "con người không muốn chứng kiến sự khiếm khuyết và yếu đuối của mình." Bạn có thể thấy, tác giả đã bắt đầu với một "cái bẫy" rằng những ý tưởng là thuyết phục, nhưng việc thuyết phục người đọc có vẻ như ngoài tầm với của họ.

Một chủ đề có thể tranh luận nên đưa ra một lập trường mà những người đọc có thể trong thực tế không đồng ý. Điều này rất quan trọng trong việc xây dựng một bài luận. Nhiệm vụ của bạn khi là người viết không phải là trình bày "sự thật" (truth) với chữ viết hoa, mà đưa ra những sự giải thích (reasons) có thể hỗ trợ cho quan điểm (thesis) của bạn về một vấn đề. Đó là lý do, trong các bài luận của sinh viên, các giáo viên thường đánh dấu hoặc khoanh tròn những đoạn như không có gì cần nghi ngờ cả, điều đó hoàn toàn chắc chắn, một cách đúng để suy nghĩ về tình huống này. Trong phạm vi của một bài luận, bạn không thể đưa ra câu trả lời cuối cùng cho một vấn đề đang tranh luận, rất có thể bạn sẽ mắc những sai lầm đã được nói đến trong cuốn sách này, kết cục của một bài luận sẽ không thuyết phục được một độc giả sáng suốt. Viết một bài luận không có nghĩa là bạn phải chiến đấu với một ý tưởng như là một đấu sĩ, mà bạn đưa ra những lập luận thuyết phục nhất mà bạn có thể có cho một trong nhiều khía cạnh của một chủ đề. Hãy ghi nhớ những điều trên, hãy xem một câu trình bày một chủ đề không có tính tranh luận, sửa chữa lại để nó trở thành có thể tranh luận được.

"Chính phủ có thể bãi bỏ một đạo luật ngăn cấm những công dân giữ súng trong nhà. Bác của tôi đã bị giết bởi vì ông không thể tự bảo vệ mình trước bọn trộm." Lời nói trên dựa quá nhiều vào ý kiến cá nhân, và khẳng khẳng về mối quan hệ nhân quả có thể là không đúng; mặc dù có thể là người bác của tác giả đã bị giết vì ông không có một khẩu súng, hậu quả không nhất thiết phải xuất phát từ thực tế được đưa ra. Sự minh họa như vậy có thể đưa ra một ví dụ có khả năng thuyết phục cho một luận điểm, nhưng cần được mở đầu bằng lời nói khách quan hơn. Hãy xem sự sửa đổi sau:

"Có rất nhiều lý do đúng để bãi bỏ luật kiểm soát súng. Đối với tôi, lý do chủ yếu là những người lương thiện cần được phép tự bảo vệ chính mình. Bác của tôi đã bị giết trên giường ngủ bởi một tên trộm với khẩu súng. Lẽ ra ông ấy đã có thể tự bảo vệ mình nếu ông sở hữu một thứ vũ khí. Theo tôi nghĩ thì, đối với nhiều người việc kiểm soát vũ khí có hại nhiều hơn là bảo vệ những công dân."

Mặc dù ví dụ của người viết vẫn chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân, nhưng bây giờ nó đóng vai trò minh họa cho một nhận định mang tính tổng quát lớn hơn rằng các công dân cần được phép tự bảo vệ chính mình. Bên cạnh đó, người viết chú trọng giải thích rằng

mình đang trình bày một quan điểm và mở ra một vấn đề. Một quan điểm rõ ràng như vậy kích thích mọi người tham gia vào những lập luận, thay vì bắt người đọc phải đồng ý với những gì được viết. Điều này làm lời nói có tính thuyết phục: nếu người đọc cảm thấy bạn đang nói với họ rằng cần nghĩ đến cái gì, thay vì đề xuất một quan điểm mà bạn có một số bằng chứng, chắc chắn họ sẽ kháng cự lại bằng mọi giá.

Cụ thể hoá chủ đề của bạn

Có thể bạn đã sử dụng những kỹ năng như động não, viết tự do, lập danh sách khi bạn bắt đầu tạo ý tưởng cho một bài luận. Những hoạt động như vậy thường được gọi là “trước lúc viết” (prewriting), có nghĩa là đó là một phần trong công việc của bạn trước khi bạn thực sự bắt tay vào viết bản thảo đầu tiên của bài luận. Nếu hiện tại bạn không sử dụng bất cứ một chuẩn mực nào để phát triển chủ đề của bạn, hãy xem xét qua những mô tả ngắn gọn của giai đoạn trước lúc viết. Để giúp bạn tập trung vào chủ đề, những hoạt động trước lúc viết sẽ cung cấp cho bạn thông tin về những luận cứ và những ví dụ bạn sẽ sử dụng để chứng minh cho lập luận của mình.

Quá trình động não

brainstorming

Bạn có thể bắt đầu động não về chủ đề bằng cách thảo luận nhiệm vụ của bạn với giáo viên và bạn bè; ví dụ như đề xuất những ý tưởng, đặt ra các câu hỏi, và quan sát những khía cạnh của vấn đề cần được thảo luận theo quan điểm của bạn. Động não bằng một cái bút là việc ngồi xuống và viết trong khoảng thời gian nhất định, khoảng 20 phút, về chủ đề mà bạn đang suy nghĩ. Bạn viết ra những gì có thể nghĩ; dùng những câu hỏi, liệt kê, phác hoạ sơ qua. Bạn thậm chí có thể dùng những câu rời rạc mặc dù không có ý nghĩa với ai khác ngoài bạn. Khi kết thúc, bạn xem lại toàn bộ những gì mình viết ra để tìm những ý tưởng, các chứng cứ có thể hỗ trợ cho các luận cứ của bạn, và có thể là những điểm trọng tâm để bạn có thể sử dụng như là kết luận.

Viết tự do

Viết tự do cũng tương tự như động não, trừ việc nó yêu cầu bạn viết những câu dứt khoát và hoàn thiện. Một lần nữa, bạn nên viết tất cả những gì bạn có thể nghĩ về chủ đề tiềm năng, nhưng bên cạnh đó, bạn nên viết tất cả những gì bạn có thể nghĩ ra để không làm gián đoạn quá trình viết này. Thông thường, những sự kết hợp ngẫu nhiên có thể giúp bạn tìm ra những luận cứ có thể hỗ trợ cho lập luận của mình. (Một bài luận có lý thường bắt đầu bằng một “cái bước trực giác” về một chủ đề.)

Đặt vấn đề

Một bài luận yêu cầu bạn phải thuyết phục được người đọc về quan điểm của bạn. Những câu hỏi sau đây có thể giúp bạn phân tích và tập trung vào chủ đề, do đó những luận chứng của bạn và kết luận trở nên đáng tin cậy hơn đối với người đọc:

1. Bạn muốn kết luận gì về chủ đề này?
2. Những ví dụ cụ thể nào sẽ hỗ trợ cho kết luận đó?
3. Những nhận định cơ sở nào sẽ hỗ trợ cho những ví dụ đó?
4. Những bằng chứng nào bạn có thể tìm để làm tăng tính thuyết phục trong kết luận của bạn?
5. Những ý kiến phản bác có thể nảy sinh đối với kết luận của bạn?
6. Bằng cách nào bạn nói rõ kết luận của mình?

Xây dựng một luận đề

Nhiều tác giả đã làm việc với những chiến lược đã được nêu ở trên và đạt đến những lời nói mang tính tranh luận, nhưng quá mập mờ để bao gồm trong phạm vi một bài luận ngắn. Một kỹ năng hữu ích để tập trung vào chủ đề liên quan đến một lời nói rất tổng quát và sửa đổi nhiều lần để trở thành một lời phát biểu cụ thể:

Socrates bị buộc tội bởi vì xã hội của ông từ chối thừa nhận rằng ông đã đúng.

1. Socrates bị buộc tội chết bởi vì những người Athen cảm thấy bị đe dọa bởi những điều

mà ông giảng dạy.

2. Socrates bị buộc tội chết không đơn giản là vì ông vi phạm các luật lệ, mà bởi vì người dân Athen thấy rằng niềm tin tôn giáo của ông, cùng với việc ông đặt câu hỏi về sự khôn ngoan của họ, là một mối đe dọa về phương diện cá nhân cũng như văn hoá.

3. Socrates bị buộc tội chết không đơn giản vì ông vi phạm các luật lệ, mà còn bởi vì cộng đồng người Athen cảm thấy việc đe dọa vì nghi ngờ của ông đối với trí khôn và những giá trị của họ. Bạn có thể kết thúc với một câu rất dài mà có vẻ như lan man không dứt về chủ đề của bạn. Đừng nên lo lắng về việc viết những câu đúng vào lúc này; thay vào đó, hãy giải quyết những cái còn mập mờ, những đoạn còn chung chung để tìm ra giới hạn cho chủ đề mà bạn viết.

Xem xét về mặt tu từ

Thông thường những người viết thường bị mắc kẹt trong những quy tắc chi phối một bài luận truyền thống. Họ nghiêm túc tạo ra những luận đề, viết những bài luận với những sự mở đầu, thân bài, phần kết, nhưng không làm cho họ hài lòng khi trình bày những hiểu biết về chủ đề của họ, chủ đề mà họ đã có sự chuẩn bị, và đưa đến cho người đọc. Nhiều sinh viên cứ cho rằng người đọc của họ thực sự là người thầy và đánh dấu bằng bút đỏ; tuy nhiên, thực tế là kết quả lao động của các bạn sẽ được đọc và đánh giá bởi những giáo viên, nhưng người thầy của bạn muốn đọc một bài luận mà bạn viết một cách thích thú. Mục đích chính của các bạn khi viết một bài luận là thu hút sự tham gia của cả người đọc và người viết. John R. Trimble đã đưa ra một số điểm quan trọng khi nghĩ về các độc giả:

“Viết là việc một người có ý định nghiêm túc để giao tiếp với một người khác. Rõ ràng là nó có liên quan đến cả người đọc lẫn người viết, do đó thành công của việc giao tiếp phụ thuộc hoàn toàn vào người đọc đón nhận nó như thế nào. Bởi vì có hơn một người có liên quan, và bởi vì mọi người đều có những cảm nhận, nó cũng có những quy tắc cơ bản giống như trong quan hệ giữa con người với nhau... nếu xa rời điều này, người viết đang nói chuyện với một thực thể khác, cũng giống như tôi đang nói chuyện với các bạn đây, nếu như vậy người giống bạn có thể cách đây hàng nhiều giờ, ngày và thậm chí là nhiều năm.” (*Viết Với Phong Cách: Trao Đổi Về Nghệ Thuật Viết*. Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall, 1975, trang 15)

Trimble tiếp tục nói rằng những yêu cầu khi nói với người đọc là viết một cách rõ ràng và hợp lý, về một chủ đề có thể tranh luận và đã được tập trung. Tuy nhiên ông cũng nói rằng bạn nên xem xét những khía cạnh sau đây của phép tu từ khi viết một bài luận.

1. Diễn đạt suy nghĩ của bạn một cách rõ ràng nhất.
2. Nói về những điểm mà bạn không muốn làm mất thời gian của người đọc.
3. Dự đoán về những câu hỏi của bạn đọc và phản ứng của họ.
4. Trình bày đa dạng và hóm hỉnh để thu hút người đọc.
5. Giao tiếp với người đọc bằng một phong cách truyền cảm, thân thiện và rộng mở thay vì làm ra vẻ ta đây là người quan trọng nhất.

Tóm lại Trimble nói với người viết hãy nói những gì mà họ hàm ý để những điều đó có thể hiểu được. Ý tưởng về việc viết một cách mạch lạc và rõ ràng có vẻ như là một việc dễ dàng, tuy nhiên nó có thể trở nên khó hiểu một cách khủng khiếp khi được pha trộn với những quy tắc chi phối quá trình viết một bài luận mang tính học thuật theo kiểu truyền thống. Những người viết là sinh viên được chỉ bảo viết theo phong cách trang trọng hơn là phong cách bình dân, sử dụng những liên từ lô-gic (tuy nhiên, do đó, bên cạnh đó, một mặt, bởi vì, nói tóm lại), và không bao giờ dùng ngôi thứ nhất số ít. Những quy tắc này không hẳn đã là những lời khuyên tốt. Mặt khác, người viết có thể cảm nhận được ít hơn những gì họ đang nói, và không kiểm soát được tính lô-gic của một bài luận. Ví dụ như bài luận trên đây được viết ra để đáp ứng các yêu cầu của một bài học, tác giả của nó không đưa ra những từ đao to búa lớn để gây ấn tượng với độc giả. Thay vào đó, người viết đã chọn ngôn ngữ của riêng mình để tạo ra một giọng điệu phức tạp nhằm giải thích và thuyết phục:

“Để hiểu được quyết định của người dân Athen, trước tiên chúng ta phải hiểu được những bối cảnh xung quanh vụ án, cũng như làm quen với tính cách và niềm tin của Socrates. Tác phẩm *Lời Thú Tội*... Đưa ra những bằng chứng về những giá trị của Socrates và những phương pháp suy luận của ông.”

Đoạn viết trên cho thấy người viết là một người am hiểu về chủ đề Socrates, nhưng hãy chú ý cách người viết dùng chữ, chúng rõ ràng là để đề nghị người đọc tham gia, thậm dò sự giải thích của mình. Bên cạnh đó, tác giả viện dẫn đến Plato để thể hiện những nỗ lực của mình trong việc kết hợp với những học giả suy nghĩ và viết về Socrates. Cuối cùng, tác giả không sử dụng những từ mang tính "nhồi nhét"; mọi ngôn từ đều phù hợp với những điểm trong bài luận. Khi tác giả dùng cụm từ "để hiểu được" (cũng như từ chúng ta, đây là một cụm từ trang trọng, một dấu hiệu của sự tao nhã) để tạo ra một sự chuyển đổi giữa phần mở đầu và phần thân bài của bài luận và cho phép người đọc đoán biết được tiến trình phân tích.

Độc giả và sự lựa chọn ngôn từ

Trong bài luận của mình "*Sự Trong Sáng Của Tiếng Anh, Giờ Đã Bị Vẩn Đục*" (*Tuần Báo Princeton Alumni*, 26 tháng 9, 1958), Willard Thorp đã đưa ra khái niệm "không tiếng Anh" để mô tả những người viết đã sử dụng thứ ngôn ngữ làm khó hiểu những ý tưởng mà họ cố gắng diễn đạt. Vấn đề là những lựa chọn sai lầm về từ ngữ, sử dụng những cách diễn đạt sáo mòn hoặc nhàm chán, và viết những câu dài dòng và đa ngôn. "Không tiếng Anh" đã nêu ra vấn đề trong khi viết mà bạn có thể sửa chữa; bạn chỉ cần bỏ ra thời gian để xem xét một cách chính xác điều bạn muốn nói ra, và với đối tượng độc giả nào bạn muốn giao tiếp. Nếu bạn nghĩ kỹ lưỡng về ý tưởng và độc giả của mình, thì bạn có thể quen với cấu trúc ba phần của một bài luận và dùng nó để nói với, chứ không phải nói cho người đọc của mình.

Hãy xem hai câu biểu thị vấn đề "không tiếng Anh" và sửa chữa chúng sao cho chúng có thể diễn tả được ý chính một cách đơn giản và mạch lạc.

Socrates, một con người có mối quan tâm lớn giữ trong mình niềm tin mãnh liệt bằng cách cho phép mình có bốn phần trước Chúa. Một số người đã thấy rằng Socrates là một người có nhận thức và đủ tiêu chuẩn để dạy dỗ và áp dụng những hiểu biết của ông đối với mọi người. Về mặt tu từ học, người viết cần đơn giản hoá cách dùng ngôn ngữ để người đọc hiểu được điều gì đang được nói đến (ví dụ như "một con người có mối quan tâm lớn"?). Về mặt lo-gic, hai câu trên dường như không có mối liên hệ với nhau, và cần được sửa chữa lại để chúng kết hợp với nhau diễn đạt ý nghĩ của người viết. Về mặt ngữ pháp, người viết cần chú trọng đặc biệt đến dấu câu. Hãy xem xét các câu sau khi sửa:

Sự tận tụy của Socrates trong công việc của mình đối với người dân Athen được dựa trên niềm tin tôn giáo; thực tế, ông nói về công việc của ông như là trách nhiệm được Chúa trời giao phó; mặc dù hầu hết người Athen lên án những triết lý của ông, một số người thừa nhận rằng ông là một người thầy hiểu biết và tài năng.

Xấp xếp các đoạn văn một cách hiệu quả.

Phần lớn, cấu trúc của những đoạn văn được xấp xếp tốt xoay quanh mọi khía cạnh khi viết đã được nói ở trên. Nếu bạn nghĩ về ý tưởng của mình, động não về những chi tiết, sửa chữa các câu khi chúng đạt đến một sự miêu tả cụ thể, từng luận điểm chi tiết hỗ trợ cho các kết luận của bạn, và nghĩ về hình thức của bài luận, những đoạn văn được viết rõ ràng dường như là cách hợp lý nhất để bạn biểu đạt các ý tưởng của mình. Một số nguyên tắc giúp bạn cấu trúc các đoạn văn của mình:

1. Các đoạn văn kết hợp với nhau một cách tổng thể trong một bài luận, nó như là việc xây dựng một toà nhà mà chúng ta phải dựa trên một luận đề. Ví dụ, đoạn thứ hai của bài luận trên đã bắt đầu bằng một viễn dẫn đến đoạn đầu tiên: "để hiểu được quyết định của người Athen," sau đó đi đến diễn giải những giải thích của mình về các phương pháp và động cơ của Socrates. Nếu bạn xem xét những phần khác của bài luận (hoặc những bài luận được viết tốt khác), bạn sẽ thấy rằng hầu hết các đoạn văn đều viễn dẫn những đoạn văn trước đó và phù hợp với chúng.

2. Các đoạn văn cũng đóng vai trò như là một đơn vị chứa đựng một luận điểm. Sự lùi vào khi bắt đầu một đoạn văn báo hiệu cho người đọc rằng một luận điểm đang được trình bày và sẽ được chứng minh bằng những bằng chứng. Độ dài của một đoạn văn chuẩn (300 đến 500 từ) đủ để xây dựng một ý tưởng. Tuy nhiên độ dài truyền thống này giúp người viết tập trung và bám sát ý tưởng được trình bày trong đoạn văn.

3. Cuối cùng, những đoạn văn có thể được xem là những bài luận thu nhỏ. Mặc dù các đoạn văn trong một bài luận phụ thuộc lẫn nhau và vào luận đề của bài luận, mỗi đoạn văn

đều chứa một ý tưởng chủ đạo, những minh họa, và tổng hợp một điểm hoặc ví dụ được trình bày trong đó. Thậm chí trong các đoạn ban đầu và đoạn chuyển tiếp, chúng đóng vai trò giới thiệu đến người đọc về một ý tưởng hơn là giải thích nó, thường là theo phương thức đi từ tổng quát đến cụ thể. Khi bạn viết các đoạn văn, bạn sẽ thấy rằng duy trì phương thức này sẽ giúp bạn giới thiệu, giải thích và tổng hợp những sự diễn giải của mình.

Hãy xem xét một đoạn văn đứng riêng biệt để hiểu hơn về những yếu tố này. Ví dụ được trích ra từ bài luận của Coretta Scott King, "*Tại Sao Chúng Ta Không Thể Chờ Đợi Hơn*" (Tuần Tin Tức, 1976):

"Lý do đầu tiên là... tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao (giữa những người Mỹ gốc Phi) thì chẳng gì khác ngoài sự dự báo là tương lai nước Mỹ sẽ xấu đi thay vì tiến bộ. Những người lao động tạo ra của cải của nước Mỹ không chỉ là những cá nhân độc lập mà còn là trụ cột mà sức khỏe của toàn bộ cộng đồng của chúng ta dựa vào. Một người với một công việc tử tế sẽ hỗ trợ bố mẹ già của anh ta và sức mạnh bảo đảm ổn định cho những người hàng xóm và thành phố. Những đường phố sạch sẽ và an toàn, những ngôi nhà khang trang, chăm sóc y tế đầy đủ và thậm chí là hoà bình giữa các dân tộc là tất cả những mục tiêu chỉ có thể xuất phát từ công việc ổn định. Nếu không có một công việc tử tế.....có thể làm được cái gì ngoài trừ gây tổn thương đến sự lãnh đạo đối với những vết thương của thất nghiệp. Tương lai của nước Mỹ sẽ không là gì ngoài sự nguy nan. Hiện nay một thế hệ đang lớn lên, có quá nhiều gia đình mà bố mẹ không có việc làm. Sự cam chịu trước tỷ lệ thất nghiệp cao trong năm 1980 sẽ chẳng là cái gì ngoài một sự bảo đảm rằng chúng ta sẽ bước đi trên những con đường bị bẩn, đi qua những người trẻ tuổi đau đớn, những người già với đôi mắt u buồn trong thế kỷ 21. Tỷ lệ thất nghiệp cao sẽ chẳng là gì ngoài sự đầu tư rẻ tiền trong sự suy tàn liên tục."

Nếu chúng ta phân tích đoạn văn này theo những quy tắc ở trên, chúng ta có thể thấy nhiều cách trong đó nó bám sát vào những tiêu chuẩn của một đoạn văn tốt. Trước hết, xây dựng mối quan hệ với đoạn văn trước đó để nó đóng vai trò như là một sự hỗ trợ cho một quan điểm đã được nêu ra, nhưng quan điểm này cần được làm rõ hơn. Tiếp theo, đoạn văn này đi vào chứng minh một kết luận chính: *khi đe dọa đời sống của những cá nhân, thất nghiệp đã đe dọa đến một quốc gia*. Mỗi ví dụ trong đoạn văn đều liên quan đến điểm này, và các ví dụ được trình bày theo một trình tự lo-gic. Đoạn văn cũng chứa đựng một sự mở đầu: "Lý do trước hết...". Mỗi đoạn có những ví dụ cụ thể, và một kết thúc nêu ra kết luận cùng với những lý luận chứng minh: "tỷ lệ thất nghiệp cao sẽ chẳng là gì ngoài sự đầu tư nghèo nàn vào sự suy tàn liên tục." Khi bạn xây dựng một đoạn văn, hãy để ý bạn có thể sửa chữa chúng để chúng phản ánh những quy tắc này không. Sau khi bạn nắm được dạng thức này, bạn có thể biến đổi cấu trúc của mình một chút. Bên cạnh đó, hãy tự hỏi những câu sau đây khi bạn xem xét toàn bộ bản thảo của mình.

1. Đoạn văn có chứa đựng một ý chính không? Và ý chính đó có được diễn đạt rõ ràng và đơn giản hay không?
2. Những thông tin trong đoạn văn đó có hỗ trợ cho ý chính hay không?
3. Có thông tin nào không cần thiết hay không?
4. Có thông tin nào bị bỏ sót?
5. Các đoạn văn có liên kết với nhau hay không? Các liên từ lo-gic có được sử dụng thích hợp hay không: tuy nhiên, mặt khác, bởi vì, bên cạnh đó, ngược lại và lý do trước hết?

Sửa chữa

Khi bạn làm việc với một bài luận, bạn sẽ thấy rằng nhiều hoạt động cần được tập trung vào việc viết lại những gì mà bạn viết cách đây mười lăm phút. Sửa chữa là điều cần thiết trong quá trình viết. Chương 2 của cuốn sách này giải thích rằng ngôn ngữ mang tính quy nạp, tính nhân tạo và cần phải học; và việc viết lách cũng như vậy. Bạn sẽ thường xuyên phải viết ít nhất ba bản nháp về bài luận nếu bạn muốn có một sự thoả mãn về sản phẩm cuối cùng. Bản nháp đầu tiên có thể tập hợp những ý định của bạn một cách lơ mơ; nó có thể không mạch lạc, nhiều từ viết sai hoặc sử dụng sai, và phạm vi của nó quá lớn. Nhưng bản nháp đầu tiên sẽ giúp bạn có được những đoạn văn bản để bạn có thể làm việc; hãy

đọc và tìm xem những đoạn nào có nghĩa và những đoạn nào không, hãy nghĩ về cấu trúc mà bạn sử dụng, sau đó viết bản nháp thứ hai. Bản nháp này cần được một người khác đọc, có thể là bạn bè... Người có thể giúp bạn tìm ra những đoạn văn được tổ chức không đúng, ví dụ không đúng, những chữ viết sai và dùng sai. Bản nháp thứ ba rất có thể là một bản thảo rõ ràng và hợp lý; tuy nhiên bạn vẫn cần phải kiểm tra cẩn thận về các lỗi ngữ pháp. Lựa chọn viết bản nháp bao nhiêu lần là tùy bạn; hãy luôn nhớ, nếu không có sự sửa đổi nhiều lần và liên tục thì hầu như không thể có được một văn bản được viết một cách rõ ràng, thuyết phục.

3. Chú Ý Cuối Cùng: Ngữ Pháp và Cách Sử Dụng

Đoạn chỉ dẫn ngắn này không thể đề xuất một lời khuyên cụ thể về các phần của một bài luận và về các lỗi của cấu trúc quá trình viết. Những sự trải nghiệm mà bạn có thể có trong quá trình viết các bài luận đã cho thấy sự cần thiết của việc viết các câu đúng ngữ pháp. Các giáo viên có thể có đánh giá khác nhau về cách mà bạn trình bày lập luận của mình, nhưng họ luôn muốn nhìn thấy những tiêu chuẩn được tuân thủ về dấu câu, sự hoà hợp giữa động từ-chủ ngữ, đại từ, cấu trúc song song, v.v.... cách hiệu quả nhất để bạn học được và áp dụng những quy tắc viết câu đúng là mua một cuốn giáo trình dành cho các nhà văn và biên tập. Một số được liệt kê dưới đây. Các giáo trình có các ví dụ cụ thể, dễ hiểu về các quy tắc trong khi viết, và thường đưa ra một số bài tập để bạn thực hành. Các tài liệu được nêu ra dưới đây cũng nêu ra vấn đề viết tốt một câu văn, cũng giống như viết tốt một bài luận, bao gồm các vấn đề lo-gic, tu từ cũng như các quy tắc ngữ pháp.

Chương 7

Những Bài Đọc Gợi Ý

Hầu hết những tác phẩm lo-gic học và ngôn ngữ này tương đối dễ nghiên cứu và trở nên phổ biến rộng rãi.

Max Black, ed. *The Importance of Language*. Ithaca, N.Y.: Cornell University Press, 1969. Selected papers on the philosophy of language, edited by a noted American analytic philosopher. (Biên tập viên Max Black, *Tầm Quan Trọng Của Ngôn Ngữ*. Ithaca, N.Y.: Trường Đại Học Cornell ấn bản, 1969. Những bài được chọn lọc dựa trên triết lý của ngôn ngữ, được biên soạn bởi một triết gia phân tích nổi tiếng người Mỹ.)

Lewis Carroll. *Alice's Adventures in Wonderland*. New York: New American Library, 1960. Readers can learn a great deal about the nature of language if they can figure out precisely why Alice and the creatures of Wonderland continually fail to communicate. (Lewis Carroll. *Những Cuộc Phiêu Lưu Của Alice Vào Xứ Sở Thần Tiên*. New York: Tân Thư Viện Hoa Kỳ, 1960. Độc giả có thể nghiên cứu một sự thỏa thuận rất tuyệt về bản chất của ngôn ngữ nếu họ có thể tìm hiểu chính xác tại sao Alice và những sinh vật của xứ sở thần tiên liên tục thất bại trong việc thông tin.)

Edward T. Hall. *The Silent Language*. New York: Doubleday Anchor Book, 1973. An account by an American anthropologist and linguist of how we "talk" to each other without the use of words. (Edward T. Hall. *Ngôn Ngữ Không Lời*. New York: Doubleday Anchor, 1973. Một bản miêu tả của một nhà ngôn ngữ và nhân loại học người Mỹ về vấn đề chúng ta "nói chuyện" với nhau như thế nào nếu không sử dụng ngôn từ.)

C. L. Hamblin. *Sai Lầm*. London: Menthuen, 1972. Một sự giải thích theo niên đại, bắt đầu bằng Aristote, về lịch sử của những lỗi ngụy biện phổ biến. Tác giả là giáo sư triết học của trường Đại Học New South Wales.

S. I. Hayakama. *Ngôn Ngữ Trong Tư Duy và Hành Động*. Tái bản lần 4. New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1978. Một trong những tác phẩm nền tảng về ngữ nghĩa nói chung (liên quan đến cách ngôn ngữ sắp đặt cuộc sống của chúng ta), được viết bởi những người sáng tạo chủ chốt của quy luật đó.

Wilson Bryan Key. *Khai Thác Phương Tiện Truyền Thông Đại Chúng*. Englewood Cliffs, N.J.: Prentice Hall, 1976. Một sự giải thích về phương tiện thông tin đại chúng kích động và lôi kéo chúng ta như thế nào bằng cách lợi dụng sự thích thú, nỗi sợ hãi của chúng ta, và gợi ý chúng ta nên có thói quen mua những gì nó quyết định mời chúng ta. Ý kiến chủ đạo khai thác chủ đề này trong một cuốn sách được xuất bản sớm hơn có tên gọi là *Sự Quyến Rũ Tiềm Thức* (1973) và gần đây hơn là *Clam-Plate Orgy* (1980).

Richard Lanham. *Văn Xuôi Viết Lại*. Tái bản lần 2. New York: MacMillan, 1987. Một hướng dẫn thực hành xuất sắc để viết một cách rõ ràng. Gồm có một cách thức làm giảm bớt "nhân tố đệm" trong phong cách văn xuôi.

Stanley Milgram. *Nghệ Theo Quyền Lực*. New York: Harper & Row, 1974. Dựa trên nghiên cứu được thực hiện tại Trường Đại Học Yale, sự diễn giải về một cuộc thử nghiệm nổi tiếng đã khai thác cái gì về tự nhiên của sự nghe theo quyền lực có thể tạo ra tình huống mà trong đó một người có thể ra lệnh cho người khác làm điều hại, thậm chí tiêu diệt người thứ ba vô tội, và những mệnh lệnh đó được thực hiện một cách vô cảm, dễ quy phục và thường lệ.

David Ogilvy. *Sự Tuyên Bố Của Một Nhà Quảng Cáo*. New York: Dell, 1963. Đây là một cuốn sách đầu tiên dành toàn bộ nội dung để trình bày tất cả những phương pháp thành công được các nhà quảng cáo khai thác nhằm bán sản phẩm của mình. George Orwell. *"Chính trị và Ngôn ngữ Tiếng Anh"*, trong tuyển tập những bài tiểu luận của George Orwell. New York: Doubleday & Co., 1953. Phát hiện những sa sút trong tiêu chuẩn của diễn văn và văn phong hiển nhiên trong văn hóa của chúng ta đến ảnh hưởng nguy hại của một nền chính trị bị hạ thấp. Người ta cho rằng đó sự thay đổi trong những thói quen diễn thuyết của chúng ta là một nghệ thuật chính trị.

Lionel Rubby. *Nghệ Thuật Tạo Cảm Giác*. Tái bản lần 3. Philadelphia: J. B. Lippincott, 1974. Một sự diễn giải thú vị về nghệ thuật suy nghĩ của một nhà giáo về triết học người Mỹ.

Gilbert Ryle. *Những Tình Trạng Khó Xử*. Cambridge, Eng.: Nhà xuất bản University Press, 1960. Những vấn đề tồn tại lâu dài có thể được giải quyết như thế nào bằng cách áp dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ.

Michael Wheeler. *Những Lời Nói Dối, Lời Nói Dối Đáng Nguyên Rủa, và Khoa Học Thống Kê*. Cuốn sách này cho thấy không chỉ sự thích thú mua hàng mà cả những quan điểm chính trị và xã hội của chúng ta cũng có thể - và thường được chế ngự.

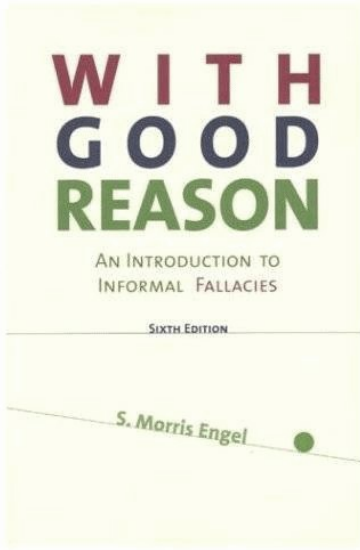
Ludwig Wittgentin. *Những Cuốn Sách Xanh và Nâu*. Tái bản lần 2. New York: Harper & Row, 1969. Một sự giải thích về những tình trạng triết học phức tạp khác nhau có nguồn gốc mơ hồ về ngôn ngữ như thế nào. Tác phẩm được viết bởi người đã thiết lập nên một trong những phong trào triết học đương thời quan trọng nhất, có tên gọi là *Khoa Học Phân Tích*.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :

<https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>



Bìa gốc